

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Duy Chính (II)

Tiểu sử

Hiện ngụ cư tại Santa Ana, California.

Tác phẩm

Việt Thanh chiến dịch - An Nam chiến đồ
Lê Quýnh (1750-1805)



Càn Long

Mục Lục

Trận đánh Kỳ Dậu (II) - 2

Việt Thanh chiến dịch – 15

Tổng số quân Thanh tử trận ở nước ta – 22

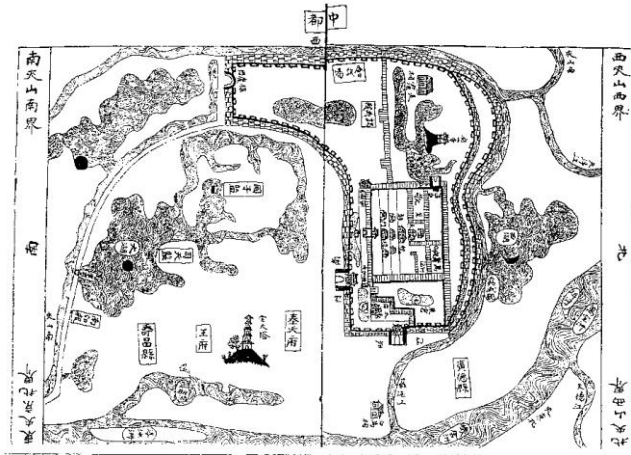
Phụ đính:

Lê Quýnh (1750-1805) - 32

Lê Duy Kỳ (1766-1793) đáng thương hay đáng trách - 99

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Trận đánh Kỷ Dậu (II)



1. CHUẨN BỊ

1.1. Điều động của Thanh triều

1.1.1. Hăm dọa động binh

Trước khi xuất quân, vua Cao Tông sai tổng đốc Vân Nam – Quý Châu theo đường Mông Tự hư trương thanh thế, lại muốn đánh đòn tâm lý nên tung ra một tờ hịch giả vờ để cho Nguyễn Huệ một sinh lộ cốt cho lực lượng Nam binh ngã lòng, dịch ra như sau:

... Bản bộ đường tổng đốc các tỉnh Vân Nam – Quý Châu cùng với tổng đốc Quảng Đông – Quảng Tây họ Tôn đều trông coi hai tỉnh, cùng phụng thánh chỉ đem quân tiêu trừ bọn giặc. Nghĩ đến tổ tiên trần mục các người từ trước đến nay vẫn là bầy tôi họ Lê, nay đến cháu con lại không biết cùng đứng lên, đồng tâm hiệp lực, vì tự tôn ngoài chống xâm lấn, trong sửa sang chính sự, lại đem lòng phản chủ, theo kẻ thù, cam tâm làm điều tà vạy, đến nỗi Nguyễn tặc đuổi chủ làm loạn luân thường, tàn hại dân chúng, sưu cao thuế nặng, làm điều trái nghĩa. Một khi đại quân tập hợp cùng tiêu trừ, bọn chúng lập tức bị tiêu diệt, còn những kẻ hùa theo đảng giặc, ắt sẽ bị (dân) nổi lên chém giết. Chính vì thế, nay ta truyền hịch cho các trần mục các người hãy nghĩ đến đại nghĩa, cùng nhau ra sức một lòng, chiêu tập binh dân, quét sạch nghịch tặc, nghênh đón chủ cũ, không những được tiếng trung với quốc gia, mà cũng còn được đại hoàng đế ân thưởng.

Còn như muối mặt mà chạy theo giặc, quay sang cho Nguyễn tặc dùng, chiếm giữ một vùng, thì bọn trần mục các người quả là vô nhân tâm, không biết gì đến thiên lý. Đại binh tiến lên tiêu trừ, nhanh như sấm chớp, ắt những kẻ đi theo giặc sẽ bị tru diệt trước hết. Hiện nay bản bộ đường đang tập hợp mấy vạn binh mã Vân Nam – Quý Châu, cùng tổng đốc bộ đường họ Tôn của Lương Quảng định kỳ tiến phát. Đợi khi Lương Quảng Tôn tổng đốc cho biết ngày giờ tiến quân rồi, bản bộ đường sẽ tức tốc đốc thúc quan binh hai mặt cùng đánh vào, các người mỗi đứa chiếm cứ một vùng nhỏ bằng viên đạn, liệu chống đỡ được bao lâu, thiên binh tới nơi, ắt thành tro bụi. Còn như trần mục các người biết tình ngộ mà theo đường thuận, danh tiết cũng vẹn toàn, còn như chấp mé theo đường nghịch thì thân mình, gia quyến không bảo vệ được, hoạ phúc đã rõ ràng, hãy tự chọn lấy, ấy là tình thực bảo cho biết điều thay cũ đổi mới, chẳng phải là ta xui các người làm điều phản phúc.

Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ các người vốn là bầy tôi họ Lê, nay dám làm điều phản loạn, đem quân đuổi chủ, dân trong nước không ai là không phản hận, hiện nay Tôn tổng đốc đích thân dẫn đại binh tiêu trừ, lại có trần mục Lạng Sơn là Phan Khải Đức cùng nhân mã bầy châu, thêm xướng dân châu Văn Uyên là Hoàng Liêu Đạt, xã mục châu Thất Tuyền là Nguyễn Trọng Khoa

tất cả kéo nhau đi trước. Binh mã Lương Quảng uy phong cường tráng, liệu bọn Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ yêu ma tiểu xí các người, dám giơ cái càn bọ ngựa chống trả, một khi bắt được rồi ắt sẽ lập tức tru diệt, còn như trốn chạy vào nơi núi rừng, thì dân trong nước cũng sẽ bắt lấy đem hiến cho vua Lê, quốc vương các người trước bị đuổi đi, lẽ nào bây giờ lại dung thứ? Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đường Quảng Tây đã không còn cách nào chạy, tội thật do chính các người gây ra. Nếu như sớm hối lỗi đổi mới, cải tà qui chính, mang thân đến biên cảnh Vân Nam, bản bộ đường âu cũng thay mặt tâu lên đại hoàng đế gia ân đặc biệt, tha cho khỏi chết, cũng như trước đây An Nam di mục các người là Hoàng Công Toán vì đắc tội với Lê vương mà chạy qua, cũng được đại hoàng đế gia ân cho sinh sống nơi nội địa, cho đến nay bảo toàn được bao nhiêu tính mạng.

Nếu như Nguyễn Nhạc biết tức tốc quay đầu, bản bộ đường sẽ tâu lên đại hoàng đế mở cho một đường, tìm cách chiếu liệu. Bản bộ đường ngưỡng vọng đức hiếu sinh của đại hoàng đế như trời nên đặc biệt chỉ đường mê cho người, tìm một sinh lộ mới, hoạ phúc hay không chỉ trong khoảnh khắc, chớ nên chần chừ, hãy vâng theo lời dụ này.^[66]

Người em thứ ba của Lê Duy Kỳ là Lê Duy Chỉ khi nghe tin quân Thanh dự định qua đánh cũng sai Nguyễn Thời Kiệt (阮時傑) sang Trung Hoa trình lên Tôn Sĩ Nghị một tờ bẩm như sau:

Em thứ ba tự tôn của quốc vương nước An Nam là Lan Quận Công Lê Duy Chỉ rạp đầu qui trước tổng đốc đại nhân tâu lên rằng:

Anh của Chỉ này vì đức bạc nên tai vạ xảy ra, nghịch tặc nổi lên khiến hoạ đến quốc gia, tông miếu xã tắc gần như sụp đổ. Vào tháng Một năm ngoái (Đinh Mùi), quân giặc họ Nguyễn tiến vào Lê thành, anh của Chỉ là Duy Kỳ bỏ chạy, Chỉ này còn non trẻ không biết gì, cũng hoảng hốt tránh loạn, may nhờ được các bầy tôi bảo hộ, mẹ của Chỉ và quyến thuộc tị nạn Thái Nguyên.

Ngờ đâu nghịch tặc Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ không nghĩ gì đến ơn của ông Chỉ (tức vua Hiến Tông), quay giáo giết chóc, đuổi theo mẹ Chỉ và quyến thuộc tới tận ngoài ải Đẩu Áo, toan bẻ giết sạch cả nhà. Trong cơn nguy cấp, may nhờ đại ân thiên triều, tế nạn phù nguy, cứu mẹ Chỉ và quyến thuộc hơn sáu mươi nhân mạng về Long Châu bên kia ải, cho cơm ăn áo mặc, lại được chế hiến đại nhân tâu lên hoàng đế đưa về Nam Ninh, sống yên ổn no đủ, trên dưới ai ai cũng được hưởng ơn mưa móc.

(Hoàng đế) lại nghĩ đến ông cha Chỉ này trước nay thờ phụng thiên triều, không nỡ để cho họ Lê tuyệt diệt, nên điều mấy chục vạn quân đóng ở ba cửa ải, giúp cho anh của Chỉ toan tính việc khôi phục, trước tung ra hịch văn cho mọi người rõ, để cho giặc vỡ mặt. Chỉ nay đang tị nạn ở Ba Bồng, nghe được chuyện đó, xúc động đến rơi nước mắt.

Nghĩ đến nước non tổ tông Chỉ này đều do thiên triều ban cho, hơn trăm năm nay được hoà bình cũng là nhờ ơn che chở ấy cả. Nay nhân nghịch khấu tràn vào trong nước, lại chịu ơn cứu thoát ra khỏi nơi nước lửa, khiến cho mẹ con anh em Chỉ này đang nguy trở lại an, đang mất mà lại còn, tất cả đều do hồng ân tái tạo của đại hoàng đế vậy.

Chỉ này hèn mọn quê mùa, lang thang không nhà, chẳng biết làm sao đệ đạt lên thiên triều, chỉ mong đại nhân đem tác lòng cảm kích của mẹ con, anh em Chỉ tâu lên thiên đình, để tỏ tấm lòng báo chủ của thân chó ngựa.

Ngày 26 tháng Năm năm nay [29-6-1788], Chỉ ở xưởng Ba Bồng bị Nguyễn khấu sai thích khách chém mấy nhát, may nhờ xưởng dân cứu hộ, giết được thích khách. Đến nay các vết thương cũng đã lành, đang tập hợp nghĩa dân, hiệu triệu hương dũng để toan tính việc khôi phục Lê thành, ai nấy hăng hái hơn hờ. Nếu anh của Chỉ lấy lại được nước, cốt nhục đoàn viên, đời đời cháu con, sống thì rạp đầu, chết nguyện kết cỏ.

Duy Chỉ hoảng hốt run rẩy, lập cập tâu lên.

Càn Long năm thứ năm mươi ba, ngày 20 tháng Chín [18-10-1788].^[67]

Nguyễn Thời Kiệt (阮時傑) trình bày với quan quân nhà Thanh rằng nước Nam mấy năm qua bị hạn hán, từ mùa thu năm nay lại mưa dầm, đường đi nhiều nơi bị ngập nước. Từ Lạng Sơn

xuống đến Thăng Long phải qua bốn con sông lớn, nước chảy xiết, binh mã khó đi, phải chờ cho đến sau tháng Mười trời tạnh ráo hẵng xuất quân mới thuận tiện. Trong cái thế chủ quan sẵn có tin chắc rằng việc thôn tính nước ta thật dễ, Tôn Sĩ Nghị lập tức tính chuyện chiến thắng nên tâu lên:

... Nghe rằng nước Xiêm La đường biển ngay sát Quảng Nam (tức miền Nam nước ta khi đó nhà Thanh gọi là nước Quảng Nam), đã từng cùng Nguyễn tặc hai bên chém giết nhau, chẳng biết có đúng hay không. Theo hạ kiến của thân, Trịnh Vương^[68] nước Xiêm La thần phục thiên triều, cực kỳ cung thuận, lại là nước mới thành lập, binh lực hẳn là sung túc, việc gì mình phải tốn phí tiền bạc lương thực thu hồi Quảng Nam cho họ Lê làm gì, để gây ra cái vạ về sau. Vậy xin bệ hạ chỉ dụ cho quốc vương Xiêm La, nhân lúc thiên binh tiểu trừ khiến Nguyễn tặc không thể nào quay lại chống đỡ được, ra lệnh cho y đem binh chiếm Quảng Nam rồi đem đất đó giao luôn cho Xiêm La để cho họ thu thuế má, ắt nước đó sẽ từ nay ngoan ngoãn phục tòng ta.^[69]

Thoạt đầu vua Càn Long thấy kế đó có thể thực hiện được nhưng sau đó suy nghĩ lại, thấy không ổn^[70] liền ra lệnh cho Tôn Sĩ Nghị nhờ Xiêm giảng lược bắt giữ Nguyễn Huệ nếu như ông bỏ chạy, họ Tôn bèn gửi một văn thư cho vua Xiêm như sau:

Lưỡng Quảng tổng đốc kiêm Quảng Đông tuần phủ toàn hạt vì hịch mà biết được việc rằng quý quốc vương ở một góc biển, vẫn thường ngưỡng mộ điều nghĩa, nên được đại hoàng đế đãi ngộ hậu hĩ, đặc biệt sách phong nên mới có thể cai trị, vỗ về nhân dân ở nơi đó, mãi mãi được vui vẻ lợi lộc, nên quý quốc vương cực kỳ cảm kích, không biết bao nhiêu cho hết.

Gần đây nhân nước An Nam có nghịch thần là Nguyễn Huệ, đui chúa, chiếm lấy đất đai nên thân tộc họ Lê đã đầu phục qua Trung Quốc. Vì thế bản đồác bộ đường theo lệnh chỉ đích thân thống lĩnh đại binh đến hỏi tội, chẳng khác gì sấm ran gió cuốn, thế như chẻ tre, Nguyễn tặc ắt sẽ bị bắt trong nay mai.

Ta cũng biết rằng tên giặc Nguyễn hùng cứ nơi đất Quảng Nam, vốn đường biển ngay sát với Xiêm La, chạy trốn rất dễ, Nguyễn tặc cũng hẳn biết rằng tội ác khó dung, gặp lúc cùng đường ắt sẽ bỏ chạy để mong lấy chút hơi tàn.

Quý quốc vốn thờ phụng thiên triều, chịu ơn thật nặng, theo lẽ thì phải hết sức ra công, nên vì thế phải phái binh ra, đến duyên hải Quảng Nam để hỗ trợ phòng khi bọn chúng đào tẩu. Nếu như tên giặc Nguyễn đi theo đường biển chạy sang Xiêm La, quý quốc vương hãy tìm cách bắt lấy y, dùng chính pháp mà xử tử như thế thì công lao không biết là nhường nào. Và lại quý quốc cùng Nguyễn tặc đã đánh qua đánh lại, nay Nguyễn tặc tự tìm chỗ diệt vong mà phải chạy thoát thì quốc vương nếu bắt được tên giặc cùng đường này cũng để rửa được mối hờn, lại cũng là cách thiên triều vỗ về ngoại phiên luôn thể. Nước An Nam có nghịch thần thì cũng không khác gì Xiêm La có nghịch thần vậy.

Nguyễn tặc hiếp chúa làm loạn luân thường, có ý soán nghịch, đại hoàng đế vì nghĩ đến tình An Nam thần phục đã lâu, xưa nay rất cung kính thuận tòng, nên mới đặc khiến đại binh sang để khôi phục lại, cốt lấy lại quốc đô cho họ Lê, tuyệt nhiên không có ý dòm ngó đất đai, quả là hết sức nhân nghĩa, vượt quá cổ kim, phàm là thuộc quốc nên nghĩ đến như thế mà thêm cảm kích. Xiêm La đất đai liền với An Nam, trông thấy thiên triều làm những điều đó, thì cũng nên nghĩ đến việc có chung mối thù, lại chẳng là món thưởng lớn hay sao? Nay truyền hịch này đến quốc vương lập tức một mặt phát binh chặn đường, một mặt chờ bản bộ đường xong việc rồi sẽ tâu lên đại hoàng đế, ắt sẽ hết sức khen ngợi là quốc vương vì ngưỡng mộ lòng quyền cố, lại hiểu đại nghĩa nên trợ điều thuận bỏ điều nghịch, hãy nên gắng sức làm theo điều hịch này.^[71]

Theo tài liệu của Trung Hoa, vua Càn Long ra lệnh cho các trấn dọc theo biên giới như Tả Giang, Cao Liêm, Khai Hoá, Lâm Nguyên ... điều động binh mã giữ chặn các nơi hiểm yếu để ngăn chặn quân Tây Sơn thừa dịp tiến sang đánh phá, một mặt hư trương thanh thế để cho Lê Duy Kỳ nếu còn sống nghe được sẽ cùng các toán dân quân nổi lên. Vua Càn Long cũng ra mật lệnh rằng “việc động binh chỉ một mình Tôn Sĩ Nghị biết mà thôi, bên ngoài vẫn làm ra vẻ như không có gì cả, chớ cho các trấn được biết.”^[72]

1.1.2. Đi tìm vua Chiêu Thống

Khi biết rằng Lê Duy Kỳ không có trong đám tòng vong, tình hình trở nên phức tạp. Ngay cả tông thất nhà Lê lưu lạc sang Quảng Tây, cũng không biết Lê Duy Kỳ đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Nhà Thanh cũng phân vân không biết xử trí thế nào cho phải phép vì nếu chỉ ngang nhiên nghe một bề rồi đem quân sang nước ta chưa biết sẽ đi đến đâu và cũng không có chính nghĩa (dù chỉ là giả). Việc đầu tiên Tôn Sĩ Nghị phải làm là tìm ra tung tích vua Lê cho được danh chính ngôn thuận trước khi có thể xin vua Càn Long chấp thuận cho động binh. Các tòng vong nhà Lê cũng nóng ruột muốn vua Lê ra mặt để việc cầu viện nhà Thanh được danh chính ngôn thuận. Khi được đưa về phủ Nam Ninh, sáu người trong nhóm, đứng đầu là Nguyễn Huy Túc lập tức tình nguyện theo đường núi về nước kiếm Lê Duy Kỳ, trước là thông báo tin tức gia quyến đang bình an sống bên Trung Hoa cho nhà vua khỏi khắc khoải, mặt khác giúp vua Chiêu Thống tính chuyện khôi phục để còn đón thân nhân về.

Biên giới nước Tàu giáp với nước ta bao gồm địa phận của ba tỉnh Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông^[73] chỗ nào cũng có quân Tây Sơn trấn giữ, đi một đường e có chuyện bất lợi. Di thần nhà Lê chia thành hai bên, Nguyễn Huy Túc, Hoàng Ích Hiểu, Phạm Đình Quyền ở lại chăm sóc cho vương quyền, những người kia chia thành hai đường, Lê Quỳnh theo đường thủy Quảng Đông, Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Đình Mai^[74] theo đường Vân Nam.

1.2. Nhà Lê chính thức cầu viện

Khi tờ hịch được nhóm phò Lê chuyển tới tay vua Chiêu Thống, ông vội vàng viết một tờ biểu sai Nguyễn Thời Đĩnh đem sang Trung Hoa. Lá thư đầu tiên của Lê Duy Kỳ gửi Tôn Sĩ Nghị còn tàng trữ trong văn khố^[75] dịch ra như sau:

... Kỳ tôi [tức Lê Duy Kỳ tự xưng] vốn còn trẻ tuổi, gặp lúc nhà nhiều tai nạn. Tháng Sáu năm Bính Ngọ (1786), giặc Quảng Nam trong nước là Nguyễn Văn Nhạc lấy danh nghĩa đánh họ Trịnh, sai em là Nguyễn Văn Bình xua quân nhập khẩu, nhân vì ông của thần đang bệnh nặng nên việc phòng ngự lỏng lẻo, phủ thành không giữ được, ông của Kỳ chẳng may lìa đời, y mới hiếp chế, may nhờ lòng người chưa quên, khắp nơi nổi dậy tấn công, y đành phải vợ vét đồ dùng khí dụng, luôn cả quốc ấn đem đi.

Người dân để cho Kỳ tôi nắm quyền chủ nước cho đến tháng Chạp năm Đinh Mùi thì Nguyễn Văn Bình phản lại anh, chiếm lấy thành Thuận Hóa, rồi quay lại cướp bóc. Khi đó nước mới kiến tạo, tài lực hai đàng đều cạn kiệt, không thể bảo vệ cương vực, khiến y tiến thẳng đến kinh thành, rồi xưng thiên hoàng đế, kỷ nguyên Thái Đức, sưu cao thuế nặng, thật là làm than. Dân chúng vì sợ uy lệnh nên đành phải miễn cưỡng tuân theo, Kỳ tôi phải chạy ra ngoài, cùng thần dân tính chuyện khôi phục, nhưng đại thế đã mất, ít không chống được với đồng người, đỡ đồng chạy tây rồi cũng phải tan.

Đến tháng Tư năm nay (Mậu Thân), thân mẫu của Kỳ tôi cùng quyến thuộc đem thân qua quí hạt, mong được đề tấu, may được hai vị đại nhân dung nạp, xem xét rõ sự tình, yết dụ cáo tri đại nghĩa, bản hịch tới tay, Kỳ tôi cùng văn võ quan viên đọc đi đọc lại, thực cảm kích không đâu cho hết, thâm kiến hai vị đại nhân trên thì tỏ lòng nhân đức trời cao, dưới biểu lộ chỗ tình cận kề, thương cho lòng thành của kẻ thế cô bị cướp mất cơ nghiệp, nên tỏ ra thành lời. Người dân trong nước nghe được cũng bị phấn đứng lên, ai nấy tự sắm sửa giáp binh, công phá thành ấp, ngày ngày mong đợi vương sư kéo đến, riêng Kỳ tôi nay chỉ còn chút hơi tàn, không tự mình nổi lên được, lòng chỉ muốn đem thân gửi nơi nội địa (chỉ Trung Quốc), dựa vào oai linh của thiên triều, nhưng vì đường sá gian nan trở ngại, mỗi cử động đều bị dòm ngó, quốc ấn lại luân lạc mất rồi, nên không dám mạo muội ra mặt, e thất lễ của kẻ bấy tôi, nghĩ lại tổ tông của Kỳ này, đời đời ở cõi Nam, luôn giữ phận triều cống, nay không giữ được nước để đến nỗi lang thang hèn hạ, trên thì mất chức phiến phong, dưới thì đắc tội với dân chúng, làm phiền nhiễu cả uy phong khiến cho vương sư mất công từ xa kéo đến, Kỳ tôi thực hết sức hoảng hốt, nay không còn đất để dung thân, chỉ mong thánh đức thể niệm cho nội ngoại ai chẳng là kẻ vương thân, cúi mong hai vị đại nhân nghĩ tình lúc trước mà đề đạt lên cho thiên tử, thương xót cho kẻ công nguy nơi hoang viễn, sinh linh đồ thân, cứu kẻ đang ở nơi nước lửa, trải rộng đức chí

nhân. Cứ trộm nghĩ theo hình thế bản quốc, phía đông, phía nam là biển cả, phương tây phương bắc tiếp giáp nội địa (Trung Quốc), bọn giặc thẳng thế quen mùi trở nên kiêu ngạo, phòng thủ lơ là, trong thành cùng ngoài các đạo cựu binh chưa đầy 6 vạn, quá nửa là quốc dân bị bức bách, không có lòng chiến đấu. Nay truyền cho nghe rằng quân thiên triều đã tới nơi, nếu như không biết hối tội, thì thế ắt sẽ mỗi người dân đều là một người lính, mọi nhà đều là chỗ cung cấp lương ăn, đem tính mạng ra chiến đấu, để thử xem mũi nhọn thế nào, chỉ trong sớm tối hai bề thủy lục cùng tiến, bốn mặt giáp công. Thế bên kia chia rẽ, sức yếu, không cứu ứng được nhau, thần dân bản quốc tình nguyện ứng nghĩa mà xông lên trước, tặc đồ không đánh cũng tan.

Kỳ tôi trốn ở nơi xa xôi hẻo lánh, thực trông mong hết sức, cảm ơn tái tạo của thiên hoàng đế, lại do hai vị đại nhân hết sức giúp đỡ, cũng may nhờ vào ân đức tổ tiên, không uổng công bôn tẩu nên được bề trên chấp thuận, Kỳ tôi cùng các bầy tôi văn võ, nguyện ghi khắc trong lòng, nên hôm nay cung kính dâng thư này.

Ngày 24 tháng Tám, Càn Long năm thứ 53 [23-9-1788]

Lá thư này có lẽ không tới kịp nên sau đó Lê Duy Kỳ lại viết một lá thư khác sẽ dịch ở sau. Theo tài liệu nhà Thanh, phái đoàn Lê Quýnh đi từ Khâm Châu ngày mồng 4 tháng Tám [3-9-1788], theo đường thủy đến được Tứ Kỳ [Hải Dương] gặp Lê Duy Kỳ ngày mồng 8 tháng Chín năm Mậu Thân [6-10-1788].

Trước đó, vào tháng Tám năm Mậu Thân [1788], khi Lê Duy Đản^[76] còn đang ẩn trốn thì vua Lê sai Lan Trì Bá [không rõ tên] cho vời gặp, đồng thời ban cho 4 chữ ngự bút “Tiết Khí Khả Gia” [節氣可嘉] (khí tiết đáng khen). Ông đi cùng một người đầy tớ lợi mưa gió lên gặp vua Lê ở thôn Ngọc Lâu [玉樓, Cẩm Giang [錦江] Hải Dương. Vua Chiêu Thống phong cho Lê Duy Đản tước Hương Phái Bá [香派白] làm chánh sứ để cùng Định Nhạc Bá Trần Danh Án^[77] cảm quốc thư sang Trung Hoa, có Lê Quýnh làm hướng đạo và liên lạc viên.

Theo thời biểu chúng ta thấy rằng khoảng tháng Bảy thì nhà Thanh phát hịch, đầu tháng Tám vua Lê biết tin nên một mặt cho người đi kiếm Lê Duy Đản một mặt viết thư [ngày 24 tháng Tám] cho người đem sang Trung Hoa [lá thư thứ nhất]. Đến mồng 8 tháng Chín [6-10-1788], Lê Quýnh về trình bày mọi việc, vua Lê thấy rằng một lá thư tay gửi Tôn Sĩ Nghị chưa đủ lễ nghi mà phải cử một phái bộ chính thức mang quốc thư sang cầu viện, nhất là không có quốc ấn [tức ấn An Nam quốc vương mà nhà Thanh ban cho họ Lê] nên càng cần những người có vai vế đem đi. Trần Danh Án vốn là cận thần ở cùng với vua Lê lâu nay, còn Lê Duy Đản là đồng tộc, cả hai đều là tiến sĩ xuất thân, nên việc đi sứ cũng đồng thời đem tin nhà coi như bảo đảm rằng đây là người của vua Lê gửi sang thật.

Ngày 15 tháng Chín [13-10-1788] năm đó, hai sứ thần mang lá thư [thứ hai] của vua Chiêu Thống lên đường sang Trung Hoa. Lá thư đó dịch ra như sau:^[78]

Tự tôn nước An Nam là Lê Duy Kỳ kính cẩn trình lên trước đài của bộ đường đại nhân thiên triều Thái Tử Thái Bảo Binh Bộ Thượng Thư kiêm Đô Sát Viện Hữu Đô Ngự Sử thế tập Nhất Đẳng Khinh Xa Đô Uỳ tổng đốc Quảng Đông, Quảng Tây kiêm lo việc lương lương, phục vụ đại hoàng đế đường bay rong ruổi, thành công đặc lực của bậc đế vương, lòng nhân rộng rãi, lượng rộng như trời đất cha mẹ, uy quyền thêm đầy đủ, đức không bến bờ: Nhà Kỳ tôi tổ tông lâu đời làm chủ đất nước, võ về chặn đất nhân dân, chẳng may mất nghiệp, bản thân mình phải trốn lánh nơi sơn cùng thủy tận, người thân phải tìm đường sống nơi đất thiên triều, hơn sáu mươi người già trẻ được giúp cho nơi ăn chốn ở. Đại hoàng đế trước nay thương xót đến cả những kẻ xa xôi, cả những kẻ chưa từng thân phục, nay giương cao tinh Việt, điều động mấy chục vạn quân tinh nhuệ, tụ tập chiến thuyền, chuyển vận vôi lộ ức vạn thiên tiền gạo, điểm binh lữ, vừa thuận thiên thời, lại lo đến Kỳ tôi đang lúc nguy cơ nên sai bồi thần về kiếm tung tích, ơn bao la ắt phải ghi khắc trong tim, lại mang theo bằng chứng của mẫu thân về nước, nghĩ đến sự lo toan của thánh thượng mà rơi lệ, thấy bề trên không gì không nghĩ tới, biết rằng ngày giờ khôi phục đã đến nơi.

Bọn Nguyễn tặc ngu xuẩn kia chưa biết hối tội, đem hai trăm năm của bản quốc, vốn vẹn cơ nghiệp Động Hải, Phú Xuân, dăm sáu vạn quân man mọi, khoe vài cái thành con, mỗi nơi mai phục vài tên thảo mãng, dàn trận voi ở bờ sông, ngây ngô học đòi kháng cự binh thiên triều. Thế nhưng bọn ngựa làm sao chống nổi xe, chim sẽ biết đâu lưới đã giăng tứ phía, chồn cáo không qua, bậc thánh nhân một khi nổi giận, ngọc đá đều tan, trải đại nghĩa khắp thiên hạ, giữ mỗi giềng cho thuộc quốc. Kỳ may mắn còn chút hơi tàn, ẩn nơi lều cỏ, mong thánh đức ban xuống để cho mắt rồi lại còn, đứt rồi lại nối, đợi khi binh thiên triều nhập cảnh, nguyện đích thân bầu nước giở cơm, dù có tan thân nát thịt cũng không đủ báo đáp cái ơn tái tạo của thiên triều. Vì quốc ấn đã bị thất lạc, không dám trình lên thiên tử, cung kính mong đại nhân thay mặt chuyển tấu, khấu tạ hoàng ân, Kỳ không khởi xúc động, run lấy bấy, kính cẩn trình lên.
Ngày 15 tháng Chín, năm Càn Long thứ 53,[13-10-1788]

Khi chuyển lên ngoài tờ biểu của Lê Duy Kỳ, chính tay Lê Quỳnh lại cũng viết thêm một tấu thư khác, dịch ra như sau:^[79]

Từ khi An Nam lập quốc đến nay thì chỉ có họ Lê được nước một cách chính đáng, ân huệ đủ để lòng người hướng về, lễ nghĩa đủ cho sĩ phu đi theo. Tuy ở giữa thời có họ Mạc tiếm vị hơn sáu mươi năm nhưng lòng người vẫn mến cũ không đổi. Sau đó lại trung hưng hơn hai trăm năm qua, có họ Trịnh phụ chính, là bấy tôi nắm quyền đời họ sang đời kia. Vua nước tôi tuy làm chủ một nước nhưng phương nam thì có họ Nguyễn phụ chính trông coi đất đai, còn phương bắc thì họ Trịnh phụ chính, nắm giữ binh quyền cho đến tận ngày nay. Cả họ Trịnh lẫn họ Nguyễn đều bị Nguyễn Nhạc đánh đuổi, khi đó lòng người nghĩ rằng y muốn trừ nạn cho nước nên không ai chống lại. Đến khi tâm tích của giặc Nguyễn lộ ra, hết sức hung bạo. Đầu tiên là cách đây một kỷ, Nguyễn tặc tự đặt niên hiệu là Thái Đức. Nay y định chiếm nước phàm thượng thì cày bừa cũng thành gươm giáo, vì chúng họ Lê ân thâm đến người, ấy là vì nhân nên đạo nghĩa dân quay về, giặc Nguyễn tuy mạnh nhưng không thể cưỡng bức người ta theo được. Nếu được thiên triều vì lòng nuôi kẻ nhỏ mà ngó xuống, giúp kẻ khốn cùng, đem binh đến sát với biên cảnh thì có thể thanh viên cho hạ quốc, dân trong nước nghe tin này ắt sẽ nổi lên chống lại, chẳng phải phiên binh lực thiên triều trợ giúp mà lập tức đầu Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ sẽ đến ngay.

Qua bản văn trên chúng ta thấy nguyên thủy nhóm Lê Quỳnh, Nguyễn Huy Túc chỉ chủ trương nhờ nhà Thanh thanh viên để can thiệp nếu không dọa cho quân Tây Sơn rút về Thuận Hóa thì bắt họ trả lại một phần đất ở giáp biên thủy tương tự như trước đây nhà Lê cắt đất Cao Bằng cho họ Mạc. Việc nổi lên chống với Tây Sơn ở Bắc Hà vẫn do lực lượng trong nước đảm trách có lẽ vì cũng ngại rằng một khi quân Thanh sang nước ta, việc đánh đuổi họ còn khó khăn hơn. Trong khi đó vua Chiêu Thống lại muốn nhờ quân Thanh lấy lại toàn bộ miền bắc trả lại cho mình nên mới có việc Lê Quỳnh gửi thêm một lá thư khác cho Tôn Sĩ Nghị mà nội dung không cùng một đường lối với Lê Duy Kỳ.^[80]

2. TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC

2.1. Lực lượng tôn Lê

Những bồi thần nhà Lê khi sang Tàu đều cố gắng trình bày tình hình nước ta một cách lạc quan mà tình hình giao tranh giữa các cựu thần và quân Tây Sơn xen kẽ như hình da beo. Theo lời thuật của một giáo sĩ trong Hội Truyền Giáo Hải Ngoại thì mấy năm qua đất Bắc Hà chỗ nào cũng loạn lạc nhưng vì mỗi người một ý nên không kết hợp được thành một lực lượng. Vả lại việc nổi lên phần lớn vì “*kiến cơ nhi tác*” [thấy nhân cơ hội mà nổi dậy] chứ không phải vì ghét nhà Tây Sơn hay có dạ hoài Lê. Có nhóm tự xưng con cháu nhà Lý, lại có người tự nhận là con cháu cụ Nguyễn Bình Khiêm mà sấm Trạng có đoán rằng y là chân long thiên tử.^[81] Khi nghe tin quân Thanh sắp sửa sang đánh nước ta, một số cựu thần nhà Lê toan đem quân đánh úp Thăng Long và tấn công quân Tây Sơn nhưng âm mưu bị bại lộ.^[82]

Tự trung, tuy dư đảng của Bắc Hà có mặt ở khắp nơi nhưng chưa hẳn đã đồng tình với quân Thanh và cũng không chịu đặt dưới quyền của Lê Chiêu Thống hay một tôn thất nhà Lê mà phần lớn hoạt động như một sứ quân cát cứ. Tuy nhiên họ cũng cầm chân một số lớn quân Tây Sơn phải đóng ở các địa phương chung quanh thành Thăng Long bảo vệ cho đại quân rút lui. Khi quân Thanh tiến sang, những cánh quân Tây Sơn bị bỏ lại đó, phần thì bị thổ hào phản kích, phần thì bị dân chúng nhân cơ hội nổi lên tiêu diệt hay bắt giao lại cho giặc để lập công. Về vua Lê, Lê Duy Kỳ vốn dĩ có ba anh em [có nơi viết là cùng cha khác mẹ], người lớn nhất là hoàng thái tôn Lê Duy Kỳ [còn có tên là Khiêm, khi lên ngôi lấy niên hiệu Chiêu Thống], kế tiếp là Điền Quận Công Lê Duy Lứu (佃郡公黎維綽), sau nữa là Lạn Quận Công Lê Duy Chỉ (蘭郡公黎維祇).^[83] Trong khi Lê Duy Kỳ đang lẩn trốn, nay chỗ này, mai chỗ khác bên cạnh chỉ có một hai người thân tín thì hai người em khởi binh, Lê Duy Lứu nổi lên ở Tuyên Quang, Hưng Hoá, Lê Duy Chỉ nổi lên ở Thái Nguyên, Kinh Bắc. Khi thành Tuyên Quang bị thất hãm, quân Tây Sơn bắt được Lê Duy Lứu ở Đô Long (都龍) đem về Thăng Long chém đầu. Lê Duy Chỉ chạy lên Ba Phùng (波逢) (hay Ba Bồng) bị thích khách chém trúng đùi nhưng may nhờ dân chúng bảo vệ nên chạy thoát.

Cứ theo sử nước ta, khi tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị và tuần phủ Quảng Tây Tôn Vĩnh Thanh được lệnh của vua Càn Long liền tung ra vài trăm tờ hịch để tuyên bố cho gần xa đều biết.^[84] Tháng Bảy năm Mậu Thân, Càn Long 53 (1788) một viên thổ mục là Lục Văn Minh (陸文明) đem một nghìn người đến nói với quan canh cửa Quảng Tây là Biện Cự Trinh (弁具呈) xin tình nguyện làm tiên phong. Ngày 21 tháng Bảy [22-8-1788], đốc trấn Cao Bằng Chu Văn Uyên (朱文琬) nghe tin quân Thanh kéo sang nước ta, đêm hôm đó đem 300 quân chạy về Thăng Long, đề đốc đồng Nguyễn Viễn Du (阮遠猷) và cai kỵ Chu Đình Lý (朱廷理) ở lại Mục Mã giữ thành. Đến tháng Tám, thổ ti Mục Mã là Bé Nguyễn Luật,^[85] Bé Nguyễn Hào tập hợp mấy trăm lính đến bắt Nguyễn Viễn Du và Chu Đình Lý đem sang nạp cho Tôn Sĩ Nghị lập công.^[86] Bảy châu huyện ở Văn Uyên thấy thanh thế quân Thanh quá lớn nên cũng nguyện ý đầu hàng, lại vẽ địa đồ bảy châu dâng lên, nguyên văn tờ bẩm dịch ra như sau:^[87]

Phiên thân thể tập giữ ải phủ Trường Khánh tỉnh Lạng Sơn là Nguyễn Đình Liễn, châu Văn Uyên là Nguyễn Đình Vượng, Nguyễn Đình Tài, châu Thoát Lãng là Nguyễn Cung Đình, Nguyễn Đình Dung, châu Thất Tuyền là Nguyễn Đình Đình, Nguyễn Đình Điền, Ôn Châu Nguyễn Đình Tạo, Nguyễn Đình Diễm, Văn Lan châu Hà Quốc Bằng, Nông Công Hảo Lộc, Bình châu Vi Phúc Quyền, Hoàng Đình Xán, An Bắc châu Vi Phúc Dao cùng toàn thể nhân dân bảy châu kính bẩm:

Nhân Quảng Nam nổi lên đuổi chúa chiếm lấy nước thật uất ức không chịu nổi, trộm nghĩ chúng tôi ăn lộc quốc dân thì phải nghĩ đến việc báo ơn vua, chẳng may tháng Tư năm nay, lại có bọn cường tặc họ Nguyễn hoành hành ngang dọc đuổi vua rồi chuyên quyền khiến cho mẹ và quyền thuộc chủ chúng tôi phải sang đầu thiên triều, đã được ơn tái tạo lại ban cho chỗ trú thân.

Nhớ đến khi xưa ngày còn Lê chủ, cỏ cây nơi nơi hớn hở, đến nay họ Nguyễn đương triều, vạn dân chỉ tay oán hận, quả là sai lang vô đạo, cướp bóc tài vật làm tổn thương nhân mạng, dân chúng tôi nguy nan trong sớm tối. Nay nghe thiên binh đã đến biên cảnh, chinh tiểu giặc Nguyễn, rập mình mong ơn thương xót, cứu dân ra khỏi nơi nước lửa.

Chúng tôi nguyện thống suất nghĩa dũng bảy châu, ra sức đi trước. Kính cẩn dâng lên toàn đồ địa lý trong khu vực, nếu như Lê chủ phục vị rồi, thực cảm kích đức lớn như trời của đại hoàng đế, rập đầu kính cẩn trình lên.

Càn Long năm thứ 53, ngày 29 tháng Bảy.[30-8-1788]

Tờ hịch được lưu truyền đến các nơi khiến cho tình hình dao động, nhất là các quan nhà Lê làm việc với Tây Sơn vẫn hoài vọng nước cũ. Trấn thủ Lạng Sơn Phan Khải Đức^[88] (潘啓德) khi đọc được hịch tiến quân của Tôn Sĩ Nghị, đã đem cả trấn thành đầu hàng [trên danh nghĩa thì là bỏ Lê Duy Cận quay trở về với Lê Duy Kỳ]. Ngày mùng 1 tháng Tám [31-8-1788] họ Phan gửi lên Tôn Sĩ Nghị tờ bẩm dịch ra sau đây.^[89]

Trần thủ Lạng Sơn nước An Nam là Phan Khải Đức rạp đầu trước ngọc chiếu tôn đài của thiên triều, nhận được hịch dụ, không khỏi sợ hãi, Lê triều bị quyền thần khống chế, người nước nam không ai không nghiêng rặng (cắm hận). Tháng Tám năm Nhâm Dần (1782), bản quốc bị nạn kiêu binh, các tướng tự hại lẫn nhau khiến cho quyền thần Nguyễn Chỉnh đầu hàng Tây Sơn, cầu viện binh lực họ Nguyễn, thẳng đến Thăng Long, phù Lê diệt Trịnh, khoảng giữa Nguyễn Chỉnh có tự trị được một thời gian ngắn, đến khi binh Tây Sơn trở lại tấn công, vua nước tôi bỏ thành mà chạy.

Lúc đó văn thân võ tướng dưới quyền nhà vua, chẳng một ai có chí nói lại nghiệp cũ, phù kẻ suy. Bản chức vốn nhỏ bé nghèo nàn, sinh ở nơi thôn dã, thấy thời thế như vậy, cảm thán nhà Lê bồi dưỡng sĩ phu trên ba trăm qua, không có lấy một người có khả năng lo việc lớn, nên đành mượn thế để mưu tính việc khác, không phải là hùa theo đảng giặc.

Trộm nghĩ việc như hiện nay, dân nước tôi đã khổ vì loạn lạc, lại thiếu người chặn dắt, nếu như thiên triều động binh ắt sẽ giở cơm bầu nước, chỉ tiếc sao không đến cho mau mau, hướng chi tôn đài đã theo lệnh của đại hoàng đế, lòng yêu thiên vương, khôi phục cho nghiệp bá của dòng họ Lê, truyền hịch khắp nơi ắt dù cây cỏ cũng thành binh lính, chỗ hiểm trở nào mà không tiêu diệt, chỗ kiến cố nào mà không tan vỡ, hướng chi là một thằng mọi đen ở đất Tây Sơn? Những kẻ sĩ có chí, thấy cơ hội này nghĩ có thể giải quyết được việc của nước An Nam chẳng mấy chốc mà xong, cho nên đã xin hạ chức nhình đón quốc vương, chuẩn bị binh giáp trong trấn, ắt quốc vương vì việc này mà phục quốc, binh Tây Sơn nghe tiếng mà rút lui, bản chức không mất tiếng trung với họ Lê, không mất tiếng nghĩa với họ Nguyễn, thật quả là ơn đức không khác gì cha mẹ của tôn đài.

Kính bẩm.

Càn Long năm thứ 53, ngày mùng một tháng Tám.[31-8-1788]

Họ Phan đình ninh rằng lòng người vẫn còn lưu luyến chúa cũ, quân Thanh nếu tiến qua dân chúng ắt sẽ “giở cơm bầu nước” (đạn thực hồ tương) chạy ra nghinh đón. Khi đó Tôn Sĩ Nghị đang ở tại Long Châu, Phan Khải Đức xin với viên quan nhà Thanh giữ ải để được qua yết kiến quan tổng đốc. Ngày mùng 6 tháng Tám [5-9-1788] năm đó, họ Phan cùng ba đầu mục và 6 người tùy tùng đi qua Nam Quan. Tôn Sĩ Nghị cho vào gặp nhưng cũng sợ không biết có thực sự là đúng không, e ngại thông ngôn dịch sai nên cầm tờ bẩm lật qua lật lại tra vấn, họ Phan tâu rằng “vốn dĩ là dân nhà Lê làm đường theo họ Nguyễn, nay được đọc tờ hịch của thiên triều, vừa hối hận vừa hổ thẹn nên tình nguyện đón chủ cũ để chuộc tội”.^[90] Ngoài ra, các đầu mục xã Hoa Sơn, châu Thất Tuyền là Nguyễn Trọng Khoa (阮仲科) và Nguyễn Trọng Đặng (阮仲登) cả thầy năm người cũng đến Nam Quan tình nguyện đem 700 dân quân đi theo đánh Nguyễn Huệ.^[91] Nhiều khu vực biên giới cũng chấn động, không ít châu huyện tự nguyện đầu phục quân Thanh.

2.2. Đối phó của Tây Sơn

2.2.1. Khuyến dụ Phan Khải Đức

Nghe tin Thanh triều rục rịch động binh, tổng trấn Thăng Long Ngô Văn Sở sai hiệp trấn Trần Danh Bính (陳名炳) đem quân tấn công Lạng Sơn, họ Trần thấy các nơi chỗ nào cũng trương tờ hịch nên lại theo giặc nốt.^[92] Ngô Văn Sở nghe tin đó liền viết thư đề ngày 11 tháng Chín [9-10-1788] gửi cho Phan [Khải Đức] và Trần [Danh Bính], trách họ manh tâm bội bạc, vong ân phụ nghĩa dịch ra như sau:^[93]

Khâm sai tổng lý mọi việc binh dân là Đại Tư Mã Quận Công thống lãnh đại đô quận công có lời hiểu dụ Tham đốc Đức Nghĩa Hầu Phan Khải Đức và chương kỳ Hoán Nghĩa Hầu Trần Danh Bính được biết:

Thường nghe cái nghĩa của kẻ bày tôi là phải tận trung. Các ông từ khi phàn lãn phụ dục^[94] đến giờ, phụng sự vương thượng chia cơm xẻ áo, ân tình biết là nhường nào, trải qua hàng trăm trận đánh, đi theo xông xáo nơi tên đạn phải bao công lao mới có được ngày hôm nay.

Mới đây các ông được ủy thác nặng nề làm vây cánh, cũng mong hết lòng báo đáp để khỏi phụ tình tri ngộ của vương thượng, cùng nhau hưởng cái vui vẻ tôn vinh, tưởng như gan ruột đá vàng, không thể nào mà lay chuyển được.

Ta nghe đồn rằng quan nội địa gửi mật dụ khuyên các ông qui hàng, các ông lập tức đem thân theo họ, có lẽ nào vong ân phụ nghĩa đến thế sao? Há chẳng nghĩ quốc gia hưng vong cũng do số trời, nếu trời đã cho hưng thì ai mà phé được, còn như trời phé rồi thì ai mà hưng được.

Trước đây quyền bính nhà Lê giao xuống dưới, gian thần họ Trịnh nắm giữ hơn hai trăm năm, có biết đâu trèo cao ngã đau, lại đem quân xâm chiếm một giải Phú Xuân đẩy dân đen vào nơi nước lửa, khiến ai nấy đều chạy theo Tây Sơn.

Vương thượng ta trên thuận theo thiên ý, dưới hợp lòng người, chiến dịch Giáp Ngọ (1774), gió nồm giúp cho, chỉ trong mười ngày thu phục Phú Xuân, tiến thẳng đến thành Thăng Long, vốn chỉ muốn dẹp nạn cứu dân, không phải có bụng lấy nước. Lúc đó họ Lê cũng đã nhường quyền trị nước cho, vương thượng ta mấy lần từ chối, đến khi vua Lê tạ thế lại lập người rồi mới trở về, việc đó các ông chính mắt trông thấy, chứ có phải đâu tham đất của người ru?

Đến khi trở về mới nghe Lê Duy Kỳ là người dâm bạo, tin dùng kẻ gian trá (tức Nguyễn Hữu Chỉnh), giết chú tư thông với em, bên trong ly tán, bên ngoài chống lại, khiến cho đại loạn, dân chúng lại rơi vào chỗ lâm than, chỉ mong có người cứu vớt. Vương thượng ta bắt đắ dĩ phải cất quân trở lại để cứu lấy muôn dân. Ngày vừa đến thành, Lê Duy Kỳ hoảng hốt bỏ chạy, đất nước không còn ai cai trị, quốc dân tất cả cùng suy tôn, mong vương thượng chúng ta trông coi quốc sự, đành phải miễn cưỡng theo lời cầu xin, để cho dân được thỏa lòng, lập tức kể lại ngọn nguồn, viết thành tấu bản, sai người đem lên cửa Nam Quan rập đầu trình lên, hướng về thiên đình (triều đình nhà Thanh), mấy tháng châu chực, việc đó các ông cũng chính mắt thấy rồi.

Nghĩ đi nghĩ lại, vương thượng ta xưa nay làm việc, danh chính ngôn thuận biết chừng nào, nhân chí nghĩa tận biết chừng nào, sợ trời lòng thành cũng biết chừng nào, nếu không phải là trời cho hưng lên thì làm sao được như thế. Thế nhưng công văn bản quốc chưa đệ đạt lên, sự tình trong nước chưa được thiên triều xem xét, quan ngoài biên ải chỉ mới nghe lời một phía, đã toan động binh, các ông giữ chức bảo vệ biên cương, đáng lẽ phải tùy cơ lựa lời, đem mọi việc tình nghi trong nước trình lên, để cho việc nước sớm êm, khỏi gây hấn nơi biên cảnh, có phải là lập được công lớn cho nước nhà hay chẳng? Có sao các ông lại nỡ nhẹ lời, khom mình hướng về phương bắc, không biết suy nghĩ ra thế nào? Hay là các ông cho rằng quan binh của ta không địch nổi binh lực đại quốc nên lo cái kế sách vẹn toàn chẳng? Có biết đâu chuyện thắng phụ của binh gia là do cái lý thắng hay cong chứ đâu phải là do quân nhiều hay ít. Nước ta tuy nhỏ nhưng vẫn dựa vào lẽ trời, từ xưa cũng có lúc hưng lúc phé, cũng là sự thường. Ngày nay vương nghiệp đang lên, ấy cũng là thuận lòng trời vậy. Nội địa tuy có tinh binh trăm vạn nhưng cũng không qua khỏi cái lẽ phé hưng, nếu như muốn xâm lấn nước ta thì lấy cái danh nghĩa gì? Các ông há chẳng thấy vương thượng chúng ta anh võ như thế nào, binh tinh tướng dũng như thế nào, khi mới khởi nghĩa chỉ lựa thừa một nhóm, thế mà Chiêm Thành, Xiêm La đều thua xiểng liểng, hướng hồ hôm nay đã có toàn cõi nước Việt ta, đất rộng dân đông, gáp trăm lần khi trước, nhưng cũng đã sai sứ trình lên một niềm cung thuận. Nước lớn có chinh phạt chi binh thì nước nhỏ cũng có kế sách chống đỡ, các ông việc gì mà phải lo? Còn như Lê Duy Kỳ phạm tội đào vong, chắc đã chết nơi rừng sâu nước độc nào rồi, nếu có sống mà trở về thì cũng có khả năng giữ được nước hay chẳng? Lẽ hưng vong đến đàn bà trẻ con cũng biết, các ông không lẽ không nhận ra được hay sao? Nếu như còn nghĩ đến ơn xưa thì hãy mau quay đầu lại, đem gián văn của ta trước đây trình lên để liệt vị đại nhân chiếu cố, cho người trần tình nơi cửa khuyết, mong được thiên triều hiểu cho nguyên nhân, ắt sẽ bàn thảo xử trí, hai đảng trong ngoài đều ấm êm, chẳng phải đẹp hay sao? Còn như thay lòng đổi dạ, nhất định không chịu quay về, thì cái nợ bội bạc kia, không còn đường nào mà chạy được nữa, cái tội bỏ đi, quan hệ không nhỏ, các ông hãy suy nghĩ cho kỹ, đừng để phải hối hận về sau.

Nay hiểu dụ.

Thái Đức năm thứ 11, ngày mười một tháng Chín.[9-10-1788]

2.2.2. Cựu thần phân trần

Ngô Văn Sở cũng sai cựu quan nhà Lê là Tạ Đình Thực (譔廷植) cùng một số châu mục ở miền Bắc^[95] viết biểu tâu lên Tôn Sĩ Nghị dịch ra như sau:

Ngày 12 tháng Mười năm Càn Long thứ 53 [9-11-1788], (chúng tôi) tiếp nhận được hiểu dụ rằng bản quốc bị thổ mục đất Quảng Nam là Nguyễn Huệ chiếm cứ Lê thành, [vậy nên] thần dân nhà Lê ai ai cũng phải nghĩ đến đức cũ, đồng lòng căm hận, đợi khi thiên binh qua ải tiêu trừ sẽ chia nhau ra để được sử dụng.

Ngưỡng mộ đại nhân có lòng chí nhân thương xót người bị nạn, đỡ đần kẻ đang ngã nghiêng, khảng khái lấy điều họa phúc, danh nghĩa để chỉ bảo những điều mờ tối cho chúng tôi, thực hết sức cảm kích.

Trộm nghĩ Lê vương nước tôi thụ phong, thiên triều nghĩ đến vua nước dưới hơn ba trăm năm đời đời thừa kế, bọn chúng tôi là dân ăn lộc, chịu ơn vua, nay tự tôn một sớm mất cả xã tắc, lưu lạc bôn đảo, hễ ai còn chút khí huyết không thể không chua xót. Thế nhưng bản quốc trước đây sở dĩ đồ nát, mới họa chẳng phải một ngày một buổi. Vua Lê mất hết quyền binh, việc cai trị giao cho họ Trịnh cả, đã mấy đời nay, để cho yếm hoạn lộng quyền, chính trị pháp luật không ai gìn giữ, trong nước sinh ra biến cố, không năm nào không, để đến xảy ra binh đao năm Giáp Ngọ (1774), dân chúng Nam Hà khốn khổ về sưu thuế, đã mỗi một chuyện binh đao, lại xây thành đắp lũy, mười phần thì chết đến bốn năm. Đến khi Trịnh Đổng nắm quyền, loạn lạc lại càng quá lắm, quan tham lại những, binh kiêu dân oán.

Chính vì thế mà anh em thổ mục đất Quảng Nam mới thừa cơ nổi lên, dân chúng cả một dải biển Nam, bấy giờ mới tập hợp lại. Mùa hạ năm Bình Ngọ (1786) (quân Tây Sơn) tiến đến thẳng kinh thành, hai bên giao chiến, phụ chính cũ là Trịnh Đổng bị thua, xuất bôn rồi chết ở lộ Sơn Tây, Nguyễn Huệ vào thành chiêu an, phủ dụ không hề giết một ai, người nào hàng thì tiếp nhận khiến người đi theo càng lúc càng đông. Năm trước quốc vương Duy Đoan già cả bệnh hoạn, Nguyễn Huệ dâng điện phủ tá, dâng lên hộ tịch binh dân, việc xong cuốn giáp trở về nam, người dân trong nước chạy theo không biết bao nhiêu mà kể.

Chẳng bao lâu tiền vương tạ thế, tự tôn Duy Kỳ kế vị, lại ngầm vời phản thần của Nguyễn Huệ là Nguyễn Chính đem quân vào hộ vệ, Nguyễn Chính chuyên quyền trị nước, khiến dân tình không theo, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây, Sơn Nam các nơi, đâu đâu cũng nổi lên làm loạn, binh lửa không ngày nào không. Cố chủ bị Nguyễn Chính mê hoặc, ra tay tru lục không kể gì, người người ngã nghiêng không biết đường nào, ai nấy chạy đến Nguyễn Huệ xin đem binh dẹp loạn Nguyễn Chính, khiến cho Nam binh lại phải trở ra, cố chủ bị Nguyễn Chính ép bức, thua trận bỏ chạy.

Năm nay Nguyễn Huệ vào đô thành, lập con thứ của tiền vương là Duy Cận giám quốc thờ phụng, hơn tháng lại trở về đất cũ. Thần dân nước tôi thấy con cháu vua cũ yếu hèn, không giữ nổi nước nên mời Nguyễn Huệ ở lại chặn dất, dẹp an phần trắc, thật chẳng phải có ý nọ tâm kia, bỏ cũ thay mới, có điều sự thế thay đổi, kẻ yếu không thể tự tồn được, bản quốc vững vàng cũng là nhờ vào Nguyễn Huệ mà yên ổn, mấy lần muốn giữ lại nhưng Nguyễn Huệ bụng dạ khiêm nhường, quả không có ý chiếm thành lấy nước.

Nay nghe đại nhân kể tội, e rằng chỉ là nghe những lời đồn, phần lớn không phải chuyện thực, mẹ và quyền thuộc cố chủ mất nước hoảng hốt, cho nên đổ tội cho người, còn thần dân bản quốc thì bị cái tiếng chạy theo kẻ nghịch nên phải viết thư trình bày, mong việc này được sáng tỏ, sợ danh nghĩa bị hoen ố mà họa phúc cận kề, mong đại nhân đèn trời soi xét thông hiểu được tình cảnh ở xa, đoái thương đến thân phận chúng tôi mà miễn cho tội lỗi.

Phàm tính trời ai chẳng nhớ nguồn gốc, việc mất còn không lẽ không nghĩ đến hay sao? Nay cố chủ đi rồi không nghe tung tích, đại nhân xin đại hoàng đế đem binh tiến thẳng đến Lê thành, sức cho chúng tôi nghênh đón cố chủ về nước, thật không biết một khi (vua Lê) ra đi rồi, phong ba lam chướng, biết đâu mà kiếm. Một khi đã ra quân, nhân dân nơi hòn tên mũi đạn, ắt lòng trắc ẫn của đại nhân chẳng nở nào. Nước chúng tôi từ thuở binh đao đến nay, tài lực đều cạn

kiệt, nay các đạo quan binh mấy chục vạn kéo sang, tư lương chu cấp, ắt là chẳng đủ, thật trong lòng sợ hãi khôn xiết.

Nay xin đại nhân rủ lòng soi xét, tâu lên đại hoàng đế tra xét rõ ràng Nguyễn Huệ hai lần nhập đô ra sao, để cho dân nước tôi được đón mẹ và quyến thuộc cố chủ trở về, (để cho) rõ ràng ngay công, còn nhân mã, lương thảo đã xuất khẩu, bản quốc sẽ liệu đường lo toan, bọn chúng tôi không khỏi kinh hoàng mà bần lên.

Ngày 22 tháng Mười năm Càn Long thứ 53 [19-11-1788].^[96]

2.2.3. Lê tộc biện bạch

Ngoài ra Ngô Văn Sở cũng yêu cầu Lê Duy Cận và một số quan lại nhà Lê trình bày mọi việc để xin nhà Thanh bãi binh. Tờ biểu này tuy có nhiều điểm không hoàn toàn đúng sự thực nhưng cũng cung cấp được một số chi tiết trước đây các sử gia chưa rõ, chẳng hạn tên những hoàng thúc bị Lê Duy Kỳ làm hại, xác định lại một số sự việc và chuyện Lê Hiển Tông nhường đất Nghệ An cho Tây Sơn, mà chúng ta ngỡ rằng chính là đầu dây mối nhợ mà Nguyễn Huệ có ác cảm với Lê Duy Kỳ.

Tờ bảm gửi Tôn Sĩ Nghị đề ngày 22 tháng Mười năm Càn Long thứ 53 [19-11-1788]^[97] dịch ra như sau:

Con ruột của tiền vương nước An Nam Lê Duy Đoan (tức vua Hiển Tông) là Lê Duy Cận cùng các người trong họ cúi đầu bảm trước ánh sáng Lưỡng Quảng Tổng Đốc Bộ Đường đại nhân của thiên triều:

Ngày mồng 10 tháng Mười năm Càn Long thứ 53 [7-11-1788] (chúng tôi) nhận được hịch dụ về nguyên do việc thổ mục đất Quảng Nam Nguyễn Huệ trộm đất đuổi chủ, sự việc liên quan trọng đại, thiên binh (chỉ quân Thanh) kéo sang ảnh hưởng đến sinh linh bản quốc không nhỏ nên đưa con hèn mọn của tiền vương là Duy Cận xin đem mọi việc tình hình trong nước, từ trước tới sau chính mắt trông thấy, chẳng lẽ ngậm miệng không nói, vậy xin trình lên:

Tổ tiên nhà Duy Cận trước nay nhiều đời thờ phụng thiên triều, tuy vẫn kính cần triều cống nhưng thực ra uy phúc không có, hơn hai trăm năm qua quyền hành ở trong tay họ Trịnh phụ chính. Đến khi cha của Duy Cận (tức vua Hiển Tông) tuổi già, người phụ chính trước là Trịnh Đổng (tức Trịnh Tông hay Trịnh Khải) trông coi việc nước, tình hình rối ren, đất nước chia rẽ. Nguyễn Huệ ở biên thùy phía nam xa xôi, được một phương dân hòa, nhân tháng Sáu năm Bính Ngọ (1786) kéo rốc quân ra tiến đến đô thành, giao chiến với họ Trịnh, Trịnh Đổng chiến bại bỏ chạy rồi chết, Nguyễn Huệ liền đem binh dân hộ tịch trong nước giao lại cho thân phụ Duy Cận, một tháng sau trở về nam.

Cha của Duy Cận cắt đất Nghệ An để làm vật khao thưởng công lao, lại đem con gái gả cho. Chẳng bao lâu, thân phụ Duy Cận ngộ bệnh tạ thế, Nguyễn Huệ lại ủng lập tự tôn Duy Kỳ lên nối ngôi. Ngờ đâu Duy Kỳ lại âm mưu dụ dỗ phản thần của Nguyễn Huệ là Nguyễn (Hữu) Chính, đem binh vào bảo vệ. Nguyễn Chính tác oai tác phúc, trong triều ngoài nội đều oán hận, Duy Kỳ nghe lời xúc xiểm, làm chuyện tru lục, đem các chú Lê Duy Lữ, Lê Duy Lân, Lê Duy Hội ba người ném xuống giếng trong cung, Duy Cận và các thân tộc khác lo không tự bảo vệ được, (nên phải) chạy đến dựa vào Nguyễn Huệ cho được yên thân. Đến ngay cả các bầy tôi ở ngoài triều như võ lão tướng Hoàng Phùng Cơ, vì thù riêng mà giết văn lão thần Dương Trọng Tế, ai nấy cảm thấy nguy cơ, cũng vội vàng chạy đến với Nguyễn Huệ mong được sống. Duy Kỳ lại bội ước cắt đất, cùng với Nguyễn Chính tập hợp binh chúng gây rối ở đất Nghệ An, thành thử Nguyễn Huệ phải sai gia tướng đem quân từ Thuận Hóa rong ruổi kéo vào kinh đô, phạt tội Nguyễn Chính. Duy Kỳ bị Nguyễn Chính ép phải xuất môn, Nguyễn Chính thua trận mà chết, Duy Kỳ lưu lạc, không biết ở đâu.

Tháng Ba năm nay, Nguyễn Huệ tiến vào đô thành, chiêu an các quan lại đang tứ tán các nơi, hỏi người trong nước xem con cái vua trước có ai, các quan văn võ cùng người già cả viên mục mới xin Nguyễn Huệ ở lại trị nước không để họ nhà Duy Cận nữa.^[98] Thế nhưng Nguyễn Huệ là người lễ phép khiêm tốn, thấy Duy Cận là máu huyết của tiền vương, trước đây khi huynh trưởng mất sớm (tức thái tử Duy Vĩ, cha của anh em Lê Duy Kỳ), đã từng được tiền vương lập

làm thế tử, nên ủy nhiệm việc giám quốc, tế lễ, lại sợ thế lực yếu ớt, người trong nước không theo, nên để gia thần cầm quân ở lại trấn thủ, còn như binh dân của Duy Cần nhất thiết trả lại cả, rồi đưa quân trở về Thuận Hóa ...

Sau đó chúng tôi đã từng đem tình hình trong nước sai quan ở biên giới tâu lên mọi việc, thế nhưng kẻ viên mục giữ ải cầm ấn trốn đi,^[99] quan thiên triều lại lơ mờ không rõ chuyện, thành ra quốc thư không đến được. Còn như việc mẹ và quyền thuộc của Lê Duy Kỳ đem khổ tình vong quốc khẩn cầu thượng hiến thương xót đưa về nước, dựa vào lòng võ vè kẻ ở xa của đại hoàng đế xuống đến chúng tôi, thượng hiến tuân phụng thánh ý, không đành để cho giòng giống nhà Duy Cần tôi bị tàn lụi, thương xót cả thần dân nên mong cho có đường khôi phục.

Trộm nghĩ Duy Kỳ không giữ nổi xã tắc, đi rồi không biết tung tích ra sao, còn Nguyễn Huệ quả không có ý chiếm đoạt, nay người ta bịa đặt ra rằng cướp nước, xin thượng hiến lấy danh nghĩa bá cáo cho mọi người, lại tâu lên đại hoàng đế để đem mấy chục vạn thủy lục quan binh các tỉnh, định thời hạn đem sang tiêu trừ, lại sức cho thần dân bản quốc các nơi chia nhau ứng phó, những kẻ bất mãn trong nước trong lòng khắp khởi, chỉ vì người trong họ nhà Duy Cần bỏ nước mong lấy lại, gây chuyện can qua nên tâu lên sự việc không rõ ràng khiến thiên triều vì lòng thành mà cực chẳng đã phải điều động đến binh đao.

Trộm nghĩ thân thuộc nhà Duy Cần có lẽ vì hung hăng quá mà đành lòng làm thế chứ bản quốc bốn năm nay đối khổ điều tàn chưa hồi phục, một khi thiên binh nhập quốc, ngoài việc bầu nước giỗ cơm ra đón chắc không thể cung ứng nổi, nhân dân trẻ già lớn bé trốn tránh hết, thật không phải là điều thuận tiện cho thượng hiến tuyên bá lòng nhân ái của hoàng đế đến phương xa, ban bố huệ đức cho dân chúng, vậy xin tra xét rõ ràng việc Nguyễn Huệ nhập quốc rồi lại trở về, cùng nguyên do việc thần dân bản quốc khẩn cầu Nguyễn Huệ ở lại cai trị, để cho Duy Cần cùng văn võ quan viên tiếp lãnh mẹ con, quyền thuộc Duy Kỳ về nước an dưỡng. Còn như Duy Kỳ gây hấn để đến nỗi mất nước, nếu không chết thì cũng lưu lạc nơi đâu không có tin tức gì, mọi chuyện xin vì bản quốc mà đề đạt lên đại hoàng đế để truyền chỉ xử phân, miễn cho thần dân bản quốc cái khổ binh qua, ấy là công đức thương xót, giải nạn của thượng hiến vậy. Duy Cần cùng toàn thể tông tộc vô cùng đội ơn, nay trình lên.

Xin đệ lên thổ vật hai chiếc sừng tê, nặng bảy cân một lượng, một trăm súc lụa. Nay sai tông nhân hai người là Lê Duy Phùng, Lê Duy Trọng cùng ba văn quan theo hầu là Nguyễn Nha, Võ Huy Phác, Trần Bá Lãm, ba viên võ quan theo hầu là Nguyễn Đình Khoan, Nguyễn Đăng Cai, Lê Huy Tán.

Càn Long năm thứ 53, ngày 22 tháng Mười [19-11-1788].^[100]

Xem như thế, khi nghe tin quân Thanh sắp sửa kéo qua, nhà Tây Sơn cũng hết sức nỗ lực dùng đường lối ngoại giao mềm mỏng để yêu cầu đối phương bãi binh.

^[66] Thượng Dụ Đàng, CCBVV. Trang Cát Phát, TTVC (1982) tr. 359-60.

^[67] Quân Cơ Xứ, CCBVV. Tờ bẩm của Lê Duy Chỉ đệ ngày 20 tháng Chín năm Càn Long 53 [18-10-1788]. Trang Cát Phát, TTVC (1982) tr. 361.

^[68] Trịnh Vương nguyên là tên gọi Trịnh Quốc Anh (Taksin), một người Tàu lai làm vua Xiêm La từ 1767 nhưng đến năm 1782 đã bị Chaopraya Chakri lật đổ lên ngôi tức vua Rama I (1782-1809). Theo sử Trung Hoa, khi vua Rama I lên ngôi sai sứ sang Bắc Kinh nói thác là con của Taksin tên là Trịnh Hoa nối ngôi.

^[69] Cung Trung Đàng, CCBVV. Tấu triệp của Tôn Sĩ Nghị, Càn Long năm thứ 53, ngày 26 tháng Chín (1788). Trang Cát Phát, TTVC (1982) tr. 362.

^[70] ... Kế đó là hạ sách, xưa nay cái đạo võ về ngoại vực, bao giờ cũng lấy uy của thiên triều làm trọng, đâu có phải nhờ ngoại vực đem sức hỗ trợ đâu? Vả lại Xiêm La vốn cùng Nguyễn Văn Huệ đánh phá lẫn nhau, nếu như bây giờ bảo họ chiếm lấy Quảng Nam, một mai việc binh định xong xuôi rồi, ắt phải đem Quảng Nam cho không Xiêm La. Cung Trung Đàng, CCBVV. Tấu

triệp của Tôn Sĩ Nghị, Càn Long 53, ngày 1 tháng Một [28-11-1788]. Trang Cát Phát, *TTVC* (1982) tr. 362.

^[71] Thượng Dụ Đáng, CCBVV. Trang Cát Phát, *TTVC* (1982) tr. 362-3.

^[72] *Thanh Cao Tông Thuần Hoàng Đế Thực Lục*, quyển 1308, trang 25, dụ của vua Càn Long đề ngày Canh Ngọ, tháng Bẩy, năm thứ 53 [11-8-1788].

^[73] đời Thanh, Quảng Đông còn một phần tiếp giáp với nước ta (xem bản đồ). Hiện nay chỉ còn hai tỉnh Vân Nam, Quảng Tây mà thôi.

^[74] Bọn Nguyễn Quốc Đống lên đường ngày mồng 10 tháng Tám năm Càn Long 53 [9-9-1788], đem theo vài bảng hịch văn của nhà Thanh. Lương thực, ngựa phu và vật dụng đều được quan nhà Thanh chu cấp. Tôn Vĩnh Thanh lại trích công khổ phủ Nam Ninh 300 lượng bạc, chia cho mỗi người 100 lượng làm lộ phí nhưng không tìm được vua Lê.

^[75] Cung Trung Đáng, CCBVV. Giản văn Lê Duy Kỳ ngày 24 tháng Tám năm Càn Long 53 [23-9-1788]. Trang Cát Phát, *TTVC* (1982) tr. 356-7

^[76] Sinh năm 1743, người làng Hương La, huyện An Phong, tỉnh Bắc Ninh, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (Cảnh Hưng 36, 1775).

^[77] Người xã Bảo Triện, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Đinh Mùi (Chiêu Thống thứ 2, 1787).

^[78] Quân Cơ Xứ, CCBVV. Tờ trình của Lê Duy Kỳ đề ngày 15 tháng Chín năm Càn Long 53 [13-10-1788] Trang Cát Phát, *TTVC* (1982) tr. 352.

^[79] Quân Cơ Xứ, CCBVV. Tờ trình của Lê Quỳnh ngày 15 tháng Chín năm Càn Long 53 [13-10-1788]. Trang Cát Phát, *TTVC* (1982) tr. 353

^[80] Đối chiếu những bài thơ xướng họa của vua Chiêu Thống và nhóm tòng vong ở Yên Kinh thì giọng văn của ông luôn luôn buồn ngùi cảm thán, trái với nhóm bày tôi thường nhiều hào khí khuyên ông kiên nhẫn nằm gai nếm mật để mưu định đường trở về phục quốc.

^[81] Đặng Phương Nghi, “Vài Tài Liệu Mới Lại ...”. *Một Vài Sử Liệu ...* (1992) tr. 191

^[82] Đặng Phương Nghi, “Vài Tài Liệu Mới Lại ...”, *Một Vài Sử Liệu ...* (1992) tr. 195

^[83] Chữ Điền nguyên có bộ ngọc 玉, chữ Lạn cũng có bộ ngọc, chữ Lừu bộ kỳ 礻, có sách dịch là Trừu. Chữ Lừu một bên bộ kỳ (礻), một bên chữ do (由), các sách nhà Thanh như Thánh Vũ Ký, Thanh Đại Thông Sử chép nhầm thành tụ 袖 (bộ y nghĩa là tay áo)

^[84] *CM II*, quyển XLVII (1998), tr. 837-8

^[85] Chữ này viết bộ nhân đứng, Khang Hi từ điển phiên thiết là *lặc một thiết* (勒沒切).

^[86] Tấu thư của Tôn Sĩ Nghị đề ngày 21 tháng Tám năm Càn Long 53 [20-9-1788]. *Thanh Cao Tông Thuần Hoàng Đế thực lục*, quyển 1312, trang 25. Những người này sau được trả lại khi vua Quang Trung trao đổi tù binh ngoại trừ Nguyễn Viễn Du chết vì bệnh trong khi bị giam.

^[87] Quân Cơ Xứ, CCBVV. Nguyên văn tờ bẩm của bảy châu nước An Nam ngày 29 tháng Bẩy năm Càn Long 53 [30-8-1788]. Trang Cát Phát, *TTVC* (1982) tr. 355

^[88] vốn là học trò của Nguyễn Thiếp

^[89] Cung Trung Đáng, CCBVV. Tờ bẩm này bên phải có gắn xi đóng dấu vàng, ghi rõ là “*kèm theo nguyên văn của trấn thủ Lạng Sơn nước An Nam để cho hoàng đế ngự lãm, tra xét quả đúng là di quan nhưng không có đóng dấu, vì chúng con dấu cũ do vua Lê nước nam cấp cho đã bị họ Nguyễn thu mất rồi, nay chỉ có nguy án nên không dám dùng*”. Trang Cát Phát, *TTVC* (1982) tr. 355-6

^[90] Theo tờ trình của Tôn Sĩ Nghị. Trang Cát Phát, *TTVC* (1982) tr. 356

^[91] Trang Cát Phát, *TTVC* (1982) tr. 356

^[92] Trang Cát Phát, *TTVC* (1982) tr. 356-7. Tuy nhiên, theo sử nước ta thì Trần Danh Bính chỉ trá hàng, về sau khi quân Thanh tiến sang, đem binh cự địch bị giặc bắt giết.

^[93] Trang Cát Phát, *TTVC* (1982) tr. 357-9. Cung Trung Đáng, CCBVV. Bài văn này phải kể là một tuyệt tác, không biết do danh nho nào [có lẽ là Ngô Thì Nhậm] nhân danh Đại Tư Mã Ngô Văn Sở soạn ra.

^[94] nghĩa đen vin vào vảy (con rồng), tựa vào cánh (con phượng), tức là phò tá một bậc minh chủ (còn viết là phàn long phụng phượng)

^[95] trong tấu văn không liệt kê nhưng trong sách có ghi là của các quan ở Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Thanh Hoa, Nghệ An, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hưng Hoá, An Quảng ... các nơi. Trang Cát Phát, *TTVC* (1982) tr. 366.

^[96] Nguyên văn từ Quân Cơ Xứ, CCBVV, bản văn của bọn Tạ Đình Thực đề ngày 22 tháng Mười năm Càn Long 53 [19-11-1788]. Trang Cát Phát, *TTVC* (1982) tr. 366-7.

^[97] Tờ bẩm của Lê Duy Cận ngày 22, tháng Mười năm Càn Long 53 [19-11-1788] lưu giữ tại Quân Cơ Xứ, CCBVV. Trang Cát Phát, *TTVC* (1982) tr. 365-6.

^[98] Trong CM, quyển XLVII có chép là “*Văn Huệ sai người lũng hết các bày tôi văn võ, cưỡng ép họ đến cửa cung khuyết để cùng đứng tên vào tờ biểu khuyên mời Văn Huệ lên ngôi vua. Huy Trạc bị bắt đến Ngự sử đài, không chịu ký tên vào tờ biểu ấy, đem đến, uống thuốc độc tự tử. Việc này do đó cũng đình chỉ*”. Như vậy việc này có thể là thật.

^[99] Chỉ trần thủ Lạng Sơn Phan Khải Đức

^[100] Tờ biểu trên đây tuy có thể nhiều phần không đúng sự thật nhưng có một điểm chúng ta có thể cải chính. Trước đây, sử ta đều dựa theo *HLNTC* mà chép rằng khi nghe tin Tôn Sĩ Nghị kéo quân sang, Lê Duy Kỳ theo về đến Thăng Long, lúc đó mới trả ân báo oán, trong đó có việc chặt chân ba hoàng thúc vứt xuống giếng trong cung. Nhưng theo lá thư này, *việc ba người chú Lê Duy Kỳ bị giết xảy ra từ khi mới lên nắm quyền trước khi lưu vong*. Chúng ta cũng biết được tên của ba người hoàng thúc đó là Lê Duy Lữ, Lê Duy Lân, Lê Duy Hội. Theo *HLNTC* thì những người viết lá thư này là Nguyễn Quý Nhạ, Trần Bá Lãm, Vũ Huy Tấn cũng bị hạ ngục khi Lê Duy Kỳ trở về, chỉ có Nguyễn Bá Khoan được miễn vì dốt nát, già cả. Một giáo sĩ trong Hội Truyền Giáo Ba Lê (Société des Missions Étrangère de Paris) cũng nhắc đến một sắc dụ của Nguyễn Huệ trong đó kết tội “*Chiêu Thống đã phạm trọng tội gian dâm và loạn luân ghê tởm với em gái ông và sát nhân vì ông đã cho giết một cách dãman ba người chú ông và một người vợ của Cảnh Hưng, tổ phụ ông ...*” để đưa ra một trọng thưởng cho người nào bắt được Lê Duy Kỳ. Đặng Phương Nghi, “*Vài Tài Liệu Mới Lại ...*” *Một Vài Sử Liệu* (1992) tr. 187

Việt Thanh chiến dịch



Trong các tài liệu cũ, việc miêu tả tổ chức và sinh hoạt quân sự của nhà Thanh không chính xác đưa đến những hư cấu và tưởng tượng. Đến đời Càn Long, quân đội Trung Hoa đã được chính qui hóa và tổ chức rất chặt chẽ, các luật lệ về điều động, thăng thưởng, tiếp vận, trang bị, tử tuất, qui chế sinh hoạt ... đều chi ly phức tạp. Đối chiếu tổ chức chính qui của nhà Thanh với

tổ chức theo kiểu dân quân [militia] nặng phần tự phát của Tây Sơn có những khác biệt một trời một vực không phải trên hình thức mà về hoạt tính của quân đội.

Quân Thanh di chuyển công kênh và lĩnh kính đủ mọi loại quân trang, vật dụng trong khi quân Đàng Trong vì trang bị và sinh hoạt đơn giản, quen với đời sống di động nên có thể đóng quân và nhổ trại rất nhanh. Chính vì quân Thanh vốn dĩ thuộc loại đồn binh [binh đóng quân tại một chỗ để phòng thủ, canh tác sinh hoạt như một tập thể định cư], việc điều binh trở nên phức tạp phù hợp với nhận định của John Keegan là *“chiến tranh nào cũng cần di chuyển nhưng đối với những dân tộc định cư thì chỉ đi một đoạn ngắn cũng gặp nhiều khó khăn”*. [1]

Quân đội của nhà Thanh điều động sang đánh nước ta cũng chỉ gồm Lục Doanh, là quân đội người Hán, khác hẳn với các kỳ binh ở miền bắc và chung quanh hoàng thành. Chúng ta có thể tham khảo những phân tích cụ thể về sức mạnh của Thanh triều tương đối chính xác khi phái đoàn Anh Macartney sang Trung Hoa năm 1793, ngoài công tác ngoại giao còn đưa ra những nghiên cứu nhằm đánh giá sức mạnh của đế quốc Trung Hoa để phác họa một chính sách đối phó. Bên cạnh những số liệu, người Anh còn cất công vẽ hàng trăm bức về cảnh quan, về sinh hoạt thực tế thời đó. Tài liệu của phái bộ Anh có thể giúp chúng ta thấu đáo hơn về đoàn quân sang cứu viện cho vua Lê.

Một điểm cần nhấn mạnh là y phục của họ rất lụng thụng, vương vãi vốn dĩ dùng trong lễ lạc và trình diễn. Áo giáp của binh lính làm bằng da và các mảnh kim loại, bên trong lót bằng nhiều lớp giấy bản trông bề ngoài rất oai vệ, tuy phần nào hộ thân khi chiến đấu và phòng thủ nhưng rất bất lợi khi cần di động nhanh. Miền bắc nước ta trong mùa đông, mưa phùn gió bắc, nhiều hồ ao, đầm chằm nên khi quân Thanh bị sa lầy đều không gượng được. [2] Theo quan sát của nhiều tác giả ngoại quốc đã tìm hiểu thì thực lực của nhà Thanh không hùng mạnh như người ta tưởng. [3]

Dưới mắt người nước ngoài, [4] quân Thanh sang nước ta được miêu tả như *“một đoàn quân vừa yếu vừa quá mê tín dị đoan ... lính Trung Hoa mang theo cả điếu hút, bát đĩa và các hành trang phụ khác, đeo lưng lủng ở thắt lưng họ. Họ vừa là lính vừa là lái buôn bồi bếp ...”* [5] nhưng lại bị *“... những kẻ man rợ từ cao nguyên miền Nam ... trông giống như một toán bệnh nhân ốm yếu hơn là một đoàn chiến binh”* [6] đánh cho thảm bại.

Hai trở ngại lớn của quân Thanh khi điều động ra khỏi biên giới là tổ chức các đài trạm [lán lương thực] và dịch trạm [trạm truyền tin]. Theo qui định của Thanh triều, ngoài việc tính toán cho các trạm này theo khoảng cách để lương thực có thể vận chuyển liên tục tiếp tế cho tiền tuyến – quân đến đâu, lương thực tới đó. Vì tình hình đường sá nước ta khó khăn, Tôn Sĩ Nghị không thể sử dụng các loại phương tiện hữu hiệu hơn như thuyền bè, xe ngựa, trâu bò ... mà hoàn toàn phải dựa vào sức người để mang vác. Nhân phu khi đó chỉ có thể điều động dân chúng sống ở các tỉnh giáp biên giới nhưng Quảng Tây đất rộng người thưa, việc trưng dụng rất khó khăn và chậm chạp, gây phiền toái cho quần chúng. Vùng biên giới lại nhiều bộ lạc, nhiều nhóm thổ dân khác nhau về phong tục, về tiếng nói nên cũng khó đôn đốc, điều hợp. Nhà Thanh cũng tính đến việc sử dụng, thuê mướn dân phu An Nam nhưng lại e ngại việc dò thám hư thực, bất lợi cho quân cơ. Vả lại những năm trước đó, tình hình đói kém, chiến tranh, bên nào cũng bắt lính, mộ phu nên làng xóm tiêu điều, dân chúng thưa thớt nhiều nơi xương trắng còn nằm dọc bên đường, di thể không ai chôn cất.

Nói chung, tuy bề ngoài diêu vũ dương oai nhưng thực ra quân Thanh không có khả năng thực hiện những chiến dịch ngoại biên, điển hình là các lần chinh phạt Miến Điện đều thảm bại. Ngoài ra, khí hậu thất thường, muỗi mòng rần rết, thời tiết phương Nam không hợp nên nếu ở lâu chắc chắn quân Thanh và phu phen của họ sẽ bị những mầm đại dịch. Dịch tả, sốt rét, thương hàn ... là kẻ thù còn nguy hiểm hơn đối phương nhiều. Chính Tôn Sĩ Nghị khi trở về cũng bị phong thấp nặng, phải điều dưỡng lâu ngày, Tôn Vĩnh Thanh thì cũng chết vì bệnh mặc dù chỉ trú đóng tại biên giới mà không qua nước ta.

Về quân ta, đã có nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến ưu điểm và khả năng của Nguyễn Huệ trong chiến thắng Kỷ Dậu.

1. DI ĐỘNG NHANH

Một trong những yếu tố khiến quân Tây Sơn có thể tấn công bất ngờ là việc họ có thể tập trung một binh lực áp đảo về lượng cũng như về phẩm mà địch không tiên liệu được. Không ít sách vở đề cao về ưu điểm làm tướng của Nguyễn Huệ, đó là kỷ luật nghiêm minh.

Lẽ dĩ nhiên, kỷ luật thép là một yếu tố quan trọng khiến binh sĩ chỉ biết tiến chứ không lùi. Trong một mức độ nào đó, kỷ luật và đề nèn rất khó phân biệt. Đối với các nhà nghiên cứu, kỷ luật quân đội chỉ có thật khi đời sống của người lính được bảo đảm mọi mặt, nhất là phần lương thực, trang bị và những nhu cầu cá nhân kể cả bản thân họ và gia đình.

Vào thời kỳ đó, những cánh dân quân tổ chức còn lệ thuộc nhiều vào tương quan “*chủ tướng – thuộc hạ*” không có những doanh trại trú đóng những đại đơn vị thường trực trong tư thế “*nuôi quân ba năm dùng một giờ*”. Theo nhận xét của giáo sĩ de la Bissachère, quân của Nguyễn Huệ đều là dân binh được tuyển mộ gấp rút từ các làng xã dọc theo trục lộ tiến quân, tới đâu bắt lính tới đó và lớn dần theo hiện tượng tuyết lăn.[7]

Trong trận đánh ở Thăng Long, lực lượng chủ yếu của ông là quân bản bộ Ngô Văn Sở đóng tại Tam Điệp cộng thêm số quân “*vết*” được trên đường ra Bắc, đáng kể nhất tại hai xứ Thanh Nghệ. Danh tiếng của Ngô Văn Sở đã vang dội tới tận tai vua Càn Long chứng tỏ công lao không nhỏ trong chiến dịch này.

Thứ hai, quân của ông cũng không tiến theo hàng dọc theo đường thiên lý. Vào thời kỳ đó, đường cái quan dọc theo bờ biển chưa được thiết lập, đường thông từ Bắc vào Nam chủ yếu là đường thủy. Tuy nhiên vì gió bắc, chúng ta không tin rằng ông dùng đường biển để chuyển quân, mà chú trọng vào đường thượng đạo xuyên qua khu vực Bắc Lào (khi đó là một vùng hoang sơn trái độn giữa Xiêm La và Đại Việt) thuận tiện và quen thuộc hơn với đám thân binh người Thượng và voi trận của ông. Con đường đó được sử dụng rất thường xuyên cho tới đầu thế kỷ XIX khi nhà Nguyễn xây dựng con đường cái quan và các dịch trạm từ Nam ra Bắc. Những cánh quân đó được điều động mà điểm tập kết là Nghệ An qua đèo Qui Hợp.

Chúng ta có thể hình dung được cách chuyển quân của ông tương tự như phương pháp “*just-in-time*” trong quản trị, các cánh quân khắp nơi được phối hợp để cùng di chuyển, mỗi đơn vị chỉ nhận một lệnh rất đơn giản là chuyển người đến điểm tập trung vào một hạn kỳ đã định trước. Những đơn vị nhỏ đó không liên lạc với nhau, cũng không biết mình được điều động để làm gì (rất có thể vì ngôn ngữ phức tạp, họ cũng không hiểu được nhau nữa). Để có thể đem đại quân ra Bắc đánh một trận hết sức bất ngờ, Nguyễn Huệ có lẽ chỉ tập hợp bộ tham mưu tại trung quân để ra chỉ thị, khi hành quân chính ông cũng trộn lẫn vào trong số đông, tránh cảnh bị địch dồn sức đánh vào bản doanh chỉ huy đưa đến cảnh rần mất đầu như Chế Bồng Nga thuở trước.

Những việc có tính chất thủ tục như tập hợp đại binh để cưỡi voi truyền hịch chắc không làm rầm rộ như người ta phóng đại sau này. Việc hỏi ý kiến các nho sĩ miền Bắc lại càng không thể làm, vì bí mật quân sự cũng có, vì tình hình thực tế cũng có. Bài hịch hùng hồn của Nguyễn Huệ chép trong Hoàng Lê Nhất Thống Chí nếu không phải là một hư cấu của người kể chuyện thì cũng là một sáng tác sau này để chính danh hoá việc Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc, tô điểm cho chiến dịch sau khi đã thành công. Những tạo dựng như thế không phải là hiếm trong lịch sử.

2. TRANG BỊ NHẸ

Trang bị là một yếu tố quan trọng trong di hành. Quân Tây Sơn vào thời đó bao gồm rất nhiều sắc dân, chủ yếu là các sắc dân thiểu số Đàng Trong với lối ăn mặc hết sức giản dị thường chỉ đóng khổ, đi chân không. Cánh quân người Kinh của ông thì ăn mặc giống như người Chăm ngày nay, quần áo thoải mái, không quân phục mà là quần áo hàng ngày, không cần phải trang

bị hay đồng phục [ngoại trừ những cánh thân binh]. Truyền thống đi chân không của vùng Nam Á trở thành một yếu tố quyết định trong chiến thuật gọi là “*thần tốc*” của vua Quang Trung.[8] Vấn đề quan trọng nhất của quân đội là vũ khí và lương thực thì đã có những kho ông để sẵn, không nhiều nhưng đủ để cho quân của ông ăn từ 5 đến 10 ngày.[9] Để xây dựng một tân đô ở Thanh Nghệ, ông đã tập trung khá nhiều nhân lực, tài lực, vật liệu về vùng này kể cả những kho lương thực để làm hậu cần cho quân đội. Một kinh đô hành chánh không thể không có những huyết mạch kinh tế kèm theo. Đây cũng là một yếu tố cần nghiên cứu về sự thất bại quá dễ dàng của quân Thanh khi họ chỉ chiếm được Thăng Long, một kinh đô “ảo” đã mất hết “*vượng khí*” như lối tin tưởng của người Nam Á nên cần tìm một vùng đất mới để xây dựng trung đô.[10] Những cánh quân di chuyển mang một số lượng lương thực ít ỏi như thế nên họ có thể đi nhanh và chỉ được nghỉ khi đến trạm kế tiếp để lấy thêm lương thực. Việc tự mang lấy lương thực cũng là một cách để gia bội lực lượng chiến đấu, giảm thiểu cơ cấu hậu cần. Trong khi một binh sĩ chiến đấu của quân Thanh cần từ ba [nếu di hành trong khu vực nội địa] đến năm [nếu chiến dịch bên ngoài biên giới] phụ dịch để phục vụ thì mỗi người lính của vua Quang Trung đều tự bảo đảm việc cung cấp cho chính mình, cả lương thực tự mang theo lẫn mưu sinh tự túc. Người nước ngoài khi đến vùng Đông Nam Á đã ghi nhận khung cảnh “*toàn dân vi binh*” từ rất sớm.

Khi tập trung quân ở cứ điểm sau cùng trước khi bôn tập, Nguyễn Huệ đã hẹn ngày vào Thăng Long không phải như một lời tiên tri mà người ta thường ca tụng mà là một kỳ hạn tối hậu cho số lượng lương thực mỗi người có thể mang theo. Với những người dân Thanh Nghệ đang đói ăn, ăn Tết trước và hẹn vào kinh đô chiếm lấy các kho dựn của quân Tàu cũng là một hình thức “*vọng mai chỉ khát*” [chỉ rùng mợ để cho lính bớt khát] để kích thích lòng quân. Chúng ta cũng không bỏ qua mối cảm phần sẵn có của ưu binh Thanh Nghệ khi phải chạy về quê vì biến động tại kinh đô cuối đời Cảnh Hưng, và trong những thời kỳ đói kém, việc tòng quân còn là một chọn lựa để mưu sinh bên cạnh tinh thần vì đại nghĩa.

Chiến thắng của người Việt cũng gần giống như những trận đánh của người Miến chống quân Thanh hay giao tranh giữa người Xiêm và người Miến. Những trận đánh đó cũng khốc liệt không kém và chiến thuật sử dụng voi để làm tiền đạo, kỵ binh và bộ binh tiến theo chính là một điều hợp quân sự khá thông dụng và phổ biến ở khu vực Nam Á.

3. CHỦ ĐỘNG TẤN CÔNG

Nhiều sử gia vẫn ngạc nhiên về chiến thuật bất ngờ và chớp nhoáng mà chúng ta thường gọi là thần tốc. Thực tế cho thấy, đây là một yếu tố quyết định của những thắng lợi trong suốt cuộc đời cầm quân của Nguyễn Huệ. Mặc dầu ông không bỏ qua yếu tố địa hình (advantage of terrain) và tấn công từ nhiều phía, nhiều hướng, nhiều mặt nhưng nếu không có tính chất đột ngột và quân số áp đảo (surprise attack with superior numbers), chúng ta khó có thể tin rằng Nguyễn Huệ đạt được như mong muốn.

Nguyễn Huệ đã khai thác được nhược điểm cốt lõi của đối phương (crucial errors) và đã lướt thắng được những ưu điểm của một đoàn quân trú phòng chính vì ông tìm ra được cách tấn công chí mạng. Rõ ràng ông không dàn trận để đợi địch tới như phương pháp chúng ta thường thấy của một đội quân yếu và ít đánh với một kẻ địch mạnh và đông, mà trái lại ông để cho địch đã bố trí đâu ra đấy rồi mới tìm cách phá giặc. Chiến thuật của ông cho ta thấy một điểm mà ít sử gia nhắc tới. Ông luôn luôn nghi ngại việc tập trung đóng quân ở những vùng đất lạ – và cũng là vùng đất thù – như ở Bắc và Nam vì ông biết rằng một khi đã đồn trú và bảo vệ diện địa, ông trở thành bị động, là kẻ bị tấn công mà không còn thế tiên cơ như khi đem quân tới tấn công địch.

Ông cũng nắm được nhược điểm của chính ông là không thể duy trì một cuộc chiến kéo dài mà không bị khó khăn về binh lương, về nhân lực. Cuộc tranh chấp của Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc tại Qui Nhơn năm 1788 đã cho thấy ông không có ưu thế về công kiên khi địch quân cố thủ trong thành. Nguyễn Huệ có nhiều ưu điểm hơn khi mặt trận xảy ra trên đất “*lạ*” vì ông không bị ràng buộc với địa phương như tại Qui Nhơn. Các nhà nho thường dùng những từ ngữ

mang tính gọi hình như “*quyển địa*” [cuốn đất] để miêu tả cách hành binh thần tốc và bất ngờ. Đoàn quân ấy đi đến đâu lập tức phân tán lẫn vào thôn ấp, sử dụng những công ốc như đình chùa, miếu mạo ... làm chỗ đóng quân nên không khỏi bị dân địa phương oán trách vì không tôn trọng tín ngưỡng của họ.

4. HỢP ĐỒNG TÁC CHIẾN

Chúng ta không thể hình dung Nguyễn Huệ đi đến đâu đều kéo theo toàn bộ quân số dưới quyền như một ông bầu gánh hát đem theo cả đoàn khi lưu diễn. Trong tình hình cuối năm 1788, Nguyễn Huệ phải đối phó với nhiều nguy cơ từ nhiều phía trong đó không thể thờ ơ với đe dọa của Nguyễn Nhạc từ Qui Nhơn kéo ra, và có thể cả Xiêm La hợp lực với Nguyễn Ánh từ Gia Định tấn công theo đường thủy và đường núi nhân cơ hội ông bị vướng vào một trận chiến lớn. Vì thế, Nguyễn Huệ phải giữ lại rất nhiều chủ lực để bảo vệ những trọng điểm chiến lược ở Đàng Trong.

Trong chiến dịch đánh quân Thanh, vua Quang Trung chỉ điều động quân địa phương và các lực lượng phụ thuộc. Đó chính là điểm các nhà nghiên cứu không thể xác định được lý lịch của những toán quân xuất hiện rất bất ngờ và vô danh, sau đó hầu như biến mất. Cũng như Chế Bồng Nga thuở trước, Nguyễn Huệ đã đạt được một uy tín lãnh tụ khiến nhiều tiểu quốc, nhiều bộ lạc thần phục ông. Phương thức hợp đồng tác chiến đó đã khiến nhiều quốc gia tập hợp được một lực lượng mạnh khi cần đến, điển hình là Miến Điện và Xiêm La khi giao tranh không phải do lực lượng của chính họ mà do các khu vực thần phục mỗi bên đánh với nhau. Ngay cả khi “*quân Xiêm*” sang giúp Nguyễn Ánh, đoàn quân đông đảo đó cũng bao gồm nhiều sắc dân ở Chân Lạp và Nam Lào nên khi bại trận đã “*theo đường thượng đạo*” chạy về [đất của họ].

Thứ đến, quân sĩ chiến đấu muốn hiệu quả phải có tính chuyên nghiệp, được huấn luyện và quen với khung cảnh máu đổ, đầu rơi. Không phải cứ đưa dao kiếm cho một người vốn quen nghề ruộng rẫy sẽ biến họ thành một chiến sĩ, nhất là ở thời kỳ mà chưa có những vũ khí sát thương ở tầm xa. Việc tập hợp hàng chục vạn nông dân để trở thành một binh đội thiện chiến không thể chỉ trong đoản kỳ. Riêng việc có đủ binh khí để trang bị cho họ cũng là một vấn đề lớn khi đoàn ngũ hoá tầng lớp dân chúng ở nông thôn. Đó cũng là lý do tại sao các thổ hào không thể có được những đội quân tinh nhuệ. Cho nên, dù tinh thần cao chẳng nữa, muốn hữu hiệu ba cánh quân của vua Quang Trung trong chiến dịch Bắc Hà phải là những chiến binh chuyên nghiệp, không phải là những tân binh mới tuyển mộ. Chỉ có những chiến binh với đầy đủ khả năng, Nguyễn Huệ mới tính toán được một chiến thuật gọi là “*thần tốc*”.

- Cánh quân thứ nhất do các tiểu vương và bộ lạc phía tây dãy Trường Sơn mang theo voi trận vốn dĩ là lực lượng quan trọng nhất của họ. Chắc chắn nếu Nguyễn Huệ mang voi từ Phú Xuân ra, bên cạnh việc trở ngại trong vấn đề di chuyển, chỉ riêng thời tiết thay đổi đột ngột và cung ứng lương thực cho đoàn thú to lớn này cũng đã làm cho vai trò của tượng binh bị hạn chế rất nhiều.

- Cánh thứ hai là hải quân do những tướng lãnh và lực lượng hải khẩu ông thu phục được từ biển theo đường sông đánh ngang hông và chặn các đường rút quân của địch.

- Bộ binh do chính ông chỉ huy ngoài các lực lượng cơ hữu của Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân lại được bổ sung bởi một thành phần đã quen với chiến đấu. Đó chính là ưu binh Thanh Nghệ vốn dĩ là lực lượng quan trọng nhất của chúa Trịnh bị truy sát đang trở về trốn tránh tại quê hương, bản quán.[11]

Việc điều động ba lực lượng chủ chốt với ba đặc tính riêng rẽ vô hình chung phù hợp với lối đánh của Nam Á mà những nhà nghiên cứu đã đề cập đến. Rất có thể đây chỉ là một ngẫu nhiên nhưng chúng ta thấy có nhiều tương đồng khi đối chiếu với binh thư của những quốc gia chịu ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ mà không tìm thấy tại những khu vực vay mượn ở văn minh Trung Hoa. Ông cũng không đánh cầu may mà thực tế thường chuẩn bị và tính toán kỹ càng, có điều ông dựa vào tin tức tình báo và sử dụng cái năng khiếu bén nhạy của mình để quyết định. Tin tức tình báo đó do một mạng lưới thương nhân có những liên hệ mật thiết với ông, được mua chuộc bằng cả lợi lộc lẫn đe dọa. Thương nhân nếu ở phe ông được ưu đãi

bao nhiêu thì không liên minh với ông sẽ bị trừng trị thảm khốc bấy nhiêu, diễn hình như vụ tàn sát người Hoa ở Gia Định năm 1782.[12] Để bảo đảm sự tuân hành tuyệt đối những lệnh lạc của mình, Nguyễn Huệ áp dụng một thứ kỷ luật sắt, tạo cho binh sĩ thói quen chỉ biết nghe lệnh ông mà không cần suy nghĩ, không đóng đồn hạ trại, dùng lương khô khi di hành và ăn uống giản dị tới mức chỉ ăn cơm nhạt với muối.

Chiến thuật của ông cũng khác hẳn cổ nhân. Trong khi Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn sử dụng lối đánh dằng dai để địch tự tiêu hao rồi mai phục tại những địa điểm hiểm yếu phá địch bằng những trận then chốt khi họ rút lui thì vua Quang Trung lại tấn công khi địch đang đóng quân một chỗ, lấy ưu thế nhân số và di động để bao vây áp đảo đối phương.

Hưng Đạo Vương có thể đánh chặn đường vì ông được lòng dân, có cả một khối quần chúng hậu thuẫn “*cả nước đầu sức lại mà đánh*”, trái lại Nguyễn Huệ tuy phải chiến đấu với kẻ thù nguy hiểm và to lớn trước mặt nhưng vẫn phải đề phòng khối quần chúng bản địa vì trong số địch quân lại có những người đã từng là vua, là chúa của vùng đó. Ông chỉ có thể vô hiệu hóa quần chúng chứ khó lòng mà dùng họ như một lực lượng hậu cần để bổ sung thiệt hại. Nhiều chi tiết rải rác cho thấy quân Tây Sơn luôn luôn phải dè chừng khi ra Bắc vào Nam, từ việc Nguyễn Nhạc bị người dân Nghệ An tấn công khi ông ra gặp Nguyễn Huệ, đến việc Nguyễn Hữu Chỉnh khi bị bỏ rơi đã phải vội vã chạy theo chứng tỏ quân Tây Sơn dưới mắt người Bắc Hà vẫn chỉ là một đoàn quân ngoại nhập, có nhiều cách biệt về phong tục, ngôn ngữ, một thứ quân của Quảng Nam quốc mà các nhà nho đã gọi là “*man binh*”, không ngang hàng với quân Trịnh, quân Lê vốn dĩ có những liên hệ mật thiết với quần chúng.

Chính vì phải đối phó với một tình thế khó khăn, Nguyễn Huệ không thể trải rộng mà phải tập trung thanh toán địch theo lối bẻ dũa, tiêu diệt địch bằng lối hành quân bất ngờ và một lực lượng đông đảo gấp bội để chiếm tiên cơ. Lối điều binh đó cho ta thấy ý định giữ đất giành dân, thành lập vương quốc của ông chỉ được hình thành sau khi những thế lực thù nghịch đã hoàn toàn bị thất bại.

Có thể nói, Nguyễn Huệ đã tập hợp được nhiều ưu điểm mà nhiều người đã đánh giá là tính sáng tạo, khác hẳn với truyền thống cổ hữu. Trong khi có những triều đại luôn luôn coi Trung Hoa như bậc thầy để bắt chước, Nguyễn Huệ đã chứng tỏ rằng người Việt Nam có những đặc tính riêng và sự phát huy một bản sắc dân tộc là một điều cần thiết.

Một yếu tố tinh thần được nhắc đến nhiều là tinh thần quyết thắng của vua Quang Trung.

Không biết chính xác tới mức nào nhưng được ghi lại trong tài liệu của nhà Thanh [theo lời khai của Phan Khải Đức với Tôn Sĩ Nghị] là đích thân ông đã bí mật lên vùng biên giới để thám sát địa hình[13] và ra lệnh cho chủ tướng nếu quân Thanh tiến sang thì sẽ rút lui để bảo toàn lực lượng, chờ ông ra chỉ huy phản công.

Nếu thực như thế, ngay từ đầu Nguyễn Huệ đã có kế hoạch triệt thoái để bảo tồn lực lượng và tái chiếm Bắc Hà khi tình hình thuận tiện hơn. Tinh thần quả cảm đó đã khiến cho binh sĩ dưới quyền ông hết lòng với chủ tướng và cũng phù hợp với những nhận xét của người ngoài về con người dũng mãnh của ông.

Trận chiến Việt – Thanh đã được khai thác rất nhiều trong lịch sử Việt Nam, xoáy mạnh vào thắng lợi ở Thăng Long đầu xuân năm Kỷ Dậu. Chúng ta cũng nói nhiều đến thành tựu ngoại giao và ưu thế của Đại Việt trong đời Càn Long sau khi hai bên trở lại hoà hoãn. Từ trước đến nay, những nghiên cứu về trận đánh long trời lở đất này chỉ được soi xét dưới khía cạnh quân sự, ít khi được quan sát trong bối cảnh chính trị của Trung Hoa, đặc biệt dưới triều đại Càn Long sau khi vị hoàng đế đã trị vì hơn nửa thế kỷ.

Với quan niệm ăn sâu trong đầu rằng vai trò của một thiên tử thay mặt Trời để cai trị thiên hạ, vua Càn Long vẫn nhân danh một nhiệm vụ rất cao cả là “*hưng diệt kế tuyệt, tự tiêu tôn vong*” [dấy lại một dòng đã đứt để nuôi nấng sự mất còn của nước nhỏ] để sai Tôn Sĩ Nghị đem quân sang nước ta. So sánh những bất đồng qua những sử liệu của cả hai bên, chúng ta cũng biết được rằng việc Nam chinh có những âm mưu bất chính của giới quan lại địa phương muốn

khai thác cơ hội để thăng quan tiến chức, nhưng bản thân vua Càn Long lại e ngại một sa lầy mới có thể làm hỏng đại lễ “Bát Tuần Khánh Thọ” vào năm sau nên khi thấy rằng nhiệm vụ cơ bản đã hoàn thành, chữa được nổi bất bình sau nhiều lần thất bại ở Miền Điện, ông ra lệnh rút quân về. Chiến lược của nhà Thanh trong thời điểm đang trên đà thắng lợi vì thế không thống nhất. Vua Cao Tông tuy ra lệnh triệt binh nhưng cũng chỉ nói nửa chừng, đặc biệt nhất trong bài thơ liên hoàn ngày mùng Một Tết tại Trùng Hoa Cung không đề cập gì đến chuyện đó. Những tin tức về diễn tiến mặt trận gửi về Bắc Kinh vẫn là những tin tức đầy hứa hẹn và triều đình Trung Hoa chưa dứt khoát sẽ rút quân như thế nào nếu không tiến hành chiến dịch đánh xuống Phú Xuân. Đại thần nhà Thanh cũng biết được tâm lý của đảng chí tôn. Ở tuổi 80, vua Càn Long mong mỗi một kỳ thịnh thế bằng sự phô trương tốn kém để đón nhận triều yết của chư phiên hơn là bày mưu tính kế, lo nghĩ về một chuyện tranh chấp ở biên cương. Do đó, khi tiếp nhiệm tổng đốc Lương Quảng, Phúc Khang An đã khôn khéo đề ra chính sách “*dưỡng quân uy, tôn quốc thể*” làm cơ sở đối phó với An Nam, một đường lối cương nhu thật thích hợp với tình thế, vừa chữa một thất bại quân sự, vừa góp phần vào việc nâng cao uy tín vua Càn Long. Tuy nhiên cũng còn một chi tiết mà hầu như không một ai trong chúng ta nhắc đến. Đó là trọng điểm chiến lược trong cai trị mà nhà Thanh luôn luôn muốn duy trì: làm thế nào để tuyệt đại đa số quần chúng người Hán luôn luôn chỉ nghĩ rằng họ chỉ là một loại “*công dân hạng hai*” trong xã hội, không thể đòi hỏi những biệt đãi như người Mãn Châu. Ý thức đó luôn luôn được điều chỉnh để sao cho người Mãn, tuy chỉ là thiểu số, vẫn nắm giữ tất cả những chức vụ lớn, được hưởng những đặc quyền đặc lợi một cách đương nhiên không thể dị nghị. Chính vì thế, một mặt vua Càn Long rất phấn khởi với những thắng lợi nhanh chóng ban đầu, một mặt ông lại tìm cách ghìm lại để cho vai trò của Tôn Sĩ Nghị không vượt qua một giới hạn có thể chấp nhận được.

Như đã viết, ngoài việc giao cho Phú Cương (người Mãn) và Ô Đại Kinh truyền hịch dụ hàng Nguyễn Huệ để cướp lấy công lao, vua Càn Long cũng hạ lệnh triệt binh khi cánh quân Quảng Tây chiếm được Thăng Long cốt để tạo cơ hội cho cánh quân Vân-Quý có thể tiếp tục công tác thời bình là “*cải thổ qui lưu*”, phương thức cổ điển mà nhà Thanh thực hiện để bình định và đồng hoá các khu vực ở tây và tây nam Trung Hoa. Dù không thôn tính một cách lộ liễu, nhà Thanh có thể cho những người Trung Hoa lén lút qua khai khẩn mở ở Tuyên Quang, Hưng Hóa [xưởng dân] được tách ra thành một khu tự trị [qui chế thổ tịch] để một lúc nào đó sẽ sáp nhập vào nước Tàu. Một người làm quan lâu năm như Tôn Sĩ Nghị không thể không biết điều đó nên ông miễn cưỡng thi hành, hẹn đến đầu năm sẽ thực hiện lệnh rút quân.

Chính ở điểm tể nhị này, khi Tôn Sĩ Nghị đại bại chạy về, vua Càn Long lập tức đưa Phúc Khang An (một trong bốn người con đại thần Phó Hằng, người Mãn) sang làm tổng đốc Lương Quảng, vừa lấy binh uy trấn ngự biên giới, vừa bí mật nhận lệnh chủ hoà để biến một thất bại quân sự (của một đại thần người Hán) thành một thắng lợi ngoại giao (của một đại thần người Mãn). Chính sách ức Hán hưng Mãn của Thanh triều được thi hành tương đối chặt chẽ trong hai trăm năm. Mãi về sau, khi bị hoạ xâm chiếm của Tây phương và nhà Thanh phải nhượng bộ trong nhiều hiệp ước bất bình đẳng, dân chúng đói khổ khiến loạn lạc tại nhiều khu vực, người Hán lúc đó mới có cơ hội vươn lên cao hơn và một số người được giữ nhiệm vụ hành chánh và quân sự quan trọng (Tăng Quốc Phiên, Tả Tông Đường, Lý Hồng Chương, Lâm Tắc Từ, Viên Thế Khải ...) Tuy nhiên, đó là những thay đổi trong chính sách ở thời Thanh muộn chứ không phải vào thời thịnh trị của Khang Hi, Ung Chính, Càn Long.

Để khai thác triệt để lợi điểm chính trị này, vua Càn Long sau đó đã mau chóng chấp nhận phong vương cho Nguyễn Huệ và ra lệnh “*vô hiệu hoá*” những chống đối của vua tôi nhà Lê bằng cách phân tán mỏng, an táp những người chạy sang Trung Hoa.

Xét riêng một trận đánh trong khoảng mười ngày trước và sau Tết Nguyên Đán, chiến thắng đầu xuân này là một điểm son trong lịch sử Việt Nam. Tuy nhiên, nếu đặt lên bàn cân những tương quan rộng lớn trong một thời gian dài, chúng ta có thể phải cân nhắc kỹ trước khi đi đến một kết luận về hậu quả của nó.

Về phần nhà Thanh, sự thần phục của Đại Việt dưới triều đại Quang Trung đã đem lại ít nhiều tiếng vang đối với phiên thuộc, củng cố thêm uy tín của một triều đình vốn dĩ bị coi là ngoại tộc vào cai trị Trung Nguyên. Đại Việt đóng một vai trò phen giậu đã giải quyết cho nhà Thanh mối lo về một số thổ ti dọc theo biên giới Hoa – Việt, không còn cơ hội chống lại triều đình và qua lại quấy phá những tỉnh dọc theo biên cương.

Đối với nhà Tây Sơn, tuy những biến chuyển không nằm trong dự tính của Thanh triều nhưng lại đưa tới những hậu quả nghiêm trọng hơn nhiều. Vua Quang Trung bị cầm chân vào những thủ tục và nghi lễ ngoại giao trong suốt hai năm (1789-1790) là thời kỳ tối quan trọng để xây dựng thực lực nên đã bỏ lửng việc đối phó với mối đe dọa từ phía Nam, tạo cơ hội cho Nguyễn Ánh chiếm lấy Gia Định làm bàn đạp tiến ra Phú Xuân.

Lẽ dĩ nhiên, lịch sử còn nhiều vấn đề được đặt ra bằng chữ “*nếu*” vì ví thử Nguyễn Huệ không chết sớm, cục diện không biết rồi sẽ đi về đâu.

Tháng 5, 2011

Tổng số quân Thanh tử trận tại nước ta



Về trận chiến Việt Thanh cuối năm Mậu Thân (1788), đầu năm Kỷ Dậu (1789) tuy đã có nhiều tài liệu đầu tay (primary sources) của Thanh triều được công bố các sử gia vẫn còn thắc mắc:

1. Số quân Thanh thực sự tham chiến ở nước ta là bao nhiêu?
2. Số quân Thanh tử trận ở nước ta là bao nhiêu?

Những con số 20 vạn, 29 vạn tuy có thoả mãn một chút tự hào dân tộc nhưng không thể chấp nhận một cách dễ dãi nếu chúng ta đi sâu vào cơ cấu hành chánh và tổ chức quân sự của Thanh triều để biết họ phân phối, bố trí và điều động binh lính như thế nào?

Về lực lượng chiến đấu, nhà Thanh đưa sang hai đạo quân dưới quyền tiết chế của tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị, một đạo đi theo đường Quảng Tây do đề đốc Hứa Thế Hanh chỉ huy, một đạo đi theo đường Vân Nam do đề đốc Ô Đại Kinh chỉ huy.

Trong hai cánh quân mà sử nhà Thanh gọi là chính binh và kỳ binh [quân trực tiếp và quân yểm trợ] tạo thành hai gọng kìm cùng tiến xuống Thăng Long, chỉ có quân từ Quảng Tây giao chiến với quân Nam, cánh quân Vân Nam khi xuống đến Hưng Hoá thì dừng lại và lập tức rút về khi thấy đoàn quân của Tôn Sĩ Nghị đang đóng ở Thăng Long bị đánh bại, không dám tiến xuống giải vây hay tiếp viện cho chủ tướng. Do đó, sử Trung Hoa cũng như sử nước ta thường chỉ đề cập đến toán quân Thanh đi theo đường Nam Quan là lực lượng chính yếu đã tham dự vào cuộc động binh này.

NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG VIỆC TÌM HIỂU CÁC CON SỐ

Tuy chỉ là một chiến dịch tương đối ngắn ngủi, số lượng quân Thanh tham chiến không cố định vì có thể ước tính theo nhiều cách:

1. Tập hợp của cả hai đoàn quân Lương Quảng – Vân Quý của nhà Thanh: Con số này ngoài binh sĩ còn có hàng chục vạn dân phu, hàng nghìn bò ngựa để chuyên chở lương thực, súng ống và quân trang nên nếu nói theo ước lượng của nước ta là 20 vạn quân Thanh [thực ra trong lịch của nhà Thanh họ thổi phồng lên đến 50 vạn] thì cũng không phải là quá xa sự thực vì ngoài đời chút phô trương, số dân phu tải lương theo lối “cổn vận” đi theo từng đoàn, đến địa điểm rồi lại quay về liên tục như mất xích nên lúc nào cũng lũ lượt không dứt.
2. Chỉ tính riêng đoàn quân Quảng Tây do đích thân Tôn Sĩ Nghị điều động: Nếu chỉ tính quân sĩ thực sự do Tôn Sĩ Nghị, Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng chỉ huy, con số này ít hơn nhiều nhưng lại có thêm cờ xí chiêng trống, điệu võ dương oai, cũng tạo nên một bề ngoài hùng tráng khiến dân chúng miền Bắc phải hoảng sợ.
3. Tính tập hợp mọi lực lượng chính qui, phụ trợ và yểm trợ: Bao gồm cả quân chính qui, quân địa phương, quân thiếu số ở biên giới đi theo quân Thanh và quân nhà Lê, thổ hào ... cùng tiến xuống rồi sau đó chia ra trấn giữ khắp nơi. Ngoài các đạo quân thiếu số Thái, Thổ, Miêu..., còn có xương dân là những người Trung Hoa lén lút trốn sang nước ta khai khẩn mở đồng, mở thicket [mà theo báo cáo của Tôn Sĩ Nghị thì đông đến mấy vạn người].

Cũng nên thêm mấy năm đó mùa màng thất bát, loạn lạc nên nhiều nơi không đủ lương thực. Khi vua Càn Long ra lệnh cung cấp nuôi ăn những ai đi theo càn vương, số người hưởng ứng rất đông. Nếu tính chung mọi thành phần, tuy nhà Thanh chỉ đưa chừng 1 đến 2 vạn quân chính qui[1] lực lượng hậu cần và phụ trợ có thể to lớn hơn đưa đến những con số ảo mà người nghiên cứu phải cân nhắc.

Trong biên khảo ngắn này, chúng tôi chỉ tập trung vào điểm thứ 2 là đoàn quân do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy. Tuy nhiên tính riêng cánh quân Lương Quảng cũng không dễ dàng vì đoàn quân mà Tôn Sĩ Nghị tế cờ mở cửa tiến sang nước ta chỉ là một bộ phận ban đầu, sau đó được bổ sung nhiều đợt (cả quân lính lẫn phu dịch) vừa gia nhập vào đại quân, vừa chia ra bảo vệ những lương đài [đài trạm] tất cả 17 chỗ dọc từ Lạng Sơn xuống đến Thăng Long. Ngoài ra, ở những nơi hiểm yếu, quân Thanh cũng lập những đồn bót [hoặc chiếm được của Tây Sơn] và đóng quân tại đó để đề phòng quân địch tấn công ngang hông cắt đường rút lui. Đó là bố trí rất cơ bản mà trong bất cứ cuộc tiến quân nào quân Thanh đều áp dụng.

Về con số tử thương, chúng tôi chỉ có được những con số chính thức mà Thanh triều tổng kết. Tuy nhiên con số này cũng bất định vì có thể bao gồm nhiều thành phần khác nhau:

1. Số binh sĩ chết trận ở Thăng Long [và các đồn trại hỗ trợ] trong trận đánh sau cùng
2. Số binh sĩ chết dọc theo đường tiến quân từ Lạng Sơn xuống kinh đô
3. Số binh sĩ chết vì bệnh tật [kể cả ở nước ta và sau khi về nước]

Cũng nên thêm rằng để giảm thiểu con số thương vong, Thanh triều chỉ kết toán quân chính qui là quân đội được trả lương và hưởng tiền tử tuất với biểu ngạch nhất định. Các quân phụ trợ như thổ binh, dân binh, xương binh ... họ chỉ uỷ lạo và không được kể vào những người được đưa vào Chiêu Trưng Từ. Nói tóm lại, giữa con số được ghi nhận một cách chính thức và số người thực sự chết trong trận đánh ở Thăng Long có khác biệt và mãi mãi chúng ta không bao giờ có thể biết được chính xác.

LỰC LƯỢNG NHÀ THANH

Bộ Phận Tham Mưu

Theo tổ chức hành chánh và quân đội của Thanh triều, đội quân viễn chinh sang đánh nước Nam được đặt sắp xếp như sau:

- Chỉ huy tối cao: Tôn Sĩ Nghị, tổng đốc Lương Quảng
- Chỉ huy yểm trợ: Phú Cương, tổng đốc Vân Quý

Chỉ huy quân đội (cánh quân mặt đông): đề đốc Quảng Tây Hứa Thế Hanh,^[2] có hai phụ tá.
Tổng binh^[3] Quảng Tây Thượng Duy Thăng (尚維昇),^[4] phó tướng Tôn Khánh Thành^[5]
Tổng binh Quảng Đông Trương Triều Long (張朝龍),^[6] phó tướng Lý Hóa Long
Chỉ huy quân đội (cánh quân mặt tây): đề đốc Vân Nam Ô Đại Kinh,^[7] có hai phụ tá:
Tổng binh Thọ Xuân Định Trụ (定柱)^[8]. Tổng binh Khai Hóa Tôn Khởi Giao^[9]

QUÂN ĐỘI ĐIỀU ĐỘNG

Quân chính quy

Quảng Đông:

Năm ngàn (5,000) quân điều động từ tỉnh Quảng Đông gồm có quân địa phương và đề tiêu (quân trực thuộc đề đốc) mỗi đội 1,500 người, cánh tả, cánh hữu mỗi cánh 1,000 người, do hai tổng binh Trương Triều Long, và Lý Hóa Long chỉ huy, chia từng đội 500 người tổng cộng là mười đội lần lượt kéo đến biên cảnh Quảng Tây. Về sau, Tôn Sĩ Nghị lại điều động thêm 3,000 quân Quảng Đông nữa nhưng chưa đến kịp thì đại quân đã thua chạy về.

Quảng Tây:

Về tỉnh Quảng Tây, ngoài 5,000 quân bản bộ, Tôn Sĩ Nghị cũng điều động 4,000 quân đang trấn giữ ở Nam Quan và các cửa ải, lại tuyển thêm 1,000 quân bổ sung thành 5,000 người nâng quân số của tỉnh Quảng Tây lên tổng cộng 10,000 người.^[10] Ngoài lính ra, Quảng Tây còn mang theo 423 con ngựa, về sau tăng viện 3,500 binh sĩ, tổng cộng 13,500 quân và 423 ngựa. Tính như thế tổng cộng số quân hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây được điều động là 21,500 quân. Trong số này, Tôn Sĩ Nghị để lại 4,000 quân đóng giữ các quan ải dọc theo biên giới, 5,000 không theo đại quân chia thành ba toán, 2,000 người ở lại phòng thủ Lạng Sơn, 1,300 người chia ra canh gác 17 kho lương thực được thành lập dọc theo tuyến đường từ Lạng Sơn đến Thăng Long, 1,700 người khác chia ra canh phòng các nơi hiểm yếu. Con số do Tôn Sĩ Nghị và Hứa Thế Hanh đưa xuống Thăng Long khoảng chừng 12,500 người.

Quân phụ trợ

Thổ binh

Các trấn, hiệp, doanh tại đốc phủ đề lân cận cũng được lệnh chuẩn bị thêm vài nghìn quân để điều động sau, tính ra riêng tỉnh Vân Nam cũng dự bị cả thảy hơn một vạn quân. Thổ quan châu Bảo Lạc là Nông Phúc Tấn (農福縉) đem 2,000 quân, Thổ ti Điền châu (田洲) là Sầm Nghi Đống (岑宜棟) cũng dẫn 2,000 thổ binh.^[11] Ngoài ra còn thổ quan Đô Long (都龍) là Hoàng Văn Trấn (黃文濬) và thổ quan Bảo Thắng (保勝) là Hoàng Văn Thao (黃文韜) cũng đem quân đi theo. Riêng mạc hữu xưởng Ba Bồng (波篷) là Lâm Tế Thanh (林際清) được nhà Thanh đặc thưởng hàm tri huyện, thống suất những người trong xưởng đi theo quân Thanh. Cánh quân Vân Quý, nhà Thanh cũng điều động 1,500 thổ binh vùng biên giới Hoa – Việt để dẫn đường.

Mã phu

Tỉnh Quảng Đông điều động 328 con ngựa, Quảng Tây điều động 423 con ngựa tổng cộng 751 con. Theo tiêu chuẩn mỗi con ngựa là 2 người phu thì họ phải điều động thêm khoảng 1,500 dân phu để phục dịch cho 751 con ngựa. Cũng nên nói rõ là ngựa mà quân Thanh dùng trong chiến dịch không phải là loại ngựa chiến mà là loại ngựa bản địa, nhỏ nhưng dai sức để dùng cho quan quân cưỡi và chở đồ đạc, súng đạn.^[12]

Dân phu

Ngoài thành phần lính chính qui, quân Thanh còn có thêm những đoàn dân phu đi theo để chăn ngựa, khâu vá nhưng không rõ rệt là bao nhiêu. Số lượng dân phu làm công tác vận tải súng ống, quân dụng, canh giữ và chuyển vận lương thảo... đóng rải rác dọc theo trục lộ tiến quân hay phục dịch tại mặt trận tính ra còn cao hơn cả binh sĩ.

Số phu dịch này phần lớn là dân chúng vùng nam Trung Hoa bị bắt đi làm công không lương (được cơm ăn trong số gạo họ mang vác) và cả một số người Việt tại các vùng biên giới. Riêng tỉnh Quảng Tây, nhà Thanh đã điều động số dân phu đi theo đoàn quân lên đến 54,000 người, không tính số ở các tỉnh lân cận được sử dụng vào hệ thống hậu cần để chuyên chở gạo thóc, vũ khí, quân trang, quân dụng ... từ nơi này đến nơi khác.

Trong số binh lính đưa sang nước ta, số quân của hai tỉnh Vân – Quý là 8,000 người không đụng trận nên rút về được an toàn, số quân từ Quảng Tây ra khỏi Nam Quan là 17,500 người có lẽ là số gần đúng mặc dù không phải ai ai cũng tham chiến.

	Quân số	Thổ binh	Dân phu	Ngựa	Vũ Khí ¹³
<i>Quảng Đông</i>	8,000	2,000		328	Các loại vũ khí và phương tiện
<i>Quảng Tây</i>	13,500		54,000	423	
Tổng cộng	21,500	2,000	54,000	751	

TÔN THẤT QUÂN THANH



Khi đối chiếu con số Tôn Sĩ Nghị đưa qua Nam Quan chừng 17,500 trừ đi con số 5,000[14] mà họ báo cáo chạy được về thì con số tử trận, mất tích [hay ở lại nước ta sinh sống][15] phải hơn 1 vạn. Con số này phần lớn đóng ở Thăng Long do Tôn Sĩ Nghị và Hứa Thế Hanh trực tiếp chỉ huy nhưng cũng có những toán quân khác lập thành đồn lũy ở phía nam để bảo vệ đại doanh. Gần đây, khi đọc lại *Cao Tông Thực Lục*, chúng tôi tìm được ba đợt tổng kết cuối năm [Kỷ Dậu, Canh Tuất, Tân Hợi] binh sĩ các cấp đã tử trận đã được hưởng tử tuất và đưa vào thờ trong Chiêu Trưng Từ. Tổng kết trong ba năm sau cuộc chiến, Thanh triều ghi nhận khoảng chừng 12,000 quan binh Trung Hoa tử trận ở nước ta. Sở dĩ chúng tôi không lấy một con số cố định vì cũng có thể còn nhiều điều cần kiểm chứng thêm khi có tài liệu. Điển hình là du kích Trương Hội Nguyên trong trận đánh chỉ bị thương và là tù binh được trả về nhưng cũng có tên trong danh sách tử tuất [rất có thể chết sau vì vết thương không khỏi]. Cũng không loại trừ việc quan lại Trung Hoa khai man thêm một số tên để thâm lạm tiền tử tuất hay lương bổng là tình trạng khá phổ biến đời Thanh.

Không nói đến những con số mang tính phóng đại trong ngoại sử, số tử thương sau cùng mà chúng ta có thể ghi nhận trong tài liệu chính thức của Thanh triều như sau:

1. *Cao Tông Thực Lục*, quyển 1345 (ngày Tân Tị, 30 tháng Chạp, Càn Long 54):
Trong năm vừa qua truy cứu những người sang đánh An Nam chết trận có thổ tri châu Điền Châu là Sầm Nghi Đống 1 người, phó tướng Hình Đôn Hành 1 người, tham tướng Dương Hưng

Long, Anh Lâm, Vương Tuyên 3 người, du kích Minh Trụ, Vu Tông Phạm, Trương Thuần, Vương Đan, Trương Hội Nguyên, Lưu Việt 6 người, thủ bị Lê Chí Minh 1 người, thổ thiên tổng A Cát 1 người, bọn ngoại uỷ ngoại ngạch Hoàng Nhất 18 người, binh lính bọn Vương Tư Hạo 4619 người theo lệ tế và chôn cất, thường tuất, tất cả đều được thờ trong Chiêu Trưng Từ.

Cao Tông Thực Lục, quyển 1369 (ngày Ất Hợi, 29 tháng Chạp năm Càn Long 55):

Trong năm vừa qua truy cứu những người chết trận trong chuyến đánh An Nam có: du kích Tiêu Ứng Đắc 1 người, đồ ti bọn Hư Văn Khôi 6 người, bọn thủ bị Phùng Thiên Dư 9 người, bọn thiên tổng Dương Phó Long 14 người, bọn bả tổng Lý Thế Tuấn 10 người, bọn ngoại uỷ Tạ Đình Siêu 91 người, bọn ngoại uỷ ngoại ngạch Quan Tú Phương 14 người, còn lại mã binh, bộ binh, quân sĩ là 6876 người, theo lệ tế và chôn cất, thường tuất, tất cả đều được thờ trong Chiêu Trưng Từ.

Cao Tông Thực Lục, quyển 1394 (ngày Canh Ngọ, 30 tháng Chạp năm Càn Long 56):

Trong năm vừa qua truy cứu những người sang đánh An Nam chết trận có thiên tổng Trần Siêu Thụy 1 người, bả tổng Trần Hồng Du 1 người, bọn ngoại uỷ Viên Cẩm Tiêu 4 người, binh lính bọn Tiết Thăng 99 người theo lệ tế và chôn cất, thường tuất, tất cả đều được thờ trong Chiêu Trưng Từ.

Xem như thế chúng ta thấy kể cả võ quan cao cấp như đề đốc, tổng binh ra, số quan binh trung cấp và lính thường gồm có:

	Tử trận	Tương đương	Ghi chú
Tri Châu	1	Quận trưởng sắc tộc	Dân tộc thiểu số
Đề Đốc	1	Đại tướng	
Tổng Binh	2	Trung tướng	
Phó Tướng	2	Thiếu tướng	Lý Hoà Long chết đuối
Tham Tướng	3	Đại tá	
Du Kích	7	Thượng tá	
Đô Ti	6	Trung tá	
Thủ Bị	10	Thiếu tá	
Thiên Tổng	15	Đại úy	

Thổ Thiên Tổng	1	Đại úy	Thiên tổng nhưng ở các vùng thiểu số
Bả Tổng	11	Trung úy	
Ngoại Uỷ	95		
Ngoại Uỷ [Ngoài Ngạch]	32		Thuộc địa phương, không chính qui
Mã Bộ, Binh Đinh	11,594		

11,780

Tổng cộng ba đợt số quân nhà Thanh [kể cả 3 tướng lãnh] tử trận ở nước ta là **11,780 người** trong đó có 186 võ quan các cấp.

Con số gần 12,000 người này đại đa số tử trận ở Thăng Long là trận đánh lớn nhất vì số quân được giao cho giữ các lương đài không đáng kể, có thể chạy trước khi bị truy kích. Nếu tính rằng số quân Thanh trực tiếp giao chiến tại chiến trường vào khoảng 13,000 đến 15,000 người

vào thời điểm xảy ra trận đánh, số thực sự chạy về Quảng Tây không nhiều.

TỔNG KẾT THIỆT HẠI NHÂN MẠNG CỦA QUÂN THANH

Họ và Tên	Chức vụ – Cấp bậc	Số lượng	Chú thích
Hứa Thế Hanh (許世亨)	Đề đốc	1 người	Chỉ huy cả hai cánh quân Quảng Đông, Quảng Tây
Thượng Duy Thăng (尚維昇)	Tổng binh	2 người	Chỉ huy quân Quảng Tây
Trương Triều Long (張朝龍)			Chỉ huy quân Quảng Đông
Lý Hoà Long (李化龍) Hình Đôn Hành (邢敦行)	Phó tướng	2 người	Phụ tá cho Trương Triều Long
Dương Hưng Long (楊興龍) Vương Tuyên (王宣) Anh Lâm (英林)	Tham tướng	3 người	
Tiêu Ứng Đắc (蕭應得) Trương Hội Nguyên (張會元) ¹⁶ Minh Trụ (明柱) Trương Thuần (張純) Vương Đán (王檀) Lưu Việt (劉越) Vu Tông Phạm (于宗範)	Du kích	7 người	Chết tại Thăng Long " " " " " " Chết trong trận Thị Cầu
Hư Văn Khôi (虛文魁) Đặng Vĩnh Lượng (鄧永亮)	Đô ti	6 người	4 người không rõ tên họ
Phùng Thiên Dư (馮天與)	Thủ bị	10 người	6 người không rõ tên họ

¹⁶ Ông này trước đây báo cáo đã chết nhưng sau được trả về, nay lại có tên trong danh sách

cáo về được [khoảng

Lê Chí Minh (黎致明)			
Dương Phó Long (楊赴龍)	Thiên tống	15 người	13 người không rõ tên họ
A Cát (阿吉)	Thổ thiên tống	1 người	
Lý Thế Tuấn (李世俊) Trần Hồng Du (陳鴻猷)	Bá tống	11 người	9 người không rõ tên họ
Tạ Đình Siêu (謝廷超) Viên Cẩm Tiêu (袁錦標)	Ngoại uỷ	95 người	93 người không rõ tên họ
Hoàng Nhất (黃一) Quan Tú Phương (關秀芳)	Ngoại uỷ (ngoại ngạch)	32 người	30 người không rõ tên họ
Viên Thiên Qui (袁天遠)	Tri huyện	1 người	
Trương Thành (張誠)	Kinh lịch	1 người	
Vương Tư Hạo (王思浩)	Mã bộ, Binh đình	11,594 người	
Sầm Nghi Đống (岑宜棟)	Thổ tri châu	1 người	Thổ ti Điền Châu
Xương dân		Không có số liệu	Là dân phu mộ lậu ở biên giới Khoảng chừng 20,000 người đi theo quân Thanh
Thổ binh		Không có số liệu	Là dân binh thiếu số được điều động khoảng 2,000 đến 3,000 người
Dân phu từ Trung Hoa sang		Không có số liệu	Không có số liệu [ước chừng 100,000 người được điều động] luân chuyển lẫn nhau
Hoa kiều		Không có số liệu	Không có số liệu

南回空幫船陸續全行抵次本年各州縣應解漕米先期運赴水次貯倉俟兌空船抵次後即飭各幫丁將應行修驗船隻趕辦完工於十二月初十日開兌現今兌竣之船先於十六日起以次開行得旨好欣慰覽之○河東河道總督李奉翰奏開歲南漕北來較早東省運道須迅速批完以待新運現在各工人夫踴躍挑出土方日起有工臣等由臨清濟寧一帶南北查催務期上下普律深通如

官奉李奉翰

式平煥俾米歲重運速行得旨嘉獎○是年連予出師安南陣亡土田州知州本宜棟一員副將邢致行一員參將楊興龍英材王宣三員遊擊明桂子宗範張純主權張會元劉越六員守備黎致明一員土千總阿吉一員額外外委黃一等十八員馬步兵王恩浩等四千六百一十九名祭葬卹賞如例俱入祀昭忠祠○旌表孝子直隸等省民戴伸等三名孝女湖北朱氏一四守節合例八旗間散

高宗實錄 卷三三七〇

洋面盜匪尚無就獲恐來閩竄入江都應一體堵截臣等現嚴飭各屬實力查拏務期速獲得旨應留心實力查拏○福建臺灣鎮總兵奎林臺灣道萬鍾傑奏彰化縣匪徒糾眾結會現督飭各屬拏獲張標等三十六犯分別斬決充軍其未獲犯謝志等十三名仍嚴飭文武上緊催拏不使一名漏網批此人可惡令獲否又批所辦可嘉即有旨諭○湖廣總督畢沅湖北巡撫福寧奏楚省自收買小錢以來共收過小錢七萬四千三百五十餘緡現在市廛交易制錢物價頗覺平減得旨毋致終怠可也○是年連予出師安南陣亡遊擊蕭應得一員都司盧文魁等六員守備馮天璽等九員千總楊起龍等十四員把總李世俊等十員外委謝廷超等九十一員額外外委吳秀芳等十四員漢土馬步兵丁李上通等六千八百七十六名祭葬卹賞如例俱入祀昭忠祠○旌表孝子福建等省民陳

高宗實錄 卷三三九四

有刑減原估銀兩臣應分賠銀十萬一千四百五十五兩零現完銀二萬四千兩兒收貯庫餘請分作三年完完可作五年此係汝附和之咎以汝張皇錯辦穿機大臣竊旨令汝賠贖朕供寬免矣○是年連予出師安南陣亡千總陳超瑞一員把總陳鴻猷一員外委葉錦標等四員馬步兵丁詳陸等九十員祭葬卹賞如例俱入祀昭忠祠○旌表孝子江蘇等省民趙明等十一名順孫江蘇潘履一名孝女江蘇閩順一四守節合例八旗間散宗室德敬安妻鈕祜祿氏等九口滿洲前鋒達敏妻舒穆祿氏等一百六十八口蒙古獲軍伍三太妻張氏等五十二口漢軍弓匠蔡廷秀妻陳氏等三十二口內務府茶上人常春妻尹氏等二口奉天等省駐防間散那丹珠妻郭氏等一百零八口直隸等省民范中華妻傅氏等八百三十六口大亡殉節江蘇等省民朱崇壽妻黃氏等十七口未

Số Quân Thanh tử trận ghi trong Cao Tông Thực Lục

- [1] Lục Doanh, tức là quân người Hán [khác với kỳ binh người Mãn và kỳ binh Mông Cổ]
 [2] người Tân Đô, Tử Xuyên gốc người Hồi, tông quân đánh Kim Xuyên, lập công trạng trong vụ đánh Đài Loan nên được làm đề đốc Quảng Tây, khi bị chết ở Thăng Long được thăng Tráng Liệt Bá, ban tên thụy Thiệu Nghị.
 [3] Theo quan chế nhà Thanh thì **Đề Đốc** (tòng nhất phẩm), **Tổng Binh**(chánh nhị phẩm), **Phó Tướng** (tòng nhị phẩm), **Tham Tướng** (chánh tam phẩm), **Du Kích** (tòng tam phẩm), **Đô Ti** (chánh tứ phẩm), **Thủ Bị** (chánh ngũ phẩm), **Thiên Tổng** (chánh lục phẩm), **Bả Tổng** hay **Bá**

Tổng (chánh thất phẩm). Theo Ian Heath trong *Armies of the Nineteenth Century: Asia V. 2: China* (Great Britain: Foundry Books, 1998) trang 18-9 thì những cấp bậc đó tương đương với hiện thời như sau: *Đề Đốc* (đại tướng), *Tổng Binh*(trung tướng), *Phó Tướng* (thiếu tướng), *Tham Tướng* (đại tá), *Du Kích*(thượng tá), *Đô Ti* (trung tá), *Thủ Bị* (thiếu tá), *Thiên Tổng* (đại úy), *Bả Tổng* (trung úy)... Tuy nhiên nếu là ngoại vi thiên tổng thì chỉ tương đương trung sĩ còn ngoại vi bả tổng chỉ tương đương hạ sĩ. Thực ra những danh hiệu này là chức vụ, không phải cấp bậc nên những phiên dịch của Heath không hoàn toàn chính xác nhưng cũng cho ta một số khái niệm về vai trò quân sự của các tướng lãnh nhà Thanh thời đó.

[4]thuộc Nương Lam Kỳ Hán quân, làm tổng binh Hữu Giang trấn Quảng Tây, khi chết tại nước ta được ban thụy là Trực Liệt (直烈)

[5]Tôn Khánh Thành (孫慶成) là cháu (great-grandson) của Chấn Võ tướng quân Tôn Tư Khắc, một danh tướng đầu đời Thanh.

[6]Người Đại Đồng nhưng sang sống ở Quý Châu, từng tham dự các trận đánh Miến Điện, Kim Xuyên lập nhiều công lao nên thăng lên đô ti. Sau tham dự đánh Đài Loan trong chiến dịch bình Lâm Sảng Văn, Trang Đại Điền nên được lên tổng binh Nam Áo (南澳), Phúc Kiến. Khi chết ở nước ta được ban tên thụy là Tráng Quả (壯果).

[7]Người Trường An, đậu tiến sĩ võ đời Càn Long, làm tham tướng Đức Châu. Khi Vương Luân nổi loạn ở Thọ Trương, đem quân đánh dẹp, thăng lên đề đốc Vân Nam và ở đây cho tới chết.

[8]Thuộc Nương Hoàng Kỳ Mãn Châu, từng tham gia các cuộc chiến đánh Miến Điện, Kim Xuyên, thăng lên tổng binh Thọ Xuân. Đến đời Gia Khánh có công trong việc đánh dẹp các giáo phái tại Hà Nam, Thiểm Tây. Sau lên làm đề đốc Ô Lỗ Mộc Tề (烏魯木齊)

[9]người Võ Thành, có chiến công nên được làm ngoại uý đời Càn Long, tham dự đánh Kim Xuyên, sau lên làm đề đốc Quảng Đông

[10]Trang Cát Phát, *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiêן Cứu* (Đài Loan Cổ Cung Tùng San, Giáp Chung số 26, tháng 6 năm 1982) tr. 360. Lại Phúc Thuận, *Càn Long Trọng Yếu Chiến Tranh Chi Quân Nhu Nghiêן Cứu*(Đài Bắc: Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện, 1984) tr. 141. Con số của các tác giả Trung Hoa cũng không thống nhất, con số chúng tôi dùng là theo Lại Phúc Thuận vì căn cứ theo lương thực và lương bổng nên có cơ sở hơn.

[11]Nhiều tài liệu chỉ chép số quân của Sầm Nghi Đống là 1,500 người nhưng các con số trên đây trích từ chính tấu thư của Tôn Sĩ Nghị (ANKL, quyển X, tr. 14)

[12]Trong chiến dịch đánh An Nam, rút kinh nghiệm các trận đánh ở Miến Điện, nhà Thanh đổi chiến lược không điều động kỵ binh từ miền bắc xuống mà chỉ dùng quân địa phương, thổ binh và chủ yếu phương tiện của bốn tỉnh miền tây nam giáp với nước ta. Chính vì thế, công tác chuẩn bị cũng nhanh mà lực lượng điều động cũng nhỏ (nhỏ nhất trong mười chiến dịch đời Càn Long), không ghê gớm như chúng ta thường tưởng tượng.

[13] Theo tài liệu thì quân Thanh sử dụng nhiều loại vũ khí trong đó có nhiều loại súng tay (điều sang, ta-ba-lạp sang, súng trường, xạ sang, hiệu sang), nhiều loại súng lớn (thần uy pháo, đại thần pháo, uy viễn pháo, xung thiên pháo, phách sơn pháo, tử mẫu pháo, chế thắng pháo, hồng y pháo, cửu tiết pháo ...), nhiều loại đạn, địa lôi ..., thuốc súng, các loại đao (yêu đao, cương đao, đại đao, đoản đao, dao rựa, câu liêm, kiếm ...), nhiều loại cung tên ... Quân Thanh cũng được trang bị nhiều quân dụng khác, các loại quân trang (giáp trụ, áo bông, quần chiến, khiên mây ...), các loại lều trướng, lương bằng, túi ngủ, nồi niêu, bát đĩa ... và các phương tiện vượt sông như thuyền gỗ, thuyền da ... Lại Phúc Thuận (1984) tr. 340-1

[14] Tôn Sĩ Nghị có lúc báo cáo chạy về đến 8,000 người nhưng con số này không chính xác.

[15] Sau khi thắng trận vua Quang Trung có ra lệnh cho phát phối một số binh sĩ bị bắt nhưng tình hình biến chuyển nhanh nên số lượng này cũng không nhiều và sau đều được trả về nước

[16] Ông này trước đây báo cáo đã chết nhưng sau được trả về, nay lại có tên trong danh sách

Phụ đính:

Lê Quýnh (1750-1805)

LTS: Một trung thần An Nam hộ tống vua Lê Chiêu Thống sang Bắc quốc : Lê Quýnh (1750-1805) qua khảo cứu của Nguyễn Duy Chính

Lời dẫn: Sử liệu hiện còn của thời Tây Sơn và thời Nguyễn đều tỏ thái độ có thể nói là khinh bỉ đối với ông vua Lê Chiêu Thống. Những trung thần đi theo hầu, nói chữ là "hộ giá sang Bắc quốc", cũng vì thế, bị ghẻ lạnh.

Nghiên cứu của học giả Nguyễn Duy Chính, bằng việc khai thác những nguồn sử liệu mới (chính sử và sử thư tư nhân của Trung Quốc, ghi chép dạng nhật kí của chính Lê Quýnh, ghi chép khác của phía Việt Nam,...) giúp chúng ta có cái nhìn khách quan hơn về các ông vua đã vung vẩy ở Nam quốc thời đó (Lê Chiêu Thống, Nguyễn Văn Huệ) cũng như những bề tôi của họ (Lê Quýnh, Hoàng Ích Hiểu,... về phía Chiêu Thống; Nguyễn Quang Hiến về phía Văn Huệ - người này là em đi thay anh sang triều kiến cũng như dâng biểu xin hàng tới vua Thanh).

Về một nhân vật khác cũng đi hộ giá Lê Chiêu Thống, mà sau này, bị chuyển tới tận miền biên viễn Tân Cương để khai hoang, là Hoàng Ích Hiểu, xem bài "Đồn thú ở Tân Cương thời Thanh và người Việt Nam" trong cuốn sách đã in năm 2013 (*Nhà Mạc và hậu duệ trên đất Vĩnh Phúc*, trang 38 - 88; nguyên tác tiếng Trung của Dương Liễm, bản dịch và chú giải của Giao).

Từ đây trở xuống là bài của Nguyễn Duy Chính.



Ngã bối đầu khả đoạn, phát bất khả thể,
bì khả tước, phục bất khả dịch dã.[1]
(*Bọn ta đầu có thể chặt, [nhưng] tóc không thể cắt,
da có thể lột, [nhưng] y phục không thể đổi.*)

Một nhà nho chống Pháp
bị bắt cuối thế kỷ XIX
Nguồn: Georges Buis & Charles Daney:

Quand les Français découvraient l'Indochine
Paris: Herscher, 1981 tr. 39

Tóm tắt

Trong số các cựu thần nhà Lê bị giữ lại trên đất Trung Hoa cuối đời Càn Long, người được nhắc nhiều hơn cả có lẽ là Lê Quýnh. Ông là thủ lĩnh một nhóm nhỏ nhất định không chịu cạo đầu đổi áo để nhập tịch thành dân nhà Thanh, khiến cho chính giới sĩ phu Trung Hoa cũng hết sức khâm phục. Thế nhưng hình ảnh của các cựu thần như Lê Quýnh, Lý Bình Đạo, Trịnh Hiếu, Lê Trị... lại rất mờ nhạt trong sử liệu Việt Nam, nhiều chi tiết, sự kiện liên quan đến cuộc đời họ còn bị bôi bác, xuyên tạc vì định kiến hoặc vì những động cơ khác của các sử gia.

Dựa vào nguồn sử liệu của Trung Hoa, có đối sánh với sử liệu Việt Nam, biên khảo này đặt trọng tâm vào việc phân tích các diễn biến trong mối quan hệ giữa Thanh triều và nhà Tây Sơn, qua đó để thấy rõ hơn số phận của vua Lê và các cựu thần thật ra chỉ là những con cò trong tay vua Càn Long và triều đình nhà Thanh trong việc đối phó với Đại Việt. Cục diện đó cũng giúp cho chúng ta hiểu rõ hơn ý nghĩa những việc làm của Lê Quýnh và những điều ông đã phải chịu đựng trong suốt 15 năm truân chuyên trên đất Trung Hoa.

Ở một nghĩa rộng hơn, chúng ta có thể xem thái độ bất khuất của Lê Quýnh như một biểu trưng của chính dân tộc Việt trong giao thiệp với người láng giềng phương Bắc.

Lời mở đầu

Trong số vong thần nhà Lê bị giữ lại trên đất Trung Hoa cuối đời Càn Long, người được nhắc đến nhiều hơn cả có lẽ là Lê Quýnh. Ông là thủ lĩnh của một nhóm nhỏ nhất định không chịu cạo đầu và thay đổi y phục để nhập tịch thành dân nhà Thanh[2] khiến cho chính giới sĩ phu Trung Hoa cũng hết sức khâm phục.[3] Nhìn lại hành trạng của nhóm người lưu vong chúng ta cũng phần nào đồng tình với những người nhất định giữ gìn chút khí tiết còn sót lại – dù người đó là một nho sinh đọc sách hay chỉ là một kẻ mã đồng.

Trong bối cảnh lịch sử dồn dập đầy biến động cuối thế kỷ XVIII, số phận của những người lưu lạc sang Trung Hoa hầu như bị bỏ quên. Các chi tiết viết về vua tôi nhà Lê mà sau này hậu nhân biết được phần lớn dựa theo *Khâm Định Việt Sử thông giám cương mục* [quyển XLVII], *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện* [quyển XXIX], *Đại Nam Nhất Thống Chí* [quyển XIX, XXIV, XXV...].

Cũng may vài chục năm sau, vua Tự Đức đã ra lệnh cho quan địa phương tìm hiểu để đưa tên họ vào một ngôi đền thờ ở Hà Nội có tên là Lê Mạt Tiết Nghĩa Từ (黎末節義祠) nên những người đó không bị lãng quên và chúng ta còn một số chi tiết tương đối chính xác. Thơ văn và tiểu sử của một số đồng trong nhóm vong thần này còn tồn tại trong một tập hợp nhan đề *Nam Thiên Trung Nghĩa Thực Lục* (南天忠義實錄).[4]

Hành động tưởng niệm họ thực ra cũng có những động lực chính trị, vừa xoa dịu những người còn đôi chút hoài vọng cựu triều, vừa khuyến khích giới nho gia trung quân, hết lòng phụng sự chủ mới. Những chi tiết đó có làm sáng tỏ hơn một chút về cuộc đời vua Lê và bầy tôi, từ khi đi đến lúc trở về nhưng chưa bao giờ được lượng giá trong bối cảnh tranh quyền đoạt nước thời đó. Các sử gia cho đến nay chỉ đề cao thành quả chống xâm lăng của Nguyễn Huệ hay nhìn vào sự chính thống của nhà Nguyễn, nên không khỏi nhận định một cách thiếu công bằng đối với tiền triều, cho cả vua Chiêu Thống lẫn những thần tử còn hoài vọng một thời cũ. Do đó, dù nhìn từ góc cạnh nào – đề cao Tây Sơn hay đề cao nhà Nguyễn – thì vua Lê cũng có tội. Nhà Thanh cũng phủ nhận một cách dứt khoát, một mặt họ nêu cao vai trò bảo hộ “*hung diệt kế tuyệt, tỵ tiểu tồn vong*” [làm hưng kẻ bị diệt và nối lại triều đã đứt, nuôi kẻ nhỏ để mất rồi lại còn] của thiên triều nhưng khi có những khúc ngoặt quan trọng thì thái độ đối với những người vì tình thế phải nương nhờ vào họ cũng lập tức thay đổi theo.

Khi đã bị đẩy ra ngoài “*cuộc chơi*”, và trên hí đài chỉ còn thuần túy bang giao chính thức của hai triều đình Thanh – Việt, đời sống của những người lưu vong kia hầu như không còn ai biết đến. Một số bị đưa vào những đơn vị của bát kỳ binh mà thực tế là một đội công sai thấp kém, đồng lương không đủ sống nên phải bươn chải bằng những nghề tay trái, sống vật vờ đời vong quốc và nếu không có những biến chuyển ở trong nước thì chỉ vài chục năm sau cũng tan biến vào xã hội người Hán giống như hàng vạn quan lại và sĩ phu cuối đời Trần, đầu đời Lê bị bắt về Trung Hoa.[5]

Một số – nếu có thái độ phản kháng – thì bị đày đi xa, mỗi nơi một ít, có chỗ chỉ có một hoặc hai người, ở tận những vùng sa mạc, trời nóng thì cháy da cháy thịt, trời lạnh thì gió buốt thấu xương, đầy đồng tuyết phủ. Thế nhưng dầu sao thân phận đi đày còn được nhìn thấy trời xanh mây trắng, hạnh phúc hơn những người mà cả năm giam hãm trong bốn bức tường ngục chỉ vì nhất định không chịu khuất phục, có nghĩa là cắt mái tóc người Việt để cạo chỏm, thắt bím đuôi sam và từ bỏ chiếc áo dài cổ hữu của dân tộc để bận một bộ đồ khách. Họ cô đơn đến nỗi khi gặp được một người đàn bà Việt bị bắt ngoài biển đưa vào giam ở bộ Hình cũng mừng như “*tha hương ngộ cố tri*” vì có thể trao đổi với nhau dăm câu bằng tiếng mẹ đẻ.

Trong số người lưu lạc nơi đất khách, có những người tuy không tự nguyện lưu vong nhưng ở trong thế không quay trở về được, cũng có những người bị người Thanh đánh lừa vờ qua rồi cưỡng bách bắt ở lại, tiêu biểu là bọn Lê Quýnh. Nếu như ông cũng đành mặc cho số phận nổi trôi, ở bầu thì tròn, ở ống thì dài chắc cũng không đến nỗi. Thế nhưng ông nhất định không bằng lòng chịu làm “*Thanh nhân*” nên bị giữ ở Trung Hoa đến 13 năm [bị biệt giam 10 năm trong ngục và 3 năm quản thúc ở phía tây kinh thành] và chỉ được về nước sau khi nhà Tây Sơn sụp đổ, nhờ duyên thời thế hơn là vì lòng độ lượng của đối phương. Người ta còn nhắc đến ông với câu nói bất hủ:

Bọn ta đâu có thể chặt, nhưng tóc không thể cắt, da có thể lột, nhưng áo không thể đổi!

Ngoài một số văn thơ, Lê Quýnh còn để lại một hồi ký nhan đề *Bắc Hành Tùng Ký* (北行叢記) [tập hợp những ghi lại khi sang đất Bắc] kể lại việc ông chạy sang Trung Hoa lưu vong cho đến khi về nước. Tập bút ký này tuy có nhiều chi tiết về việc đối xử khắc bạc của Thanh triều với vua tôi Lê Duy Kỳ nhưng vẫn bị nhiều hạn chế, về không gian cũng như thời gian. Một lẽ dễ hiểu, hầu hết thời kỳ sống ở Trung Hoa, Lê Quýnh bị biệt giam trong ngục và nhiều điều chỉ nghe qua tin đồn hay truyền miệng nên không chính xác.[6] Với nhan đề “*tập hợp những ghi lại khi sang đất Bắc*”, Lê Quýnh nhấn mạnh vào cuộc đời từ khi sang Quảng Tây lần thứ hai cho đến khi đưa hài cốt vua Lê về nước. Thực sự thì trong vai một tù nhân, ông cũng không có điều kiện để biết được lý do thời cuộc của việc tra hỏi hay cưỡng ép nên cần được bổ sung và đối chiếu với các tài liệu khác để nội vụ thêm minh bạch.

Thái độ của nhà Thanh mà nhóm Lê Quýnh phải gánh chịu không hoàn toàn chỉ vì thái độ cứng rắn nhất định không khuất phục của họ mà còn là một nỗ lực để điều chỉnh và giải thích về chính sách của vua Càn Long đối với nước ta.

TỔNG QUÁT

Cuộc đời của Lê Quýnh gắn liền với mệnh vận cuối đời Lê có thể chia thành 4 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: (1750-1788) Từ khi còn nhỏ đến lúc đưa gia quyến vua Lê chạy sang Trung Hoa. Xuất thân từ một thế gia vọng tộc, tuy chỉ là ám sinh xuất thân nhưng gia đình ông luôn tận trung với triều đình và hết sức đề kháng phò chính thống. Năm Mậu Thân, Lê Quýnh đem gia binh vào bảo vệ hoàng gia được giao cho việc hộ giá thái hậu, vương phi và nguyên tử chạy lên Cao Bằng, bị truy kích phải chạy sang đất Thanh.

- Giai đoạn 2: (1788-1789) Theo quân Thanh trở về đến khi Tôn Sĩ Nghị bại trận và ẩn trốn chờ cơ hội khôi phục rồi lại sang Trung Hoa lần thứ hai.

Nhân danh “*hưng diệt kế tuyệt, tự tiếu tôn vong*”, nhà Thanh đem quân sang nước ta nhưng bị đánh bại ngay đầu Xuân năm Kỷ Dậu. Vua Lê và một số bầy tôi chạy được sang Trung Hoa. Lê Quýnh khi đó đang dưỡng bệnh ở quê nhà nên không theo kịp và phải 7 tháng sau mới cùng một số đồng chí theo đường Ải Diêm sang được Quảng Tây.

- Giai đoạn 3: (1790-1800) Bị giam ở Bắc Kinh vì không chịu nhập kỳ binh nhà Thanh. Khi Thanh triều công nhận nhà Tây Sơn, vua Lê và những người đi theo bị bắt buộc phải ăn mặc và để tóc theo phong tục Trung Hoa. Riêng nhóm Lê Quýnh phản đối lấy cớ rằng họ không tự ý chạy sang mà do lời yêu cầu của Phúc Khang An dẫn dụ nay xin được về nước. Để tránh những bất trắc cho việc bang giao, vua Càn Long ra lệnh đưa nhóm Lê Quýnh lên Bắc Kinh giam ở bộ Hình. Dù bị ép buộc và ngược đãi, bốn người nhất định không chịu khuất phục nên chỉ được thả ra sau khi vua Càn Long qua đời và triều Tây Sơn đến hồi cáo chung.

- Giai đoạn 4: (1800-1805) Sau khi được thả ở Bắc Kinh và đưa linh cữu vua Lê về nước đến khi qua đời.

Sau khi Thanh triều công nhận triều Nguyễn, năm Giáp Tý [1804] nhóm Lê Quýnh xin được đưa hài cốt vua Lê, thái hậu và nguyên tử về nước táng ở Thanh Hoa. Việc hoàn thành, Lê Quýnh trở về quê tu ở chùa Đại Đồng. Tháng Chín năm Ất Sửu [1805], ông bị cướp đâm chết. Đến đời Tự Đức, nhà vua cho xây Tiết Nghĩa Từ để ghi nhận những trung thần, Lê Quýnh là người đứng đầu trong số thần tử nhà Lê. Chính vì tận trung với nhà Lê, lại trước sau một lòng son sắt nên Lê Quýnh đã trở thành chứng nhân hùng hồn nhất trong một giai đoạn bang giao. Ông hiên ngang như cây tùng trước bão, trải qua bao nhiêu sương tuyết vẫn sừng sững giờ cái cang bọ ngựa chống lại cỗ xe, giải mã cho chúng ta những đổi thay thế sự. Nếu không có ông, nhóm nhà Lê sẽ chỉ thoáng hiện như một bóng mờ chính trị, theo thời gian sẽ tan biến vào số đông và hậu nhân không ai còn biết đến.

Ở một góc cạnh nào đó, lịch sử không phải chỉ luôn luôn là một vòng nguyệt quế dành cho người chiến thắng. Người thắng cuộc thường chỉ nói tốt cho mình nhưng trong nhiều trường hợp những người thua cuộc lại nói lên được nhiều điều chúng ta cần biết.

PHẦN I

SANG TRUNG HOA

THÂN THỂ

Sử sách khi được sử dụng như phương tiện phục vụ cho một quan điểm chính trị thì không mấy khi công bằng. Để nêu cao chính thống và cũng có thể vì tư hiềm, một tác giả nào đó[7] trong Ngô Gia Văn Phái khi chấp bút viết tiếp vào bộ *An Nam Nhất Thống Chí* [tức Hoàng Lê Nhất Thống Chí] đã miêu tả Lê Quýnh với những lời lẽ miệt thị:

[...] Lại nói, Lê Quýnh là người làng Đại Mão, huyện Siêu Loại [nay là huyện Thuận Thành, Bắc Ninh] vốn là một tay phong lưu công tử, con trai của Tiến sĩ triều Lê là Lê Doãn Giản. Khi tuổi trẻ, Quýnh chỉ biết uống rượu, đánh bạc, việc văn việc võ đều chưa hề luyện tập qua. Trước kia vì là con nhà quý tộc thân cận, nên được vào làm gia thần nhà vua. Đến khi quân Tây Sơn tới xâm lấn, Kinh thành thất thủ, Quýnh vâng mệnh vua theo hầu Thái hậu lên Cao Bằng, rồi bị quân giặc đuổi bắt, phải chạy sang Trung Quốc. Vì Quýnh hơi biết chữ nghĩa, cho nên khi chuyện trò với người Thanh, thường bịa ra nhiều câu khoác lác. Tôn Sĩ Nghị cũng không biết xét đến chỗ đó, đem lời tâu lên, vua Thanh ưng thuận. Thế rồi may khôi phục lại nước nhà, Quýnh tự cho là công lao của mình. Sau khi về thành Thăng Long, Quýnh chỉ lo đèn oản trả oán và công nhiên ăn của đút lót. Những tay hào kiệt trong nước đều không ưa Quýnh. Vua cho là Quýnh có công, giao cho cầm quân. Nhưng Quýnh mắt còn choáng lộn bóng tinh kỳ, tai chưa nghe quen tiếng chiêng trống, nói gì đến chuyện sắp đặt binh bị? Quýnh bèn mượn cớ không muốn xa rời cạnh vua, xin vua truyền cho viên Trấn thủ Sơn Tây đem quân bán bộ đóng trước ở Gián Khẩu, để chặn đường của quân Tây Sơn. Đó là Quýnh cốt cho mình khỏi phải ra trận; còn việc chinh chiến được hay thua, nước nhà còn hay mất, Quýnh chẳng cần biết đến làm gì.[8]

Đọc đoạn văn trên, ta hình dung ra một Lê Quýnh nếu không phải là mẫu người chơi bời đàng điểm của cậu ấm cô chiêu thời trước thì cũng thuộc loại du thủ du thực, phá làng phá xóm. Văn chương lại có giọng dè bủ mà nếu công tâm một chút, chúng ta có thể nghĩ rằng tác giả muốn thóa mạ đối phương hơn là trình bày sự kiện. Tuy không hẳn là hoàn toàn sai lầm nhưng nhiều

chi tiết về cuộc đời ông đã bị xuyên tạc. Việc miêu tả hành trạng của Lê Quýnh ngoài mục tiêu hạ thấp ông còn nhằm bôi bác triều đình Chiêu Thống để làm nổi bật một số trọng điểm nhưng những chi tiết đó đã vô tình làm thay đổi cả một biến chuyển lịch sử.

Chính giáo sư Hoàng Xuân Hãn cũng phụ chú thêm về những việc này là: “[...] *Phê bình chung về Quính, tác giả họ Ngô các hồi cuối HLNTC chê Quính một cách thậm tệ[...] Những nghị luận trên đây cũng có thể đúng một phần nào, nhưng ta chớ quên rằng tác giả là con cháu Ngô Thì Chí (tác giả bảy hồi đầu HLNTC) là người cũng được Chiêu-thống phái lên Cao-bằng tìm Thái-hậu, nhưng bị bệnh mắt dọc đường, cũng là con cháu Ngô Thì-Nhậm là đối địch với Quính[...]*”. Để nhìn lại con người Lê Quýnh nói riêng và toàn bộ thế cục Bắc Hà nói chung chúng ta không thể dùng những chi tiết trong *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* làm tiêu chuẩn xét đoán. Việc nối kết những chi tiết từ nhiều nguồn khác quan hơn sẽ giúp chúng ta nhìn được vấn đề tương đối minh bạch.

Theo *Bắc Hành Tùng Ký* và tiểu sử ghi trong *Nam Thiên Trung Nghĩa Thực Lục* (南天忠義實錄) thì Lê Quýnh [còn có tên là Lê Doãn Hựu] người làng Đại Mão, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh. Ông là con của tiến sĩ Lê Doãn Giản triều Lê, nho sinh xuất thân trông coi vệ binh tả hữu, tước hiển cung đại phu cho đến năm 25 tuổi [1774] thì vì có tang cha nên về nhà nuôi mẹ. Năm Bính Ngọ [1786], khi Nguyễn Huệ ra bắc, vua Chiêu Thống lên ngôi, ông được đưa lên Giang Bắc xếp đặt công việc, ít lâu sau thì trở về triều.

SANG TRUNG HOA LẦN THỨ NHẤT

PHỤC QUỐC

Xét tình hình miền Bắc nước ta cuối thế kỷ XVIII, việc quân Tây Sơn kéo ra lấy danh nghĩa “*phù Lê diệt Trịnh*” rồi sau đó thấy triều đình suy yếu nên chiếm đóng, xóa bỏ vai trò của phủ Chúa, tiến hành công việc “*truất phế*” vua Lê là những biến chuyển sấm sét, đem lại hoang mang, thẳng thốt cho sĩ phu Đàng Ngoài.

Một nước – quan niệm của thời trước đồng hóa một triều đại với một quốc gia – đã có truyền thống hơn 400 năm nay trong chốc lát bị xóa sạch mà những người cai trị mới lại từ một “*nước Quảng Nam*” mọi rợ, xa xăm. Ngoài sức mạnh quân sự, người dân Bắc Hà không tìm thấy những giá trị văn hóa gì nổi bật để cho họ tâm phục nên việc đồng loạt nổi lên chống lại là chuyện không có gì khó hiểu.

Như bất cứ biến động chính trị nào, nhiều xu hướng khác nhau cùng xuất hiện. Tuyệt đại quần chúng thường chịu đựng một cách thụ động nhưng cũng có một thiểu số nhanh chân ra cộng tác với tân triều.

TỰ LỰC CHỐNG TÂY SƠN

Khi Nguyễn Huệ nghe lời Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân ra Bắc chấm dứt vương quyền họ Trịnh, hệ thống quyền lực của Đàng Ngoài hầu như hoàn toàn sụp đổ. Trong nhiều năm, tranh chấp của hai phe Trịnh Cán, Trịnh Tông đã làm cho triều đình Bắc Hà chỉ còn lại một cái khung. Sau khi dứt họ Trịnh, anh em Nguyễn Huệ lại tịch biên kho tàng đem về Nam khiến cho triều đình Thăng Long không còn phương tiện nào để điều hành bộ máy quân sự và hành chính nên bất cứ một thế lực địa phương nào cũng có thể đem quân về chiếm kinh đô, uy hiếp nhà vua để mưu đồ quyền bính. Tình trạng hữu lệnh vô quyền đó khiến cho vua Chiêu Thống phải bí mật vời Nguyễn Hữu Chỉnh (khi đó đang ở Nghệ An) về dẹp loạn.

Tuy Nguyễn Hữu Chỉnh có thành công nhưng tình hình không hoàn toàn dưới quyền kiểm soát của trung ương mà chỉ tạm yên bề ngoài. Sự chia rẽ của miền Bắc khiến cho quân Tây Sơn mỗi lần kéo ra là một lần tan tác chẳng khác gì những lần Chế Bồng Nga ra đánh Đại Việt 400 năm trước.

Vì Nguyễn Huệ còn bận giao tranh với Nguyễn Nhạc rồi củng cố thế lực ở Đàng Trong, ông giao lại việc cai trị Bắc Hà cho một tì tướng, trước là Võ Văn Nhậm, sau là Ngô Văn Sở. Theo nhiều tài liệu, lực lượng của Tây Sơn đồn trú ở miền Bắc không đông lắm nhưng vẫn chu toàn

vai trò trị an. Chỉ trong khoảng một năm, vùng trung châu miền Bắc hoàn toàn dưới quyền kiểm soát của Tây Sơn, chỉ một số tỉnh thượng du gần biên giới còn đứng ngoài. Đầu thế, lực lượng còn trung thành với cựu triều không bao nhiêu, đa số chống Tây Sơn vì có ý tự lập hơn là vì vua Chiêu Thống. Do đó, bản thân vua Lê cũng phải lẩn trốn trong các thôn ấp, di động luôn luôn để tránh tai mắt của địch. Riêng thân quyến của Lê Duy Kỳ, bao gồm cả thái hậu (mẹ ông) và hoàng phi (vợ ông) cùng đưa con nhỏ phải chạy lên Cao Bằng nương nhờ một cựu thần còn trung thành là đốc đồng Nguyễn Huy Túc.

NGUYỄN NHÂN CHẠY SANG LONG CHÂU

Quân Tây Sơn chưa buông tha nên tiếp tục đuổi theo. Tháng Năm năm Mậu Thân [1788], đoàn người bị săn đuổi vượt sông chạy được sang Trung Hoa. Sau mấy ngày sống trong hang động, uống nước suối, ăn rau rừng, quân tuấn phòng nhà Thanh bắt gặp nên đưa họ đến Long Châu và thông báo cho quan sở tại.[9]

Việc thân quyến của một triều đình phiên thuộc chạy sang nội địa xin nương náu là một tin “*động trời*”. Tôn Sĩ Nghị, tổng đốc Lạng Quảng, vội vàng tới điều tra và sau khi biết rõ tình hình, lập tức tâu lên vua Càn Long để xin chỉ thị.

Đây là một khúc quanh lịch sử biến chuyển từ những tranh chấp nội bộ sang một qui mô lớn hơn có sự tham dự và can thiệp của bên ngoài – một đại quốc vẫn đóng vai thiên triều tự cho mình bổn phận và nhiệm vụ phải can thiệp khi phiên thuộc bị đe dọa.

Năm Đinh Mùi (Chiêu Thống nguyên niên), khi quân Tây Sơn [do Vũ Văn Nhậm làm tiết chế] ra bắc lần nữa, vua Lê chạy lên Lạng Giang. Lê Quýnh đem hơn 300 gia nhân hộ giá và tổ chức các đội nghĩa quân cần vương – theo như tường thuật của chính ông thì tổng số lên đến hơn 40,000 người và 500 chiến thuyền nhưng có lẽ chỉ tổng kết con số của các nơi lên tiếng hưởng ứng chứ không phải thực sự dưới tay ông. Vì công lao này ông được phong chức Trường Phái Hầu (長派侯)[10]. Khi đó, thái hậu [mẹ vua Chiêu Thống], nguyên phi [vợ cả của vua Chiêu Thống] Nguyễn Thị Kim và con đầu lòng là Lê Duy Thuyền [sơ sinh] đang ở Thái Nguyên nên nhà vua sai Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống [anh của hoàng phi] sang làm tả hữu hộ vệ sứ để bảo vệ gia quyến. Cuộc hộ giá đầy gian nguy đưa đoàn người tị nạn sang Trung Hoa dẫn đến việc Tôn Sĩ Nghị đem quân sang nước ta.

Chuyến đi của nhóm lưu vong nhà Lê đã bị đánh giá một cách hời hợt là nhằm mục tiêu cầu viện “*cõng rắn cắn gà nhà*”. Tới gần đây, khi tìm thấy một số thư từ của nhóm Nguyễn Huy Túc gửi Tôn Sĩ Nghị trong văn khố Trung Hoa, đối chiếu với di văn của những người trong cuộc, chúng ta mới thấy rằng có nhiều góc cạnh mới.

XUẤT BÔN SANG QUẢNG TÂY

Về nội tình Trung Hoa, một năm trước, công tác dẹp loạn và trấn áp của triều đình khiến một số dân tộc thiểu số nổi lên chống đối. Dưới danh nghĩa Phản Thanh Phục Minh, một “*hội kín*” có tên là Thiên Địa Hội do Lâm Sáng Văn cầm đầu đã chiếm đảo Đài Loan ngoài khơi Phúc Kiến. Tổng đốc Mân Triết Phúc Khang An – con của danh tướng Phó Hằng – được giao cho nhiệm vụ phối hợp quân thủy bộ ra bình định.

Chỉ huy một lực lượng hùng hậu, Phúc Khang An nhanh chóng đánh tan lực lượng cố thủ và biến cuộc tiểu trừ “*giặc cỏ*” thành một chiến công lừng lẫy mà vua Càn Long rất đặc ý. Một trong những người muốn nhân cuộc chiến này để xây dựng công danh là tổng đốc Lạng Quảng Tôn Sĩ Nghị. Thế nhưng vì là người Hán nên ông chỉ được lo việc hậu cần và tuy hoàn thành rất chu đáo nhưng lại không được cất nhắc khiến họ Tôn nóng lòng tìm một dịp khác, nhất là khi đó tuổi ông cũng đã cao, chậm nữa sẽ không còn cơ hội.

Việc thân quyến vua Lê sang “*tị nạn*” đã được Tôn Sĩ Nghị khai thác triệt để ngõ hầu có dịp cầm quân, mà theo miêu tả của quan lại nhà Lê thì còn thuận lợi hơn Phúc Khang An nhiều: Nguyễn Huệ chiếm cứ Bắc Hà chỉ bằng sức mạnh nên bị chống đối khắp nơi, một khi quân Thanh “*thanh viện*” [lên tiếng yểm trợ] thì lập tức toàn quốc sẽ nổi lên đánh đuổi quân Tây Sơn về xứ Quảng Nam.

Nguyện vọng nguyên thủy của thần tử nhà Lê chỉ là xin Thanh triều can thiệp để Tây Sơn chia cho họ đất Cao Bằng [quản hạt cũ của Nguyễn Huy Túc] làm chỗ dung thân [như một khu vực tự trị dành cho con cháu nhà Mạc]^[11] nay đã bị Tôn Sĩ Nghị hướng sang một đường lối khác, biến thành một vận động quân sự. Trong đường lối thi hành ở nước ta, quan lại nhà Thanh thường móm lời theo ý của họ, rồi làm như chính người Việt đã nêu ý kiến để đặt mọi sự vào việc đã rồi, khi việc không thành lại kết án ngay người trước đó từng được xúi bẩy.

Với đầy đủ lý do chính đáng, viên tổng đốc Lương Quảng tâu lên nhân danh “*tự tiểu tôn vong, hưng diệt kế tuyệt*” vốn dĩ vẫn là chiêu bài sử dụng để can thiệp vào nước khác.[12] Vua Càn Long, với bản chất hiếu võ, lại thấy vấn đề tương đối dễ dàng nên không ngần ngại cử ngay Tôn Sĩ Nghị làm tổng chỉ huy, tiết chế bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu sang lấy lại nước cho Lê Duy Kỳ.[13]

Để danh chính ngôn thuận và kế hoạch tiến binh sang An Nam được dễ dàng, Tôn Sĩ Nghị sai một số bầy tôi nhà Lê trở về nước tìm cho bằng được Lê Duy Kỳ, yêu cầu ông viết thư xin nhà Thanh đem quân sang đánh Nguyễn Huệ. Căn cứ vào một số văn thư qua lại của vua Lê và các quan lại theo ông, chúng ta có thể tin rằng không phải mọi người đều có chung một quan điểm xin viện binh mà một số chủ trương chỉ yêu cầu họ lên tiếng làm áp lực để Nguyễn Huệ giao trả lại Bắc Hà cho nhà Lê. Một tờ trình của Lê Quýnh [đi kèm theo lời kêu gọi chính thức của Lê Duy Kỳ] có nội dung như sau:

Nước An Nam từ khi lập quốc đến nay chỉ có họ Lê là được nước một cách chính đáng, ân huệ ban bố đến lòng dân, lễ nghĩa cũng kết nối được chí sĩ phu. Giữa đường họ Mạc tiếm vị mất hơn 60 năm, vậy mà lòng người hướng về triều đại cũ vẫn không đổi. Rồi trung hưng hơn hai trăm năm, có họ Trịnh phụ chính, đời đời nắm quyền, vua nước tôi tuy là chủ của hạ quốc nhưng phương nam có họ Nguyễn phụ chính, riêng một cõi, bắc có Trịnh phụ chính, giữ binh quyền cho tới ngày nay.

Cả Trịnh lẫn Nguyễn đều bị Nguyễn Nhạc đánh đuổi, khi đó lòng người ai cũng coi họ là cái bệnh của nước nên không kháng cự. Đến khi lòng dạ Nguyễn Nhạc lộ ra, càng lúc càng thêm tàn nhẫn. Chỉ trước đây mấy năm, Nguyễn tặc tự đặt niên hiệu Thái Đức. Nay lại thêm tội cướp nước phạm thượng, dân chúng khắp nơi nổi lên chống lại, đủ biết họ Lê ân trạch thấm nhuần, không gọi mà đồng lòng, biết điều nhân thì dân hướng về, Nguyễn tặc tuy mạnh, cũng không thể ép người ta phải theo.

Chỉ mong thiên triều thương nước nhỏ, ban bố cái đức cho kẻ khốn khó, đem binh trời đến sát biên cảnh, làm thế thanh viện cho hạ quốc, dân trong nước nghe tin, lập tức từ trong đánh ra, không cần phải nhọc đến binh thiên triều, cái đầu Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ ắt sẽ đến ngay. [14]

Trong khi Lê Duy Kỳ vẽ ra kế hoạch chia quân thủy bộ đánh vào Thăng Long và Thuận Hóa thì Lê Quýnh lại chỉ xin “*thiên sự áp cảnh, vi hạ quốc chi thanh viện*” (đem quân đóng ở biên giới để lấy tiếng cứu viện hạ quốc), rõ ràng Lê Quýnh không muốn họ đem quân sang nước ta.

MỤC ĐÍCH CỦA THANH TRIỀU

Về nhóm tông tộc nhà Lê chạy được sang Long Châu mong muốn to lớn nhất của họ lúc đó chỉ là làm sao sống còn, được phép ở lại Trung Hoa mà không bị giải giao về nước cho quan chức sở tại. Đòi Thanh, dân chúng qua lại vùng biên giới đều bị cấm ngặt, có đi thường không có về, dù từ Trung Hoa ra khỏi nước hay từ bên ngoài vào nội địa Trung Hoa đều bị nghiêm trị.

Chính vì thế, thân quyến và di thần nhà Lê vội vàng kể rõ tình cảnh bị cường địch truy sát [chứ không phải dân biên giới trốn sang ở phi pháp] hi vọng rằng quan nhà Thanh sẽ vì tình mà không trả về nước. Khó khăn nhất của đám người lếch thếch này là không có một giấy tờ hay vật dụng khả dĩ chứng minh thân thế nên chỉ dựa vào khẩu cung để trình bày hoàn cảnh của mình.

Khi biết chuyện, các cấp tiểu lại địa phương không dám tự chuyên, vội vàng báo lên tuần phủ Quảng Tây Tôn Vĩnh Thanh và tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị. Tôn Sĩ Nghị liền chạy

xuống không phải vì quan tâm đến sinh mệnh chính trị của tiểu quốc ở phía nam mà vì đây là một cơ hội tốt cho hoạn lộ của mình nếu biết khai thác.

Nguyên vua Càn Long vẫn ao ước sẽ có cơ hội để tự xưng là “Thập Toàn Lão Nhân” trước khi ông thoái vị. Danh hiệu “*thập toàn*” mang nhiều ý nghĩa nhưng trong đó cũng ẩn náu một mơ ước là ông sẽ thực hiện được mười võ công oanh liệt nên tìm đủ cách tạo những chiến thắng để chứng tỏ tài thao lược của mình.

Mọi việc xảy ra đúng như Tôn Sĩ Nghị tính toán. Vua Càn Long rất phấn khởi khi nghe báo cáo và ra lệnh điều động quân bốn tỉnh Vân Nam – Quý Châu và Quảng Đông – Quảng Tây chia thành hai ngả tiến sang nước ta.

QUÂN THANH VƯỢT QUA NAM QUAN

Ngày 28 tháng Mười, giờ Mão [25-11-1788] quân Thanh té cờ mở cửa ải tiến qua Nam Quan. Lê Quýnh và Lê Duy Đản được giữ ở trung quân để cố vấn cho Tôn Sĩ Nghị. Tới Lạng Sơn, Tôn Sĩ Nghị dừng lại hai ngày chờ các cánh quân khác đi sang kịp.

Nghe tin này, quân Tây Sơn rút về giữ Tiên Lệ (先麗), Càn Dịch (芹驛), Ha Hộ (訶), Trụ Hữu (柱右), dựa vào thế đất hiểm trở để ngăn giặc. Khi phái đoàn Lê Duy Đản, Trần Danh Án, Lê Quýnh sang Quảng Tây mang theo tờ bẩm của Lê Duy Kỳ, họ đã xác quyết rằng một khi quân Thanh tiến qua khỏi cửa ải thì vua Lê sẽ tới ngay để cùng với Tôn Sĩ Nghị tiến xuống Thăng Long. Thế nhưng quân Thanh ra khỏi Nam Quan đã gần nửa tháng vẫn chưa thấy bóng dáng Lê Duy Kỳ đâu nên ngày 11 tháng Một năm Mậu Thân [8-12-1788], Tôn Sĩ Nghị sai Lê Quýnh đi tìm vua Chiêu Thống. Lê Quýnh thuật lại trong *Bắc Hành Lược Ký*[15] như sau:

Tôn đại nhân cật vấn Lê Quýnh rằng:

- Sao bản bộ đường ra khỏi cửa ải đã hơn tám trăm dặm sao chưa thấy vương tự tôn động tĩnh gì?

Lê Quýnh trả lời có lẽ vì đường sá bị trở ngại nên nhân đó xin một mình cưỡi ngựa đi tìm chủ.

Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị bằng lòng.

Nghe tin quân Nam thua ở sông Thương, nội hầu Tây Sơn Phan Văn Lân (潘文璘) đem binh lên giữ Thị Cầu, đóng trên các sườn núi và chỗ hiểm yếu ở bờ sông phía nam, lại thiết lập nhiều đồn lũy bằng tre, gỗ dọc theo bờ sông phòng ngự. Trương Triều Long dẫn quân qua sườn núi tập hậu đánh bất ngờ vào đại doanh của Phan Văn Lân. Phan Văn Lân rút quân về bảo vệ Thăng Long.[16]

Quân Thanh tiếp tục tiến đến bờ phía bắc sông Nhĩ Hà. Đại Tư Mã Ngô Văn Sở cho rút toàn bộ lực lượng về núi Tam Điệp rồi cáo cấp với vua Quang Trung.

Ngày 21, Lê Quýnh đưa vua Lê Chiêu Thống đến gặp Tôn Sĩ Nghị ở bờ sông phía bắc Nhĩ Hà.

Ngày 22, vua Lê cùng quân Thanh vào chiếm lại Thăng Long.

TRỞ LẠI THĂNG LONG TRIỀU ĐÌNH CHIÊU THỐNG

Sau khi tái lập triều đình, vua Lê và cận thần chủ trương thừa thắng tập trung quân tiến lên lấy lại vùng đất cũ của Bắc Hà nên giao cho Lê Quýnh lo liệu mọi việc quân đội, lương lương. Tuy nhiên Thanh triều lại không muốn giúp cho vua Lê hoàn toàn thắng thế mà muốn hai bên chia quyền hành, đất đai để họ dễ dàng khống chế cả hai. Việc Tôn Sĩ Nghị đưa ra kế hoạch “*dụ hàng*” Nguyễn Huệ khiến cho vua Lê không khỏi bất mãn nhất là sau khi họ Tôn bắt ép vua Chiêu Thống phải thu hồi binh quyền và chỉ giao cho Lê Quýnh nhiệm vụ “*bình chương sự* (平章事) *việc hộ, việc binh*” lo việc hành chánh.

Bắc Hành Lược Ký trong Nam Phong (125) chép như sau:

[...] tháng chạp, theo sắc của thiên triều ban xuống phong cho tự tôn làm An Nam quốc vương. [vua Lê]ban cho Lê Quýnh chức vụ tổng binh. Cũng tháng đó, Lê vương sai Lê Quýnh lo việc binh lương, định ngày đánh đuổi giặc [quân Tây Sơn]. Thế nhưng Tôn đại nhân lại tính chuyện chiêu hàng nên ép quốc vương đuổi theo lấy lại kiếm ấn, đổi lại thành bình chương

sự (chức vụ lo việc giấy tờ). Vừa lúc đó, Lê Quýnh nổi cơn sốt rét nặng nên xin về nhà [quê làng Đại Mão] nghỉ ngơi uống thuốc[...][17]

Việc ông đột nhiên về quê đã đưa đến nhiều nghi vấn, người thì cho rằng ông bất mãn với Lê Duy Kỳ nên bỏ đi, người thì cho rằng ông bị Tôn Sĩ Nghị mắng nhiếc nên bẽ mặt. Theo *Khâm Định An Nam Ký Lược*, quyển XXVI (tr. 1-3) Tôn Sĩ Nghị [lúc này ông ta đã đổi sang làm tổng đốc Tứ Xuyên sau khi thua trận bị cách chức tổng đốc Lương Quảng] ngày mồng 3 tháng giêng năm Càn Long thứ 55 (1790) tâu lên:

Năm trước, Lê Quýnh đưa mẹ và vợ Lê Duy Kỳ đến gõ cửa quan cầu cứu. Thần [Tôn Sĩ Nghị tự xưng] đến biên ải Việt Tây [tức biên giới tỉnh Quảng Tây] xem xét cứu thần nhà Lê, chỉ thấy Lê Quýnh ngón từ, cử động có vẻ khí khái, xem ra nhanh nhẹn tháo vát nên đã sai đi theo đường Quảng Đông về nước tìm chủ.

Thần cũng tuân theo thánh ân cấp cho Lê Quýnh tiền bạc phí tổn nên khi gặp Lê Duy Kỳ rồi trở qua báo tin liền cho y theo làm hướng đạo. Về sau không thấy Lê Duy Kỳ đâu nên thần đã sai y đi tìm, mãi đến khi thần tiểu sát qua sông, khắc phục Lê thành [tức thành Thăng Long] rồi, Lê Quýnh lúc bấy giờ mới cùng Lê Duy Kỳ đến quân doanh.

Nguyên do là vì bọn họ dò thám thấy quân địch đóng ở các sông Thọ Xương, Thị Cầu, Phú Lương thế mạnh, nghĩ rằng quan binh không thể thắng nổi nên không dám ra. Thần biết ngay bọn Lê Quýnh trước đây qua cửa ải, nói khoác rằng ở xứ này nghĩa sĩ tụ tập, một khi đại binh đến nơi sẽ đứng lên tiếp tay đánh giặc là điều không thực.

Thần đóng binh ở bờ sông Lê thành, Lê Quýnh lúc đầu có đi theo Lê Duy Kỳ đến yết kiến mấy lần, sau đó mất tăm không thấy nữa. Thần mới hỏi Lê Duy Kỳ thì nghe nói Lê Quýnh bị sốt rét nặng, hiện đang ngoạ bệnh. Thần nghĩ lúc này Lê thành mới khôi phục, quân giặc chưa trừ xong, đâu phải là lúc lạng thinh chữa trị, nên mới truyền cho y đến bờ sông, trách mắng các người khi còn ở nội địa [tức ở Trung Hoa] từng bầm là một khi đại binh xuất quan, người trong nước sẽ vãn tập hưởng ứng, thế mà mấy lần cùng giặc huyết chiến, nào có thấy các người tụ tập nghĩa dũng, để trợ thanh uy đâu?

Đến bây giờ lại cáo ốm không ra, đủ biết các người không chút thiên lương, phụ lòng đại hoàng đế giúp cho sự mất còn của kẻ yếu. Thần nặng lời mắng mỏ, Lê Quýnh phục xuống đất dạ dạ, khăng khăng nói là quả thực bị bệnh. Thần lại gắng hỏi kỹ càng, Lê Quýnh [ngươi] tuy có ốm thật nhưng [có phải] vì khi Lê Duy Kỳ được nước rồi, lại không hết lòng uỷ nhiệm nên mới thoái thác? Thần xem y tính khí không biết đại thể, lòng dạ bạc bẽo. Lại nghe Lê Duy Kỳ ở kinh thành, tru lục mấy kẻ bạn thân là do mấy kẻ tuý tòng như bọn Lê Quýnh ở bên cạnh xúi bẩy nên lập tức ngăn Lê Duy Kỳ không cho làm nữa. Lại viết một bài dụ mấy trăm câu, chỉ cho y biết lúc này cần phải đối xử khoan dung, thu phục nhân tâm để an lòng kẻ phản trắc, tuyệt đối không được toan tính chuyện trả thù khiến cho lòng dân phản bạn, thân thích chia lìa. Lê Duy Kỳ vâng lời, cầm tờ dụ của thần viết đi ra.[18]

Theo sử Việt Nam, khi nghe tin Nguyễn Huệ kéo quân ra và các cánh quân giữ nhiệm vụ chặn địch thất bại, Tôn Sĩ Nghị vội vàng vượt sông Nhĩ Hà, chặt cầu phao rồi chạy trốn về Trung Hoa. Theo báo cáo của chính họ Tôn thì ông ta đến Nam Quan ngày 11 tháng giêng.

QUÂN THANH THẤT BẠI CHẠY VỀ QUẢNG TÂY

Thất bại nhanh chóng của quân Thanh khiến cho Lê Duy Kỳ và một số cận thần vội vàng chạy theo Tôn Sĩ Nghị về hướng Nam Quan. Tuần phủ Quảng Tây Tôn Vĩnh Thanh đã báo cáo rằng vua Lê nhập quan cùng với khoảng 20 tùy tòng [nhưng không có thái hậu và nguyên tử] vào giờ thân (buổi chiều khoảng 4, 5 giờ) ngày mồng bảy (tháng giêng năm Kỷ Dậu) nên lập tức đưa đến Nam Ninh tạm trú.

Trong khi đó, những khu vực phía bắc kinh thành Thăng Long vẫn còn nhiều vùng chưa hoàn toàn dưới quyền kiểm soát của Tây Sơn nên mau chóng tập trung thành một số tụ điểm trong đó đáng kể nhất là:

1. Lê Quýnh và Lê Doãn Trị, Trịnh Hiến, Lý Bình Đạo... ở lại chiêu mộ binh sĩ, tổ chức lực lượng để đợi thời cơ,
 2. Lạn Quận Công Lê Duy Chỉ cùng một số tôn thất chạy lên vùng Tây Bắc liên kết với một số thổ hào xây dựng căn cứ.
- Theo báo cáo của quan nhà Thanh, một số quân lính, dân phu của họ cũng tự động chạy theo các đường núi trở về, nhiều người lạc sang phía Vân Nam nhưng phần đông tàn quân chạy về Lạng Sơn qua cửa Nam Quan.

VUA CHIÊU THỐNG VÀ TÔNG THẦN

Một điều chắc chắn, vua Lê không chạy cùng với Tôn Sĩ Nghị [như sử Việt Nam vẫn chép] và chỉ gặp lại Tôn Sĩ Nghị sau khi đã sang Trung Hoa. Theo một tờ biểu của họ Tôn tường trình lên vua Càn Long về việc thất trận thì khi vừa chạy đến Nam Quan, ông đã tâu lên là đang cho người tìm kiếm Lê Duy Kỳ để tránh cho một ông vua được phong vương chính thức của Thanh triều bị giặc bắt.[19]

Trên danh nghĩa, Tôn Sĩ Nghị đem quân sang nước ta là để “*hưng diệt kế tuyệt*”, lập lại dòng chính thống cho nhà Lê nên việc viên tổng đốc Lương Quảng chạy thoát thân một mình không ngó ngàng gì đến ông vua An Nam mới được phong vương nếu truy ra sẽ thành đại tội ngộ thất quân cơ.[20]

Lịch Triều Tạng Ký có chép một chi tiết khi vua Chiêu Thống gặp Tôn Sĩ Nghị tại biên giới:

[...] *Vua Chiêu Thống cáo từ Tôn Sĩ Nghị rằng:*

“Tôi làm mất xã tắc, nhục nhã nhờ Tôn đại nhân sang cứu; xiết bao cảm kích. Nay ngài bỏ đi, không dám nài xin nữa. Cúi xin [ngài] trở về triều được mọi điều may mắn. Tôi xin trở lại đất nước tôi, thu thập dân, lính để lo một phen nữa. Nếu may mà thành công được thì đó là do quan thượng hiến giúp cho, nếu chẳng thành công, thì lại theo xe thượng hiến để chờ xin che chở”.

Nghị nghe đến đây, lấy tay viết vào tấm gỗ rằng: “Nguyễn Quang Bình (tức Nguyễn Văn Huệ) không bị diệt thì quyết không thôi. Tôi đã viết biểu tâu xin thêm quân, một ngày kia đại quân sẽ tới. Đất Lạng Sơn gần kề quân giặc, lương ít, khí độc, không tiện ở lại, hãy tạm vào yên nghỉ ở đất Nam Ninh, để chờ chiếu chỉ của thiên triều”.[21]

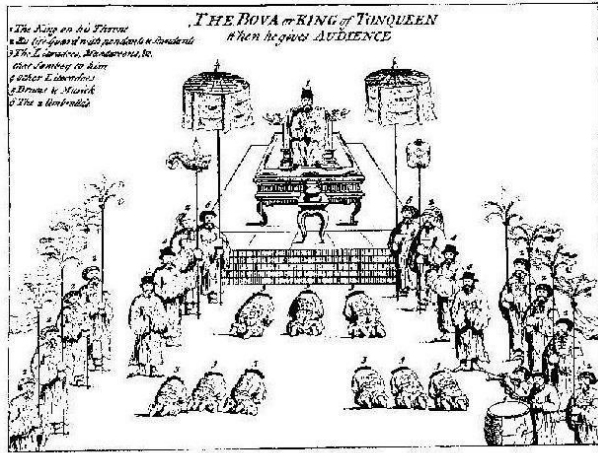
Nếu đúng như thế, Lê Duy Kỳ cũng biết rằng người Thanh giúp mình cũng chỉ được một lần, việc khôi phục vẫn phải do mình là chính. Việc Tôn Sĩ Nghị yêu cầu ông ở lại có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau nhất là để minh chứng với triều đình là ông vẫn hết lòng bảo vệ một quốc vương chính thống. Vả lại, Tôn Sĩ Nghị vốn dĩ đã có ý sử dụng chính trường nước Nam để mong đẹp lòng vua Càn Long. Ngay ngày Tết Nguyên Đán, tại Trùng Hoa Cung, vua Cao Tông và 28 văn quan [nhị thập bát tú] đã làm một bài thơ liên hoàn đầy đả kích về chiến công này.[22]

Khi quân Thanh thua chạy, Tôn Sĩ Nghị vội vàng dò ý vua Càn Long để tìm cách biện bạch cho đúng ý. Trước hết, Tôn Sĩ Nghị thông đồng với Tôn Vĩnh Thanh [tuần phủ Quảng Tây] đổ tội cho Lê Duy Kỳ trốn đi làm hoảng loạn lòng quân trong khi theo các nguồn tài liệu của Việt Nam thì vua Lê chỉ chạy theo khi thấy viên tổng đốc nhà Thanh đào tẩu.

Đến khi thấy tình hình có cơ chuyển hướng, Tôn Sĩ Nghị lại tính việc dùng vua Lê làm điều kiện trao đổi với triều đình Tây Sơn. Kế hoạch này được Phúc Khang An tiếp tục để tiến hành đàm phán, đưa đến thoả hiệp mà cả hai triều đình Càn Long lẫn Quang Trung cùng mong đợi. Trong khi đang ngấm ngấm trao đổi, vua Lê và dân chúng Bắc Hà có lẽ cũng không ngờ rằng hai kẻ đại thù đã sẵn sàng bắt tay nhau và gạt ra ngoài một đồng minh cũ không thương tiếc.

Để chuẩn bị cho công tác hậu chiến, vua Quang Trung cũng bỏ ngõ con đường từ Thăng Long lên Lạng Sơn nhằm mở ra một cánh cửa bang giao. Nhiều dấu hiệu cho thấy nếu Tây Sơn muốn đuổi tận giết tuyệt, số lượng quân Thanh đông đảo vượt qua sông Nhị Hà về biên giới khó lòng có thể chạy thoát mà không bị tấn công. Cũng nhờ đó, tuy trận chiến Việt – Thanh có

khốc liệt nhưng quan lại triều Lê hầu như không tổn thất vì không ghi nhận một nhân vật nào của Bắc Hà bị tử thương.



2. The Court of the *Vua*, the Le Dynasty Emperor of Vietnam
(from Churchill's *Voyages*)

16

(Lê Chiêu Thống và cận thần châu Cà Long)

Sau khi vua Lê đã bình yên, nhóm bảy tội đầu tiên chạy được sang Trung Hoa vào khoảng hơn 20 người^[23]. Cuối tháng Giêng, số người sang được Quảng Tây bao gồm:

- Mẹ và con vua Chiêu Thống (Nguyễn thị Ngọc Tố và Lê Duy Thuyên)
- Hoàng Ích Hiếu, phiên mục Cao Bằng, tước Địch Quận Công
- Nguyễn Quốc Đống, người xã Tì Bà, huyện Lang Tài [anh của vương phi Nguyễn Thị Kim]
- Phạm Như Tùng, người Thư Trì, đề lĩnh
- Lê Hân, người xã Nộn Liễu, huyện Nam Đường
- Phạm Đình Thiện, người xã Bắc Trạch, huyện Chân Định
- Lê Văn Trương, người xã Nghĩa Đồng, huyện Nam Đường
- Lê Quý Thích, người xã Đồng Bằng, huyện Yên Định^[24]

Đến tháng Ba, báo cáo nhà Thanh ghi nhận thêm những tên sau đây:

- Phan Khải Đức
- Nguyễn Đình Bái
- Hoàng Đình Cầu
- Nguyễn Đình Liễn
- Nguyễn Hiền

Đến tháng Tư, Phúc Khang An lại tâu lên có thêm những người sau đây:

- Lê Duy Ân (con út vua Hiến Tông, chú của Lê Duy Kỳ) tước Trung Quận Công
- Lê Duy Trợ (thân tộc nhà Lê)
- Lê Duy Doanh (thân tộc nhà Lê)
- Trần Đắc Bồi
- Nguyễn Đình Hoa
- Đặng Kim Huân
- Nguyễn Đình Dung
- Vũ Xuân Bình
- Phan Khải Tích
- Phan Mạnh Hiền...

Theo báo cáo của Phúc Khang An và Tôn Vĩnh Thanh thì số người qua tị nạn được tạm trú ở Quế Lâm là 376 người.^[25]

[1] Trần Khánh Hạo chủ biên, *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San*, Lịch Sử Tiểu Thuyết Loại, đệ ngũ sách: Hoàng Lê Nhất Thống Chí, (Đài Loan: Học Sinh thư cục, 1987) tr. 241

[2] Đời Thuận Trị, một năm sau khi Thanh binh nhập quan (1645) nhiếp chính vương Đa Nhĩ Cổn [Aisin-Gioro Dorgon -多爾袞] ra lệnh trong vòng 10 ngày mọi người nam đến tuổi trưởng thành phải cạo nửa đầu phía trước và để tóc dài tết thành đuôi sam. Ai không tuân theo đều bị xử tử. Đây là cách để biết người nào theo, người nào chống nhà Thanh. Rất đông chạy ra nước ngoài nhất là vùng Đông Nam Á tạo thành những cộng đồng người Hoa còn tồn tại đến ngày nay. Theo nhiều tài liệu, số chống đối bị giết lên đến hàng vạn người và phải 10 năm sau luật này mới hoàn toàn áp dụng trên đất Trung Hoa đến đầu thế kỷ XX khi nhà Thanh bị lật đổ.

[3] Trong *Khiếu Đình Tạp Lục* [嘯亭雜錄] của Chiêu Liên [昭璉] đời Thanh, quyển IX tiểu mục nhan đề “An Nam Tứ Thần” [安南四臣] có chép như sau:

Năm Kỷ Dậu [1789] đời Càn Long, Phúc Văn Tương [tức Phúc Khang An] nhận cho Nguyễn Quang Bình về hàng nên đưa vua cũ của An Nam là Lê Duy Kỳ lên kinh đô, gia nhập Nhung Hoàng Kỳ Hán quân. Bọn bồi thần Lê Quýnh, tất cả bốn người không chịu thay đổi y phục, hoàng thượng tức giận bắt giam vào ngục. Đến khi đức kim thượng [tức vua Gia Khánh] lên ngôi mới cho đưa ra sống ở Hoả Khí Doanh, bốn người rất là vui sướng, ngâm vịnh không thôi. Đến năm Quý Hợi [1803] đời Gia Khánh, quốc trưởng Nông Nại [Đồng Nai] Nguyễn Phúc Ánh diệt được con cháu Quang Bình, dâng biểu xưng thần được hoàng thượng nhận cho hàng phục, phong làm Việt Nam quốc vương. Nhân thế mới cho bốn người về nước, quả thực là những kẻ sĩ tuấn kiệt đất man di vậy.

[4] *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San*, quyển 6 (Đài Bắc: Đài Loan Học Sinh thư cục, 1986) do Trần Khánh Hạo và Vương Tam Khánh chủ biên.

[5] Trong *Trung Việt Quan Hệ Sử Luận Văn Tập* (中越關係史論文集) [1992] Trương Tú Dân (張秀民) đã tổng kết một danh sách rất dài nhan đề “Minh Đại Giao Chỉ Nhân Di Nhập Nội Địa Chức Quan Biểu” (明代交趾人移入內地職官表), từ tr. 88-109

[6] Hiện nay trong tay chúng tôi có ba bản Hán Văn:

1. *Lê Quýnh Bắc Hành Tùng Ký* trong *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San* [quyển VI] do Trần Khánh Hạo và Vương Tam Khánh chủ biên (Paris-Taïpei: École Française d'Extrême-Orient, 1986) tr. 98-117

2. *Bắc Hành Tùng Ký*, bản chép tay lưu trữ trong Viện Hán Nôm [Hà Nội] (VHv108) được in lại theo lối chụp ảnh trong *Việt Nam Hán Văn Yên Hành Văn Hiến Tập Thành* [tập VI] (Phục Đán đại học xbx, 2010) tr. 75-150

3. *Bắc Hành Lược Ký* đăng trong Nam Phong Tạp Chí, phần Hán Văn từ số 125-131 Năm 1969, trong ba Tập San Sử Địa tập 13, 14 -15, 16, giáo sư Hoàng Xuân Hãn công bố một bản dịch công phu “*hồi ký chính trị*” Bắc Hành Tùng Ký với chú giải rất rõ ràng về 13 năm trường trong nhiều nhà ngục của Lê Quýnh. Ông được thả ra vì những biến chuyển chính trị tại Trung Hoa (vua Càn Long mất, vua Gia Khánh lên ngôi) và nhất là ngay tại Việt Nam (nhà Tây Sơn bị diệt, nhà Nguyễn thống nhất đất nước) nên có sự đồng tình để cho các tông vong nhà Lê về nguyên quán.

Khi đối chiếu bản dịch của giáo sư Hoàng Xuân Hãn với bản Hán văn nhan đề *Bắc Hành Lược Ký* trên Nam Phong số 125 đến 131, chúng tôi thấy bản của Nam Phong phong phú, có những chi tiết rất đáng ghi nhận [mà chúng tôi cho rằng bản Nam Phong gần với bản chính của Lê Quýnh hơn].

Bản của giáo sư Hoàng Xuân Hãn gần giống như bản Hán văn trong *Nam Thiên Trung Nghĩa Thực Lục*. Qua một số tài liệu Việt Nam cũng như Trung Hoa, Triều Tiên chúng tôi mới sưu tầm được, nhiều phỏng đoán của giáo sư Hoàng Xuân Hãn có thể được điều chỉnh lại cho gần hơn với sự thực. Trong biên khảo này, những đoạn ghi là Bắc Hành Lược Ký là bản dịch chúng tôi thực hiện dựa theo tài liệu đăng tải trên tạp chí Nam Phong.

[7] Một số nhà nghiên cứu cận đại đã cố gắng nối liền tác giả những chương sách thuộc đời Tây Sơn là Ngô Thì Nhậm. Tuy nhiên, nếu so sách và đối chiếu với những văn thư do chính Ngô Thì Nhậm viết, chúng ta có thể khẳng định rằng người viết những chương sách này không thể là người đã sống hay làm quan triều Quang Trung và chỉ có thể ở thời kỳ cận đại (khoảng cuối thế kỷ XIX). Những chi tiết viết về triều đại Quang Trung trong HLNTC không thể do một cận thần viết vì quá sai lầm so với sự thực lịch sử. Trong góc độ tương đối nghiêm chỉnh, chúng ta chỉ có thể sử dụng được 7 chương đầu do Ngô Thì Chí [吳時誌] biên soạn. Mười chương sau do những người khác chỉ có thể tham khảo rất dè dặt và chắc chắn không phải của Ngô Thì Nhậm.

[8] Ngô Gia Văn Phái, *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*, Nguyễn Đức Vân – Kiều Thu Hoạch dịch và chú thích (2002) tr. 370-1

Nguyên văn chữ Hán:

且說黎超類大卯人，本是風流公子[黎朝進士黎允儻之子]，少年只以飲博為事，文事武備，(chữ Hán)

稍識文字，故與此人答問，弄出許多大言。孫總督亦不為察，為之題達，清帝準允，幸得復國，Trần Khánh Hạo (chủ biên). *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San* [quyển 5] *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* (Paris-Taipei: École Française d'Étrême-Orient, 1986) hồi 14 tr. 230-1

Dịch âm:

Thả thuyết Lê Quýnh Siêu Loại Đại Mão nhân, bản thị phong lưu công tử [Lê triều tiến sĩ Lê Doãn Giản chi tử], thiếu niên chỉ dĩ ẩm bác vi sự, văn sự vũ bị, phi sở tổ giảng, hướng nhân quý cận nhập vi gia thân. Đãi Tây tặc lai xâm, kinh thành thất thủ, đế lệnh tông thái hậu giá chi Cao Bằng, vi dịch nhân truy bức, bắt đắc bắt đầu nội địa, duyên tha sảo thức văn tự, cổ dữ thử nhân đáp vấn, lộng xuất hứa đa đại ngôn. Tôn tổng đốc diệc bắt vi sát, vi chi đề đạt, Thanh đế chuẩn duẫn, hạnh đắc phục quốc, tự dĩ vi công. Ký hoàn Thăng Long, tiện tư báo ân cừu, công tư hóa hối, quốc trung hào kiệt giai tâm bất hỉ tha. Đế dĩ kì hữu công, ủy chi binh binh, mục đồ huyễn tinh kì chi sắc, nhĩ vị văn kim cổ chi thanh, thần năng tác hà chú thổ, nhân thác dĩ bất dục viễn li tả hữu, thỉnh đế sắc Sơn Tây trấn thủ tiên tương bản đạo binh truân vu Giản Khẩu, dĩ tác Tây Sơn lai lộ, ký kỉ miễn ư lâm nhung, nhi chiến chi thắng bại, quốc chi an nguy bất tuất dã.

[9] Lê Quýnh thuật lại trong Bắc Hành Lược Ký:

Ngày mồng 9 [tháng Năm], quân Tây Sơn kéo rốc đến, Lê Quýnh và Hoàng Ích Hiếu lui về giữ một cái gò nhỏ giữa sông ở Phát Mê. Quân địch vây ở phía tây nam còn phía đông bắc thì quân giữ ải của nội địa [tức Trung Hoa] trấn giữ, tiến thoái đều không được, chỉ còn nước đánh đến chết.

Đến chiều hôm đó trời mưa lớn lại có gió mạnh, trời tối đen nên nương theo ánh chớp mà qua sông, tìm được một con đường mòn đi vào trong núi sâu ở phía bắc Đẩu Áo [斗隴] thuộc về nội địa. Gia đình chỉ còn được 7 người.

Đến khi trời sáng, tìm thấy quốc mấu và những người khác ở trong một cái hang núi. Lương thực hết, tìm được vài bắp ngô dâng lên. Số 60 người còn lại thì ăn rễ cốt tuý bổ [骨碎補] tươi cùng các loại quả dại cho khỏi đói. Người nhà họ Nguyễn bị bệnh chướng, lười ban nói mê sảng, ăn cốt tuý bổ thì đỡ ngay.

Sống như thế mấy ngày thì người giữ ải của nội địa là Hoàng Thành Phượng báo tin lên quan thông phán Long Châu họ Trần [tên Tùng] xuống Đẩu Áo để tra xét tên tuổi, nguyên do đưa về Long Châu rồi trình lên đại lão gia tri phủ Thái Bình họ Lục [tên Hữu Nhân] để trình lên cho đạo, trấn, niết, phiên, phủ, đốc. Tháng Sáu thì đưa đến ở tại phủ Nam Ninh.

[10] Trên mộ bia do Nguyễn Đăng Sở soạn thì lại là Trường Hà Hầu [長河侯] mà theo GS Hoàng Xuân Hãn thì có thể vì viết thảo nên người sao viết nhầm. Vì không có bản rập tấm bia này nên xin ghi lại để tồn nghi.

[11] Theo bài thơ của Nguyễn Huy Túc trong “Bắc Hành Tùng Ký”, *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II (1998), tr. 876

[12] Việc xúi bẩy hay giả mạo một số người nhân danh con cháu cựu triều xin cứu viện rồi đem quân can thiệp để xâm lăng các quốc gia nhỏ đã từng nhiều lần xảy ra trong lịch sử Trung Hoa và cũng đã áp dụng với nước ta thời Trần, thời Mạc.

[13] Tôn Sĩ Nghị mập mờ tâu lên khiến vua Càn Long vẫn tưởng Lê Duy Kỳ có mặt trong số những người chạy sang Tàu lúc đó nên khi việc bại lộ, ông đã xin cho Lê Duy Chỉ "*quyển An Nam quốc vương*" nhưng vua Càn Long e rằng như vậy một mai khi xong việc, hai anh em sẽ có tranh chấp nên quyết định nếu như Lê Duy Kỳ đã chết thì sẽ cho con trai [nguyên tử] Lê Duy Thuyên [đang cùng ở với mẹ và bà nội tại Nam Ninh] lên kế vị.

[14] Văn khố Đài Bắc hòm số 2778, bao số 163, số hiệu 39039 trong Nguyệt Triệp Bao, Quân Cơ Xứ đề ngày 15 tháng Chín năm Càn Long 53 (1788)

[15] Theo các tài liệu tồn trữ, hồi ký của Lê Quýnh có tên là *Bắc Hành Tùng Ký* [ghi lại việc đi theo vua sang đất Bắc]. Riêng trong Nam Phong tạp chí, hồi ký này lại ghi là Bắc Hành Lược Ký. Trong biên khảo này, khi nào ghi là Bắc Hành Lược Ký thì trích từ bản dịch [của tác giả NDC] cuốn hồi ký của Lê Quýnh theo bản tạp chí Nam Phong.

[16] *Bắc Hành Lược Ký* chép:

Trước khi lên đường, Lê Quýnh bàn mưu với Lê Đản:

- Hiện nay quân địch bị thua luôn mấy trận, thế nào cũng tập trung quân ở núi Thị Cầu [市球], dựa vào sông để chống lại. Cái thế dùng binh của họ chỉ biết ngăn địch phía trước, thường là không nhìn lại phía sau. Vậy nên dùng kỳ binh tập kích ắt phá được, một khi doanh Thị Cầu bị bại rồi thì cắt tay là lấy được Lê thành.

Khi đại quân đến núi Tam Tầng [三層], Lê Đản đưa kẻ đó lên, Tôn đại nhân nghe theo, ngày 20 tiến quân phá được doanh Thị Cầu, đuổi theo đến tận phía bắc sông Phú Lương [富梁], quân Tây Sơn bỏ thành mà chạy.

[17][...] (chữ Hán)

Bắc Hành Lược Ký, NP 125, tr. 3

[18] Nguyên văn

查上年黎隨黎維祁母妻。籲救入關。臣到粵西邊隘。察看黎氏舊臣。惟黎言辭舉動。略具氣概。(chữ Hán)

且聞黎維祁在城內。誅戮叛臣數人。大概係隨從出奔之黎等。在旁慫恿。臣即向黎維祁禁阻。Dịch âm

Tra thượng niên Lê Quýnh tùy Lê Duy Kỳ mẫu thê. Dự cứu nhập quan. Thần áo Việt Tây biên ải. Sát khán Lê thị cựu thần. Duy Lê Quýnh ngôn từ cử động. Lược cụ khí khái. Thượng thuộc dung trung giáo giáo. Tự y thỉnh tòng Quảng Đông nhất lộ. Tiền phó cai quốc tầm phòng y chủ. Kinh thần tâu mông thánh ân. Thượng cấp Lê Quýnh bàn phí. Lệnh kỳ tiền vãng. Toàn tức ngộ kiến Lê Duy Kỳ. Tiền quan thông tín. Thần tức đại y xuất quan. Tác vi hướng đạo. Nhân đồ thứ vị kiến Lê Duy Kỳ. Phục khiển y tiền vãng tầm mịch. Trực chí thần nhất lộ tiêu sát độ giang khác phục Lê thành chi hậu. Lê Quýnh phương tùy đồng Lê Duy Kỳ lai chí quân doanh.

Cái lục y đẳng thám tri Thọ Xương, Thị Cầu, Phú Lương đẳng giang. Tặc phân thậm ác. Thâm lự quan binh bất năng thủ thắng. Thị dĩ bất cảm tiền lai. Thần tức tri Lê Quýnh đẳng tiền thử tiến quan. Thịnh xưng cai quốc nghĩa sự truân tự. Đại binh nhất xuất quan môn. Tự tất hội trợ tiểu chi ngôn. Hào vô thực tế.

Thần trú binh Lê thành giang ngạn thời. Lê Quýnh sơ thượng tùy đồng Lê Duy Kỳ yết kiến sở thứ. Kế cánh tịch nhiên bất chí. Thần tức diện tuân Lê Duy Kỳ. Cứ xưng Lê Quýnh hoạn ngược thậm trọng. Hiện tại ngoạ bệnh. Thần dĩ Lê thành sơ phục. Dịch khẩu vị tiêm. Khởi thị tịch khẩu dưỡng bệnh chi thời. Đương tức truyền chí giang ngạn. Xích dĩ nhĩ đẳng tiền thử tại nội địa. Bẩm xưng đại binh xuất quan. Nhĩ quốc vân tập hưởng ứng. Tặc dữ tặc binh liên thứ huyết chiến. Tịnh vị kiến nhĩ đẳng củ tập nghĩa dũng. Sảo trợ thanh uy.

Kim hựu ngoạ bệnh bất xuất. Khả kiến nhĩ đẳng toàn vô thiên lương. Cô phụ ngã đại hoàng đế tự tiểu tồn vong chi ý. Nghiêm gia kha xích. Lê Quýnh phục địa duy duy. Duy dĩ thực tại hoạn bệnh vi từ. Thần tế gia thái phỏng. Lê Quýnh hoạn bệnh tuy chân. Kỳ ý diệc nhân Lê Duy Kỳ

đắc quốc hậu. Bất năng chuyên tâm uỷ nhiệm. Cố nhĩ tịch từ suy thác. Thần dĩ kỳ nhậm khí sử tính. Bất tri đại thể. Thâm bạc kỳ nhân.

Thả văn Lê Duy Kỳ tại thành nội. Tru lục bạn thần sở nhân. Đại khái hệ tuỳ tòng xuất bôn chi Lê Quỳnh đẳng. Tại bàng túng dững. Thần tức hướng Lê Duy Kỳ cấm trở. Tịnh diện tả sở bách ngôn. Dự dĩ thử thời vụ tu khoan đại. Thu thập nhân tâm. Dĩ an phản trắc. Vạn bất khả nhật đồ báo phục. Chí lệnh chúng phản thân ly.

Lê Duy Kỳ ứng dẫn. Tương thần thủ tả dụ điều. Hoài chi nhi khứ... *Khâm Định An Nam Kỳ Lược*, quyển XXVI tr. 1-3

[19] Một điều khó hiểu là theo lời tâu của Tôn Vĩnh Thanh thì y gặp Tống Văn Hình nên biết rằng quân Thanh đã đại bại nên chực sẵn ở Nam Quan để tiếp đón quân Thanh chạy về nhưng lại không báo cáo với Tôn Sĩ Nghị việc Lê Duy Kỳ đã chạy sang Trung Hoa, điều này liệu có bất thường chăng? Theo sự suy đoán của chúng tôi, Tôn Sĩ Nghị chạy về Nam Quan trước, sau đó Lê Duy Kỳ mới đến nơi nhưng vì muốn đổ cho vua Chiêu Thống tội “hèn yếu thiếu khả năng” và “làm loạn lòng quân” nên quan nhà Thanh đã báo cáo là ông bỏ chạy trước khi quân Thanh thua trận. Trong tất cả các tài liệu Việt Nam thì Lê Chiêu Thống chỉ chạy theo khi nghe tin Tôn Sĩ Nghị đã vượt sông về Bắc. Ngay cả mẹ và con ông cũng không đón kịp.

Theo Ngô Cao Lãng thì “... Vua Chiêu Thống cũng cưỡi ngựa cùng vượt sông và chạy về Bắc với Sĩ Nghị. Bể tôi của vua chỉ có Nguyễn Viết Triệu cầm cương theo hầu. Còn thì đều ở lại bờ sông. Vua Chiêu Thống ngảm sai bể tôi tin cậy là Hoàng Ích Hiếu cấp tốc quay về trong điện, cùng với hoàng đệ Lê Duy Chi đưa mẹ con và phi tần của vua ra sông Nhị Hà, vội vàng vượt sông, tìm đường đi gấp để đuổi kịp vua [...]” *Lịch Triều Tụ Ký*, quyển VI (bản dịch Hoàng Văn Lâu) (1995) tr. 588.

[20] (chữ Hán)

Còn như Lê Duy Kỳ thật là vô năng, [có mắt thì cũng] không có gì đáng tiếc.

Có điều [y] đã được hưởng ân huệ của hoàng thượng, không nên để cho Nguyễn Huệ bắt cho thoả dạ. [Vì thế] thần đã sai người đến các vùng Lạng Sơn, Nam Quan, tìm hỏi xem mẹ con Lê Duy Kỳ hiện như thế nào, tạm thời đưa về [Trung Hoa] cho khỏi chết. Tấu thư của Tôn Sĩ Nghị ngày 25-1 Kỷ Dậu, *Khâm Định An Nam Kỳ Lược*, quyển XIII tr. 6.

[21] Ngô Cao Lãng, sđd tr. 589-90. Việc viết lên tám bảng có lẽ là để bút đàm vì trong khi gấp gấp không có người thông ngôn.

[22] Xem thêm “Về một bài thơ liên hoàn đầu Xuân năm Kỷ Dậu”, sưu tầm, dịch và chú thích của Nguyễn Duy Chính.

[23] *Khâm Định An Nam Kỳ Lược*, quyển XIII, tr. 9

[24] *Lịch Triều Tụ Ký* (1995), tr. 589

[25] *Khâm Định An Nam Kỳ Lược*, quyển XXV, tr. 6

PHẦN II

VẬN ĐỘNG CỨU VIỆN

BANG GIAO HẬU CHIẾN

Cứ như lời thuật của chính Lê Quỳnh thì tin tức về việc bại trận cũng phải mất hàng tháng ông mới nghe biết khi đang dưỡng bệnh tại Kinh Bắc nhưng không rõ bằng cách nào. Một chi tiết có thể soi sáng cho tình hình những người hoài Lê là hoàng phi Nguyễn Thị Kim cũng chạy về Kinh Bắc để ẩn trốn nên khu vực này có thể coi như tâm điểm của nỗ lực “phục quốc”. Ngoài hoàng phi còn có các thân quyến họ ngoại [mẹ và vợ của vua Lê] che chở và ủng hộ nhóm chống Tây Sơn.

Một chi tiết cũng rất đáng chú ý là theo một số tấu triệp của Tôn Sĩ Nghị và Phúc Khang An trong *Khâm Định An Nam Kỳ Lược* thì sau này khi Lê Quỳnh sang Trung Hoa, ông có đưa ra một số mẫu in con dấu An Nam quốc vương nhà Thanh ban cho vua Chiêu Thống, vừa để

chứng minh thân thể, vừa để cho người Thanh biết rằng nhóm của ông có một vai trò đặc biệt quan trọng. Có lẽ Lê Duy Kỳ trong khi cấp bách đã giao bảo ấn cho hoàng phi cất giữ làm tín vật khi chia tay. [2] Cuộc đời đưa đẩy khiến vua Chiêu Thống lưu lạc sang Trung Hoa còn vương phi thì về lánh nạn tại quê cũ là làng Tì Bà và được nhóm bầy tôi còn ở lại trong nước hỗ trợ.

Sự có mặt của hoàng phi và con cháu quốc vương đã tạo cho nhóm của Lê Quýnh một tư thế chính danh và nhờ thế đã qui tụ được những thành phần tương đối quan trọng trong đó có cả con cháu chúa Trịnh vẫn còn trung thành với tiền triều. Lê Quýnh cũng tiếp tục công tác chiêu mộ binh sĩ, tích thảo đồn lương – và theo lời ông kể trong *Bắc Hành Lược Ký*[3] thì còn tìm cách khuyến dụ một số tướng lãnh Tây Sơn trở giáo.

Tuy nhiên, cũng như mọi thời đại, những nhóm chống đối thường đặt nặng công tác xây dựng và củng cố lực lượng mà nhẹ việc tìm hiểu thời thế nên hầu như không biết gì về những biến chuyển thượng tầng. Trong tình hình còn đang nóng bỏng, không một ai lại tin rằng chỉ sau mấy tháng nhà Thanh đã từ bỏ thế đối đầu để công nhận triều đình Tây Sơn.

HÒA ĐÀM SƠ KHỞI

Khác hẳn với ghi chép trong thông sử chú trọng vào thắng lợi chiến tranh mà không quan tâm nhiều đến bang giao hậu chiến, ngày 20 tháng Giêng năm Kỷ Dậu – tức là vừa tròn nửa tháng sau trận đánh ở Thăng Long – phái đoàn cầu hoà của nước ta đã có mặt tại Nam Quan. Tin tức đó được báo ngay về Bắc Kinh và ngày mùng 9 tháng Hai[4], vua Càn Long đã chỉ thị cho Tôn Sĩ Nghị và Tôn Vĩnh Thanh phụng thức đối phó trong đó hăm dọa sẽ động binh lần thứ hai nếu phía An Nam không lập tức đáp ứng hai đòi hỏi:

- Trao trả tất cả các quan binh nhà Thanh bị bắt,
- Xử tội những người đã giết hại các tướng lãnh thiên triều.

Vua Càn Long cũng ra lệnh tăng gia phòng thủ biên giới, điều binh đến những nơi hiểm yếu để phô trương thanh thế. Tuy nhiên, dù chưa nói ra, những điều kiện của Thanh triều cũng mang một ý hướng mở ra một lối giải quyết để chờ đối phương đáp ứng. Trong hai điều kiện, việc trao trả tù binh là một việc mang tính rửa mặt cho vua Càn Long là mấu chốt các đòi hỏi để chấp nhận các tiến hành khác xa hơn, cũng là việc bên nước ta sẵn sàng đồng ý.

Trong thời gian chừng một tháng [20 tháng Giêng đến 21 tháng Hai], triều đình Tây Sơn ba lần gửi sứ giả đến Nam Quan để chứng tỏ thiện chí hoà bình và quan nhà Thanh cũng tổng kết các chi tiết về chiến dịch để tâu lên.[5] Nước ta đáp ứng việc trao trả tù binh và đợt đầu ngày mùng 9 tháng Ba gồm 500 người đã đến Quảng Tây. Ngày 16 tháng Ba, triều đình Tây Sơn trả về thêm 39 người nữa. Đến đầu tháng Tư, khi Phúc Khang An đáo nhậm tổng đốc Lương Quảng thì số tù binh về nước lên đến tổng cộng 585 người.

Cùng thời gian đó, nhóm vua Lê và tông thân tổng cộng 54 người được an táp ở tỉnh lỵ Quảng Tây nhưng ngoài chuyện ăn ở họ không được tham gia những việc cơ mật, nhất là tình hình giao thiệp giữa Thanh triều với chính quyền Tây Sơn. Tuy nhiên, tin vua Lê đang ở Trung Hoa cũng lọt về trong nước.

CÔNG NHẬN NGUYỄN QUANG BÌNH LÀM AN NAM QUỐC VƯƠNG

Sau khi tù binh của nhà Thanh được trả về Quảng Tây và một số thủ tục mang tính nghi lễ được thực hiện và khi mọi việc coi như an bài, vua Càn Long ra lệnh cho giải tỏa các đội quân được điều động để tăng cường biên giới và hợp thức hóa vua Quang Trung trong danh hiệu An Nam quốc vương. Hai động thái quan trọng nhất đánh dấu việc chuyển biến là nhà Thanh khẳng định Nguyễn Quang Bình và nhà Lê không có danh phận quân thần [mà chỉ là ràng buộc hôn nhân] nên chấp thuận một người cháu của vua Quang Trung thay mặt ông sang Bắc Kinh triều kiến vua Càn Long để công khai xin phong hiệu.

Vì tính chất đặc biệt quan trọng của việc này mà nhà Thanh bãi bỏ lệ “*đại thân kim nhân*” [dùng người bằng vàng thay mình] và một trong sáu bức tranh Bình Định An Nam Chiến Đồ có nhan

đề “Nguyễn Huệ khiển điệt Nguyễn Quang Hiển nhập cận tứ yển chi đồ” ((chữ Hán) vẽ phái đoàn Tây Sơn nhận sắc ấn ở Thanh Âm Các.

Để khẳng định thiện chí của mình, vua Càn Long đã ban thưởng cho vua Quang Trung một số quà cáp, ra lệnh cho quan lại dọc đường đi đón tiếp phái bộ Nguyễn Quang Hiển một cách trịnh trọng và ép nhóm vua Lê hiện đang ở Trung Hoa phải cắt tóc, mặc áo như người Thanh lấy lý do là “*làm dân thiên triều thì phải theo tục của thiên triều*”. Đây là thái độ công khai cho nhóm Lê Duy Kỳ biết rằng họ không còn được yểm trợ nữa.

Trong khi Nguyễn Quang Hiển đang ở Trung Hoa, vua Càn Long cũng cho người sang Thăng Long làm lễ phong vương cho Nguyễn Quang Bình.[6] Trong 6 tháng sau của năm Kỷ Dậu [1789], trọng điểm của bang giao Thanh – Việt là việc nhà Thanh yêu cầu vua Quang Trung khẳng định việc ông sẽ cầm đầu một phái đoàn sang Bắc Kinh vào năm Canh Tuất [1790] để dự lễ khánh thọ 80 tuổi của vua Càn Long bằng một văn kiện chính thức, ngược lại triều đình Tây Sơn muốn những bảo đảm rằng chuyến đi không phải nhân khi ông vắng nhà ngầm ám trợ dư đảng nhà Lê nổi dậy.[7]

LÊ QUÝNH SANG TRUNG HOA LẦN THỨ HAI

Cuối năm Kỷ Dậu, Lê Quýnh và nhóm tham mưu của ông sang Trung Hoa lần thứ hai.

Theo *Bắc Hành Lược Ký* thì:

Tháng Giêng năm Kỷ Dậu [Càn Long 54], vua Lê chạy lên phương bắc.

Tháng Hai, bệnh Lê Quýnh hơi đỡ, khi ấy mới biết Tôn đại nhân đã ban sư, quốc vương cũng theo sang Trung Hoa. Ngược mắt thấy sơn hà tan nát, giận không ôm được cả mối hận trời cao đất dày dù hết sức qui tụ những tướng sĩ còn trốn lánh nhưng thế khó mà gỡ được cảnh đất lở ngói tan, tự nhủ rằng: “Thế nước đã thế này làm sao khôi phục được. Thế nhưng đạo bầy tôi là phải giúp vua, thôi cũng đành làm hết sức được đến đâu thì đến”. Bèn tụ tập người cùng chí hướng để đợi quân nhà vua trở về.

Tháng Năm, biểu huynh là Lê Huy Trinh [黎輝理] được lệnh tổng đốc Lương Quảng họ Phúc [tên Khang An] trở về đốc thúc Lê Quýnh lên cửa ải để hỏi việc. Khi đó những việc mưu tính chưa xong, bệnh cũng chưa khỏi nên đến tháng Bảy mới theo lệnh lên đường tới Nam Quan.[8]

Đoạn hồi ký của Lê Quýnh rất phù hợp với tâm lý, nguyện vọng và diễn tiến của những cô thân. Những tháng đầu tiên họ bi quan vì quân Thanh thất bại nhanh chóng nhưng lại hi vọng vào một cuộc động binh lần thứ hai. Đến khi Lê Trinh từ Quảng Tây lên về đưa thư từ và tin vật nhắn Lê Quýnh và đồng chí sang “*bàn quốc sự*”, họ chắc chắn sẽ được dùng như một hạng cố vấn quân sự chứ không ngờ rằng chỉ là kẻ “*điều hổ ly sơn*” nhằm triệt hạ những chướng ngại cho vấn đề bang giao giữa nhà Thanh và Tây Sơn đang đến hồi kết thúc. Tuy nhiên, Phúc Khang An mập mờ tâu rằng việc Lê Quýnh sang Trung Hoa là do họ có bụng muốn sang kiếm Lê Duy Kỳ nên vua Càn Long đã ra lệnh đưa họ lên kinh đô sống chung với nhau.

Sau đây là lời tâu của Phúc Khang An về việc nhóm Lê Quýnh chạy sang:

Xét Lê Quýnh là cựu thần của họ Lê nước An Nam. Năm ngoái [tức Mậu Thân, 1788] đã từng theo mẹ và vợ của Lê Duy Kỳ cùng tiến quan, sau đó lại trở về nước để tìm Lê Duy Kỳ. Lưu lạc khắp chốn, không nề gian hiểm. Đến khi Lê Duy Kỳ bỏ nước bôn đảo thì y không cùng theo tiến quan được, từng sai Nguyễn Doãn Tuấn, Trần Chính Trung nhập quan bẩm xưng là đã dấu được ấn tín quốc vương trong mình, muốn đến trình xem nhưng vì đang bị bệnh ở xứ Bắc, lẫn trốn trong rừng núi nên sai người sang trước để đưa tin.

Để có thể tâu lên thánh thượng, thần lập tức sai Lê Huy Giản [黎輝琰] xuất quan đi tìm. Trông lên hoàng thượng nghĩ tình Lê Quýnh phụng sự tàn Lê, không vì thịnh suy mà đổi tiết, thực là khó được nên giáng chỉ ra lệnh cho y tiến quan rồi sẽ đưa lên kinh, xét để gia ân nêu cao khí tiết của kẻ bầy tôi.

Trong mấy tháng nay, mấy lần sức cho biên viên trấn thủ quan ải, phàm ai tiến quan dù binh hay phu, cùng các thông sự ở duyên hải đều phải hỏi kỹ nhưng không một ai biết được tung tích của Lê Quýnh.

Theo như tri châu Ninh Minh là Lý Tảo Vinh bảm xưng thì châu này thuộc bên ngoài ải Ải Điểm, có di nhân tự xưng là Lê Quýnh, dẫn theo hơn ba mươi [30] người, đến ải xin vào [nội địa]. Bọn thần nghĩ rằng Lê Quýnh khôn khéo gian nan, sống nơi bờ bụi, ắt hẳn bị họ Nguyễn đem quân truy sát, không có nơi trốn tránh đành phải đến biên ải xin nhập quan, nên cho bọn họ vào, lo nơi ăn chốn ở, khỏi phải lênh đênh. Lập tức sức cho người năm trước xuất quan đã từng biết mặt Lê Quýnh là hữu giang đạo Tổng Văn Hình cấp tốc đến Ải Điểm để chứng thực cho rõ ràng rồi thu nhận để an tháp.

Cứ theo đạo này [tức hữu giang đạo] bảm xưng, khi y đến để nghiệm minh quả là Lê Quýnh nên được cho tiến ải. Thế nhưng y không mang ấn tín theo trong người. Bọn cùng đi là Đoàn Doãn Vượng tổng cộng hai mươi chín [29] người liền cắt tóc, đổi y phục, đưa đến huyện Nghi Sơn, phủ Khánh Viễn, chọn đất cho ở. Lê Quýnh, Lý Bình Đạo, Trịnh Hiến, Lê Trĩ[9] bốn người còn chưa cắt tóc, nói rằng muốn gặp tổng đốc đại nhân của thiên triều, có việc cần báo. Vừa khi thần Phúc Khang An vâng chỉ đến Việt Tây lo liệu việc Nguyễn Quang Hiển xuất quan, nên liền gửi hịch sức cho đạo ấy đưa bọn Lê Quýnh đến Ngô [Châu] Tầm [Châu] để đích thân tra hỏi.[10]

QUA ẢI ĐIỂM

Tháng Tám năm Kỷ Dậu, Lê Quýnh cùng bọn Đoàn Vượng cả thầy 29 người đi theo ngã Ải Điểm, châu Ninh Minh để vào nội địa. Tuy không nói ra, nhưng cho tới lúc này họ rất lạc quan. Việc đi chung một nhóm gần 30 người cho thấy Lê Quýnh có ý đưa cả bộ tham mưu của mình để biểu dương uy thế, mong rằng thành phần này sẽ đóng một vai trò trong lần động binh thứ hai sang đánh Tây Sơn.

Khi qua Công Mẫu Sơn[11], Lê Quýnh có làm bài thơ như sau:

雙峯峻峙宛分茅，別厰乾坤最遼嶠。

(chữ Hán)

迎風花舞斑斕色，瀑布泉篩旨美膠。

Dịch âm

Quá Công Mẫu Sơn

Song phong tuấn trĩ uyển phân mao,^[12]

Biệt xưng càn khôn tối thúy kiêu.

Ông uất xuân huyền hân tịnh mậu,

Lân tuân hổ dĩ ngưỡng di cao.

Ngưỡng phong hoa vũ ban lan sắc,

Bộc bố tuyên si chỉ mỹ giao.

Sứ viễn du nhân chiêm vọng xứ,

Giải tượng trúc thạch cảm cù lao.

Dịch nghĩa

Đi qua núi Công Mẫu

Hai ngọn núi cao vút rõ ràng chia ra hai bên,

Đất trời ở nơi này thật là thâm sâu huyền diệu.

Cỏ huyền, cây xuân vẫn um tùm tươi tốt.

Thăm thẳm núi Hồ núi Dĩ còn cao vòi vọi.

Gặp gió hoa lay động thành sắc loang lổ,

Thác nước chảy xuống từng sợi nhỏ kết lại với nhau.

Người đi sứ đường xa ngẩng lên nhìn,

Đá và trúc cũng biết được công lao cha mẹ.

Sau đó nhóm Lê Quýnh nhờ chuyển đạt lên rằng họ đã đến nơi rồi trở về Ải Điểm để chờ và cảm tác làm bài thơ sau đây:

客年過此不留行，今已經旬未起程。

(chữ Hán)

權衡大義千金重，萍梗微軀一葉輕。

Dịch âm

Phục Xuất Trú Ẩi Điểm Hầu Mệnh

Khách niên quá thử bất lưu hành,
Kim dĩ kinh tuần vị khởi trình.
Tam túc trì trì phi xuất hoạch,
Độc hành củ củ vị tồn kinh.
Quyền hành đại nghĩa thiên kim trọng,
Bình ngành vi khu nhất diệp khinh.
Đại hạ kỷ thời xanh đặc trụ,
Giác cân tư đệ toại bình sinh.

Dịch nghĩa

Quay trở lại ở Ẩi Điểm chờ lệnh

*Năm trước qua đây đã không ở lại,
Năm nay qua một tuần mà chưa lên đường.
Ba tháng chậm trễ cũng không ra ngoài kế hoạch,
Đi một mình lủi thủi chưa phải là gai góc.
Cân nhắc việc đại nghĩa nặng như nghìn vàng,
Tấm thân bọt bèo nhẹ như chiếc lá.
Cái nhà lớn biết bao giờ mới chóng dỡ được,
Một góc khăn ở riêng đủ thoả nguyện rồi.*

Thời gian ở đây không biết bao lâu nhưng ít nhất cũng mười ngày như trong bài thơ đã viết. Đọc hai bài thơ ta thấy Lê Quýnh và nhóm của ông vẫn hi vọng rằng chuyến đi này sẽ hoàn thành sứ mạng mong đợi mà không biết rằng đang bước vào cái bẫy của Phúc Khang An giăng ra.

ĐẾN NINH MINH

Lúc đầu cả bọn Lê Quýnh bị đưa tới Ninh Minh, một khu vực gần biên giới, nửa tạm trú, nửa giam lỏng. Theo chính lời ông thì “*nghe đồn rằng đã định kỳ hạn xuất sư, lại cũng nghe rằng Nguyễn Huệ đã cho người sang xin hàng và đã được chấp thuận.*”.[13]

Hai nguồn tin trái ngược nhau làm Lê Quýnh và đồng bọn không biết thực hư thế nào nhưng lại suy đoán một cách chủ quan rằng vì bị áp lực về việc nhà Thanh đem quân phục thù nên Nguyễn Huệ xin rút trở về Nam giao miền Bắc lại cho vua Lê theo đường lối “*thắng mà không cần dụng binh*” của nhà Thanh ghi lại trong bài thơ sau đây:

不勞兵力誕敷文，張弛神機妙處分。

(chữ Hán)

時雨王師如再舉，願彈鴛鴦効從軍。

Bất lao binh lực đản phù văn,
Trương thi thần cơ diệp xử phân.
Khẳng tiết hung xa lao vạn lý,
Thả tương can vũ vũ tam tuần.
Yêu ma tiểu xú vi hà vật.
Man mạch hà tư diệp ngã dân.
Thời vũ vương sư như tái cử,
Nguyễn đàn nô độn hiệu tòng quân.

Dịch nghĩa

*Không cần phải mệt đến binh lực mà vẫn trải rộng được văn hiến,
Việc giương cung doạ nạt để phân xử thật là kỳ diệu.
Chuyện nhỏ mọn hà tất phải đem quân đi vạn dặm,
Chỉ cần gió vũ lên múa là đủ.*

*Yêu ma tiểu xú thì có đáng gì,
Dù là man mọi ở nơi xa xôi nhưng cũng là dân ta thôi.
Đến khi vương sự lại cử binh lần nữa,
Thì dù nhút nhát ngu si ta cũng xin được theo quân về.*

Ngày 15 tháng Tám, bọn Lê Quýnh nghe tin vua Lê đang ở Quế Lâm và có lẽ cũng cảm thấy có điều bất ổn không như dự kiến. Nhóm nhà Lê có lẽ chưa ai biết rằng việc hoà đàm Thanh – Tây Sơn nay đã xong xuôi.

Một cách vắn tắt tháng Hai năm Kỷ Dậu, vua Quang Trung đã gửi biểu và lễ vật cầu phong sang nhà Thanh và hai bên đã chuẩn bị một đại lễ tiếp nhận vào ngày 18 tháng Ba.[14] Tháng Năm phái bộ Nguyễn Quang Hiến sang Trung Hoa để lên kinh đô nhận sắc ấn và cùng lúc đó vua Càn Long sai Thành Lâm sang Thăng Long phong vương cho Nguyễn Huệ.

Về phía nhóm nhà Lê, nếu Lê Trinh về gặp Lê Quýnh vào tháng Năm thì khi Phúc Khang An sai ông ta về nước [tháng Tư] chính là thời kỳ mà công việc bang giao vừa hình thành nên viên tổng đốc Lương Quảng muốn đưa ban tham mưu cần vương ra khỏi nước để vô hiệu hóa nhóm nhà Lê đang ở trong nước và cô lập những người đã ra ngoài đồng thời gia tăng sức ép lên triều đình Tây Sơn.

Sau khi Lê Quýnh và một số đồng chí cốt cán của ông được gọi sang Trung Hoa để bàn “quốc sự”, những nhóm chống đối ở Bắc Hà tin rằng việc “vương sự” sang phục hận không còn xa nên ngồi yên chờ thời cơ khởi sự. Trong khi đó, việc tiếp đãi hậu hĩ của vua Càn Long dành cho phái bộ Nguyễn Quang Hiến, nhất là việc cho họ gặp nhóm vua tôi Lê Duy Kỳ nay đã cắt tóc, đổi y phục ngay tại Quế Lâm khiến triều đình Quang Trung tin rằng không còn điều gì bất minh trong việc phong vương nhanh chóng ngoài sở cầu này nữa.

Sau khi hoàn toàn làm chủ đại cuộc, nhà Thanh không còn úp mở mà công khai phủ nhận vai trò của nhóm cựu thần nhà Lê. Đối với những ai chịu khuất phục thì Phúc Khang An còn giữ cho đôi chút còn những người cứng đầu cứng cổ thì y đối phó thẳng tay.

Ý thức được thân phận đó, Lê Quýnh có làm một bài thơ nhan đề “Trung Thu Tại Ninh Minh Châu” (中秋在寧明州) nguyên văn như sau:

去年今日在東洋

(chữ Hán)

三宣庭院慶長春。

Dịch âm

Khứ niên kim nhật tại đông dương
Thảm vũ sâu vân mẫn thủy hương
Già đoạn quy trình vân vạn trục
Vọng hồi khứ lộ thủy thiên tấy
Kim niên thử nhật Minh giang phó
Nguyệt lãng phong thanh thiên vạn hộ
Tào tạp tân nha khuyến thương thu
Phân mang quốc sự nan thành thú
Phong tiền nguyệt hạ uổng thương bi
Khốc tự Tân Đình đối khắp nhi
Thức ngã chung tiêu song tận lệ
Tư quân nhất nhật thập đa thời
Tưởng lai tại tích thiên hương các
Quân tể túc ủng hòa thả nhạc
Quân niệm dân gian tối khả liên
Thần ngôn binh sự nan dao độ
Nhi kim quân tại Quế Lâm thành
Tung tích phù trầm phong đã bình

Giá tốt mộng trần phi hoạch dĩ
 Mộng hồi phục vật diệc nan tình
 Y thù cầu tác nhĩn tiền kế
 Bất vi cương thường hoàn vi kỷ
 Chung đỉnh quan thường mạc niệm thù
 Quỷ thần thiên địa na tri úy
 Quán thần đại nghĩa trọng thiên kim
 Hà nãi thao thao cầu trệ tâm
 Đầu lý hồng cân quan dĩ hủy
 Đầu huyền bạch nhận kiếm tương lâm
 Quân bất kiến
 Nghiêm đầu Kê huyết Thường Sơn thiết,
 Kinh kinh Trương tinh Tô Vũ tiết.
 Tại tích oanh oanh tổ hảo trường
 Chí kim sách sách xưng anh liệt.
 Hựu bất kiến, xuất sư chi biểu nhật tinh huyền
 Kích áp trung lưu tráng chí kiên.
 Mạc trác tại thiên thành tổ cục
 Đương vi tự ngã trú tiên tiên
 Chiêu chiêu vãng tích phương thiên cổ
 Tử tế tự lượng hồ bất ngộ
 Khước vi thân gia tuấn lợi danh
 Bất đồ xã tắc tư quân phụ.
 Ngã quân kim nhật thả như hà
 Sử ngã thu phong hựu chuyển xa
 Mạc mạc tráo đầu trần ế khởi
 Mông mông chuyển thuận nhật tinh tà
 Chiết giao cung thủ tư kham dụng
 Thâm nhật hoàn hoàn hùng hổ chúng
 Si bỉ tì hựu tảo bỉ phân
 Phục ngã giang san tồn ngã thống
 Nông tuy nô độn thả tòng quân
 Uất uất hành tương túc chí thân
 Tái tạo can khôn hân phục ngộ
 Tam tuyên đình viện khánh trường xuân.

Dịch thơ

[bản dịch Hoàng Văn Lâu] [16]
*Ngày này năm trước ở Đông Dương,^[17]
 Mưa thấm mây sâu khắp cố hương.
 Che khuất đường về mây vạn lớp,
 Vọng trông lối cũ nước muôn trùng.
 Năm nay ngày ấy, Minh Giang phố,
 Trăng sáng, gió trong ngàn vạn hộ.
 Âm ỹ nha môn ép thường trắng.
 Bận lòng việc nước không hứng thú.
 Dưới trăng, trước gió uổng lòng đau,
 Như chốn Tân Đình^[18] ca nữ khóc.
 Hãy lau nước mắt suốt đêm thâu,
 Nhớ vua một buổi mười hai khắc.
 Nhớ lại ngày xưa gác Đông Hương,*

Vua tôi đầy đủ vui xum họp,
 Vua nghĩ nạn dân thực đáng thương,
 Tôi bàn cuộc chiến chưa lường được.
 Ngày nay vua ở đất Quế Lâm,
 Thân tục cánh bèo, mặc nổi chìm.
 Xa giá bụi trần chưa rửa sạch,
 Tỉnh mơ gặp vật lại mộng tìm.
 Bởi ai bày đặt ra mưu kế,
 Chẳng bởi cương thường vì ích kỷ,
 Chung đỉnh, cương thường không báo đền.
 Quỷ thần trời đất nào biết sợ?
 Quân thần nghĩa lớn nặng ngàn vàng,
 Sao chúng hung hăng lòng chó lợn?
 Đầu quán khăn hồng mũ đã hồng,
 Cổ treo gương sắc, kiếm sắp đâm.
 Há chẳng thấy:
 Đâu Nghiêm, [19] miệng Xích, [20] lưỡi Thường Sơn, [21]
 Quả chùy Trương Lương, [22] tiết Tô Vũ, [23]
 Người xưa oanh liệt nêu gương hay,
 Đến nay tám tắc đời vẫn nhắc.
 Há chẳng thấy:
 Hai biểu xuất sư sáng ngời sao,
 Chèo chống giữa giòng tráng chí cao,
 Khó đoán, mặc trời thành cuộc thế.
 Tự ta phải quyết trước vung roi,
 Rõ ràng dấu cũ thơm ngàn thuở.
 Thận trọng tính suy sao chẳng nghĩ,
 Cũng bởi thân, nhà chôn lợi danh,
 Chẳng lo xã tắc, nhớ quân phụ.
 Vua ta từ bấy sống ra sao?
 Khiến trước gió thu nhớ còn cào.
 Mù mịt bụi bay che khuất mắt,
 Lờ mờ ngả bóng ánh trăng soi.



Cửa Nam Quan (La porte de Chine) [1896]
 Charles Daney, *Indochine*
 Paris, Flammarion, 1992 tr. 46

THÁI ĐỘ CỦA QUAN NHÀ THANH

Từ trước đến nay, khi viết về cuộc đời những người chạy theo vua Chiêu Thống sang Trung Hoa, sử triều Nguyễn cũng như các nhà nghiên cứu phần nhiều tập trung vào diễn tiến sự việc coi thái độ cá nhân là đầu mối hay hậu quả của việc kia. Thực tế, những biến chuyển trong cách giải thích chính sách của nhà Thanh mới chính là nguyên nhân khiến nhóm nhà Lê bị tống giam hay đày đi Tân Cương, Nhiệt Hà. Bám víu sau cùng của họ là gặp vua Lê để cùng nhau mưu đồ khôi phục thì cũng tan ra mây khói khi hay tin chính chủ cũ cũng đã phải gióc tóc, thay áo rồi.[24]

QUAN LẠI ĐỊA PHƯƠNG

Ngày 21 tháng Tám, tri phủ Thái Bình là Lâm Hồ Bảng đến gặp cả bọn để hỏi chuyện. Lê Quýnh trình rằng:

Năm ngoái, Lê Quýnh từ phủ Nam Ninh theo cung bảo Tôn đại nhân [tức Tôn Sĩ Nghị] trở về nước. Sau khi lấy lại được Lê thành, Lê Quýnh bị bệnh nặng nên trở về nhà chữa thuốc. Sau đó Nguyễn Huệ quay lại, Lê Quýnh vì bệnh chưa khỏi nên chúa cũ đi không thể chạy theo, nước mắt cũng không dám chết.

Tháng Hai năm nay, bệnh đã bớt tự nhủ rằng cái tình con ong cái kiến tuy cũng có thể chạy sang bên bắc theo vua nhưng xã tắc là trọng nên việc phục thù, giết giặc ấy là việc phải hết sức làm. Việc trước mắt là thiên triều ắt sẽ vượn đại nghĩa cho thiên hạ, phù cương thường cho thuộc quốc, tuy Tôn đại nhân bất ngờ ban sư nhưng quân điếu phạt rồi sẽ quay lại, nên cũng có cái bụng trông mong nhớ cũ Hề Tô [奚蘇], [25] dân trong một nước đều có thể dùng. Thành thử tập hợp đồng chí, chiêu mộ dân binh, ngầm dụ tướng của địch để đợi vương sư, lấy man di đánh với man di^[26] dùng tướng địch, quân địch may ra có thể báo được thù, chuộc được tội. Chính vì thế mà nán nã ở trong nước, ngày đêm cùng các bạn chung chí hướng tính toán việc cơ nghi. Đến tháng Năm có người cùng nước là Lê Huy Trình phụng lệnh của Phúc công gia về hỏi thúc Lê Quýnh sang để hỏi chuyện. Lúc đó việc sắp đặt chưa xong, bệnh cũng chưa đỡ nhiều nên phải đến tháng Bảy khi đã đầu vào đấy thì mới đến gõ cửa quan, vậy nhờ chuyển đạt lên, nay xin được quay trở lại Ái Diêm để chờ.

Bốn người là Lê Quýnh, Lý Bình Đạo (李秉道), Trịnh Hiến (鄭獻), Lê Trị (黎值), [27] xin được diện kiến tổng đốc [Phúc Khang An] vì có chuyện muốn nói riêng [như họ đã tính toán] nhưng không được chấp thuận.

Tháng Chín giang đạo Quảng Đông là Tống Văn Hình đến dụ dỗ cạo tóc, đổi y phục để được an táp. Lê Quýnh lại trình bày:

Lần này sang đây chỉ cốt đợi lệnh của Phúc công gia, không phải là qua để xin tị nạn, tuy rất kính ngưỡng lòng nhân bao la của thượng ti dung nạp nhưng đó không phải là bản tâm muốn vậy nên không dám tuân theo.

Nếu như hiện nay việc nước không còn làm được gì nữa rồi thì bọn Quýnh xin được trở về bơi mái chèo giữa giòng nước, xua thân dẽ ra bắt hổ [ý nói hết sức làm một việc ít hi vọng], nếu không làm được thì sẽ như Kinh Kha cầm dao ngăn, Trương Lương vác trùy đồng, [28] nếu không được thì cũng đành làm đầu Nghiêm tướng quân, lưỡi Thường Sơn vậy. [29]

Tống Văn Hình mấy lần thúc ép, chia số 34 người đồng liêu đi cùng với Lê Quýnh đưa đi mỗi người một nơi, bắt phải cắt tóc cải trang, riêng Lê Quýnh và hiệp trấn Nguyễn Mậu Nễ [阮茂儼], tri phủ Nguyễn Điều [阮暘], Trịnh Hiến [鄭憲], Siêu Lãnh Bá Lê Trị [超嶺伯黎值], hàn lâm cung phụng sứ Lý Bình Đạo [李秉道], quyết chống lại có chết cũng cam. Quýnh giận dữ nói:

- Nhận được trát mời sang để gặp nói về việc nước, nay lại chẳng nói gì về chuyện ấy, chỉ toàn là việc bắt ép cắt tóc, thay áo, thế thì còn đạo lý gì nữa? Bọn ta đâu có thể dứt nhưng tóc không thể cắt. [30]

((chữ Hán))

Ngày 21 tháng Chín, Nguyễn Điều bị bệnh qua đời ở châu Ninh Minh.

Tháng Mười, năm người bọn Lê Quýnh bị đưa đi Liễu Châu [柳州] tạm trú hẹn ngày sẽ đưa đi gặp Phúc Khang An ở Ngô Châu.

Ngày 22 tháng Mười, Nguyễn Mậu Nễ ốm chết ở thành Liễu Châu.

Nhân đó Lê Quýnh có làm bài thơ:

關山萬里自馳驅，莫怪時移事亦殊。

(chữ Hán)

直到時來機每半，也知天有侯於吾。

Dịch âm

Quan san vạn lý tự trì khu,

Mạc quái thời di sự diệc thù.

Kỳ ký nan vi trường hệ liễu,

Phượng hoàng hội kiến tảo thê ngô.

Thốn thành quả đắc mông quân chiếu,

Thiên lự chung năng triển nhất ngu.

Trực đảo thời lai cơ mỗi bán,

Dã tri thiên hữu hậu ư ngô.

Dịch nghĩa

Từ khi rong ruổi quan san vạn dặm,

Cũng chẳng là gì thời đổi thì việc cũng khác trước.

Ngựa kỳ, ngựa ký không lẽ cứ buộc ở gốc liễu mãi hay sao?

Chim phượng, chim hoàng rồi sẽ sớm làm tổ nơi cây ngô đồng.

Tấc lòng thành mong được ngài ngó xuống,

Muôn nghìn mưu tính mong rồi sẽ được phô ra chút ngu si.

Nay thời cơ đến cũng còn được một nửa,

Mới hay trời cũng còn chờ người.[31]

TRANH LUẬN VỚI PHÚC KHANG AN

Tháng Một năm Kỷ Dậu, nhân chuyến đi Quảng Tây để lo liệu việc đưa đón phái đoàn Nguyễn Quang Hiển, Phúc Khang An cho đòi bọn Lê Quýnh đến gặp. Cứ theo tình hình thì mục đích của họ Phúc là thuyết phục Lê Quýnh và đồng bọn chấp nhận làm dân thiên triều [nghĩa là ở lại làm dân Trung Hoa và từ bỏ ý định trở về nước chống Tây Sơn] còn nhóm Lê Quýnh thì lại tin tưởng rằng họ có thể đem đạo lý và cương thường ra để thúc đẩy Phúc Khang An tiến hành việc động binh cứu viện lần thứ hai.

Cũng may chúng ta còn được tài liệu trao đổi thư từ và lý lẽ của hai bên, một bên là tấu thư của Phúc Khang An, một bên là lời tự thuật của chính Lê Quýnh trong *Bắc Hành Lược Ký*. Cuộc tranh luận của nhóm Lê Quýnh và Phúc Khang An được tường thuật trong *Khâm Định An Nam Ký Lược* như sau:

[...] Bọn thần vừa gặp Lê Quýnh liền cho y hay rằng người là cựu thần của họ Lê, không phụ chủ cũ, đại hoàng đế khen người trung trinh, mấy lần giáng dụ chỉ khen ngợi, đợi người vào nội địa sẽ đưa lên kinh xem xét rồi thưởng cho quan chức. Hiện nay họ Lê đã mất, từ Lê Duy Kỳ trở xuống đều đã cắt tóc, thay đổi y phục, an hưởng cơm ăn, áo mặc của thiên triều. Còn như bọn Phan Khải Đức cũng đã được quan chức, không còn tính chuyện xả thân nữa.

Trước đây theo như bọn Trần Chính Trung khai rằng người có giữ ấn trong người, đủ biết người một lòng vì chủ. Nay đã đem thân vào nội địa, vậy cũng phải cắt tóc như mọi người khác, để cùng hưởng ân trạch của đại hoàng đế. Nếu như người quả có dấu được ấn tín, thì mau đưa ra để cho tiện việc ban thưởng, làm rạng khí tiết.

Cứ theo lời khai của Lê Quýnh thì ấn tín quốc vương tôi không mang theo trong người. Tôi là người An Nam sống chết cũng ở nước nam, chẳng phải như người khác chỉ mong được thụ dụng mong cơm áo. Tôi trong bụng cũng đã có tính toán rồi, lần này sang đây không định ở lại nội địa. Hiện nay cựu thần, nghĩa sĩ còn tưởng nhớ đến họ Lê ở An Nam, nguyện ra sức đến chết, đuổi họ Nguyễn để báo thù, Lạng Sơn, Giang Bắc, Thái Nguyên, Sơn Tây, Hải Dương, Thanh Hoa các nơi đến bây, tám chỗ, tổng cộng binh số lên đến trên ba vạn người. Em của chủ

cũ là Lê Duy Chỉ, cũng có quân hơn vạn, chia ra đồn trú. Tôi hiện giờ chỉ muốn nghe ngóng tin tức cố chủ, rồi xuất quan ngay, về lo chuyện khởi nghĩa.[32]

Có lẽ đây cũng chính là những lời mà quan nhà Thanh cũng như các nho sĩ Bắc Hà vẫn mãi mai là “*hơi biết chữ nghĩa, cho nên khi chuyện trò với người Thanh, thường bịa ra nhiều câu khoác lác*”, Phúc Khang An nghe cũng bực nên tìm cách bắt giam ông. Thực tế, có lẽ Lê Quỳnh căm tức thái độ trở mặt của Thanh triều nên càng khiến ông dứt khoát với việc nhờ cậy họ để về nước tìm cách khôi phục. Cũng theo trong bản thảo thì Phúc Khang An hỏi vặn lại rằng:

- Theo lời Trần Chính Trung thì người có dấu ấn tin trong người, nay lại nói không mang theo, vậy ý của người ra sao? Người cứ khẳng khẳng nói rằng mình một lòng trung nghĩa, ta cũng chẳng cần vặn làm gì, nhưng cái ấn nay ở đâu?

[Lê Quỳnh đáp:]

- Ấn ấy do phù bảo lang [quan giữ ấn] Nguyễn Ban giữ, tôi không mang theo.

Phúc Khang An cho rằng lời nói không thể tin được và nói thẳng cho đám cựu thần nhà Lê là lòng trời đã chán ghét họ rồi nên “*đại hoàng đế thuận theo ý trời mà làm, đã giữ cố chủ của người ở lại nội địa, lại vì thần dân An Nam, không thể một ngày không có chúa, xét thấy Nguyễn Quang Bình trước đây vốn không có bụng kháng cự thiên triều, mấy phen thành khẩn biện bạch, hiện nay tâm địa, thế lực đã rõ ràng, khí tượng hành vi có thể đứng vững lập nghiệp, không giống như chủ cũ của người. Vì vậy [đại hoàng đế] đã phong y làm An Nam quốc vương, hết sức bồi đắp cho nhân tài, người cũng nên theo thiên mệnh, thức thời hiểu sự.*”[33]

Cũng vì thái độ ương ngạnh và tỏ ra khinh bỉ sự lật lọng của nhà Thanh, Phúc Khang An đã bề quật lời khai và đề nghị đày nhóm Lê Quỳnh sang Tân Cương – một hình phạt chỉ kém tử hình một mức:

[...] Lê Quỳnh nói qua nói lại, một mực rằng tôi không mong được sống nơi nội địa vì miếng cơm manh áo, bây giờ cũng không còn muốn gặp lại Lê chủ nữa, chỉ cầu được thả ra khỏi cửa quan, không tận trung được thì trong nhà cũng còn cha mẹ vợ con, mong được đoàn tụ.

Bọn thần nhân xét Lê Quỳnh, lúc trước thì khoe là quan ngoại binh lính đồn tụ đông đảo, tính chuyện đánh Nguyễn phục thù, vừa mới tra vấn, lập tức cứng họng. Trông y bề ngoài thì ra vẻ trung nghĩa, khẳng khẳng nhất định xuất quan, bọn Lý Bình Đạo ba người lựa lời phụ họa, đối với việc Lê Duy Kỳ cắt tóc đều to mồm dè bỉu, thật không biết tiến thoái thuận nghịch, chẳng cầm kỵ trên dưới vua tôi gì nữa. Sau đó lại nói trong nhà còn cha mẹ vợ con, chỉ mong đoàn tụ, hoá ra tấm lòng trung với vua lại nhẹ hơn cái lẽ nhớ nhà, xem cũng đủ biết.

Bọn thần nhân đó mới hỏi bọn Tổng Văn Hình, Nghiêm Thủ Điền trước đây từng theo Tôn Sĩ Nghị xuất quan biện sự là nghe nói năm ngoái ở Lê thành, Lê Quỳnh chỉ ngày ngày lo chuyện giết chóc, báo thù những chuyện riêng tư nhỏ nhen, không một chút gì gọi là ra sức giúp đỡ Lê Duy Kỳ. Đến khi Tôn Sĩ Nghị trách mắng, bấy giờ liền cáo bệnh không ra, khiến cho lòng người ly tán, họ Lê suy sụp không sao phấn chấn lại được. Đến nay xem xét lời nói, cử chỉ, y chẳng trung gì với Lê triều hay phục vụ gì chủ, bụng dạ cực kỳ đáng ghét. Vì vậy lúc này chẳng nên đưa y lên kinh, xin bệ hạ giáng chỉ cứ theo lệ cũ đối với bọn Hoàng Công Toàn, phát vãng đày ra Tân Cương để ngày sau khỏi chuyện lồi thối.[34]

Có lẽ Phúc Khang An cũng ngại rằng nếu vua Càn Long gặp bọn Lê Quỳnh [trước đây vua Càn Long đã có dụ rằng nếu Lê Quỳnh qua Trung Hoa thì đưa lên kinh cho ông gặp] thì họ có thể lộ ra nhiều chi tiết bất lợi. Đến đây chúng ta có thể đoán chắc rằng việc cho tìm và gọi Lê Quỳnh sang Trung Hoa là hành động riêng của Phúc Khang An nhằm loại trừ một số lực lượng chống đối trong ý định thuyết phục Nguyễn Huệ đích thân sang Bắc Kinh.[35]

Thế nhưng vua Càn Long cũng nghi ngờ việc Phúc Khang An tâu rằng bọn Lê Quỳnh trốn sang tìm chủ mà lại không chịu “*định cư*” ở Trung Hoa [nên không chịu cắt tóc, thay áo] là điều không ổn, hướng chỉ theo lời khai của chính họ thì trong nước đang nổi lên khắp nơi, quân số đông đến mấy vạn người. Lê Quỳnh là một trong các thủ lĩnh, lẽ nào lại bỏ đi, phải chăng muốn sang tìm Lê Duy Kỳ để đưa về nước lãnh đạo nên trước khi có quyết định dứt khoát [về những tội

danh của nhóm Lê Quýnh], hãy đưa cả bọn lên Bắc Kinh để đích thân ông tra hỏi xem sự việc ra sao?

Trong khi tài liệu của phía nhà Thanh nhấn mạnh vào việc khoác lác của Lê Quýnh, vu cho ông một số hành vi bất thiện khi ở Thăng Long – mà chúng ta ngờ rằng sau này một số tác giả đã căn cứ vào đó để thêu dệt – thì bản thân Trường Phái Hào lại tường thuật có khác.

Theo *Bắc Hành Lược Ký* thì:

Tháng Một. Yết kiến Phúc công gia ở Ngô Châu, lại cũng đem mọi sự trình bày như trước rồi trả lại chòm mũ [chức tổng binh được ban cho trước đây], lại bẩm thẳng rằng:

Nguyễn Huệ là bầy tôi soán nghịch của bản quốc, đối với thiên triều thì chẳng qua cũng chỉ là một đứa dân bướng bỉnh mà thôi. Bậc thánh nhân xử với man di thì cũng có khi không theo mực thường nên đã nhận cho y đầu hàng cũng là vì nghĩ đến sinh linh vậy thôi.

Thế nhưng trộm nghĩ Nguyễn Huệ là “di hoạn chi hồ” của nước tôi, vậy mà dám làm con bọ ngựa giơ càng chống xe. Y tuy đã thần phục nhưng e rằng chưa hẳn đã thực lòng vì chúng có việc ở phía nam nên đành phải dùng kế hoãn binh vậy.

Hướng chi từ khi y chiếm được nước đến giờ, vét sạch ruộng vườn làm lương, bắt hết dân chúng làm lính, giết người như sợ rằng không thắng, bắt phục dịch như sợ không đủ, để lại chất độc cho hạ quốc, không nói sao cho xiết được. Sinh linh một cõi nam như lửa càng lúc càng nóng, cá mè đuôi đã đỏ rồi, đang trông chờ như chờ mẹ cho bú mà chim cắt thì đang đuổi theo chim sẻ, con rái đang rượt theo con cá, như bụi rậm, như vực sâu^[36] thì đâu phải là đạo chần dốt vạn bang.

Đang ở chốn hang sâu lạnh lẽo, tối tăm nếu như sớm được thấy ánh thái dương chiếu xuống ấy là cứu được người trong lửa đỏ, kẻ đang chết đuối đâu có thể trì hoãn được. Còn như việc thụ hàng, ấy cũng là cái kế “cô dữ chi” [姑與之]^[37]. Bậc thánh nhân phân biệt đất nhưng không phân biệt dân, trị thì có hạn mà lòng thì vô cùng, dẫu cho một người cũng không nỡ để rơi xuống rãnh [(chữ Hán)]^[38] ấy là chí của trời đối với người vậy. Mấy vạn sinh linh cũng đều là con đồ^[39], ấy là lòng nhân của vua Tống vậy. Nay vui được đại hoàng đế thiên triều muốn làm cho đến nơi đến chốn không đâu là không thấu đến, hơn tám vạn dặm của Hồi bộ cũng không phải vì tham lợi đất đai mà vì dân chúng. Trước mắt An Nam đồ thán còn hơn Hồi bộ nhiều, đâu phải chỉ một người rơi xuống vực, bị cuốn trôi không phải chỉ vài vạn mà là cả đất Giao Châu để không thể vén quần lợi xuống cứu (chữ Hán)^[40] hay sao?

Còn như lấy di trị di thì trong hiến điển tiên vương đã có, Hồi bộ không phải là di hay sao? Dân chúng Giao Châu tội gì mà không được sánh ngang với người Hồi? Thế nhưng trời đất vốn vô cùng, quỷ thần cũng không lường được, bậc thánh nhân xử sự quả thật khó mà đo. Nay thấy Nguyễn Huệ tuy là kẻ xảo quyết nhưng trong nhà anh em đang rời xa, bên ngoài thì kẻ địch họ Nguyễn đang mạnh mẽ, tướng sĩ thì nản lòng, dân chúng thì oán giận, kẻ gần gũi cũng mỗi người một ý. Phạm vào năm cái bại này ấy là ngày trời làm mất vậy.

Vậy nếu nhân cơ hội, thừa thời thế thì đúng là diệt Hậu Nghệ [后羿], tru Lộc Sơn [禄山], ấy đúng là dịp may vậy. Thế nhưng vì chưa được thiên triều phân xử nên chưa dám vọng động nay sang đây để thỉnh mệnh chứ không phải là kế mong được an thân một mình ...

Lại cho người [41] cật vấn, Lê Quýnh đáp tóm tắt như sau:

Hiện nay họ Lê yếu đuối đơn bạc nhưng tội soán đoạt của Nguyễn Huệ thì không thể tha.

Thánh đức bao hàm mà cái tội kháng cự của Nguyễn Huệ cũng không có thể che dấu được.

Nếu như nay cái tội bội nghịch mà không bị thiên triều tru diệt thì ân sủng đó lấy gì để kể tục cương thường cho một nước, để cho muôn phương kính sợ mà trông vào?

Trước đây ba nhà chia nước Tấn, nhà Chu nhân đó mà phong cho, bộ khúc toại tiết độ, Đường nhân đó mà được. Cổ nhân bao phủ mực thường để khởi sinh ra rắc rối nên trở thành vô sự chi cục.

Nay thiên triều uy đức vươn ra bốn bể từ trước đến nay không có bậc đế vương nào sánh kịp, trộm nghĩ việc phong cho họ Nguyễn kia không thể coi là chân chính được ...

Người kia lại vặn hỏi rằng:

Nguyễn Huệ đã thành thực qui phục, Phúc trung đường [tức Phúc Khang An] trông lo việc thụ hàng ấy là phụng mệnh đại hoàng đế, các người vin vào hai chữ cương thường, toan bề xảo trá lay động nhân tâm định thay đổi cục thế của thiên triều chẳng?

Lê Quýnh đáp:

Bậc thánh nhân dùng lễ để phòng phạm lòng người nhưng lễ không thể lớn bằng phạt mà phạt cũng không thể lớn bằng danh. Vì Nguyễn Huệ mạnh nên đương nhiên được phạt, lại được phong tước để định phạt, chính danh, vậy thì còn ai dám can vào danh để phạm vào phạt nữa. Thế nhưng một nước khi hưng khi phế thì từ xưa cũng đã có rồi, còn như cương thường thì dù cổ hay kim lúc nào cũng thế không đổi được. Lê Quýnh thờ họ Lê, chẳng may nước bị phá, vua phải chạy đành phải hết sức của kẻ tay chân, tận cái tiết trung trinh. Còn việc chúc phạt của nội địa thì Trương Lương phò Hán thất, Bao Tư khóc ở sân Tần, cổ nhân cũng đã từng tận tâm mà làm rồi, Lê Quýnh vì cương thường mà mưu tính hầu cũng là gốc của tính người thôi.

Việc dận thuộc quốc phù cương thường thì chiếu thư từng ghi khắc, trước đây định cục của thiên triều [tức việc nhà Thanh sang giúp vua Lê] cũng không ra khỏi cương thường nên bọn Lê Quýnh đã tuân theo rồi đấy, nhưng định cục không phải do bọn Lê Quýnh có khả năng biến đổi mà cục thế tự biến đấy thôi.

Đến nay việc thụ hàng lại trở thành định cục, lòng người trong một nước dao động như thế nào, liệu có phải là vì bọn Lê Quýnh giáo trá hay sao? Bọn Lê Quýnh sang đây tuyệt nhiên không có chút gì xảo trá, không đợi gọi mà tự đến xin soi xét xuống cho để không chỗ nhỏ nhoi nào không thấu đến.

[Phúc Khang An] lại dụ rằng:

Các người đã đến đây thì không có lý nào lại xuất quan được, phải ở lại đây đợi ta tâu lên để bỏ dụng các người cũng chẳng khác gì Phan Khải Đức, vậy có thuận hay chẳng?

Lê Quýnh đáp:

Phan Khải Đức vốn là người theo họ Nguyễn [tức Tây Sơn], vốn không có ơn nước để phải báo đền, một khi đầu thuận sẽ được che chở ban ơn rộng rãi nên đã ở lại ra sức phục vụ lập công. Còn bọn Lê Quýnh vốn là bầy tôi họ Lê không thể so sánh với Khải Đức được, việc lưu cư nội địa không phải sở nguyện.

Đã ở lại đây thì việc nước không còn nhớ gì nữa, ấy là kẻ bất trung, gia đình tổ tiên cũng bỏ đi không ngó ngàng tới, ấy là kẻ bất hiếu, phụ bạc những người đồng tâm tuân quốc, ấy là kẻ bất nghĩa, không cứu người đang ở trong lửa đỏ, dưới nước sâu ấy là kẻ bất nhân, đang vì nước nay thành bán nước ấy là kẻ bất trí, đang đứng ra làm nay trốn lánh ấy là kẻ bất dũng, đã có sáu điều ấy thì đâu còn là người. Trung Quốc tuy rộng nhưng cũng không có đất để dung cho hạng cầu trệ, Lê Quýnh lẽ nào muối mặt sống như thế?

Vả lại Lê Quýnh qua đây vốn chỉ theo lệnh, đâu phải vượt ải lên vào trong cửa quan, nay nói rằng đã vào thì không được ra chẳng hoá ra là cái bẫy đánh lừa người ta hay sao? Đã đến thế thì Lê Quýnh này sống chết cũng tùy theo số mệnh mà thôi.

Nói chung, nay đã là thân cái trướng trong tổ bị phá, còn có cái nào lành lặn. Họ Lê không khỏi phục được thì Lê Quýnh cũng không mong được tồn tại, chỉ mong được chết ở đất cũ nhà Lê để tỏ lòng trung chứ nếu như chết uổng ở nội địa thật không đúng chỗ khiến cho hồng cả đức nhân của thượng ti, vậy xin đại nhân tha thứ cho.[42]

TRÊN ĐƯỜNG ÁP TÀI

Tháng Chạp năm đó bọn Lê Quýnh bị giải đến Quế Lâm rồi cuối tháng lại giải đến tỉnh thành Quảng Đông [tức Quảng Châu]. Thời gian này Thanh đình đang chuẩn bị đón tiếp phái đoàn Quang Trung sang chúc thọ nên vua Càn Long cũng muốn đưa hết vua tôi Lê Duy Kỳ lên kinh đô dưới danh nghĩa phủ tuất cho họ thành một tá lãnh trong kỳ binh nhưng thực tế là để họ không còn ở gần biên giới Hoa – Việt ngõ hầu cắt đứt mọi liên lạc với trong nước.

Tháng Giêng năm Càn Long 55 [1790], nhóm Lê Quýnh bị đưa lên Bắc Kinh. Tháng Ba năm đó họ đi đến Duyệt Châu, biết tin xa giá vua Càn Long đông tuần nên được đưa đến Thái An để xét hỏi. Trong dịp này Lê Quýnh viết một tờ bảm đại lược như sau:

Bọn Lê Quýnh không giúp được chủ để giữ nước, đại hoàng đế thương tình yếu đuối đơn bạc nên không nênbình sĩ mệt nhọc, hao tổn tiền tài, sai tướng sang cứu viện. Vậy mà chúng tôi không biết nhân cơ hội theo thời thế để củng cố tồn tại để đến nỗi phải thảm bại cũng là do mình cả, còn nói gì được nữa.

Nguyễn Huệ đã có sức để chinh phục người lại có thể không thể lấn át được, thánh nhân vì thế mà ban cho cũng là vì sinh linh, việc coi như xong rồi Lê Quýnh chỉ biết nói là mọi việc đều gần với lý lẽ cả.

Nghĩ đến họ Lê thần phục thượng quốc đã ba trăm năm, nay không còn giữ được âu cũng là số trời đã an bài, Lê Quýnh không dám vọng tưởng. Thế nhưng Nguyễn Huệ là kẻ tội lớn như thế mà không bị trời tru diệt thì lòng Lê Quýnh vẫn còn canh cánh.

Còn như bảo An Nam là đất di nhỏ, dân chúng đất đai không đáng lấy nên không nở để dân binh vào nơi yên chướng khổ sở. Nếu thánh nhân coi bốn bể như một nhà, không phân biệt trong ngoài, dù đất nhỏ hay lớn cũng đều lấy sinh linh làm trọng, Hồi bộ, Tân Cương không phải vì tham đất đai, vậy thì An Nam có tội gì mà không được với Hồi bộ cùng trong một cuộc thế? Họ Lê cung thuận, Nguyễn Huệ bạo nghịch xét xuống đen trắng rõ ràng, nay đem dư đồ mười sáu đạo ban cho Nguyễn Huệ ấy chẳng qua cũng chỉ là quyền nghi bất đắc dĩ nhất thời mà thôi. Đây là sự khắc khoải của Lê Quýnh, mong được bề trên thương xuống mà đem ý nghĩ đề đạt lên.[43]

Ngày mồng 4 tháng Ba, bọn Lê Quýnh được đưa vào triều kiến vua Càn Long, nhà vua dụ rằng:

Các người không vì thịnh suy mà thay đổi, lòng thành trung nghĩa thật đáng khen, trẫm không nở trách phạt.

Sau đó hoàng đế sai quân cơ đại thần tận mặt dụ rằng các người tiến thì không được như Bao Tự mà lui thì ắt bị Nguyễn Huệ làm hại, thật là đáng thương, vậy hãy tiến kinh đợi khi nhà vua hồi loạn rồi sẽ giải quyết.^[44]

Thế nhưng nhóm Lê Quýnh nhất định không chịu lên Yên Kinh mà khăng khăng nói rằng họ chỉ một lòng muốn cứu sự khôi phục chứ không hề có ý định chạy sang nội địa để tị nạn. Trong hoàn cảnh hiện tại họ xin được trở về nước để đem thân tuần quốc.

Theo mật nghị của nhà Thanh thì họ ngại rằng một khi ông và các đồng chí về nước sẽ tung ra những tin tức bất lợi cho triều đình Tây Sơn và toan tính việc khởi sự. Còn như nếu giao bọn Lê Quýnh cho Nguyễn Huệ thì chắc chắn họ sẽ bị giết không tha. Vua Càn Long bèn sai giao họ cho bộ Hình để khi đến kinh đô sẽ ra lệnh cho họ cắt tóc đổi y phục sống chung với nhóm vua Lê đang bị an táp ở đó. Bản cung từ của Lê Quýnh do quân cơ đại thần tra hỏi còn lưu lại trong hồ sơ nhà Thanh dịch ra như sau:

... Đại hoàng đế thương các người có bụng quỵên luyến chủ cũ, không vì thịnh suy mà đổi lòng cho nên rất khen ngợi. Thế nhưng trong tờ bẩm của các người có khai là thần dân nước An Nam chưa quên nhà Lê nên nay đang tụ tập những người cùng chí hướng, chiêu mộ nghĩa binh để đợi thời cơ cứu sự. Nếu như quả thực lòng người còn luyến cũ mọi người cùng ra sức để mưu đồ khôi phục thì khi đại binh tiến vào là lúc thừa cơ hưởng ứng để trợ thanh uy cho quân ta mà rửa mối thù.

Thế nhưng Tôn tổng đốc đóng binh ở Nam Quan người đã khoe khoang là có đến mấy vạn quân ở quan ngoại đang đợi để cùng hợp lực tiến thảo, vậy mà khi đại binh xuất quan chẳng thấy một lũ nào đến trợ lực cả. Khi khắc phục Lê thành xong, người cũng trốn mất tăm, chỉ toàn nói khoác cả, còn việc nước cũng không giúp được gì.

Thiên triều nuôi nấng các nước, trong ngoài cũng đều che chở. Trước đây quỵên thuộc Lê Duy Kỳ chạy sang nội địa, long đong khổ khổ, đại hoàng đế nghĩ đến nước người đã chăm chỉ giữ phận tiến cống nên không nở không lý đến nên đặc biệt sai đại binh thu phục Lê thành, đưa Lê Duy Kỳ về nước, ban cho tước vị, ổn định gia thất, cái nghĩa hưng diệt kế tuyệt từ xưa đến nay thực chưa từng có.

Thế nhưng Lê Duy Kỳ không tự mình chán hưng lên được nên lại bỏ nước bôn đào cứ như tổng đốc, tuần phủ nội địa là viên chức lớn bỏ ấn chạy trốn ấy là phạm tội không thể dung tha.

Còn các người chưa được xếp vào hàng tòng vong, lại không có mưu lược ngự địch, chỉ nghĩ đến việc khẩn khoản xin binh lực thiên triều để lo việc khôi phục lần nữa. Ví như thiên triều vì nước người mà xuất binh phiền nhiễu động sự thêm nữa lấy lại cương thổ nhưng Lê Duy Kỳ là kẻ hèn yếu vô năng biết đâu lại chẳng có bầy tôi có bụng dòm ngó hay bọn người tự hợm mình có công lấy lại nước cho họ Lê rồi lại chuyên quyền giống như phụ chính họ Trịnh trước đây thì chuyện cũng chẳng ra thế nào.

Người Trịnh Hiến vốn là hậu duệ [họ Trịnh] há chẳng biết An Nam sở dĩ bại vong cũng vì chúa yếu tôi mạnh nên lâu ngày mới ra nông nổi. Hiện nay bọn người chạy sang đây, đại hoàng đế xét lòng dạ các người không nở bắt tội nhưng nếu đem bọn người trả về bản quốc, Nguyễn Quang Bình ắt sẽ giết hại nên lòng thành thương không nở.

Lê Duy Kỳ hiện nay đã đưa quyền thuộc lên kinh đô, gia nhập kỳ binh nhận quan tước bổng lộc để mãi mãi được hưởng ân quýển, các người cũng nên đồng loạt lên kinh để vua tôi đoàn tụ không đánh mất tấm lòng trung với họ Lê thuở đầu, ấy là đại hoàng đế nhân chí nghĩa tận hết lòng vì các người rồi, các người còn gì nữa mà từ khước?

Theo như bọn Lê Quýnh, Trịnh Hiến, Lê Trị, Lý Bình Đạo cung xưng thì bọn Quýnh thờ họ Lê chẳng may gặp cơn quốc biến. Năm trước Quýnh theo lệnh quốc chủ [tức Lê Duy Kỳ] bảo vệ gia quyến chạy qua nội địa nhờ đại hoàng đế trời che đất chở xuất binh cứu giúp nên Quýnh theo Tôn đại nhân về nước, chuyện xảy ra quá gấp gáp nên chưa kịp thi thố, những bầy tôi còn có lòng nhớ cũ không phải ai cũng coi là việc dĩ nhiên, bọn Quýnh cũng không dám níu kéo. Khi quốc chủ chạy sang nội địa, bọn Quýnh không đi theo được tội thật đáng chết nên trở về quê cũ kính cẩn chờ vũ sư [兩師][45] may làm được chút gì để chuộc tội cũ.

Năm ngoái được lệnh của Phúc công gia cho người gọi nên đến đợi mệnh chứ chẳng phải chúng tôi đường đột xin viện binh. Khi đến cửa ải có nghe trộm rằng thiên triều đã phong vương cho họ Nguyễn, chưa biết có thật hay không nên mới đem tất cả tâm tình trình lên nếu được chinh thảo để tạ tội chí phục thù thì cũng nguyện làm dân đen của thánh nhân chứ quả không dám vọng cầu xin lấy nước mà ban cho chủ cũ, cũng chẳng vì có mưu đồ phú quý đâu. Còn Trịnh Hiến tuy là con cháu phụ chính họ Trịnh trước đây nhưng một tấm lòng son báo ơn cố chủ cũng không khác gì Quýnh cả.

Nay được thánh đức rộng lòng dung chứa để bọn Quýnh được đoàn tụ với quốc chủ, khỏi bị kẻ thù giết hại thì đối với bọn Quýnh này nếu nói riêng cái kế cho bản thân thì thật là may mắn. Thế nhưng nghĩ lại bọn Quýnh đến đây vốn chẳng phải vì tị nạn mà chạy qua nên mong được trở về đất cũ của họ Lê đem thân tuấn tiết, còn như trơ mắt sống thừa ở nội địa thì tuy được ơn thiên triều nuôi nấng nhưng cũng phụ tấm lòng thương xót của thánh nhân. Ấy là lòng ngu muội thành thực sâu kín của bọn Quýnh mong được xem xét cho tâm tình mà tâu lên.

Ngày mồng 7 tháng Ba [năm Canh Tuất, 1790][46]

TUYỆT THỰC

Theo báo cáo của viên ngoại lang Ngũ Đức [五德] (là viên quan của bộ Hình có nhiệm vụ áp giải bọn Lê Quýnh) ngày mồng 9 tháng Ba từ Tề Hà [齊河] đệ lên trong đó trình rằng bọn Lê Quýnh ăn uống xem ra ít hơn trước. Tuy nói thế nhưng khi đọc tiếp một số báo cáo khác thì sự việc không đơn giản mà chính là một vụ “tuyệt thực” nhằm phản đối việc đưa họ lên giam ở bộ Hình.

Ngày 16 tháng Ba, trong một báo cáo khá dài của Quân Cơ Xứ trình bày nội vụ và tâu lên vua Càn Long về nhóm Lê Quýnh 4 người và việc thuyết phục, giải thích để họ chấm dứt lối phản kháng tiêu cực đó.

Theo lời của quan nhà Thanh thì họ sẽ trình bày với nhóm Lê Quýnh rằng:

“[...] vì chúng Lê Duy Kỳ không thể tự mình vươn lên, bỏ nước chạy trốn, nếu như trong trường hợp tổng đốc tuân phủ, đề đốc đại thần nội địa mà “khí án tư đào” như thế thì tội ắt không tha. Nay đại hoàng đế niệm tình họ Lê giữ phạm chức công lâu năm rất là cung thuận nên mới phát binh đưa Lê Duy Kỳ về lại Lê thành, ấy là cái nghĩa hưng diệt kế tuyệt vậy, xưa nay chưa từng có bao giờ.

Vậy mà chủ người hèn yếu vô năng lại bỏ nước bôn đảo, đại hoàng đế không nỡ bắt tội nên cho Lê Duy Kỳ đưa quyền thuộc lên kinh đô, đưa vào kỳ tịch làm chức tá lãnh mang hàm tứ phẩm. Ấy là đại hoàng đế khoan dung bao la hết sức rồi, thực là nhân chí nghĩa tận. Nay bọn các người đã chạy sang đây ắt phải cảm kích về thiên ân đó, nghĩ cho sâu xa để cắt tóc thay đổi y phục đợi khi bọn Lê Duy Kỳ đến kinh đô chúa tôi đoàn tụ mà giao cho đô thống đại nhân cùng quân hạt trong một kỳ binh, cấp cho các người nơi ăn chốn ở, cho lương bổng để sống, lại ban cho chức quan ngũ, lục phẩm có phải là danh cũng như nghĩa đều thoả hay không?

Còn như các người không chịu “thế phát cải trang” thì đại hoàng đế cai trị vạn bang dạy trung dạy hiếu để trị người, các người [dựa vào điều] trung với chủ cũ nên mới được khen ngợi mà không trách phạt nhưng y quan thiên triều đã có chế độ, ở kinh thành không có ai ăn mặc như lối của các người, nhờ khi đi lại trên đường phố, người người trông vào không khỏi lấy làm lạ lùng, nên mới đem quân thúc ở bộ Hình.

Phép nước là như thế, không ai có thể dung thứ được, các người rồi cũng sẽ chết già trong tù ngục không ai nghe đến, không gặp lại chủ [chẳng ai nghe tên] mà cũng chẳng ích gì cho mình. Nhặng nhẹ là thế các người hãy suy nghĩ lại đi.”^[47]

Trong bản chụp lại văn thư có hai đoạn châu bút mà chúng tôi để giữa hai ngoặc khung [] chính là lời của vua Càn Long thêm vào cho câu văn thêm mạnh mẽ. Điều đó chứng tỏ thái độ bất khuất của bốn người An Nam không phải là một việc nhỏ mà đã phê phán chính sách và niềm tự hào giả dối của thiên triều đến nỗi chính vua Thanh đang trên đường tuần du cũng phải quan tâm.

Có lẽ Lê Quýnh cũng không biết rằng việc bỏ ăn để chống lại quyết định đưa 4 người lên Yên Kinh đã làm rung động từ vua chí quan nên ông đã không đề cập đến trong Bắc Hành Lược Ký.

TỚI BẮC KINH

Ngày 23 tháng Tư, nhóm Lê Quýnh lên đến Bắc Kinh bị giữ ở bộ Hình chờ vua Chiêu Thống đang trên đường đến kinh đô. Vua Lê và gia quyến đến nơi vào ngày mùng 5 tháng Năm tức là khoảng hơn 10 ngày sau.

Theo tài liệu nhà Thanh, vua Chiêu Thống và những bầy tôi thân tín được chia thành 4 nhóm tuần tự đi từ Quảng Tây lên Bắc Kinh như sau:

- Nhóm thứ nhất gồm vua Lê và 61 người khác đi từ Quế Lâm ngày 2 tháng Hai [17-3-1790].
- Nhóm thứ hai là gia đình Đinh Nhạ Hành 27 người lên đường ngày 6 tháng Hai [21-3-1790].
- Nhóm thứ ba gia đình Phan Khải Đức 24 người lên đường ngày 10 tháng Hai [25-3-1790].
- Nhóm thứ tư gia đình Nguyễn Đình Bái 56 người lên đường ngày 15 tháng Hai [30-3-1790].^[48]

Lúc đầu, quan nhà Thanh cũng nghĩ rằng một khi vua Chiêu Thống đích thân khuyên nhủ thì mọi việc sẽ ổn thoả. Tháng Năm năm Canh Tuất [1790], nhà Thanh sắp xếp một cuộc đề thẩm [tra hỏi lần cuối trước khi tổng giam] ở miếu Lôi Thần.

Cứ theo trình tự ghi trong những biên bản này cũng như lời tường thuật của Lê Quýnh thì người Thanh đưa vua Lê đến gặp để khuyên nhủ họ cạo đầu thay áo. Tuy nhiên bọn Lê Quýnh không theo vì biết rằng “mồm vua nói thế nhưng lòng không muốn thế” và chỉ theo “tâm mệnh” thôi.

Lần tra hỏi này chắc chắn đã đưa đến những xúc động lớn cho cả 4 người, nhất là được gặp lại chúa cũ trong một hoàn cảnh mà cả hai bên đều chua xót.

THÁI ĐỘ DỨT KHOÁT CỦA LÊ QUÝNH

Theo *Bắc Hành Lược Ký* thì việc tranh biện đó như sau:

...Chủ người đã được quan tam phẩm, vậy cho các người chức quan ngũ, lục phẩm, các người có chịu không?

Lê Quýnh đáp:

Tuy vua và cha mẹ nói là không giống nhau, thực ra trung hiếu không khác gì. Nếu như phải lúc không thể cả đôi thì nên bỏ hiếu mà giữ trung. Cái chí khảng khái phò Côn Lôn nếu không

thể được thì đành thay trung mà giữ hiếu. Bản khoản trèo lên núi Hồ núi Dĩ mà ngóng về^[49], tiền không thể toàn được lòng trung, thôi đành thoái để lo việc hiếu. Bọn Lê Quýnh ai cũng còn mẹ già, Trịnh Hiến, Lê Trị thì chưa có con cái, Lý Bình Đạo, Lê Quýnh đều không có anh em, nay được thiên triều lấy trung hiếu trị thiên hạ, nếu như thương xót thả về để nuôi dưỡng mẹ, dẫu Nguyễn Huệ không dung thì cầu nhân được nhân đâu dám oán trách gì.

Còn như bọn Lê Quýnh chỉ vì lợi cho mình mà ở lại đây thì trung hiếu đều không được điều nào cả, lòng dạ có khác gì chó má, thiên triều bỏ dụng quan chức mà làm gì?

Vả lại làm quan phải chọn người hiền, chức vụ phải chọn kẻ có khả năng, ban cho tước thì phải có công, ban cho lộc để khuyến khích lòng trung. Lê Quýnh không lo được cho chủ lúc khó khăn, chẳng những không hiền, không khả năng mà lại không có công lao gì, không giữ được điều trung thì đâu dám mong gì tước vị, ấy không phải là sở nguyện.

Lại dụ rằng:

Chủ người đang ở đây, người cũng không chịu theo, sao gọi là trung được?

Đáp rằng:

Hãy xem con chim sẻ mép còn vàng kia cũng biết dè dặt rồi mới theo. Nếu như theo vua Cao Tông [Tống] là trung thì theo vua Huy Tông, Khâm Tông là bất trung nên không thể nói là hề chủ cũ làm gì là phải theo như thế để bảo rằng là đạo thờ vua. Con chim non còn biết ngừng lại ở ngoài gò^[50] bầy tôi cũng phải biết dừng ở chỗ trung nào, con cái biết dừng ở chỗ hiếu nào, không phải đến chỗ vua ở mới dừng lại mà riêng tư lo lợi cho mình thì chữ trung ấy chính là bất trung vậy, không dám cưỡng biện, chỉ mong được soi xét cho.

Vừa khi đó trông thấy vua cũ đến. Các quan lớn mới bảo cố chủ khuyên Lê Quýnh cạo đầu, bèn khóc lạy mà rằng:

Bọn Lê Quýnh sống làm bầy tôi họ Lê, chết thì làm ma họ Lê, còn chuyện khác không phải là điều mong muốn vậy.

Lại được các đại nhân dụ rằng:

Đến như lệnh của chủ người, người cũng không theo, vậy đạo làm tôi như thế hay sao?

Lê Quýnh đáp:

Cứ đúng như kẻ bầy tôi thì phải thờ vua, vua ra lệnh thì phải theo. Thế nhưng cũng có khi không theo mà là theo, miễn không làm nhục mệnh chúa ấy là theo vậy. Nay lệnh vua bảo cạo đầu, tuy mồm nói thế nhưng lòng không muốn thế nên bọn Lê Quýnh nay theo cái tâm mệnh của chúa vì đây chỉ vì hoàn cảnh mà bắt buộc phải làm vậy thôi.[51]

Vụ hỏi cung này tài liệu nhà Thanh[52] cũng có chép, lẽ dĩ nhiên theo dạng văn thư trình lên nên không hoàn toàn phù hợp với những điều chính Lê Quýnh kể lại, chúng tôi cũng xin sao lục để có thêm một góc cạnh khác. Đặc biệt nhất trong văn thư nhà Thanh có ngày tháng thời gian nên chúng ta có thể theo dõi được toàn bộ nội vụ.

Ngày mồng 8 tháng Năm

Bản thảo vấn Lê Quýnh:

Bản số 1.

Trước đây vì việc của Lê Duy Kỳ mà thiên triều phải ra quân khiến cho một số võ chức phải bỏ mạng ở chiến trường, đại hoàng đế đã toan điều tập đại binh hỏi tội thảo phạt quyết không tha. Bọn chúng đã biết hối tội lập đền miếu thờ các thần biến, gỡ cửa thành thực đầu phục nên đại hoàng đế thể theo đức hiếu sinh của trời cao, dù trung thổ hay bên ngoài cũng đều là con dân nên thấy Nguyễn Quang Bình có thể vỗ về trăm họ xứ đó, lại biết hối tội đầu thành nên xá tội cho y đổi mới.

Hiện nay Nguyễn Quang Bình nhân kỳ Bát Tuần Vạn Thọ của đại hoàng đế xin được đến kinh đô chúc hồ, đã định vào ngày 15 tháng Tư tiến quan, làm sao có thể phế bỏ y mà lập Lê Duy Kỳ lên trở lại. Huống chi bọn người là bầy tôi cũ của Lê Duy Kỳ mà không biết giúp cho chủ giữ được đất đai, hai lần chạy trốn, để mất cả ấn cũ ấn mới của thiên triều ban cho.

Nếu chiếu theo luật nội địa, quan viên giữ đất mà bỏ ấn trốn đi thì phải lập tức đem ra xử tử. Đại hoàng đế nghĩ tình họ Lê là thuộc quốc đã lâu nên không nỡ để cho tuyệt dòng tể tự, lại lấy lòng trời mà xét thì biết rằng thượng thiên đã chán ghét họ Lê rồi nên dẫu có lấy lại nước cho họ Lê thì e rằng Lê Duy Kỳ cũng chẳng cai trị trăm họ được lâu dài để đời sau nói nghiệp nên đã gia ân cho chức quan tứ phẩm, ra lệnh cho an cư ở nội địa, con cháu đời đời thế tập. Cựu thần nhà Lê đi theo đến kinh đô mà cũng thế phát dịch phục đều được ân trạch, thưởng cho quan chức, trong các người nếu như ai còn thiên lương thì đều cảm kích đội ơn. Vậy đừng có nên cố chấp như trước mà ra ngoài phạm sinh thành.

Bản số 2.

Hỏi bọn Lê Quýnh rằng khi bọn người tiến quan, vốn là vì lưu luyến cố chủ muốn được gặp lại Lê Duy Kỳ nên khi chưa gặp thì không chịu cắt tóc đổi quần áo. Nay Lê Duy Kỳ đã lên kinh đô có thể gặp các người được rồi.

Hiện nay chủ cũ các người đã tuân theo chế độ thiên triều, nếu như bọn người muốn gặp chủ cũ thì y đã ở kinh đô muốn gặp thì được gặp ngay nhưng lối ăn mặc thì phải giống nhau, vậy hãy thay đổi quần áo rồi sẽ đưa đi.

Chủ cũ các người nhận ân điển của đại hoàng đế sẽ được quan chức tứ phẩm, các người cũng sẽ được quan chức lục hay thất phẩm. Ấy là các người vốn là bồi thân thuộc quốc mà được liệt vào hàng quan lại thiên triều, chẳng càng thêm vinh dự mà từ nay sớm tối được gặp chủ cũ toại lòng luyến chúa khi tiến quan.

Còn như vẫn cố chấp như trước thì không những đã chống lại thiên triều mà còn phản bội cố chủ, còn mặt mũi nào mà nói rằng mình trung thành nữa. Đại hoàng đế thương tình các người có lòng trung nghĩa nên không bắt tội thêm chứ nếu như ra lệnh đưa trở về An Nam thì ắt sẽ bị Nguyễn Quang Bình làm hại, đại hoàng đế vì lòng hiếu sinh mà không làm còn như giữ các người ở kinh thành thì phải cùng với bọn Lê Duy Kỳ cắt tóc đổi y phục để người ta không thấy kẻ ăn mặc tiếng nói lạ lùng đi lại trong đường phố, còn như bị giam cầm tù ngục mãi đời cho đến khi chết già thì có ích gì cho các người đâu? Mà với chủ các người thì cũng có ích gì đâu?

Nếu như các người không tin rằng Lê Duy Kỳ đã thế phát cải phục thì nay Lê Duy Kỳ đã đến đây rồi, trong chốc lát sẽ gặp mặt, các người còn gì để nói nữa.

Bản số 3.

Lời cung của bọn Lê Quýnh.

Cố chủ của bọn Quýnh được hưởng ân đức cao như trời, dày như đất của đại hoàng đế, mất mà làm cho còn, đứt mà làm cho nối, vậy mà vẫn không giữ được nước. Đại hoàng đế lại thi ân không trị tội bỏ ấn tín cho được sống còn lại thưởng cho quan chức, còn bọn Quýnh là phạm vong quốc chi thần cũng không tru lục, lại cũng cho đi theo chủ mà hưởng quan chức, bọn Quýnh đều là người có lòng há không cảm kích hồng ân tái tạo hay sao?

Thế nhưng bọn Quýnh là bầy tôi họ Lê, nước đã mất rồi, chết cũng chưa đủ cho nên chỉ mong được mặc sắc phục nước cũ, được gặp chúa cũ một lần. Còn như tham đồ phú quý thì đó không phải là sở nguyện. Tác lòng ấy không phải là cố chấp, kháng lại không tuân, xin minh xét cho.

Bản số 4.

Lời cung của Lê Quýnh.

Cố chủ thay đổi phục trang làm quan ở Trung Quốc ấy là vì nước đã mất mong họ Lê không mất đồ huyết thực [có người đề cúng tế tổ tiên] cho khỏi vô dụng.

Còn như Lê Quýnh được chủ cũ uỷ thác việc nặng. Hai năm trước đây, cố chủ uỷ cho Lê Quýnh lo cho mẹ, vợ và con. Nay mẹ và con đã vào nội địa, còn vợ cố chủ vẫn còn ở tại quê của Quýnh. Nếu như Quýnh đổi y phục ở lại đây thì là phụ lòng chủ cũ đã ký thế thác tử, nên nay xin được chết mà thôi. Như thế trung hay không trung toàn do quý vị định đoạt.

Việc kết thúc bằng bốn tờ cung minh xác xin được chết chứ không chịu cắt tóc thay áo dịch ra như sau:

Bản số 5.

Lời cung của Lê Quýnh.

Quốc phá không được chết, vua chạy không được theo. Phận của Quýnh đáng chết, nay đã gặp được chủ rồi, chí của Quýnh đã thoả. Quýnh không muốn sống trộm, giả vờ đi tìm chúa để được an thân, không phải là khí tiết của kẻ bầy tôi. Nếu như Quýnh chết đi mà bọc bạch được điều nghĩa thì xin được chết để toại lòng mong. Còn như Quýnh phải sống ấy cũng là do lệnh của chủ chứ không phải ý nguyện Quýnh là như thế.

Bản số 6.

Lời cung của Trịnh Hiến.

Hiến sang bên này cũng chỉ mong báo đền ơn nước. Nay việc nước không xong cũng do ở trời. Bọn Hiến đã được gặp chủ cũ rồi, xin sớm được ban cho cái chết cho toàn khí tiết.

Bản số 7.

Lời cung của Lê Trị.

Trị này coi xã tắc là trọng chứ không phải theo vua là trọng. Nếu bây giờ chịu cạo đầu để được sống thì có khác chi người tù nước Sở nhìn nhau mà khóc, buồn bã thật có ích gì. Trị thật không muốn như thế.

Bản số 8.

Lời cung của Lý Bình Đạo.

Đạo hôm nay đến đây thật đã được thiên triều thương xót rất nhiều rồi. Vua tôi của Đạo đúng là xương nay mọc thịt, chết đi sống lại, quả là đức lớn trời che đất chở. Làm bầy tôi thờ vua không xong chi bằng được chết cho xã tắc, tể chủ được thiên triều bảo bọc để mong còn người hương khói còn Đạo này xin được một chết để báo ơn chúa.

Bản số 9.

Đây là lời khai của quan viên bộ Hình trình lên quân cơ đại thần nhưng rất quan trọng vì nội dung có trích lại gần như toàn văn lời dụ của vua Càn Long đưa ra những biện pháp để tìm cách khuyến dụ nhóm 4 người này nhất là việc sợ người ta cho rằng vì ông muốn chiêu dụ Nguyễn Quang Bình mà tìm cách hãm hại nhóm nhà Lê. Chính quan tâm đó cũng nêu ra được nỗi băn khoăn của Thanh triều trong chính sách đối xử với những người bỏ nước chạy sang Trung Hoa.

Hôm nay chúng tôi được chính hoàng đế tận mặt dụ rằng:[53]

Trong cung từ của bọn Lê Quýnh bốn người nói rằng họ là bầy tôi họ Lê, nay họ Lê mất nước có chết cũng không oán trách gì, chỉ mong được mặc y phục cổ quốc. Còn như đổi phục trang theo chủ thì lại không gánh vác được trọng trách cổ chủ uỷ thác nên chỉ xin được chết cho được toàn danh tiết kẻ bầy tôi.

Trước sau họ đều chấp mê bất ngộ một lời như thế, vậy cứ để họ sống rồi sẽ tìm cách mở đường sao cho thích đáng, bọn Lê Quýnh đổi ý hỏi cải thì sẽ ổn thoả.

Hoàng thượng truyền dụ cho đường quan bộ Hình đem chia riêng bọn Lê Quýnh bốn người ra hỏi cung không để cho người khác cùng có mặt ở đó. Hãy hỏi rằng bọn các người đều là cựu thần họ Lê, vậy mà không biết giúp chủ giữ được quốc thổ, khi nhập quan chạy theo chủ cũ, vốn có bụng quyến luyến quân thần để toàn bụng dạ trung nghĩa.

Đến nay chủ các người đã thể phát dịch phục, nhận được ân điển vượt mức của đại hoàng đế là thể chức tứ phẩm,[54] nếu như các người quả thực có lòng nhớ chúa, sao không cùng đứng vào hàng quan lại thiên triều, sớm tối bên nhau để toại ước nguyện nhập quan tìm chủ ban đầu.

Ngày xưa Tấn Huệ Công [晉惠公] bị giữ ở đất Tần, quần thần bỏ nhà chạy theo, sử vẫn coi là trung nghĩa. Nay chủ các người đã là bầy tôi thiên triều, các người vẫn cố chấp không theo, cái lòng luyến chúa lúc trước nay thành bội chúa, tâm sao an, nghĩa sao thuận, mặt mũi nào mà nói rằng mình trung tận được? Các người mai sau bất quá chết già trong ngục không ai biết đến, có ích gì cho chủ đâu, cũng không ai nhắc đến tên các người.

Cứ như thế mà ngon ngọt dụ dỗ, bọn Lê Quýnh đều là những người còn có thiên lương chưa đến nỗi mê muội không tỉnh, và lại bốn người chưa hẳn đã cùng một lòng, cùng nhau chịu chết đói cả.

Vậy hãy đem chia bọn họ ra khuyên nhủ, người nọ không được gặp người kia, nếu có được một người bằng lòng cạo đầu đổi áo theo Lê Duy Kỳ sống ở kinh đô thì dần dà những người kia có thể cũng chuyển hoá nhưng tuyệt đối không được lộ về cường bức, ép buộc. Ví như bọn họ nhịn ăn tới chết thì chẳng khác nào thiên triều vì Nguyễn Quang Bình mà bức tử cừu thần họ Lê thì thật chẳng còn ra thể thống gì nữa.

Còn như bọn Lê Quýnh khăng khăng không chịu ăn uống thì thôi cũng đừng khuyên nhủ gì nữa, cứ xem như không có gì quan trọng.

Khâm thử.

Nay xin trình lên để quý quan biết và tuân theo biện lý sự việc rồi xem bọn họ trả lời thế nào mà báo để tiện tâu lên cho hai bên khỏi bất nhất.

Ngày mồng 10 tháng Năm [năm Canh Tuất, Càn Long 55]

Sắp xếp lại các chi tiết chúng ta biết được nhóm Lê Quýnh lên kinh đô ngày 23 tháng Tư, vua Lê và gia đình đến ngày mồng 5 tháng Năm và lần hỏi cung Lê Quýnh để đưa Lê Duy Kỳ đến gặp là ngày mồng 8 tháng Năm. Khi được biết họ không được thả về mà sẽ bị giam ở bộ Hình nên 4 người đã cùng nhau nhịn ăn để phản đối. Đến hôm mồng 10 thì bốn người đã nhịn ăn cả thảy 3 ngày [8, 9, 10] và vì thế họ phải trình lên vua Càn Long nên có chỉ dụ miệng nêu trên. Theo các bản tâu, chúng ta biết thêm nhóm Lê Quýnh bốn người không phải chỉ nhịn ăn một lần mà dường như mỗi khi bị ép buộc hay thúc bách, dù trước hay sau khi được gặp vua Chiêu Thống ở kinh đô, họ đều tuyệt thực để phản kháng. Tuy đây chỉ là một hành vi chống đối tiêu cực nhưng đã có ảnh hưởng rất nhiều, ít nhất cũng khiến cho vua Càn Long và Thanh triều phải quan tâm vì trong cùng thời điểm này, vua Quang Trung và phái đoàn đang trên đường từ Quảng Tây lên Bắc Kinh.

[1] Trần Khánh Hạo chủ biên, *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San*, Lịch Sử Tiểu Thuyết Loại, đệ ngũ sách: Hoàng Lê Nhất Thống Chí, (Đài Loan: Học Sinh thư cục, 1987) tr. 241

[2] Theo một liên lạc viên tên là Trần Chính Trung chạy được sang Trung Hoa thì Lê Quýnh hiện đang giữ chiếc ấn An Nam quốc vương và tìm cách sang Quảng Tây nhưng bị truy đuổi ở Phao Sơn [拋山] thuộc xứ Bắc nên hiện còn lẩn trốn ở trong núi. *Khâm Định An Nam Ký Lược*, quyển XVII, tr. 1

[3] Theo các tài liệu tồn trữ, hồi ký của Lê Quýnh có tên là *Bắc Hành Tùng Ký* [ghi lại việc đi theo vua sang đất Bắc]. Riêng trong Nam Phong tạp chí, hồi ký này lại ghi là *Bắc Hành Lược Ký* (北行略記). Trong biên khảo này, khi nào ghi là *Bắc Hành Lược Ký* thì trích từ bản dịch [của tác giả NDC] cuốn hồi ký của Lê Quýnh theo bản tạp chí Nam Phong.

[4] Tuy cách biệt gần 20 ngày nhưng đây là thời gian dịch trạm chuyển tin từ Quảng Tây đến kinh đô

[5] Nhà Thanh vẫn nhấn mạnh về “tam độ khát hàng” [ba lần xin hàng] này nhưng thực ra đây là những gặp gỡ để trao đổi tin tức về chiến sự và tình hình tù binh.

[6] Việc Nguyễn Quang Bình đã được công nhận như người chủ mới của đất An Nam không phải là một ân huệ được ban phát như các triều đại trước mà là trao đổi để hai bên đều có lợi. Về phía nhà Thanh, vua Càn Long muốn có một lễ khánh thọ thật viên mãn mà cao điểm là một thủ lĩnh ngoại phiên sang tham dự. Ngược lại, về phía An Nam, để được công nhận trước đây nước ta thường phải bỏ rất nhiều tiền của để đúc một hay hai người vàng sang thay mặt nay quốc vương chỉ cần đưa một người thân đại diện cho mình sang Yên Kinh triều kiến theo thủ

tục mà thôi. Sự minh xác này rất quan trọng vì nhiều sử gia đã nhận lầm rằng việc vua Quang Trung sang Trung Hoa là thủ tục để đổi lấy danh vị “An Nam quốc vương” và không ít người đã lẫn lộn giữa chuyến đi của Nguyễn Quang Hiển và phái đoàn chúc thọ nên vẫn cho rằng vua Quang Trung phải gửi một người thân để “giả” làm mình nên mỗi chỗ suy đoán một cách, khi thì là cháu gọi bằng chú, lúc thì cháu gọi bằng cậu, còn ngoại sử Trung Hoa thì lại nói là một người em sang thay anh.

[7] Quyết định của vua Quang Trung cầm đầu một phái đoàn ngoại giao sang Trung Hoa chỉ được khẳng định sau khi Nguyễn Quang Hiển về tới Thăng Long [khoảng tháng Chạp năm Kỷ Dậu] và triều đình Tây Sơn được tường trình đầy đủ về cách thức tiếp đãi tại kinh đô, thái độ ân cần của Thanh đình nhất là việc vua Chiêu Thống và bộ tham mưu của ông đang ở Trung Hoa là hoàn toàn đúng sự thật. Xem thêm “Bát Tuần Khánh Thọ của vua Cao Tông và phái đoàn Đại Việt” và “Quang Trung thật, Quang Trung giả?”, biên khảo của NDC

[8] Lời tự thuật của Lê Quýnh cũng trùng hợp với *Lê Sử Bổ Biên* (黎史補編) và *Đại Nam Nhất Thống Chí* (chữ Hán) nói rằng bọn Quýnh sang Trung Hoa là vì có thư của Phúc Khang An mời qua bàn chuyện quốc sự.

[9] (chữ Hán)

[10] Lời tâu của Phúc Khang An và Tôn Vĩnh Thanh ngày 21 tháng 12 năm Kỷ Dậu. *Khâm Định An Nam Kỷ Lược*, quyển XXV, tr. 7-10

[11] Công Mẫu nguyên nghĩa là cha và mẹ nên bài thơ nhắc đến công lao bú mớm.

[12] Tương truyền biên giới nước ta và Trung Hoa thì bên nước nào cỏ mọc rạp về bên ấy nên gọi là phân mao.

[13] BHLK

[14] Đại diện triều đình nhà Thanh là Phúc Khang An, còn phía nước ta là Nguyễn Quang Hiển, cháu gọi Nguyễn Huệ bằng chú.

[15] 嚙

[16] Ngô Cao Lãng. *Lịch Triều Tạp Ký* (Hoa Bằng và Hoàng Văn Lâu dịch). (Hà Nội: Khoa Học Xã Hội, 1995) tr. 635-6

[17] Nói về việc tháng 8 năm Mậu Thân, Lê Quýnh theo đường biển về kiếm vua Chiêu Thống. Do đó đồng dương chỉ là biển đông, không phải tên riêng. Dịch giả Hoàng Văn Lâu có chú thích Đông Dương là tên xã thuộc huyện Hiệp Hoà, phủ Bắc Hà, nay thuộc Hà Bắc nên tuy chúng tôi để nguyên chữ hoa theo nguyên tác bản dịch nhưng theo thiện ý thì nên viết chữ thường vì ở đây Lê Quýnh chỉ muốn nói đến một năm trước ông đang lệnh dênh trên đường về nước.

[18] Khi nhà Đông Tấn sắp mất phải chạy xuống miền Nam, các cựu thần họp nhau uống rượu ở Tân Đình. Chu Khải nói: “*Phong cảnh vẫn thế, non sông không còn như xưa*”. Vương Đạo nói: “*Chúng ta phải hết sức phò tá nhà vua lấy lại nước, việc gì phải bắt chước người tù nước Sở, nhìn nhau mà khóc phỏng có ích gì?*”. Về sau có câu ngạn ngữ “*Tân Đình đối khắp*”.

[19] Trương Phi đánh Ba Thục, bắt được Nghiêm Nhan. Nhan không chịu đầu hàng, nói rằng: ở xứ Thục có tướng quân đứt đầu chứ không có tướng quân đầu hàng.

[20] Đời nhà Đường, An Lộc Sơn làm phản, Trương Tuần khởi quân đánh giặc, nhưng thua trận và bị bắt. Trương Tuần mắng giặc luôn miệng, bị bẻ hết hai cái răng.

[21] Nhan Kiêu Khanh bị giặc bắt, mắng chửi luôn miệng, bị giặc cắt đứt lưỡi, nhưng vẫn cứ chửi mãi không thôi.

[22] Trương Lương muốn báo thù cho vua nước Hàn, một mình mang dùi lén đánh vua Thủy Hoàng nhà Tần.

[23] Tô Vũ nhà Hán đi sứ Hung Nô, không chịu đầu hàng, bị giam 19 năm.

[24] Hoàn cảnh trở trêu đã khiến họ tưởng tượng ra những việc lắt léo để biện minh chẳng hạn như việc Phúc Khang An đánh lừa vua Chiêu Thống. Việc bắt ép vua Lê gióc tóc đuôi sam chép trong Việt sử như sau:

[...] Tháng 4 [năm Kỷ Dậu, 1789]: Khang An về đến Quế Lâm, nói thác ra rằng trời hè đang nắng nóng, hãy tạm nghỉ việc quân, đợi sang mùa thu, sẽ lại điều khiển. Khang An lại lừa gạt

nhà vua rằng: “Thời kỳ xuất quân không xa đâu. Tự vương sẽ phải chính mình thống suất các thuộc tướng đi trước dẫn đường. Có điều là đồ mặc của An Nam vốn bị Tây Sơn coi khinh. Việc hành binh cốt phải trí trá. Chi bằng Tự vương hãy tạm gióc tóc, thay đổi đồ mặc để đánh lạc tai mắt quân giặc trong khi hành binh. Đợi khi đã khôi phục được nước rồi, bấy giờ sẽ lại giữ theo lễ thói bản quốc như cũ”. Nhà vua không dễ bị gạt, cũng gắng gượng làm theo. Phàm người nước ta trước hay sau đã sang bên Thanh bấy giờ đều bị Khang An bắt gióc tóc và thay đổi đồ mặc. Rồi Khang An liền mật tâu với vua Thanh rằng Lê Tự vương tình nguyện ở yên bên Trung Quốc, không có ý muốn xin quân cứu viện nữa. Vậy xin tiếp nhận sứ giả Tây Sơn. *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, Chính Biên, tập II, quyển XLVII [43-4]. Bản dịch Viện Sử Học, (1998) tr. 849-50

[25] Tô Vũ đòi nhà Hán đi sứ bên Hung Nô, không chịu đầu hàng, bị giam 19 năm, ý nói vẫn trung thành với nước cũ.

[26] Người Bắc Hà coi quân Tây Sơn là man mợi nên Lê Quýnh muốn chiêu dụ để họ đánh lẫn nhau.

[27] anh em con chú con bác với Lê Quýnh.

[28] Tích cũ hai người toan ám sát Tần Thủy Hoàng. Kinh Kha dấu chủy thủ trong tấm địa đồ, Trương Lương thuê người dùng chủy đập long xa.

[29] *Bắc Hành Lược Ký*, bản dịch NDC

[30] *Bắc Hành Lược Ký*, bản dịch NDC

[31] Bài thơ có ý chơi chữ liễu là cây liễu mà cũng là Liễu châu, ngô là cây ngô đồng mà cũng là Ngô châu. Chữ quân (mông quân chiếu) đồng âm với quân là anh, ở đây trở Phúc Khang An cũng tỏ ra Lê Quýnh cho rằng mình bằng vai, sẽ được họ Phúc dùng như một “chiến lược gia” trong lần Nam chinh thứ hai này chăng? Câu sáu “*thiên lực chung năng triển nhất ngu*” (sau cùng rồi cũng có lúc được trình bày nghìn điều suy tính ngu si này) cho thấy Lê Quýnh nói riêng và tông vong nhà Lê nói chung cũng đã trù liệu mọi việc, tính kế cho quân Thanh một khi họ tiến sang nước ta.

[32] Lời tâu của Phúc Khang An và Tôn Vĩnh Thanh ngày 21 tháng 12 năm Kỷ Dậu. *Khâm Định An Nam Kỷ Lược*, quyển XXV, tr. 10-11

[33] Lời tâu của Phúc Khang An và Tôn Vĩnh Thanh ngày 21 tháng 12 năm Kỷ Dậu. *Khâm Định An Nam Kỷ Lược*, quyển XXV, tr. 13

[34] Lời tâu của Phúc Khang An và Tôn Vĩnh Thanh ngày 21 tháng 12 năm Kỷ Dậu. *Khâm Định An Nam Kỷ Lược*, quyển XXV tr. 13-14

[35] Theo chính lời của Lê Quýnh, ông sang Trung Hoa từ tháng tám nhưng theo lời tâu [tháng 12] của Phúc Khang An thì “*vẫn tìm hỏi mà không nghe tin tức gì*” [vì vua Càn Long nghe tiếng Lê Quýnh trung nghĩa nên dặn rằng nếu ông ta có chạy sang “tị nạn” thì đưa lên kinh để ban thưởng], nay nghe tri châu Ninh Minh Lý Tảo Vinh bẩm rằng bên ngoài Ải Điểm có “*di nhân tự xưng là Lê Quýnh dẫn theo hơn ba chục người xin được vào ả*” (tấu thư của Phúc Khang An tr. 9). Điểm này cho chúng ta thấy một mặt Phúc Khang An đàm phán với Nguyễn Huệ để xúc tiến thủ tục cầu phong nhưng đồng thời ông ta cũng bố trí nhiều mặt khác, phân tán lực lượng hoài Lê ở trong nước và vô hiệu hoá cả những người chạy được ra ngoài. Chính vì thế, họ Phúc không cho Lê Quýnh gặp Lê Duy Kỳ ở Quế Lâm, và vu cáo rằng Lê Quýnh vốn là “*cường đạo xuất thân*” và suốt 4 tháng liền, nhóm Lê Quýnh bị quan địa phương nhà Thanh giam lỏng.

[36] (chữ Hán)

Mạnh Tử, Ly Lôu Thượng: Vi uyên ầu ngư, vi tùng ầu tước (đuổi đánh con cá dưới vực, đuổi đánh con chim sẽ trong bụi cây)

[37] (chữ Hán)

Chu thư viết: Tương dục bại chi, tất cô phụ chi. Tương dục thu chi, tất cô dữ chi.

(Chu thư: Muốn đánh bại ai thì làm như phụ giúp, muốn lấy của ai thì làm như phục tòng)

[38] (chữ Hán)

Vương Dương Minh [Truyền Tập Lục, Đáp Nhiếp Văn Uy]

Cổ chi nhân sở dĩ năng kiến thiện nhi bất thí nhược kỹ xuất, kiến ác bất thí nhược kỹ nhân, thị dân chi cơ do kỹ chi cơ nịch, nhi nhất phu hoạch nhược kỹ thôi nhi nạp chư cấu trung giả, phi cố vi thị nhi dĩ kỳ thiên hạ chi tín kỹ dã, vụ chí kỳ lương tri cầu tự hiềm nhi dĩ hĩ.

(Người đời xưa thấy điều thiện thì vui như chính mình làm, thấy điều ác thì buồn như chính mình đã phạm, thấy dân đói khổ thì như chính mình đang đói khổ, thấy một người khổ mà không cứu thì không khác gì mình bị đẩy vào giếng nước, nếu không được vậy thì dù cả thiên hạ có tin tưởng nhưng lương tâm mình cũng thấy hổ thẹn vậy)

[39] (chữ Hán) Sở vạn sinh linh, giai ngô xích tử (Mấy vạn sinh linh, đều là con đồ cả)

[40] (chữ Hán) Sở Tử: Nhân phù dung nhi vi môi hề, đạ kiến thường nhi nhu túc (Muốn hái hoa phù dung [hoa sen] để làm môi giới lễ nào còn sợ vén quần ướt chân)

[41] Theo những tài liệu khác thì người được giao công việc cưỡng ép nhóm Lê Quýnh là Tả Giang đạo Tổng Văn Hình

[42] *Bắc Hành Lược Ký* [Nam Phong tạp chí, quyển 126] tr. 21-23 (bản dịch NDC)

[43] *Bắc Hành Lược Ký* [Nam Phong tạp chí, quyển 126] tr. 24

[44] Ngày mồng 6 tháng Ba, vua Càn Long gửi cho Phúc Khang An một chỉ dụ tương đối chi tiết về việc quân cơ đại thần tra hỏi nhóm Lê Quýnh ở hành tại. Xem thêm *Càn Long Triều Thượng Dụ Đáng* [XV] tr. 512-3.

[45] Quân Thanh sang cứu viện

[46] *Càn Long Triều Thượng Dụ Đáng* [XV] tr. 512-4

[47] *Càn Long Triều, Thượng Dụ Đáng* [XV] tr. 534-5

[48] Lời tâu của Tôn Vĩnh Thanh ngày 15 tháng Hai năm Canh Tuất [1790] *Khâm Định An Nam Kỳ Lược*, q. XXVII, tr. 9-10.

[49] Ý nói thương nhớ cha mẹ ở xa [rút từ kinh Thi, (chữ Hán)

(chữ Hán) Kinh Thi, Tiểu Nhã, Miên Man: *Miên man hoàng đếểu, chỉ ư khuru ngưng*

[51] *Bắc Hành Lược Ký*, bản dịch NDC.

[52] *Càn Long Triều, Thượng Dụ Đáng* [XV] tr. 661-4

[53] Nguyên văn: (chữ Hán) (bản nhật diện phụng dụ chỉ)

[54] Quan tứ phẩm đời trước truyền xuống đời sau

PHẦN III

BỊ GIAM Ở BẮC KINH

TRONG NGỤC

Sau lần đề thẩm, bốn người bị chính thức tổng giam với bản án “*bất tuân thượng lệnh*” mà theo lời thuật của Lê Quýnh thì họ bị quản thúc ở nhà ngục phía bắc bộ Hình [Bắc Sở], hai người một nơi và cũng không được liên lạc với nhau.

Ngày 14 tháng Năm quân cơ đại thần lại tâu lên vua Càn Long như sau:

Ngày mồng 10 tháng này bọn thần tuân chỉ gửi cho đường quan bộ Hình khai đường mở lối cho bọn Lê Quýnh một lần nữa, chia ra vạn hỏi từng người.

Theo như lời trình lại thì bọn Lê Quýnh từ ngày mồng 8 sang ngày mồng 9 hai ngày không chịu ăn uống gì cả. Ti viên đó mới hỏi duyên cớ vì sao không chịu ăn, theo lời Lê Quýnh viết ra [nguyên văn tả xưng - 寫稱 nghĩa là khai bằng cách viết ra giấy vì hai bên không hiểu tiếng nói của nhau] thì y bị chướng muện trong bụng, xem ra không thể ép được. Bọn họ tính tình ngang bướng vì thế nên nhân viên đề lao theo bình thường cung cấp đồ ăn uống cho họ tự tiện. Cứ theo lời bẩm của người thừa biện, bọn Lê Quýnh sau lần tra hỏi ngày mồng 8 đã từng viết giấy hỏi rằng liệu họ có được thả ra hay không? Ti viên đó trả lời là khi nào các người chịu cạo đầu thay áo thì sẽ thả ra ngay. Bọn Lê Quýnh viết lại rằng sau khi họ được gặp cố chủ rồi nay chỉ còn cái chết mà thôi.

Bọn họ biết hoàng thượng không nỡ gia hình nên nhất định đòi chết là việc không thể được để mong được thả ra cho về nước chứ không dám nhìn đến chết đói đâu. Thế nhưng vào giờ phút này nếu khuyến dụ thêm nữa thì bọn họ sẽ càng được thể kiên quyết xin được chết.

Xem trong bốn người thì chỉ có Lê Quýnh và Trịnh Hiến tính tình cương cứng còn Lê Trị và Lý Bình Đạo có vẻ dễ tình ngộ hơn cho nên nay đã chia bọn Lê Quýnh ra giam riêng biệt không cho gặp nhau, đợi thêm vài ngày nữa xem xét tình hình rồi tuân theo thánh dụ đưa Lê Trị và Lý Bình Đạo ra khai đường mở lối trước.

Nếu hai người này tự biết cải hối mà tình nguyện thế phát dịch phục thì Lê Quýnh và Trịnh Hiến cũng sẽ từ từ cải hoá, lúc ấy sẽ có đầu mối để biện lý và trình lên sau.

Xin tâu lên.[2]

Từ đó cho tới cuối năm, vua Càn Long và các đại thần bận rộn chuyện tổ chức lễ Bát Tuần Khánh Thọ nên không thấy đề cập gì hơn. Những người bị giam chắc chắn không biết gì về bên ngoài và ngay cả nhóm vua Lê đang ở Bắc Kinh cũng chỉ là những bóng mờ chính trị, tin tức biết được đều do lời người khác thuật lại hay tin đồn. Các viên cai ngục thì theo chỉ thị của vua Càn Long thỉnh thoảng tìm cách dụ dỗ bọn Lê Quýnh đổi ý nhưng không đi đến đâu.

Theo lời thuật của Lê Quýnh thì tháng Sáu, quan coi ngục lại đưa những bầy tôi đi theo vua Lê là Đinh Nhạ Hành [丁迓衡], Phạm Như Tùng [范如松], Nguyễn Quốc Đống [阮國棟] vào trong ngục thăm hỏi.

Những người này cho hay họ được lệnh của Kim Giản [tức đô thống Kim Giản, người đảm trách việc quản thúc và lo liệu cho nhóm nhà Lê] sai đến khuyên bảo “các ông [nhóm Lê Quýnh] hãy cạo đầu” nhưng họ biết không thể được nên chỉ tương kế để có dịp đến thăm nhau mà thôi.

Những lời họ trao đổi và an ủi lẫn nhau còn được ghi lại trong *Bắc Hành Lược Ký*.

Tháng Một năm đó, quan nhà Thanh đưa con trai Lê Quýnh là Lê Doãn Toàn [黎允全] (mới được đưa lên ở với vua Chiêu Thống) đến nói Lê Quýnh cạo đầu thì vua tôi cha con sẽ được đoàn tụ. Lê Quýnh đáp rằng thơ Văn Sơn [文山]^[3] có viết rằng: “*Ta lo việc cương thường, Có nhà nhưng không dám nghĩ đến*”^[4] không thể vì chuyện riêng tư thân mình, nhà mình mà quên nghĩa công.

Tháng Chạp, thượng thư bộ Hình là Hồ Quý Đường đến tận nơi khuyên rằng nếu như các người không chịu cạo đầu thì sẽ chết già trong ngục, xác bỏ nơi đê lao, hối hận cũng không kịp nữa.

Lê Quýnh đáp rằng nếu quan lớn bảo Lê Quýnh tình nguyện thì vạn lần không dám còn như việc chết già chôn thây thì Lê Quýnh cũng không dám, chỉ có ba chữ “*dĩ mạc tu*” [以莫須] để trông mong ở đại nhân vậy.

Thấy việc chia họ ra để dụ dỗ không đi đến đâu nên nhà Thanh lại sai giam ở ngục phía bắc, bốn người ở chung một nơi. Xét theo tình hình, thời điểm này lễ Bát Tuần Khánh Thọ đã hoàn tất, phái đoàn Quang Trung đã rời khỏi kinh đô và một số người trong nhóm tòng vong tình nguyện trở về cũng đã được toại nguyện theo thoả hiệp của nhà Thanh và triều đình Tây Sơn. Nhà Thanh cũng yêu cầu vua Quang Trung đi tìm thân nhân những người đang ở Trung Hoa đưa sang đoàn tụ.

Trong những năm tháng kế tiếp, cuộc đời tù ngục thực không có gì đáng nói ngoài một số sự kiện nhỏ. Khi vua Lê còn sống, thỉnh thoảng nhóm Lê Quýnh có nhận được một số thư từ thăm hỏi, vài lạng trà, mười lạng bạc. Tin tức qua lại không nhiều và chúng ta chỉ còn biết đến một số thơ văn xướng họa.

VỤ ÁN XIN VỀ NƯỚC CỦA VUA LÊ

Như đã tường thuật trong hai biên khảo “Lê Duy Kỳ, đáng thương hay đáng trách?” và “Lễ Bát Tuần Khánh Thọ của vua Cao Tông và phái đoàn Đại Việt” của Nguyễn Duy Chính, sau khi công nhận Tây Sơn, những đòi hỏi không ăn khớp với chủ trương của triều đình nhà Thanh đều bị nghiêm trị.

Lê Quý Dật Sử viết:

[...] Tháng 10 [năm Canh Tuất, 1790], biết không thể trông cậy vào người nhà Thanh, vua Chiêu Thống cùng bề tôi đồng tâm quyết chí mưu tính kế khác, lựa chọn 10 người bề tôi: Phạm Như Tùng, Hoàng Ích Hiểu, Lê Hân, Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Viết Triệu, Lê Văn Trương, Lê Quý Thích và Nguyễn Đình Cẩm (người Từ Liêm), Lê Tùng (người Tây Đàm), Lê Thức (người Hoàng Hóa) cùng uống máu ăn thề, thảo tờ biểu...^[5]

Tuy không nói rõ là tờ biểu xin điều gì nhưng theo tài liệu nhà Thanh thì họ xin với vua Càn Long can thiệp để Nguyễn Quang Bình đem một trong bốn tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hưng Hoá cắt cho con cháu nhà Lê để phụng thờ tông miếu.

[...] Mùa đông năm ngoái [tức năm Canh Tuất 1790] bỗng bắm với đô thống cai quản Kim Giản khẩn khoản xin trở về An Nam, lại xin cấp cho một trong bốn xứ Cao Bình, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hưng Hóa để ở, ngu xuẩn hão huyền đến thế. Cứ theo đô thống Kim Giản tâu lên Lê Duy Kỳ tầm thường vô năng, nghe lời bọn Hoàng Ích Hiểu, Phạm Như Tùng, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân xúi biếu nên vọng thỉnh chuyện đó. Còn bọn Lê Quang Duệ 20 người thì cũng không chịu lãnh lương cùng xin theo về đều là bọn gây chuyện nên đã xin phát vãng bốn tên đó [tức Hoàng Ích Hiểu, Phạm Như Tùng, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân] ra Y Lê làm lính ăn lương, còn bọn Lê Quang Duệ thì đưa đi Giang Ninh an táp.^[6]

Nói đúng ra, việc xin một khu vực để dung thân không phải là chưa từng có trong lịch sử nước ta. Trước đây, khi con cháu nhà Mạc bị đánh bại chạy sang đầu hàng nhà Thanh, năm Khang Hy thứ 8 [Kỷ Dậu, 1669], vua Khang Hy cũng đã sai sứ sang bắt vua Lê Huyền Tông đem bốn châu thuộc Cao Bằng cho Mạc Kính Vũ (tức Mạc Nguyên Thanh theo sử nhà Thanh). *Khâm Định Việt Sử*, quyển XXXIII, tr 25-6 viết:

Tháng Giêng, năm ấy [tức năm Kỷ Dậu 1669] sứ nhà Thanh đến Thăng Long, triều đình nhà Lê dùng lý lẽ biện bác bắt bẻ, kéo dài đến hơn 10 ngày mới tuyên bố sắc vãn, rồi lại bàn cho họ Mạc được giữ một châu Thạch Lâm, nhưng Lý Tiên Căn cũng cố giữ lễ, không nghe, thành ra giằng co đến hơn 40 ngày. Sau Tạc [chúa Trịnh Tạc] lấy cớ rằng “thờ nước lớn cần phải cung kính theo mệnh lệnh”, mới tâu với vua gượng gạo theo lời. Triều đình bèn bỏ đất bốn châu thuộc Cao Bằng cho Kính Vũ...^[7]

Nay vua Chiêu Thống và tông thần xin một mảnh đất dung thân cũng không có gì trái lẽ. Tuy nhiên Thanh triều khi ấy đang có những liên hệ tốt với vua Quang Trung, không muốn làm điều gì bất lợi cho sự ổn định của An Nam nên không chấp thuận yêu cầu đó. Không những thế, những người chủ trương còn bị trừng phạt, Hoàng Đình Cầu, Bế Nguyễn Cung 49 người bị an trí tại Giang Ninh, cấp đất cho làm ruộng sinh sống, bọn Hoàng Ích Hiểu bị phát vãng sang tận Y Lê (Tân Cương)^[8], bọn Phạm Như Tùng thì bị đày lên Hắc Long Giang, Nguyễn Quốc Đống bị đưa qua Cát Lâm, Lê Hân (黎恹) bị đày đi Phụng Thiên, Lê Quang Duệ (黎光睿) cả bọn 20 người bị đày đi Nhiệt Hà, giao cho quan lại địa phương quản thúc để không còn có thể liên lạc với nhau.^[9]

Cũng theo tờ dụ ngày 20 tháng Tư năm Càn Long 56 [1791], bọn Hoàng Ích Hiểu dù đã bị đi đày làm lính thú cũng chỉ được hưởng một nửa lương. Tấu thư của Kim Giản cùng với châu phê của vua Càn Long được gửi cho Nguyễn Quang Bình xem, vua Càn Long ra lệnh thân quyền người nào tìm được thì đưa sang, nếu chưa tìm được thì đình lại.

Vì việc này, bọn Lê Quýnh đang bị giam trong ngục cũng bị cô lập, không còn liên lạc được với vua Lê nữa. Vua Càn Long cũng ra lệnh cho Kim Giản quản thúc riêng một nơi [nguyên văn cấm cố] một số người [bao gồm thủ hạ của Đinh Nhạ Hành, Phan Khải Đức, Lê Quýnh] không được tiếp xúc với bên ngoài.^[10] Vua Chiêu Thống cũng bị cắt hết bổng lộc, chức tước nên đời sống càng thêm cơ cực.

Tháng Sáu năm Càn Long 56 [Tân Hợi, 1791], Lê Quýnh có nói với quan coi ngục nhà Thanh là quần áo ông rách nát, xin may cho một bộ mới theo kiểu nước Nam. Việc này quan đề lao không dám tự chuyên nên đã trình lên vua Càn Long nay trong Thượng Dụ Đáng còn khẩu dụ của hoàng đế nguyên văn như sau: [11]

Bọn Lê Quýnh vì quần áo đã cũ rách nên xin may cho áo mới để thay nên dụ rằng:

Bọn các người muốn được cấp quần áo thì chỉ chuẩn cho dùng y phục kiểu Trung Hoa. nếu như xin đòi may theo dạng thức nước mình thì Trung Hoa không may theo kiểu này nên không có mà cho được. Còn như không chịu thay đổi y phục thì chỉ đành phải mặc áo rách thôi. Kể cho họ biết rằng người Hồi không ăn thịt heo, khi bị giam cũng cứ theo lệ cấp cho ăn uống chứ không phải vì không ăn thịt heo mà cho thức ăn khác. Dem lệnh dụ này báo cho A Quế biết để thi hành. Khâm thủ.

Có lẽ vì thế mà đến hơn 10 năm sau, nhóm Lê Quỳnh vẫn chỉ mặc bộ quần áo rách rưới mang từ trong nước sang như sử nước ta tường thuật.

VỤ ÁN ÁM THÔNG CỔ QUỐC

Năm Nhâm Tí [1792] lại nảy ra vụ án “ám thông cổ quốc”. Nguyên trước đây khi vua Quang Trung sang Bắc Kinh, vua Càn Long có yêu cầu cho một số người đi theo vua Lê được về nước đồng thời yêu cầu tìm những thân nhân của người muốn ở lại Trung Hoa được sang đoàn tụ.

Ngay khi về đến Thăng Long, vua Quang Trung đã xúc tiến việc này nhưng việc nội trị còn nhiều chuyện quan trọng hơn nên cũng không sốt sắng cho lắm. Năm sau, nhân vụ đánh dẹp dư đảng nhà Lê, Nguyễn Quang Bình đã trình lên rằng một số người trở về đã nhận được lệnh của vua Chiêu Thống liên lạc với ông hoàng Ba Lê Duy Chỉ để âm mưu nổi dậy. Những người bị tra hỏi có cả nhóm Lê Quỳnh đang còn ở trong ngục gây ra một số nghi vấn và suy đoán.[12] Lê Quỳnh thuật lại như sau trong *Bắc Hành Lược Ký*:

Năm Nhâm Tí [Càn Long 57]

Tháng Năm. Được quân cơ đại nhân cho gọi Lê Quỳnh lên Nội Vụ Phủ, hỏi rằng trước đây người có ý khôi phục, đến nay số cùng chung chí hướng còn được bao nhiêu người? Người em của chủ người là Lê Duy Chỉ có nên theo giúp không?

Quỳnh trả lời rằng:

Họ Lê có được nước hơn bốn trăm năm, ân trạch đối với dân chúng rất sâu xa. Nay bị mất nước nên lòng người thương xót, sau đó được thiên triều lấy danh nghĩa phù Lê, khi đó mọi người trong nước đều theo họ Lê, không ai mưu tính mà cùng một lòng đủ thấy người người đều cùng chí hướng.

Từ khi cổ chủ sang phương Bắc, Lê Quỳnh ở nhà nhận lệnh vương phi sai đi tụ tập cựu thần và các thế tộc, phiên mục, thổ hào được hơn hai trăm người, thủ hạ kẻ thì hơn nghìn, người vài ba trăm nói chung không phải là ít.

Thế nhưng đến nay cũng đã ngoài ba năm, Nguyễn Huệ được phong vương, thiên mệnh đã định rồi, xem mệnh trời thì biết được lòng người. Ngày hôm nay thời cũng khác mà thế cũng khác, người vẫn một lòng một dạ không biết còn được bao nhiêu.

Nếu như em trai của tể chủ Lê Duy Chỉ sau khi tể chủ xuất bôn cũng có thể tụ tập được ba bốn chục người giữ được một mảnh đất chống lại Nguyễn Huệ. Có điều y tuổi còn trẻ lại không có chỗ dựa nên e cũng đã bị Nguyễn Huệ làm hại, nếu như còn sống thì không chắc gì tranh đoạt được mệnh trời.[13]

Nhiều năm sau, bốn người bị giam hầu như biệt lập với bên ngoài không còn biết đến những gì đang xảy ra, kể cả việc vua Chiêu Thống và nguyên tử qua đời [Quý Sửu, 1793]. Lê Quỳnh chỉ ghi lại được một số tâm sự qua văn thơ ông làm về một vài biến cố nhỏ. Một đôi khi, nhóm Lê Quỳnh lại được gọi lên dụ dỗ cắt tóc nhưng cũng chỉ cho có chuyện.

VỤ ÁN HẢI PHÍ NGƯỜI NƯỚC NAM

Năm Kỷ Dậu (1789), giám mục Pigneau de Béhaine từ Pháp trở về đem theo một số chiến thuyền và sĩ quan người Pháp góp phần vào việc cải cách ở Đàng Trong, thế lực chúa Nguyễn ngày càng mạnh lên. Năm Nhâm Tí (1792), quân Nguyễn đánh bại thủy quân của Nguyễn Nhạc ở Qui Nhơn, năm sau đã vào đến Nha Trang.

Sau khi vua Quang Trung qua đời năm Nhâm Tí (1792), tình hình Đàng Ngoài lâm vào cảnh rối ren. Năm Ất Mão (1795), Ngô Văn Sở bị Vũ Văn Dũng vu cho là làm phản giết đi. Một số đầu mục thủy quân vốn là bộ hạ của Ngô Văn Sở không còn phục tùng triều đình nên quay ra biển làm hải khấu. Cũng có tài liệu cho rằng vì tình hình khó khăn, triều đình Tây Sơn phải uy hiếp các thuyền buôn để có thêm ngân khoản trang bị cho quân đội đối phó với chúa Nguyễn. Theo báo cáo của nhà Thanh, một số thuyền buôn đi Quảng Châu bị chặn lại và một số thuyền của cướp biển bị bắt gần bờ biển Mân Triết, Quảng Đông đã có thủy thủ ăn mặc theo lối nước ta mang giấy tờ đóng dấu quan chức An Nam.[14] Sau đây là lời thuật của Lê Quỳnh trong *Bắc Hành Lược Ký*:

Năm Đinh Tị [Gia Khánh thứ 2] (1797)

Gặp được người đàn bà họ Phan, quê ở Nghệ An nước ta vốn là gia quyến của cướp biển, bị bắt giam ở trại tù nữ giới ngục bắc. Bèn hỏi thăm mới biết phía đông thành Phú Xuân thuộc Nguyễn Vương [tên Quang Toản], hiệu Cảnh Thịnh, Quảng Nam thuộc Nguyễn Vương [tên Nhạc], hiệu Thái Đức, Đồng Nai thuộc cháu của chúa Nguyễn tên Chủng, tức Nguyễn Ánh, nhưng vẫn đề niên hiệu Cảnh Hưng. Ba người thế chân vạc. Năm ngoái quân của Cảnh Thịnh và quân Đồng Nai giao chiến trên mặt biển, không phân thắng bại, nay đang đóng thuyền đúc súng, tuyển quân, tích lương để tính chuyện đánh với Đồng Nai lần nữa.

Mấy năm qua mất mùa, dân chúng không sống nổi, quả đúng là:

(chữ Hán)

Sơn hà phá toái thủy phiêu như,

Thân thế phù trầm phong đả bình.

Núi sông tan vỡ nước chảy lênh láng,

Thân thế nổi trôi như gió đập cánh bèo.

Người đàn bà họ Phan bị giải lên Bắc Kinh có lẽ là vợ một tướng lĩnh Tây Sơn vì bà ta biết khá rõ và chính xác tình hình trong nước mà người thường không thể am tường.

BẮT KHUẤT TRONG NGỤC

Tháng Chạp năm Đinh Tị (1797), một người cai ngục họ Tống tỏ vẻ khinh lờn, Lê Quỳnh viết lá thư sau đây trình lên quan:

Lê Quỳnh là cô thân từ xa vạn dặm, bị giam nay đã tám năm, từng được liệt vị nhiều lần trông xuống nên mọi sự đều dung tha, để cho loài kiến bọ được theo cái tính của mình, quả thật cảm kích không đâu cho hết. Vì thế nên mới giải bày mong được chiếu cố.

Lê Quỳnh là quan vong quốc nên vốn không mong được sống, còn như bọn Lý Bình Đạo vì việc nước việc nhà còn có điều chưa thỏa nguyện nên mới chịu nạn chung với Quỳnh này, lòng vẫn chưa an. Nay trong điều ăn tiếng nói, nếu như có chỗ chưa hết lời thì xin cứ tra hỏi một mình Quỳnh đây là đủ, lễ thế cũng đủ mà pháp thế cũng vừa chứ còn ngoài ra không có gì khác nữa. Bọn Lê Quỳnh tuy ở bên ngoài vương hoá nhưng cũng sợ thiên hạ vạn đời sau chửi mắng nên mới cam tâm ở nơi đây, vốn chẳng phải tham sống mà bại hoại điều nghĩa, cũng không dám chết uổng để thương tổn điều nhân, trước nay chỉ sao cho son sắt, cốt sao không thẹn với lòng mình chứ có coi mấy chuyện vật vãnh trong xã hội vào đâu. Cho nên vo tròn bóp bẹp sao cũng được, có gọi là trâu ngựa cũng chẳng sao. Còn lên mặt để ra uy thì cũng phải đến kỳ tước mọc [xoá cái cũ làm cái mới, ý nói thay đổi luật lệ cũ], không phải quát nạt mà chúng tôi chịu nghe đâu.

Những ngày tháng kế tiếp ở trong ngục thực không có nhiều điều đáng nói ngoài một số văn thơ nhưng trong hoàn cảnh nào, bốn người nhóm Lê Quỳnh cũng nhất định không chịu khuất phục.

BẮC SỞ TỰ TÌNH

Rằm tháng Giêng năm Kỷ Mùi [Gia Khánh thứ tư] (1799) thượng hoàng Cao Tông [tức vua Càn Long] mới qua đời nên triều đình không cho thắp đèn, Lê Quỳnh pha trà viết một bài phú nhan đề Bắc Sở Tự Tình [北所叙情] (thờ than nơi nhà ngục phía bắc), lời rất lâm ly não ruột.

北所叙情
(chữ Hán)

悠悠彼天。曷其有極。

Dịch âm

Bắc Sở Tự Tình

Thế sự phù vân, bão kiến cầu y biến thái.
Lợi trường nhiệt hoả, không giáo nghĩ khổ thành hôi.
Trị thủ Lê thị trì cương, bỉ Tây cừ cầu nạn.
Sạ thính Ô châu cổ động, dưng được khu đoàn hồ chi quần dương.
Điều văn long đở chung di, gian quan cân độ giang chi thất mã.
Văn dục phần, phụ sơn chi thế,
Hồ nghĩ dương, thác hồ chi uy.
Tồn cô sơ học Tấn Trinh Anh^[16], chuyển tác Bao Tư phục Sở tá.
Hán hậu hy hàn nhự tử, phiên thành Tín Quốc tù yên.
Ngộ cơ chi biến mi thường.
Hành sự chi tình hà hạ.
Vạn lý tầng kinh đông tuyết, mộc đầu vị thế nhi tự khôn.
Thập niên vô nại bắc phong, xuy quan bất huỷ nhi tận liệt.
Tâm phảng phát thổ nê chi dẫn.
Thân y hy đầu chúc chi nga.
Trở nhự trường cầu ô kê tê, lạc an hữu địa.
U tù cảnh thử can trùng tí, tặc dư tuý thiên.
Phương thốn trung duy thận vu tông.
Chức phận nội hạt năng vô quý.
Bắc hải vị sinh, mã giác ti oanh quế lĩnh cửu hồi trường.
Đỉnh hồ mạc đãi, long nhiệm cầu tích băng thiên song quán lệ.
Công nghĩa dĩ phi cảm vọng, tư tình phu phục hà ngôn.
Bạch vân toả thụ chỉ du phần, không chúc hệ thư chi nhận.
Hong nhật hàm sơn chiêm kỹ hộ, thiên tâm phản bô chi ô.
Chí sử trung hiếu tự chi lưỡng khuy.
Vi khiếm bô bá thần chi nhất tử.
Ta tự cổ thủy năng vô tử, dục liễu phận khổng hoặc thương nhân.
Thả vi nhân thực bất duyệt sinh, dục tòng quyền khủng vưu hại nghĩa.
Minh bạch đần tuần thiên lý. Thư hoàng hề quản nhân ngôn.
Ngưu mã nhậm kỳ hô, vô tu tâm tức vô quý.
Sắc long xà an sở ngộ, bất oán thiên diệc bất vưu nhân.
Ô hô!
Thú hựu thủ khâu chi hồ.
Cầm hựu nam chi chi điểu.
Tống Trân Bùi Bá [Kỳ] tại tích. Cùng bắc kiến đan trung.
Duy Liêu Lê Quang Bí hà nhân. Chỉ nam hoàn tổ nguyện.
Nhi kim dư sinh do vị mẫn. Hạo thủ cánh hà quy.
Du du bỉ thiên. Hạt kỳ hữu cực.

Dịch nghĩa

*Việc đời như mây nổi, thấy thay đổi áo trắng chớ xanh cũng đã chán rồi
Ruột gan như lửa đốt, thân kiến nhỏ bống chọt hoá thành tro
Họ Lê nay mất cả mối giếng, cũng bởi giặc Tây kia gây nạn
Bống nghe châu Ô rầm rập, hung hăng xua đàn hồ xé bầy dê
Lại thấy Long đở chuông kêu, vượt ải thúc ngựa bầy cùng theo gót*

Sức muỗi muốn vùng lên nhưng thế đà vác núi
 Thân cáo định phô trương mượn dáng hổ dương oai
 Tường học Trình Anh nước Tấn cứu con coi,
 Lại thành Bao Tư mong khôi phục nước Sở¹⁷¹
 Sau Hán mong làm đũa trẻ đất Hàn, lại ra Tín Quốc tù ở bên Yên
 Gặp cơ phải biến theo vua, hành sự có đâu rảnh rãi
 Vạn dặm qua đông tuyết giá, gọi đầu chưa cắt tóc đã thừa
 Mười năm không sợ Bắc phong, thổi mũ không hư mà tự hồng
 Lòng mơ hồ như giun ở đất sâu
 Thân chẳng khác bướm đêm vào đuốc
 Lầy lội như cũ chó chuồng gà, an nhàn đất ấy
 Ngục đen cảnh gan chuột tay trùng, tử sinh trời vậy
 Tác lòng nay dè dặt mà theo, chức phận thấy cốt sao không then
 Bể bắc chưa sinh sừng ngựa, ruột gan vẫn vít nhớ mẹ cha
 Đỉnh hồ nào níu râu rồng, dòng lệ chan hoà khi giá buốt
 Vì công nghĩa nên phải bỏ tư tình, nói gì được nữa
 Mây trắng che phủ cảnh du phần, nhận nào mang thư cho được
 Mặt trời hồng ngậm núi xem Dĩ Hổ, càng then với quạ đen bú mớm
 Xem ra trung hiếu hai đàng đều thiếu,
 Lại không dám chết kém cả kẻ bò thần
 Than ôi! Đòi xưa nay có ai là không chết,
 Muốn kết liễu lại sợ tổn đến đức nhân.
 Phận làm người ai cũng đều ham sống
 Muốn tòng quyền thì e hại điều nghĩa
 Sáng tỏ để theo thiên lý,
 Mặc ai nói chuyện thư hoàng
 Dấu gọi mình là trâu là ngựa lòng không then thì mặt không hổ
 Dấu rồng rắn gặp cảnh nhi an không oán trời mà cũng chẳng trách người
 Ô hô!
 Thú có cáo biết quay đầu về núi
 Cầm có chim biết đậu ở cành nam
 Tống Trân, Bùi Bá Kỳ đời trước, quay về bắc để thấy đan trung
 Duy Liêu, Lê Quang Bí là ai, chỉ về nam mong thành tâm nguyện
 Nay kiếp sống thừa còn chưa hết, tóc bạc biết lúc nào về
 Trời xanh kia thăm thăm, bao giờ mới hết.

ÂN XÁ

Cuối tháng đó, vua Gia Khánh thân chính^[18] nên ban ân điển cho các tù nhân, lang trung bộ Hình họ Kim đến hỏi Lê Quýnh xem ông có cầu xin điều gì thì cho biết nên ông viết biểu tâu lên về tình tiết tại sao lại bị giam cầm:

Nguyên năm Càn Long thứ 54 [Kỷ Dậu, 1789], Phúc công gia có lệnh chúng tôi đường xa đến gặp, vốn mong được nhờ uy của thiên triều may mà có thể lấy lại nước, hưng vong cũng do mệnh trời nào nặn dấu có hết sức cũng không quản ngại. Đến lúc đó ngẩng trông đại đức của thiên triều ra ơn vượt mức ra lệnh cho cạo đầu đổi y phục, cho gia nhập kỳ binh thật là cảm kích vô bờ bến, không đức nào bằng.

Thế nhưng nghĩ đến việc pháp luật kỷ độ mù mờ không biết cho đến nơi đến chốn [懵懂侏儒], cha đã qua đời còn lại mẹ già cách xa vạn dặm quan san không ai coi sóc, nhưng nhớ vô chừng nên đã mấy bận khẩn thiết cầu xin chỉ mong sao làm tròn đạo hiếu.

Hạ ngu bị giam ở đây nhưng cái ý nghĩ đó vẫn còn, nay đã mười năm cũng chưa biết mình tội gì. Nay đại hoàng đế sáng láng như vàng nhật mới lên^[19] soi sáng mọi tăm tối, thể lòng hiếu sinh nhân đức của trời cho đến khắp mọi nơi trên mặt đất. Nay vạn vọng liệt vị đại nhân, trông

vào đại ân của thánh thượng mà cúi xuống soi xét nguyên tình để tha cho trở về, bọn Lê Quýnh không đến nỗi bị mất cả ngũ luân [五倫]^[20], cho sống cái đời còn lại của sâu kiến thì ân trạch thật là lớn lao, toàn gia lớn bé ai ai cũng được hưởng.

Có lẽ chính vì lời tâu này nên ngày 14 tháng Hai năm đó Lê Quýnh lại được đưa lên hỏi cung, ông xin cho về sống gần bên biên giới nước Nam để có dịp qua lại thăm nom mẹ: Nguyễn Huệ đã được phong [vương] đến nay tròn mười năm, thiên mệnh đã định, lòng người cũng an, thế cũng khác mà thời cũng khác, không còn cách gì có thể xoay chuyển được nữa rồi. Thế nhưng lòng nhớ mẹ càng tha thiết nên đem cái tình mọn ấy mà cầu xin, nếu được lòng chí nhân mẫu đức của đại hoàng đế xét tình thực mà tha cho để có một đường sống đem thân về, thoát khỏi cảnh tăm tối thì cái ơn thành toàn ấy thật bao la, bọn Lê Quýnh xin nguyện cạo đầu để tạ ơn tái sinh đó.

Cúi trông trời che đất chở, độ lượng vô cùng, bọn Lê Quýnh sẽ làm người dân thường sống ở nơi ranh giới Lương Việt, qua lại bán buôn không bị theo lệ an tháp, kẻ hèn này có thể qua lại thăm mẹ cho đến khi qua đời thì không còn gì ân hận. Còn nếu như có thể đưa gia quyến sang nội địa thì cũng tùy theo hoàn cảnh mà làm.

Tuy nhiên nhà Thanh vẫn ngại việc thả ông ra sẽ gây rắc rối trên phương diện ngoại giao nên không thuận và chỉ bằng lòng cho sống ở An Nam doanh [với gia quyến vua Lê] với điều kiện phải cạo đầu theo kiểu Trung Hoa, nếu không sẽ an tháp ở Nhiệt Hà nhưng nhóm Lê Quýnh nhất định không chịu. Khi hỏi về tâm sự muốn gì, Lê Quýnh chỉ trình lên hai bài thơ sau đây:

Bài 1

浮沈萍世遇時窮，且載南冠任北風。

(chữ Hán)

五十年來成一夢，幾多辛苦總還空。

Dịch âm

Phù trầm bình thế ngộ thời cùng,
Thả tải nam quan nhiệm bắc phong.
Thân khốn thập niên hoài tố tiết,
Mệnh tuý nhất phát biểu đan trung.
Thắng năng hợp nghĩa vô tâm quý,
Chỉ vị cầu nhân khảng oán đồng,
Ngũ thập niên lai thành nhất mộng,
Kỷ đa tâm khổ tổng hoàn không.

Dịch nghĩa

Chìm nổi như cánh bèo vì gặp phải lúc cùng
Đội mũ phương nam để chống lại gió bắc
Thân phải tù đày mười năm vì giữ khí tiết trắng
Số mệnh theo mái tóc để tỏ tấm lòng son
Miễn sao hợp với điều nghĩa nên không có gì phải thẹn
Chỉ vì điều nhân mới phải giận kẻ hung hăng kia
Năm mươi năm qua như một giấc mộng
Chịu bao nhiêu cay đắng mà rồi cũng như không

Bài 2

知幾爲達士，殉髮豈人情。

(chữ Hán)

今我春秋義，饒他月旦評。

Tri cơ vi đạt sĩ,

Dịch âm
Tuấn phát khởi nhân tình.
Đại nghị thiên kim trọng,
Vi khu nhất diệp khinh.
Đan tâm như tận tử,
Hạo thủ khởi hư sinh.
Kim ngã xuân thu nghĩa,
Nhiều tha nguyệt đán bình.

Dịch nghĩa
*Biết thời cơ ấy mới là đạt sĩ
Cắt tóc thì đâu còn gì là tình người
Nghĩa lớn nặng như nghìn vàng
Thân hèn thật nhẹ như chiếc lá
Lòng son nếu như đã mất cả
Dấu tóc bạc thì cũng sống thừa thôi
Nay ta theo nghĩa kinh xuân thu
Để sau này người đời sẽ bình phẩm*

Tháng Sáu năm Kỷ Mùi (1799), con trai Lê Quýnh là Lê Doãn Toàn được đưa đến thăm cha. Hai cha con đã xa cách mười năm nay gặp lại nên ông thật bàng hoàng nhất là biết con ông hiện đang sống với gia đình vua Lê ở ngoại ô. Quan nhà Thanh lại dụ rằng nếu ông chịu cắt tóc thì cha con sẽ được đoàn tụ. Ông lại trình lên:

Cung tạ ơn này, xin tỏ thực nỗi lòng. Trộm nghĩ bọn Lê Quýnh bồng bênh vạn dặm, tù tội mười năm cũng vì cái tâm ngu si không thay đổi nên phải chịu khổ không biết là chứng nào. Vì vua tôi, cha con chia cách không được thấy nhau, quả là cái mà tình người không kham nổi vậy nên triều đình đã thi ân ngoài mức. Trong mấy tháng qua cha con đã được gặp nhau ấy cũng là nhờ hồng từ quảng đại nên chúng tôi hết sức cảm kích.

Có điều thiên triều giáo hoá cõi nam đã một trăm rưỡi năm [ý nói nước ta thần phục nhà Thanh], vừa sâu vừa dài, bọn Lê Quýnh được thắm nhuần trong nơi đạo đức nên không dám lấy tình riêng để làm lệch nghĩa công.

Đến nay đã là một kỷ rồi, thời cũng khác và việc cũng khác, dẫu có muốn phục thù cũng chưa chắc còn thù mà phục, đến như theo chủ thì chủ cũ cũng còn đâu mà theo.^[21] Công nghĩa đã không làm được, nhưng cũng vì cực chẳng đã mà phải làm mà thôi. Nay không dám lấy chút tình riêng cha con mà phản lại trung hiếu là điều đã được khuyên, chỉ còn một việc xin được giữ tóc để tỏ lòng ngay [衷旗] chứ không dám quay lại đỡ cho nó được. Nay đưa đứa con ngu tới thăm ấy cũng là ơn lớn như núi cao bề cả của đại nhân, nếu muốn cha con đoàn tụ, đưa ra một ý thành mà cầu thì cũng có con đường sống.

Trộm nghĩ ơn không thể dễ mà đòi, thời khó mà có thêm lần nữa nếu như chọn cơ hội này thì chìm được số lòng, trâu được liếm ghé, chút đời còn lại cũng thành thoi. Thế nhưng há có thể đổi tấm lòng trong sáng để lấy kiếp sống hay sao nên chỉ mong chiếu cho nguyên tình mà tha tội^[22], ra khỏi phép nước mà thi ân thì kiếp sống thừa của Lê Quýnh cũng do cái đức của đại nhân thành toàn.

Tháng Tám năm đó, quan nhà Thanh lại đưa Lê Doãn Toàn và một số gia nhân cũ của ông là Nguyễn Nghiêm và Đỗ Suất cùng vào để mong ông siêu lòng. Ông lại bẩm lên:

Trộm tưởng bọn Lê Quýnh là cô thần ở nơi xa xôi, mười năm giam cầm, mong đại nhân lượng rộng bao dung, nhân sâu ngó đến nên nỗi lòng việc giam cầm, lại thương đến cái cảnh trâu với ghé mà soi xuống trở cho một đường sống để có thể thoát được đời giam hãm.

Ngày đông, gió xuân, bọn Quýnh ngẩng đầu nghĩ ngợi không khỏi cảm kích nên làm bài bảm này.

Nguyên năm Càn Long thứ 54 [Kỷ Dậu, 1789], bọn Quýnh tiến quan, vốn mong nhờ vào uy vọng thiên triều để mưu đồ chuyện phục quốc. Vừa khi đó, Phúc công gia chủ trương thụ hàng^[23] nên mới giữ lại đưa lên kinh. May được đại hoàng đế xét thấu cho cái tình nhỏ nên không khiến trách thêm.

Nay liệt vị đại nhân khuyên nên cắt tóc cải trang, thật quả từ xưa đến nay chưa từng có, bọn Quýnh chỉ xin được mặc quần áo An Nam mãi mãi không đổi, quả thật phụ ân lớn của hoàng đế nên phải lâm vào vòng lao lý cho đến ngày nay.

Tháng Hai năm nay lại được các đại nhân bộ đường tận miệng dụ nếu như cạo đầu thì sẽ cho ở An Nam doanh, còn nếu giữ tóc thì sẽ an táp ở Nhiệt Hà. Bọn Quýnh trộm nghĩ mình vốn là kẻ bầy tôi lưu lạc, dưới khắp gầm trời ở đâu cũng thế nên dù ở Nam doanh hay ở Bắc sở, hay ở núi lạnh nơi Nhiệt Hà thì cũng không mong sống sót, nếu được cho miếng ăn, sống đời thừa thì cũng là nhờ đức dung chứa của thiên triều cả.

Thế nhưng trong nhà còn mẹ già không ai chăm sóc nên còn một chút nghĩa mà lòng không yên, thành ra cầu được mở lòng nhân. Còn như bị giam thân nơi đây thì trung cũng không toàn mà hiếu thì đánh mất, đành phải ôm mối hận chung thân. Trông vào đại hoàng đế lấy tấm lòng hiếu làm gương trị thiên hạ nên Quýnh này thống thiết mong mỗi được về đất cũ đấy thôi chứ không có ý gì khác.

Nếu ví như được thả về mà Lê Quýnh tôi không gây ra chuyện rắc rối, nhưng họ Nguyễn vẫn tàn ác làm hại thì còn thể thống gì nên nhất định không có chuyện đó. Nghĩ rằng họ Nguyễn nay đã truyền được một đời rồi, mệnh trời đã định, lòng người đã yên, thế cũng khác mà sự cũng khác, thời đã dời mà tục cũng đổi, Sở Bình^[24] [vương] đã chết nên cũng không còn kẻ thù nữa, tuy có thầy đày để mà đánh nhưng cũng phải có cái tài của họ Ngủ thì mới nhân nước Ngô có kẻ hở mà làm chứ không thì cũng vô vọng. Còn như không ai giúp đỡ thì dù có tài trí như Lưu hầu cũng vị tất quạ được lừa Hán mà hưng lên.

Nay tôi tính toán thời thế, dầu có trí tuệ quyết tâm nhưng làm sao cử sự được, hướng chi chỉ có những người ngu muội dưới tay thì khác nào thiêu thân bay vào lửa nên không những bọn Lê Quýnh không dám làm càn mà cũng không có khả năng để làm nữa.

Từ khi Nguyễn Huệ được nước đến nay, bầy tôi dân chúng nhà Lê trừ những người chết trận hay kẻ cứng đầu bị giết ra còn cả những người được Trung Quốc thả về cũng không bị gia hại, hướng chi Lê Quýnh một thân một mình ở tuổi tàn niên, chịu sống yên thì không chỉ là họ không nở giết, không thêm giết mà còn kính sợ thiên triều nên cũng không dám giết. Nếu như thả cho về mà ngại rằng giao cho họ Nguyễn e không dung thì còn ra sự thế gì nữa.

Theo lệ cống sứ cũng như can phạm chạy trốn qua biên giới thì không nói làm gì^[25], còn như thuyền buôn, thuyền đánh cá bị gió thổi thì cũng đưa trả về, chưa từng nghe phải giao lại cho ai. Tôi không phải là người chạy trốn vượt qua ải, có thả về thì cũng chỉ như xưa một con muỗi mà thôi. Nếu như sau khi xuất quan, chẳng may bị kẻ họ Nguyễn làm hại thì cũng là chết nơi đất cũ của họ Lê thì cũng thoả tấm lòng mong muốn mà không thẹn, còn may mà họ Nguyễn không giết thì được sống làm dân đen họ Lê, cũng toại chí con quạ quay về tổ không còn mong gì hơn nữa.

Ấy là điều may và không may của Quýnh này chứ không liên quan gì sự thế nặng hay nhẹ, cũng là lấy người đi cai trị người đi theo qui tắc của tiên vương, phương nam hoang địa vốn là không trị để trị, người tị nạn chạy sang thì thương xót mà an táp ấy là chí nhân mà mà thả về cũng là chí tình, vì tội nghiệp mà làm như thế, vì chí đức mà bỏ công uốn nắn như thế, tùy theo vật mà tạo hình do cái tâm dung chứa vậy.

Muôn vàn mong đợi xét cái lý ở trong tình để làm ơn ra ngoài khuôn phép thì tuổi già của Quýnh này từ nay về sau cũng đều do đức tái sinh của đại hoàng đế ban cho, kính mong đại nhân thương xót đến lòng thành của kẻ cô thân, thương đứa con côi phải đi theo mà tha cho để theo về phụng dưỡng, ấy là lòng khoan dung trong năm điều của người giúp vua khiến cho gió của bốn phương đều thổi.

Đến tháng Mười, Lê Doãn Toàn lại vào thăm cha đem theo thư của những người tòng vong khác. Lê Quýnh trả lời:

Tù đầy quạnh quẽ, thắm thoát mười năm.

Chim nhận lẻ loi, không được một chữ.

Nay được dịp thuận tiện, nhân lúc cao hứng mong liệt vị quý đài có duyên khuê ngộ nên được dẫn dắt việc nghĩa theo đuổi việc đức, cảm cương ngựa mà theo sau, qua ải lặn lội, trèo non vượt biển thật là gian nan khiến cho chính khí vắng vắng, tinh trung sáng như vắng nhạt, dù như Trình Ứng Năng [程應能], Viên Bân^[26] [袁彬] cũng không khác gì, tuy chưa được thành tên tuổi như Yển Suy [偃衰], Phạm Lãi [范蠡], âu cũng là do trời vậy.

Theo ngu ý thì nhận lệnh lúc lưu lạc lệnh đênh không thể nào không nặng nhưng hết sức làm cũng chỉ được như con muỗi mà thôi, con ong có theo thì dấu bảy ngày khóc chảy máu mắt ở sân Tần, ba tác lười cũng không lay được màn Hán mà bụi trần thắm thoát ôm mỗi tịch liêu, không được kê cận gần bên khiến đành đặc tội với chúa cũ.

Cho nên cắt tóc không thể tính được mà cũng là việc cực chẳng đã đấy thôi, đem sợi tóc tỏ tỏ lòng thật có ích gì cho nước đâu? Tuy chín chết không đổi dạ thực cũng nhẹ như lông hồng mà thôi. Đến như lông hồng cũng chẳng được rồi cũng đem mối sầu xuống đất. Râu rồng không nắm được, nước mắt chảy như mưa. Trên không sánh được với lòng trung của Lý Nhược Thủy^[27] [李若水], dưới lại ngượng với liệt vị quý đài. Thẹn cùng trời đất, hổ với xưa nay, không đủ sánh với bằng hữu mà lòng luyến chúa thì so với chó ngựa cũng thua xa.

Hôm nay nhân được quý liệt vị vì tình mà hỏi xuống thật là ném viên ngọc khiến cho cỏ bông, sợi tóc cũng rụng ngời, được mắt xanh nhìn đến khiến cho chiếc khăn nước nam nổi sắc, thân già này cảm kích xiết bao.

Mong các ngài tự trân trọng, nhẫn nại để cho đến khi xong việc, tùy gặp gỡ mà làm theo, ngày vui chắc không lâu nữa.

Đã từng thấy ơn trời lồng lộng, mưa móc thắm nhuận, tuy ở nơi tăm tối cũng được tắm tưới đến.

Ngoài ra ông cũng viết thư gửi cho Đinh Nhạ Hành, Phạm Trần Hi, Phan Khải Đức, Lê Duy Ân nên chúng ta cũng đoán được rằng đây là những người đã gửi thư riêng cho ông. Có lẽ trong những lần thăm viếng trao đổi ông cũng biết được tin vua mới sắp xét lại vụ án “*thế phát dịch phục*” của bốn người nên giọng văn có chiều phấn khởi hơn trước, nhất là tin tưởng rằng “*ngày vui chắc không lâu*”.

Tháng Một năm đó ông nghe tin thái hậu – mẹ vua Chiêu Thống – qua đời nên viết thư cho Lê Duy Ân khi ấy thế tập tước tá lãnh của vua Lê.

Nhìn lại suốt 10 năm bị giam hầu như họ hoàn toàn bị xa cách với thế giới bên ngoài và mọi việc chỉ biến chuyển tương đối dần dập sau khi vua Càn Long qua đời. Dưới triều Gia Khánh chính sách ngoại giao của Thanh triều với Tây Sơn không còn như trước nữa nên nhóm vua Lê ở bên ngoài cũng được thoải mái hơn.

RA KHỎI NGỤC

Theo lá thư của Lê Quýnh gửi cho Phụ Thành Hầu Lê Duy Phổ thì bọn Lê Quýnh được ân xá từ tháng Hai năm Canh Thân, Gia Khánh thứ 5 (1800) nhưng đến ngày mồng 4 tháng Tư [tức mồng 4 tháng Ba nhuận theo lịch VN], bốn người bọn Lê Quýnh mới được thả ra khỏi ngục. Họ được cho sinh sống ở 12 dặm phía tây kinh thành bên ngoài xưởng nhuộm của Hoà Khí Doanh. Điều an ủi nhất là họ được tùy tiện để tóc và ăn mặc theo lối nước ta.

Nguyên từ đời Minh Vĩnh Lạc, vì nơi đây đất trũng có suối hồ nên triều đình cho trồng cây chàm [Indigo Naturalis] để nhuộm quân phục cho binh lính. Sau nhiều giai đoạn biến chế, thuốc nhuộm này cho ra vải màu đen ánh sắc xanh [暗青黑色] có tên là lam điện [藍靛][28]. Kỹ nghệ này thuộc Chức Nhiễm Cục [織染局][29] gồm ba phần điện viên [vườn trồng], đã điện [khu xay và tiến hành bào chế], lam điện [nhuộm vải].

Hoả Khí Doanh – cơ quan lo liệu việc chế tạo các loại súng ống lớn [pháo] nhỏ [thương] – chung quanh có tường dày, có đến 1700 phòng ốc cho hơn một vạn người bao gồm binh lính bát kỳ và quyền thuộc. Ra vào doanh có hai cửa đông nam, tây bắc nên có thể coi là một pháo đài quan trọng bảo vệ hoàng thành. Nói chung đây là một khu gia binh khổng lồ sống bằng lương của triều đình tương đối sung túc, hấp dẫn nhiều thương nhân đến mua bán, qua lại biến khu vực chung quanh thành những nơi sầm uất.

Bên ngoài chung quanh xường nhuộm có 5 toà miếu thờ sơn thần còn gọi là Bích Hà Nguyên Quân Miếu chia thành đông tây nam bắc và trung đình. Hiện nay bốn toà miếu không còn nữa nhưng tây đình miếu vẫn còn, chính là nơi mà nhóm Lê Quýnh bị an táp.^[30]

Theo tường thuật trong *Bắc Hành Lược Ký* bốn người ở dưới quyền giám sát và quản thúc của Định Cung Thân Vương Miên Ân [cháu nội vua Càn Long] – khi ấy trông coi Hoả Khí Doanh.

Khi Lê Quýnh biết tin cổ chủ đã qua đời cảm tác bài thơ sau đây:

南冠而繫十餘年，優渥鴻霑降自然。

(chữ Hán)

紅日方升高燭照，肯教冀北有啼鶻。

Dịch âm

Nam quan nhi chấp thập dư niên,

Ưu ác hồng triêm giáng tự nhiên.

Trạc phát nan thù tân vũ lộ,

Hồi đầu khủng phụ cựu sơn xuyên.

Trung hồn tha nhật dư ân bổ,

Khổ tiết như kim xúc chí tuyên.

Hồng nhật phương thăng cao chúc chiếu,

Khẳng giao ký bắc hữu đề quyên.

Dịch nghĩa

Mũ phương nam nên bị giam mười năm,

Tự nhiên được ơn từ trên giáng xuống.

Xoã tóc không báo được ơn mưa móc mới,

Nhìn lại sợ rằng mình đã phụ núi sông xưa.

Hồn trung ngày khác sẽ đến bù ân thêm nữa,

Khổ tiết nên hôm nay chí mới được toàn vẹn.

Mặt trời lên cao chiếu sáng xuống,

Ai ngờ ở đất bắc mà cũng có tiếng chim quyên kêu.

Việc đầu tiên sau khi được tự do là chuẩn bị để đi viếng mộ vua Chiêu Thống ở phía đông Bắc Kinh, trong dịp này con ông cũng đi theo. Lê Quýnh có làm bài thơ sau đây:

黑暗重狂似九幽，移郊仍是築燕囚。

(chữ Hán)

烏牙黑髮堂堂去，惟有丹心為我留。

Dịch âm

Triển mộ cảm tác

Hắc ám trùng hán tự cửu u,

Di Giao nhưng thị trúc Yên tù.

Thân tây đình hoả sấu vân tráo,

Mục bắc tân băng lệ vũ lưu.

Thử nhật cương thường hoàng quyên để,

Hà niên hài cốt đại đao đầu.

Ô nha hắc phát đường đường khứ,
Duy hữu đan tâm vị ngã lưu.

Dịch nghĩa

*Cảm tác khi đi viếng mộ [vua Lê]
Trời u ám tiếng sói kêu tưởng như ở nơi địa ngục
Tuy đời qua ngoài ô nhưng có khác gì người tù đất Yên
Thân ở phương tây gần Hoả Khí doanh nhưng mây sầu canh cánh
Mất từ đất bắc nước băng chảy ra như suối
Ngày nay cương thường để bên dưới tấm lụa vàng
Biết bao giờ mới được cầm dao chém đầu hài cốt
Răng nhuộm, tóc đen cứ thế mà trôi đi
Chỉ còn tấm lòng son còn ở với ta thôi*

Tuy không biết gì nhiều về cuộc đời sống đơn độc ở xưởng nhuộm nhưng qua văn chương ta thấy Lê Quỳnh vẫn canh cánh mong đợi có ngày được về cố quốc. Một đêm trăng ông đi chùa thấy một cổ quan tài đã mục nát và cáo văn không biết là ai nên tức cảnh mà thương cho phận mình rồi mai đây cũng thế nên làm một bài văn tế dài rất lâm ly.[31]

Tháng Sáu năm đó, trời mưa dầm lại hết đồ ăn, nhận được thưởng dụ không cho vào trong thành nên làm bài thơ sau:[32]

纔抵藍橋早作霖，沮洳場裏度光陰。

(chữ Hán)

玉京何必崎嶇上，但望南車指有針。

Dịch âm

Tài để lam kiều tảo tác lâm,
Tự như trường lý độ quang âm.
Cận giao phi động u hoàn thủy,
Lữ xá như tăng tịch hựu sầm.
Tiên bất kinh tương nan nhuận uế,
Phật phi hoài bính dị không tâm.
Ngọc kinh hà tất kỳ khu thưởng,
Đãn vọng nam xa chỉ hữu châm.

Dịch nghĩa

*Vừa đến Lam Kiều thì trời đổ mưa
Vi lầy lội nên phải ở lại trong nhà cho qua thì giờ
Gần bên không có động ả bạc cao thâm
Nơi ở trọ thì như nhà sư vừa vắng lặng vừa cao cả
Tiên như không có rượu cũng khó mà trơn miệng
Phật bụng không có bánh thì dễ trống lòng
Đường về kinh đô sao mà gian nan thế
Chỉ mong xe có kim chỉ về hướng nam*

Tuy bài thơ nói về kinh đô nhà Thanh nhưng ông ám chỉ kinh thành Thăng Long, nhất là lại nhắc đến “*chỉ nam xa*” là xe có nam châm chỉ đường về hướng nam.

[1] Trần Khánh Hạo chủ biên, *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San*, Lịch Sử Tiểu Thuyết Loại, đệ ngũ sách: Hoàng Lê Nhất Thống Chí, (Đài Loan: Học Sinh thư cục, 1987) tr. 241

- [2] Tấu thư ngày 14 tháng Năm, Càn Long 55. Càn Long Triều, Thượng Dụ Đáng (1991) q. XV tr. 671.
- [3] Tức Văn Thiên Tường [1236-1273], thừa tướng nhà Tống, bị quân Nguyên bắt không chịu hàng, đem vợ con ra uy hiếp ông hiên ngang chịu chết.
- [4] (chữ Hán)
- [5] *Lê Quý Dật Sử* (1987), tr. 99-100
- [6] *Cao Tông thực lục*, quyển 1377, thượng dụ ngày Giáp Tí [20] tháng Tư năm Càn Long 56 [1791], Vương Tiên Khiêm, [Càn Long Triều] *Đông Hoa Tục Lục*, quyển 45, thượng dụ gửi Nguyễn Quang Bình ngày 20 tháng Tư, Càn Long 56, *Càn Long Triều Thượng Dụ Đáng* [XVI] tr. 248
- [7] *Khâm Định Việt Sử*, tập II, bản dịch Viện Sử Học (1998), tr. 321
- [8] theo tài liệu nhà Thanh, Hoàng Ích Hiều khi đến Tân Cương có vợ một con trai, sau có thêm một con gái. Con trai ông ta sau lấy vợ có một con gái.
- [9] theo báo cáo của bộ Binh và Minh Thanh sử liệu.
- [10] *Ngô Thi Nhậm tác phẩm I*, tr. 449
- [11] (chữ Hán)
- Lê Quỳnh dâng nhân cữu phục cấu tộ khăn cầu cấp y cánh hoán ứng dụ. Dĩ nhĩ đẳng cầu cấp y phục tự đương dụng Trung Hoa phục thức phương khả chuẩn. Nhĩ sở thỉnh nhược nhĩ bản quốc thức dạng, Trung Hoa vô thử chế tạo, bất năng lánh chế cấp dư, tự thử hiểu dụ. Thảng y đẳng nhưng bất nguyện cải phục kỳ khả nhiệm kỳ phá tộ. Hựu yên khởi hệ Hội nhân bất thực trư nhục, tại giam nội diệc chỉ khả chiếu cữu cấp dĩ lao thực, bất tất nhân kỳ bất thực trư nhục lánh hành cấp dư thực vật dã. Tương thử dụ lệnh A Quế tri chi. Khâm thử. *Càn Long Triều Thượng Dụ Đáng* [XVI] tr. 328
- [12] Xem Văn Liệu 3, *An Nam Đáng II*, bản dịch NDC
- [13] *Bắc Hành Lược Ký*, bản dịch NDC
- [14] *An Nam Đáng III*, bản dịch NDC
- [15] (chữ Hán)”
- [16] Nghĩa sĩ đời Tấn
- [17] Thân Bao Tư cầu viện binh khóc bảy ngày đêm ở sân vua Tần
- [18] Tuy vua Gia Khánh lên ngôi từ năm Bính Thìn [1796] nhưng mọi việc vẫn do thượng hoàng Cao Tông quyết đoán, kể cả việc tế lễ và tiếp đón sứ thần. Chỉ đến khi vua Càn Long từ trần [Kỷ Mùi, 1799] vua Gia Khánh mới thực sự cầm quyền nên gọi là thân chính.
- [19] Đây là dịp đại xá nhân khi thái thượng hoàng Cao Tông [Càn Long] vừa mất, vua Nhân Tông [Gia Khánh] chính thức kế nhiệm.
- [20] Ngũ Luân là vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, bạn bè 5 mối liên hệ trong xã hội. Lê Quỳnh xin được tha về để cho tròn đạo hiếu.
- [21] Vua Chiêu Thống đã qua đời từ năm Quý Sửu [1793]
- [22] Tức là ông không phải sang Trung Hoa để xin tị nạn
- [23] Tức nhận cho Nguyễn Quang Bình làm An Nam quốc vương, trên danh nghĩa nhà Thanh gọi là “*thụ hàng*” [chấp nhận đầu hàng].
- [24] Câu này lấy tích Ngũ Tử Tư quật mồ Sở Bình Vương lấy roi đánh vào xác kẻ thù mà cũng muốn dùng chữ Bình là tên vua Quang Trung.
- [25] Tức là thành phần có luật lệ qui định hẳn hoi
- [26] (1401-1488) Một người bầy tôi theo chăm sóc cho vua Minh Anh Tông khi vua Minh bị quân Nguyên bắt.
- [27] (1093-1127) Một trung thần đi theo vua Tống Khâm Tông khi bị bắt sang nước Kim.
- [28] indigo, indigotin
- [29] Tức cơ quan dệt và nhuộm quân phục
- [30] *Bắc Hành Lược Ký* chép là (chữ Hán)
[tây đỉnh lam đỉnh điện xưởng chỉ ngoại Hoả Khí Doanh]

[31] *Bắc Hành Lược Ký* “Nguyệt Dạ Du Phật Tự Kiến Bĩ Thượng Hủ Quan” (chữ Hán)

[32] *Bắc Hành Lược Ký* “Lục Nguyệt Lâm Vũ Lương Tuyệt. Hựu Kiến Thượng Dụ Bất Hứa Tiên Thành Ngẫu Tác” (chữ Hán)

VẬN ĐỘNG TRỞ VỀ NƯỚC

Đến năm Giáp Tí (Gia Long thứ 3, 1804) khi nhà Tây Sơn đã diệt vong, được sự đồng ý của nhà Nguyễn, Thanh triều mới cho các vong thần mang quan tài vua Lê, thái hậu và nguyên tử (con trai vua Lê chết ở bên Tàu) trở về nước. *Quốc Sử Di Biên* chép rằng:

... Tháng Tám [năm Giáp Tí] *Trưởng Phái Hầu* của nhà Lê cũ *Doãn Hựu* [黎允佑][2] đem hài cốt vua Lê từ nước Thanh trở về. Khi trước, vua tôi họ Lê ở bên nước Thanh từ năm Tân Hợi [1791] thì đã thất tán chỉ còn vài chục người. Người đi theo phần nhiều lấy vợ phương bắc sinh con cái, riêng Hựu bị giam lâu ngày ở Bắc sở, chỉ còn được một chiếc mũ rách nát đội đã trên mười năm. Năm Canh Thân vua Gia Khánh mới lên thân chính nên được thả ra cho sống ở bên ngoài. Khi đó Hựu mới biết vua Lê đã qua đời bèn chịu tang. Năm Nhâm Tuất, nghe tin nguy Tây [tức Tây Sơn] mất nước, nhiều lần khẩn thiết xin đưa hài cốt vua Lê về nước nhưng không được trả lời.

Đến khi quốc sứ sang cầu phong, con Hựu là Trắc [允側] xin làm hành nhân[3] sang để thăm dò vua và cha. Vua Thế Tổ [tức vua Gia Long] vốn đã nghe tiếng Hựu từ trước nên đồng ý cho đi theo lời tâu. Khi Trắc đi đến Trác Châu [涿州] gặp được Hựu đội sứ đoàn ở đó, cha con gặp nhau mừng quá nên có thơ rằng:

(chữ Hán)

Tài văn mỗi vị nhân khi ngã,
Cặp kiến kinh hồ nữ thị thủy.
Thoạt nghe cứ tưởng đâu đưa cột,
Gặp mới kêu lên ai thế này?

Nhân thế Hựu cùng đi với phái đoàn đến Yên Kinh cùng với khâm sứ báii yết vua Thanh.

Thanh đế khen ngợi bảo cha là tôi trung, con là con hiếu nên ban thưởng rất hậu. Khi sứ thần về nước, Hựu dặn con làm biểu tâu lên vua Thế Tổ, xin cho được về nước và đem hài cốt vua Lê về táng ở nơi tĩnh địa. Vua Thế Tổ thuận cho, khi đó Trắc mới viết thư báo cho Hựu để ông dâng biểu lên vua Thanh xin về. Vua Thanh cũng bằng lòng và cho tất cả những người lưu vong về nước.

Ngày 24 tháng Ba năm nay, Hựu lấy áo mũ quan tài cải thổ cho vua Lê, thái hậu và nguyên tử và những người đi theo lớn nhỏ 18 cỗ, làm thơ khóc Lê đế trong đó có câu:

(chữ Hán)

Vân ám long niêm vô mịch xứ,
Tuyết phong mã liệt hữu khai thời.
Mây phủ râu rồng tìm đâu thấy,
Tuyết che bờm ngựa có ngày tan.

Vua Thanh sai làm bảng ghi rõ, chia ra thành ba nhóm, đi đến đâu được quan lại châu phủ hộ tống [vợ con người tòng vong đi đợt đầu, kế đến là hài cốt, các tòng thần còn sống đi sau cùng].[4]

SAU KHI VỀ NƯỚC

Trong *Bắc Hành Tùng Ký*, Lê Quỳnh không viết gì nhiều về cuộc đời ông sau khi từ Trung Hoa trở về. Ngay cả những biến cố lớn liên quan đến việc gặp gỡ tổng trấn Bắc Thành là Nguyễn Văn Thành hay vào kinh yết kiến vua Gia Long ông cũng đề cập đến rất sơ lược khiến nhiều người phải đặt câu hỏi về tính chính xác của các sự việc xảy ra sau khi ông rời Trung Hoa. Những chi tiết đó dựa vào lời thuật lại của người khác nên chưa chắc đã hoàn toàn là sự thực. Điều này cũng có thể giải thích được:

- Thứ nhất, từ khi ông về nước đến khi ông qua đời chỉ chưa đầy một năm [ông qua đời ngày 15 tháng Chín năm Ất Sửu (1805)] nên có thể ông chưa có dịp đề cập đầy đủ chi tiết những

việc mới xảy ra. Ước vọng sau cùng của vua Chiêu Thống là được đưa về táng ở quê nhà ông đã hoàn thành, coi như làm tròn nhiệm vụ nên không còn gì đáng nói. Và lại, theo lời kể của chính ông thì ông vào chùa tu và đã đi tu ắt không còn lưu luyến việc bên ngoài.

- Thứ hai, Lê Quýnh đặt nặng những biến cố khi ông làm quan cho nhà Lê và vì lòng trung nghĩa của mình mà bị tù đầy tại Trung Hoa nên không muốn nhắc đến những việc khác dưới triều Nguyễn. Và lại, tuy vua Gia Long đã diệt được nhà Tây Sơn, gián tiếp trả thù cho vua Lê nhưng cũng không trả nước cho cựu triều khiến ông bất mãn, oán trách luôn cả những cựu thần nhà Lê làm việc cho Tây Sơn nay lại sang làm bầy tôi nhà Nguyễn.

Cũng may, một nhà nho miền Bắc là thám hoa Phan Thúc Trực nhân những chuyến công du ở Bắc Hà để sưu tầm tài liệu đã chép tương đối chi tiết. Đó cũng là điều đáng nói vì làm việc trực tiếp với triều đình, thám hoa họ Phan đã ít nhiều nhận ra sự vô tình hay cố ý phủ nhận tiền triều, không muốn ai còn lưu luyến đến những dòng vua cũ. Tâm lý đó cũng bình thường, những người – ở một vùng đất nay có chủ mới – không thể không có những hoài cảm khi nhìn lại cảnh cũ, gặp lại người xưa. Tâm lý đó thể hiện dưới nhiều hình thức, phần lớn chỉ là thơ văn nhưng cũng có những người ghi chép lại qua sử sách để bổ sung cho những gì mà tân triều cố tình không nhắc đến.

Quốc Sử Di Biên (tập thượng) chép như sau:

... Tháng Bảy năm đó đến Nam Quan vào trấn Lạng Sơn, lập bàn thờ ở ngoài thành, hiệp trấn Nguyễn Duy Thân xuất thân tiến sĩ, người xã Hương La cùng các tù trưởng các phiên đều đến khóc.

Lê Quýnh đi xuống Thăng Long ngày 26 yết kiến quận công Nguyễn Văn Thành [khi đó là tổng trấn Bắc Thành], quì hồi lâu nhưng không lạy nói rằng vì chưa bái yết vương thượng nên không dám bái tôn công, nay cời mũ ra xin chịu tội. Nguyễn Văn Thành xua tay:

- Xin ông đứng lên mời uống trà.

Lê Quýnh tạ ơn nói:

- Nước mắt không mưu tính lảy lại, ấy là tội nhân của ngài, nay gặp tôn công, mở hôi ước áo. Thế nhưng di hài của cố quân chưa có được một tấc đất để ninh táng, mong tôn công giúp cho. Thành Quận Công đáp:

- Ông đừng lo, vương thượng trông ông như người khát nước, vẫn thường nói rằng khi nào ông về đến nơi thì mau mau đến yết kiến, đãi đằng ít lâu. Còn việc của vua cũ, tôi bảo đảm là sẽ vì ông mà hoàn thành.

Lê Quýnh ở lại ba ngày, các quan văn võ cũ mới đều tới gặp nhưng ông từ tạ rồi ra yết kiến tán lý Thường[Đặng Trần]. Thường vừa gặp ông gọi ngay là Khổng Minh[5], Hựu không nhận, Thường lại đổi gọi là Tử Phòng.[6] Hựu nói:

- Tướng công gặp được minh quân nên làm được những điều mình muốn nên có thể nhận cái danh Tử Phòng, Hựu này không được như vậy.

Nhân đó xin cáo biệt trở về.

Ngày mùng 6 tháng Tám Hựu từ Thăng Long lên đường về quê, uống rượu với người thân kể lại nỗi niềm mong nhớ cũ. Ngày mùng 7 đến yết từ đường dòng nhà mình, nhân dịp ăn giỗ bà thím [vợ ông Doãn Trọng]. Ngày 12 quay trở lại Thăng Long bẩm với Thành Quận Công xin được về kinh trình lời tâu lên vua Thế Tổ, được nhà vua thuận cho đem hài cốt vua Lê về chôn ở làng Bồ Vệ.

Ngày 24 tháng Chín, Thành Quận Công cho binh lính Bắc thành cùng đình phu các huyện và trấn Lạng Sơn đưa linh cữu vua Lê về Thăng Long, lập trai đàn ở nhà Diên Tự Công [tức Lê Duy Hoán, con trai Lê Duy Chỉ được vua Gia Long cho thừa tự tông miếu nhà Lê]. Các di thần và quan văn võ đều mặc đồ tang đến phúngđiếu. Các quan tài từ Đình Nhạ Hành trở xuống được thân quyến tiếp nhận theo các bảng tên đem về mai táng.

Hậu [tức vương phi Nguyễn Thị Kim] người Tì Bà vào chùa Lã tu từ năm Kỷ Dậu [1789] đến khóc với Doãn Hựu, hỏi kể cho mình, Hựu nói:

- Xuống đất để gặp tiên quân, ấy là thượng kế. Về trông coi hương hoả ở lăng, ấy là thứ hai. Hậu nghe lời, uống thuốc độc chết, khi đó 40 tuổi. Tán lý Thường viếng có câu:

(chữ Hán)

Tiết nghĩa tàn đấng hạ,
Cương thường nhất chước trung.
Giữ tiết nghĩa dưới ngọn đèn tàn,
Đạo cương thường ở trong chén thuốc.

Nhà vua hạ chiếu ban cho 4 chữ “Thủ Trinh Tuấn Tiết” [守貞徇節].

Ngày 28 tháng Mười, Thành Quận Công phụng mệnh đưa linh cữu vua Lê về táng ở làng Bồ Vệ có hiệp trấn Thanh Hoa cùng đi lo việc lễ nghi, phụ táng hậu Tì Bà ở bên cạnh, thần chủ của hậu thờ ở tả vu miếu nhà Lê, lại dựng bia cho bà ở quê quán [làng Tì Bà], cho hai người lính trông coi.[7]

Sau khi chôn cất vua Lê, Lê Quýnh quay lại Thăng Long bái tạ Thành Quận Công rồi từ biệt về quê. Ông nhịn ăn 3 ngày, sau đó đến tu ở chùa xã Đại Đồng. Ông có làm thơ rằng:

(chữ Hán)

Phật tổ dung vi sơ đệ tử,
Hoàng vương hứa tác cữu nhân dân.
Phật tổ rộng lòng cho làm đệ tử mới,
Nhà vua thuận cho làm người dân nhân cũ.

Lúc đó ông vừa tròn 55 tuổi. Ông thường nói với người quen cũ là Nguyễn Huy Phác rằng:

- Quýnh cũng giống như con gái quê mùa, nhan sắc chẳng lấy gì đẹp đẽ, lại cũng không có nghề nghiệp gì, được người ta lấy làm vợ đã là may mắn lắm. Nay chẳng may chồng chết sớm nên sống đời đàn bà goá cho tròn danh tròn tiết, nếu không thì còn ra gì nữa.

Nguyễn Huy Phác cho là khéo ví von. Qua đây, chúng ta cũng biết ông tuy về nước nhưng không phục những ai đã làm quan cho nhà Lê nay lại ra làm quan dưới triều Nguyễn. Mà số này không phải ít, có người làm quan cả ba triều kế tiếp, Lê-Trịnh rồi Tây Sơn, nay lại hàng Gia Long. Có lẽ đó cũng là một lý do Lê Quýnh không chấp gì thêm những việc ông làm sau khi đưa quan tài vua Lê về táng ở Thanh Hoá.

Theo Quốc Sử Di Biên, ông bị cướp đêm ngày mùng 1 tháng Chín năm Gia Long thứ 4 (1805) và từ trần gần nửa tháng sau đó.

Mùng Một tháng Chín, kẻ cướp giết Lê Doãn Hựu và con là Thốt. Hồi đó ở Bình Ngô có tên đầu đảng cướp tên là Bi, tự xưng là Bắc Sử Soái, thường hay bất ngờ ra cướp bóc. Lần đó bi ra cướp và đốt phá ở Ngâm Điền, lấy được rất nhiều tài sản, súc vật. Hựu dẫn người nhà chặn đường đoạt lại. Bi thù hận lắm nên khi đang đêm đem rất đông đồng đảng đến đốt phá nhà Hựu, đâm ông vài mươi nhát. Quan phủ là Nguyễn Đình Tôn lập án sống [nạn nhân còn sống]. Đến ngày 15 [tháng Chín] ông chết, lại lập án chết [nạn nhân đã chết]. Con của Hựu là Trắc và Thốt có ý báo thù, khi đi đâu thường mang binh khí trong người, Bi lại phục kích giết Thốt ở ngoài đồng. Thành Quận Công sai quan điếu tặng, lại theo lệnh vua đem tiền gạo đến để chôn cất, Nguyễn Đăng Sở làm điếu văn.[8]

Trong dịp này Nguyễn Đăng Sở [阮登璉] làm văn tế như sau:

蕉鹿壑蛇，童牛角馬。

(chữ Hán)

神返斷堂，藜草之明誠以妥。

Dịch âm

Tiêu lộc hác xà, đồng ngư giác mã.
Thiên vạn lý ba đào vô dạng, hốt nhiên ký nạn tá hư chu.
Nhị bát ký sương tuyết bất xâm, hà giả vị hàn điều lão bách.
Duy dư nghĩa liệt ư nhân gian, khả đối quân thân ư địa hạ.
Hình qui truân tịch, huân cao chi tinh sáng như tồn.
Thần phản đoạn đường, liêu thảo chi minh thành dĩ thoả.
Dịch nghĩa
Hươu nơi tàu chuối, rắn ở trong hang.

Trâu còn non, ngựa mọc sừng.
Nghìn vạn dặm sóng to gió cả chẳng hề chi.
Bỗng nhiên đến bờ thuyền lại đắm.
Mười sáu năm sương tuyết không xâm,
Sao không được thành cây tùng già chịu rét.
Thế nhưng ông để lại nghĩa liệt chốn nhân gian,
Không thẹn với vua, với mẹ cha nơi chín suối.
Hình về dưới huyết nhưng hương thơm tinh sáng vẫn còn,
Thần trở lại nhà, lều cỏ sáng soi cũng thoả.
Lại có đôi câu đối:

Văn thừa tướng cô trung, cố hương cánh toại hoàng quan nguyện
Tô trung lang đại tiết, thắng quốc nan khi bạch phát tâm
Trung nghĩa không khác gì Văn thừa tướng, được về nước thoả nguyện đội mũ vàng
Tiết lớn giống như Tô trung lang, nước kia không thể khinh tẩm lòng tóc bạc được.
箕在己非商，龜範莫能渝厥志
蘇還猶是漢，麟臺何恥殿諸臣
Cơ tại dĩ phi Thương, qui phạm mạc năng du quyết chí
Tô hoàn do thị Hán, lân đài hà sỉ diện chư thần
Ông Cơ còn nhưng Thương đã mất, qui phạm trong chí vẫn không quên
Ông Tô về thì nhà Hán còn, đài lân không thẹn với các bầy tôi khác
Nguyễn Đăng Sở cũng viết bài văn bia ca ngợi khí tiết của hai anh em Lê Quỳnh và Lê Trình
vào tháng Sáu năm Gia Long thứ 12 [Quý Dậu, 1813].

故黎朝從臣墓碑

(chữ Hán)

皇朝嘉隆十二年癸酉復月穀旦，黎朝統丁未正進士阮整甫撰

Dịch âm

Cổ Lê triều tòng thần mộ bi

Hầu tính Lê, Siêu Loại huyện Đại Mão xã nhân, Lê triều Cảnh Hưng Quý Hợi khoa tiến sĩ, Hình bộ tả thị lang Đại Nham Hầu chi trung tử, danh Quỳnh. Hầu chi đường đệ Lê Trị, nãi Lê triều Cảnh Hưng Mậu Thìn khoa tiến sĩ, Lạng Sơn tổng trấn Tú Xuyên Hầu chi đệ ngũ nam dã. Hầu dĩ chưởng thị vệ hữu công, luỹ phong Trường Phái Hầu, Lê Trị phụng chấp cơ đích hữu công, tứ tước Siêu Lĩnh Hầu.

Chiêu Thống nguyên niên thập nhị nguyệt sóc, Tây Sơn tương binh xâm bạc Thăng Long thành, ngự giá bắc tổn vu Lạng Giang, hầu suất gia đình dục giá, tự bắc nhi đông. nhị niên Mậu Thân nhị nguyệt, hầu phụng cân tâm thái hậu dữ nguyên tử vu Cao Bình, vi Tây binh sở bách, toại phụng đầu nội địa chi Nam Ninh phủ.

Sự văn Đại Thanh hoàng đế, đặc mệnh hầu tòng Quảng Đông lộ hồi thám quốc tình. Ký phục, nãi mệnh Lương Quảng tổng đốc Tôn Sĩ Nghị đề sư cứu viện. Thập nhất nguyệt khắc phục kinh thành, thừa dư phản chính. Thời dụng pháp binh thiếu, hầu dĩ bình chương sự tổng đốc binh hướng, Siêu Lĩnh Hầu bắc sứ nghinh thái hậu dữ nguyên tử chí tự Nam Ninh.

Tam niên Kỷ Dậu chính nguyệt, Tây Sơn binh tiếm chí, Tôn tổng đốc binh hội thoái bắc tẩu, ngự giá diệc tòng bắc hạnh. Tỉ chí Yên Kinh, tất lệnh thế phát thụ phong, vô phục hữu tái viện ý. Hầu cư quốc mộ binh khoả lương, dự tiên thổ trí, nhật vọng viện binh tái lai.

Thiếp hạ tồ đông, cánh mô /vô thanh tức, nãi dữ đệ Lê Trị cập đồng chí Trịnh Hiến, Lý Bình Đạo đẳng tiến quan, mưu đồ khôi phục. Ký chí, cánh bắt hứa diện quân, bách chi thế phát cải trang. bắt thụ, câu cấm vu ngục, phạm thập tam niên, hiếp uy lợi dụ, chung bắt năng đoạt. Hầu thường hữu thi vân:

Thân khốn thập niên hoài tổ tiết,

Mệnh tùy nhất phát biểu đan trung.

Kỳ kiến ư văn mặc giả phi nhất. Lê cố quân tại nhật, mệnh lục kỳ từ, nhan viết: Tứ Công Thi Tập. Bắc triều xưng vi Lê Gia Tứ Nghĩa Sĩ.

Đãi Gia Long nguyên niên Nhâm Tuất, Tây Sơn tặc ký bình, hầu trưởng tử Doãn Trác phụng tòng sứ bộ lai thám thanh tức. Tam niên Giáp Tý, bắc triều tư giao hồi quốc, nãi đắc toàn phát dĩ qui. Tái nguyện phụng nghinh Lê cố quân ngọc quan cập thái hậu nguyên tử hài cốt, phản táng vu Thanh Hoá. Lễ tất, ký vu bản huyện Đại Đồng xã tự cư trú. Kỳ thi hữu vân:

Phật tổ di lai huấn đệ tử,

Hoàng thiên hứa tác cựu nhân nhân.

Tráng tai !

Thập thất niên gian, thủy chung bất biến, Lê tòng nghĩa thần hữu tứ, nhi hầu chi huynh đệ cư kỳ nhị, thành cổ nhân sở vị hãn kiến dã.

Phù độc thánh hiền chi thư, hành thánh hiền chi đạo, hầu chi vị hồ ?

Ngã triều hoàng đế gia kỳ chí tiết, lũ niên ân ban, nhân dưỡng dư niên, hầu toại kỳ nguyện.

Ất Sửu cửu nguyệt thập lục nhật, hầu tốt.

Siêu Lĩnh Hầu tuân kỳ di chúc, thương kính tấn yết, tái khát hồi quán an dưỡng, nhật cửu dữ thân cựu ngu lạc giả, thường niệm “tạ thiên thanh phúc” tử tự dĩ kiến chí.

Thập niên Tân Mùi tam nguyệt sơ bát nhật, dĩ thọ chung ư gia.

Y ! Nhị hầu cố gia lệnh trụ, thể quốc di thần, tiến thoái chi gian, trung hiếu vô hiềm, kỳ thao thủ vi hà như ?

Cái hữu Trường Phái Hầu vi chi huynh, sở dĩ chí Siêu Lĩnh Hầu chi chí; hữu Siêu Lĩnh Hầu vi chi đệ, ích dĩ bạch Trường Phái Hầu chi trung.

Nhất gian huynh đệ, trung nghĩa du kiên, hữu dĩ quang tiền sử, nhi dương hậu lai, bính bính lân lân, thị liệt tiên quân tử chân vô thiểm hĩ.

Viên tự kỳ sự, dĩ thọ vu thạch vân.

Hoàng triều Gia Long thập nhị niên Quý Dậu phục nguyệt cốc nhật, Lê Chiêu Thống Đinh Mùi chính tiến sĩ Nguyễn Kiên Phủ soạn.

Dịch nghĩa

Bia mộ tòng thần triều Lê cũ

Hầu họ Lê tên Quỳnh là người huyện Siêu Loại, làng Đại Mão. Hầu là con trưởng của tiến sĩ khoa Quý Hợi đời Cảnh Hưng triều Lê là Hình Bộ Tả Thị Lang Đại Nham Hầu [tức Lê Doãn Giản].

Đường đệ [em họ] Lê Trị là con trai thứ năm của Tú Xuyên Hầu, tổng trấn Lạng Sơn, tiến sĩ khoa Mậu Thìn đời Cảnh Hưng triều Lê. Hầu cai quản thị vệ có công nên được phong Trường Phái[12] Hầu còn Lê Trị có công đi theo hộ giá nên được ban tước Siêu Lĩnh Hầu.

Ngày sóc tháng Chạp năm Chiêu Thống nguyên niên [Đinh Mùi], Tây Sơn đem binh xâm phạm kinh thành Thăng Long, nhà vua phải chạy lên phương bắc lánh ở Lạng Giang, Hầu đem gia binh bảo vệ từ đất Bắc chạy sang xứ Đông. Tháng Hai năm Chiêu Thống thứ hai [Mậu Thân], Hầu được lệnh đi tìm thái hậu và nguyên tử ở Cao Bình, bị quân Tây Sơn bức bách nên phải chạy vào phủ Nam Ninh thuộc nội địa [tức đất Trung Hoa].

Nội vụ tâu lên hoàng đế Đại Thanh nên đặc biệt sai Hầu đi theo đường Quảng Đông về thám thính tình hình trong nước. Khi quay trở lại, vua Thanh sai tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị đem binh cứu viện.

Tháng Một lấy lại kinh thành, vua Lê trở về nắm quyền. Lúc đó quân dụng thiếu thốn, binh lính ít ỏi nên Hầu được giao cho chức Bình Chương Sự đốc thúc việc quân nhu, còn Siêu Lĩnh Hầu thì được sai đi sang đất bắc nghinh đón thái hậu và nguyên tử ở Nam Ninh.

Tháng Giêng năm Chiêu Thống thứ 3 [Kỷ Dậu], quân Tây Sơn lên tới, tổng đốc Tôn Sĩ Nghị bị thua chạy về phương bắc, nhà vua cũng sang theo. Khi đi gần tới Yên Kinh thì có lệnh phải cắt tóc để được phong chức, không còn có ý giúp đỡ nữa.

Hầu ở trong nước mộ binh tích lương, sắp đặt mọi việc để chờ viện binh quay lại. Hết hạ sang đông, vẫn không nghe tin tức gì nên cùng em là Lê Trị và các đồng chí Trịnh Hiến, Lý Bình Đạo tiến quan để mưu tính chuyện khôi phục.

Khi sang đến nơi rồi thì bị ép phải cắt tóc, thay đổi y phục nhưng Hầu không chịu nên bị giam vào trong ngục. Trong 13 năm, dù lấy uy mà ép, lấy lợi mà dụ nhưng vẫn không khuất phục được. Hầu thường ngâm thơ rằng:

Thân khốn thập niên hoài tổ tiết
Mệnh tuỳ nhất phát biểu đan trung
*Thân phải tù đầy mười năm vì giữ khí tiết trắng
Số mệnh theo mái tóc để tỏ tấm lòng son*

Những câu như thế trong văn chương không phải chỉ một lần. Khi vua Lê còn sống đã sai người sao lục các câu đó thành một tập nhan đề “Tứ Công Thi Tập” còn triều đình phương bắc thì gọi là “Bốn Nghĩa Sĩ họ Lê”.

Mãi đến năm Nhâm Tuất, Gia Long nguyên niên, sau khi bình xong giặc Tây Sơn, con trưởng của Hầu là Doãn Trác được sai đi theo sứ bộ để thăm hỏi tin tức. Năm Giáp Tí, Gia Long thứ 3, triều đình phương bắc thuận cho về nước, Hầu được mang theo mái tóc trở về. Lại xin được mang ngọc quan của vua Lê và hài cốt thái hậu, nguyên tử đem về táng tại Thanh Hoá.

Sau khi tang lễ xong, Hầu liền về chùa xã Đại Đồng bản huyện cư ngụ. Có thơ rằng:

Phật tổ di lai huấn đệ tử
Hoàng thiên hứa tác cựu nhân nhân
*Phật tổ để lại dạy đệ tử
Hoàng thiên vẫn cho người cũ được sống nhân*

Thật là hùng tráng thay!

Trong mười bảy năm, trước sau không dòi dỏi, nghĩa thần nhà Lê đi theo vua có bốn người thì anh em của Hầu đã chiếm hai, thành một việc xưa nay ít thấy. Phàm những ai đọc sách thánh hiền, đi theo đạo thánh hiền thì phải như Hầu vậy.

Hoàng đế triều ta ngợi khen khí tiết, ban ơn nhiều năm cho hưởng nhân lúc cuối đời để Hầu được toại nguyện.

Ngày 16 tháng Chín năm Ất Sửu, Hầu qua đời. Siêu Lãnh Hầu tuân theo di chúc, về kinh yết kiến hoàng đế rồi xin về quê an dưỡng, vui vầy với thân thuộc nhiều năm, thường dán bốn chữ “Tạ Thiên Thanh Phúc” để tỏ chí mình.

Ngày mùng 8 tháng Ba năm Tân Mùi, Gia Long thứ 10, ông chết già ở nhà.

Ôi! Cả hai Hầu đều thuộc dòng thế gia, di thần nước lớn, trong điều tiến thoái, trung hiếu không hiềm thì giữ gìn như thế nào? Ấy là vì Trường Phái Hầu là anh, biết cái chí của Siêu Lãnh Hầu. Lại nữa Siêu Lãnh Hầu là em, làm sáng tỏ cái trung của Trường Phái Hầu.

Hai anh em như thế, trung nghĩa kiêm toàn không những làm rạng vẻ sử đời trước mà còn cho cả đời sau, vắng vặc bưng bưng, thật không thẹn với các vị quân tử.

Nay ghi lại để khắc lên trên đá.

Cốc nhật phục nguyệt năm Quý Dậu, hoàng triều Gia Long thứ 12, chính tiến sĩ triều Lê Chiêu Thống Nguyễn Kiên Phủ soạn.

Ngoài bài văn bia Nam Thiên Trung Nghĩa Thực Lục cũng còn chép những câu đối [có lẽ do người đồng thời phúng viếng]:

(chữ Hán)
Hoa hạ xuân thu lưu tính tự
Tuyên đài diện mục kiến quân thân
*Sử sách Trung Hoa để lại tên tuổi
Dưới suối vàng còn mặt mũi thấy nhà vua*

(chữ Hán)
Danh tiết minh thiên cổ
Phong tiêu tác thập phu
*Danh tiết vang mãi đến nghìn năm
Phong cách có thể bằng mười người*

山河正氣文丞相

拘禁貞心蘇子卿

Sơn hà chính khí Văn thừa tướng

Cầu cảm trinh tâm Tô tử khanh

Chính khí sơn hà như Văn thừa tướng

Tấm lòng trinh giữ được như Tô tử khanh

有誓往周鼎，寧甘屈宋轅

(chữ Hán)

貞砥留姓字，正氣浩如存

Hữu thế vãng Chu đỉnh

Ninh cam khuất Tống hiền

Quân thân như khả báo

Sinh tử an túc luận

Danh tiết câu thiên cổ

Trung hiền tuy nhất môn

Trình để lưu tính tự

Chính khí hạo như tồn

Đã thế giữ đỉnh nhà Chu

Nên đành theo vua như đời Tống

Thờ vua nếu báo được

Sống chết đâu có tính đến

Danh tiết còn mãi đến nghìn năm

Một nhà có cả trung lẫn hiền

Kiên trinh giữ mãi để lại tên tuổi

Chính khí mệnh mông vẫn còn đó

[1] Trần Khánh Hạo chủ biên, *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San*, Lịch Sử Tiểu Thuyết Loại, đệ ngũ sách: Hoàng Lê Nhất Thống Chí, (Đài Loan: Học Sinh thư cục, 1987) tr. 241

[2] Tên khác của Lê Quýnh.

[3] Người đi trong phái đoàn nhưng chỉ đảm trách những việc không quan trọng

[4] Phan Thúc Trục. *Quốc Sử Di Biên* [1965] tr. 39-40 (NDC dịch)

[5] Túc Gia Cát Lượng, quân sư của Thục Tiên Chúa Lưu Bị đời Tam Quốc.

[6] Túc Trương Lương, quân sư của Hán Cao Tổ Lưu Bang.

[7] *Quốc Sử Di Biên* [1965] tr. 40-1 (NDC dịch)

[8] *Quốc Sử Di Biên* [1965] tr. 50 (NDC dịch)

[9] Trong sách viết nhằm thành chữ hà [河]

[10] Trong sách viết nhằm thành chữ thụ [授]

[11] Trong sách viết nhằm thành chữ thành [誠]

[12] Trong *Nam Thiên Trung Nghĩa Thực Lục* chép là Trương Hà Hầu, ở đây chúng tôi đổi sang Trương Phái Hầu cho thống nhất với các tài liệu khác.

PHẦN V

KẾT LUẬN

Trong khoảng mười năm cuối của thế kỷ XVIII, tình hình nước ta biến chuyển đã nhiều mà chính sách của Thanh triều cũng thay đổi lớn. Từ trước đến nay, các sử gia Việt Nam chỉ quan tâm đến đời sống của vua Lê và những người đi theo nhưng quên rằng mọi sinh hoạt của họ đều liên quan đến thực tế chính trị ở bên ngoài. Ảnh hưởng đó hầu như không rõ rệt nhưng chúng ta vẫn thấy có nhân quả ít nhiều.

1. Thời kỳ nhà Thanh ưu đãi triều đình Quang Trung. Trong giai đoạn đầu khi vua Càn Long đặc biệt sủng ái Nguyễn Quang Bình thì hầu như vua Lê và tông thần bị khép vào qui

luật – là dân thiên triều thì phải theo tục lệ nội địa – tương đối chặt chẽ. Biết ý vua Càn Long không muốn tạo nghi kỵ hay ngờ vực cho vua Quang Trung, những người đối nghịch bị an táp ở xa biên giới, chia ra thành nhiều nhóm nhỏ và những ai bướng bỉnh đều bị hạ ngục. Đôi khi họ còn bị cưỡng bách nên phải phản ứng một cách quyết liệt bằng cách nhin ăn.

2. Thời kỳ bị lãng quên. Sau thời gian “*trăng mật*” giữa hai triều đình nhất là từ khi vua Quang Trung qua đời tình hình bang giao Thanh – Việt tương đối lắng đọng. Tổng kết lại những văn thư giao thiệp liên quan đến nước ta những năm sau đó giảm hẳn ngoại trừ năm 1796 có một số thư từ liên quan đến việc tiêu trừ hải phi.
3. Tổng kết văn kiện liên quan đến nước ta đời Tây Sơn trong Thanh Thực Lục
1. Kể từ năm 1792 trở về sau, triều đình Cảnh Thịnh phải dốc sức đối phó với sự tấn công dồn dập của chúa Nguyễn từ phương nam, không còn thông thả để thù tạc với Thanh triều nên việc giao thiệp nặng phần nghi lễ hơn là thân thiết. Sau khi thoái vị lên làm Thái Thượng Hoàng – từ 1796 đến 1799 – vua Càn Long càng chú trọng đến các buổi yến tiệc và tiếp đón sứ thần vốn dĩ rất phiền toái nhưng lại là hình thức mà ông ưa thích nhất. Tuy vua Gia Khánh tại vị nhưng những việc quan trọng vẫn do thượng hoàng quyết định dưới sự cầm trịch của Hoà Khôn đứng ở hậu trường nên vấn đề liên hệ với An Nam cũng không còn được quan tâm nhiều như trước.
2. Ngay khi vua Càn Long vừa qua đời, vua Gia Khánh lập tức tước hết mọi chức vụ của Hoà Khôn, Phúc Trường An ... và tịch biên gia sản.[2] Những tranh chấp và âm mưu sau bức tường Tử Cấm Thành đã ảnh hưởng đến vua Lê và bày tỏ một cách gián tiếp. Đặc ân cho các tông thần nhà Lê có thể coi như một khẳng định của vua Gia Khánh không muốn tiếp tục đường lối ngoại giao cũ của thái thượng hoàng.

ẤN SỐ CHÍNH TRỊ HẬU TRƯỜNG

Trong đường lối ứng xử với nhóm vua Lê chạy sang Trung Hoa sao cho thích hợp, vua Càn Long [với sự tiếp tay triệt để của các quan lại trung ương và địa phương] đã tiến hành song song hai vấn đề cùng một lúc:

- Hợp thức hoá việc chấm dứt yểm trợ cho nhà Lê,
- Nỗ lực giải trừ những hậu quả mà vua tôi nhà Lê có thể làm phương hại đến bang giao Thanh – Tây Sơn.

Để chấm dứt yểm trợ cho vua Lê và nhất là có chính nghĩa cho việc không động binh lần thứ hai, vua Càn Long nêu ra những lý do sau đây:

1. Lê Duy Kỳ hèn yếu vô năng không giữ được nước, nếu có giúp thì sau này cũng mất. Tôn Sĩ Nghị đã báo cáo lên vua Càn Long rằng Lê Duy Kỳ ôm con bỏ chạy trước khi quân của Nguyễn Huệ kéo đến khiến cho dân chúng náo loạn đưa đến việc thất trận.[3]
2. Nguyễn Quang Bình thành thực đầu thuận và thi hành những đòi hỏi mà vua Càn Long đưa ra trước và sau khi phong vương như trao trả tù binh, lập miếu thờ tướng sĩ nhà Thanh tử trận và nhất là bằng lòng đích thân sang tham dự lễ Bát Tuần Khánh Thọ năm Canh Tuất.

Về việc giải trừ những hậu quả bất lợi có thể làm hỏng kế hoạch mời vua Quang Trung sang dự lễ Bát Tuần Khánh Thọ, nhà Thanh đưa ra hai biện pháp:

1. An táp vua tôi nhà Lê ở xa biên giới để họ không thể mưu tính việc liên lạc và gây rối ở trong nước. Để xác định rằng họ hoàn toàn chấm dứt việc yểm trợ cho nhà Lê, vua Càn Long sai Phúc Khang An sắp xếp để phái đoàn Nguyễn Quang Hiển được gặp vua tôi Lê Duy Kỳ đã cạo đầu, thắt đuôi sam và đổi sang y phục Trung Hoa đồng thời đưa người của Tây Sơn về nước tường trình lại.

Vua Lê và tông thần cũng không còn được ở Quảng Tây mà đưa lên kinh đô, lập thành một tá lãnh thuộc quyền Hán quân kỳ binh dưới sự giám sát của đô thống Kim Giản. Những người

không quan trọng hay ít thân cận với vua Lê thì bị đưa đi các tỉnh, mỗi nơi một ít cho dễ quản thúc.

1. Bên cạnh việc cấm cố vua Chiêu Thống và những người chạy sang Trung Hoa, nhà Thanh cũng còn tìm cách chiêu dụ những thành phần chống Tây Sơn ở trong nước ra ngoài để tình hình trị an sớm hoàn tất ngõ hầu Nguyễn Quang Bình yên tâm đi chúc thọ. Việc chiêu dụ đó thành công dễ dàng vì những nhân vật hoài Lê vẫn tưởng rằng nhà Thanh sẽ giúp vua Lê một lần nữa và khi sang nội địa họ sẽ được sử dụng như một nhóm tham mưu hay hướng đạo.

NỖI ÁM ẢNH CỦA VUA CÀN LONG

Khi đề cập đến việc vua Chiêu Thống và bầy tôi ở Trung Hoa, sử nước ta thường nhấn mạnh việc nhà Thanh đánh lừa họ để tự nguyện cắt tóc, thay áo.

Quả thực những gì vua tôi nhà Lê hằng tin tưởng nay không còn được tiếp tục nữa nhưng không phải chỉ là vài câu nói trí trá mà nhà Thanh đã thay đổi kế hoạch ngoại giao mà họ gọi là “*đạo lý nước lớn*”, tuy một mặt vẫn nêu cao những qui tắc luân lý chính đáng nhưng khi cần thì sẵn sàng phũ tay. Việc đơn giản hoá một chính sách để miêu tả hậu quả chứ không phải nguyên nhân đưa đến những phán xét thiếu trung thực.

1. Che dấu một thất bại quân sự

Vua Càn Long cố tình biến việc quốc vương An Nam đích thân đưa một phái đoàn sang chúc thọ thành một biến cố vô tiền khoáng hậu xứng đáng với những ân điển vượt bậc mà ngay con ruot ông hay cận thần cũng không được hưởng. Việc vua Càn Long liên tiếp ban ơn một cách rộng rãi không khỏi đưa đến những hoài nghi về thiện chí của Thanh triều và soi rọi lại nhiều vấn đề, nhiều chính sách của Trung Hoa trong lịch sử.

Tuy nhiên, trong kho văn thư của Thanh triều chúng ta vẫn còn tìm được một số khúc mắc – trong lý của kẻ mạnh nhưng lại yếu trên đạo nghĩa. Vua Càn Long cũng biết rằng một cuộc chiến thứ hai sẽ gây rất nhiều tổn kém và sa lầy còn đáng ngại hơn cả cuộc chiến Miến Điện nên ông tìm cách trút bỏ trách nhiệm thiên triều và hợp thức hoá việc công nhận một giọng họ mới. Công tác xoá bài làm lại đó đã được dàn dựng một cách chu đáo từ việc nguy tạo chiến công, thủ tiêu chứng cứ đến việc tìm lý lẽ để bào chữa cho sai lầm từ trung ương.

Quan lại nhà Thanh, với khôn khéo của người biết ý cấp trên, một mặt thực hiện việc bôi xoá chứng tích, mặt khác luôn luôn nhận lỗi về phần mình đã không tuân theo thánh dụ sớm triệt binh để đến nỗi bị đánh úp.

1. Cứu chữa một ám ảnh tâm lý

Tuy sự rình rang này khiến Thanh triều tốn phí về vật chất nhưng dẫu sao cũng chưa vi phạm một nguyên tắc đạo đức như việc vô hiệu hoá vua Chiêu Thống và tông vong. Trong vai trò đại diện cho đẳng tối cao để chặn dất thiên hạ, vua nhà Thanh phải tuân thủ một nguyên tắc vô hình: đó là mỗi giếng Khổng Mạnh vốn dĩ là xương sống của văn minh Trung Hoa. Thiên tử có thể quan sát những vấn đề hàng ngày xảy ra quanh mình để nhận biết mình đang đúng hay sai, tốt hay xấu.

Một biến cố có thể đã khiến vua Càn Long dao động là cái chết tương đối đột ngột của hoàng tử thứ sáu Chất Thân Vương Vĩnh Dong (永瑆) đầu tháng Năm năm Canh Tuất, Càn Long 55 (1790). Chất Thân Vương vốn rất được vua Càn Long thương mến, vừa có tuổi lại điềm đạm chín chắn. Ông đã được cử làm tổng tài biên soạn Tứ Khố Toàn Thư, lại được chỉ định để tổ chức đại lễ Thất Tuần Khánh Thọ rồi Bát Tuần Khánh Thọ là vai trò mà nhiều người cho rằng chuẩn bị để lên nối ngôi thay ông khi nhà vua thoái vị.[4]

Vĩnh Dong qua đời trong khi ngày đại lễ vinh quang tốt đỉnh gần kề – lại đúng lúc phái đoàn Quang Trung đang có mặt tại Quảng Châu – khiến cho vua Càn Long nghĩ rằng mình đã làm một tội gì rất lớn đưa đến sự trừng phạt như một cảnh cáo của trời đất. Phải chăng một mặt vua Càn Long nêu cao đạo lý cương thường nhưng hành động thì hoàn toàn ngược lại, đã không “*phù nguy*” mà lại ép những người An Nam phải bắt trung, bắt hiếu?

LỜI CUỐI

Tuy chỉ gương một cái càn nhỏ lên chống lại cỗ xe, bốn người bọn Lê Quýnh đã hiên ngang bảo vệ một truyền thống sáng ngời, là tấm chắn vô hình giúp cho họ được toàn mạng trong một xã hội mà hoàng đế có quyền tối thượng. Trong bối cảnh chung, việc vua Càn Long gặp nhóm Lê Quýnh ở hành tại trên đường đông tuần, sau đó lại dận dò dừng để cho họ nhịn ăn mà chết để thiên triều khỏi mang tiếng là “*vi Nguyễn Quang Bình mà bức tử cựu thần họ Lê*” thể hiện sự áy náy của ông về đạo lý mà bốn người Việt nêu cao.

Dù Lê Quýnh và đồng chí của ông rất ngang bướng, nhà Thanh cũng chỉ đi đến trừng phạt sau cùng là cái án “*bất tuân*” [không tuân lệnh trên] để giam họ vô thời hạn chứ không thể đày họ đi xa hay xử tử họ như một tội nhân bình thường khác. Chính vì thế những cao triều và thoái triều trong toàn bộ bang giao Thanh – Việt cuối thế kỷ XXIII cần được quan tâm rộng rãi hơn.

Thời thay ngôi, đổi chủ nào cũng có một số người biết khai thác hoàn cảnh để lựa gió xoay chiều nhưng cũng nhiều người thà chết cũng không luồn cúi. Bên cạnh đó, cũng có kẻ lợi dụng ưu thế của mình để chèn ép, lăm khi vu cáo những người trước đây có thù oán riêng tư. Những người được coi là công thần của triều đại này lại bị coi là đại nghịch của triều đại khác, việc đó cũng là lẽ thường. Riêng với Lê Quýnh, thái độ chính trị của ông đúng hay sai còn tùy vào nhận định và quan điểm của từng người. Tuy nhiên, dù ở phía nào, đã là người Việt Nam chúng ta không thể không cảm phục ông về sự bất khuất nhất định không chịu cắt tóc, đổi áo theo người Thanh để phải chịu không biết bao nhiêu đày đọa trong 15 năm lưu lạc. Tấm lòng son sắt đó không phải chỉ đối với một họ Lê nhưng đối với cả dân tộc, cả giống nòi mà thời đại nào cũng không mấy người theo kịp.

Tiểu sử của Lê Quýnh không đóng góp nhiều vào những biến động lịch sử. Tuy trong một số giai đoạn, ông có tham gia vào tình hình chính trị của Bắc Hà nhưng trên thực tế chỉ mang tính chứng nhân. Mà không phải chỉ riêng ông, cả triều đình nhà Lê cũng cùng chung một cảnh ngộ. Từ vua chí quan họ chỉ là những người được đưa ra để làm bề ngoài cho những mưu tính bên trong. Cho nên họ không được tham dự và cũng không chịu trách nhiệm về thành hay bại.

Thế nhưng dù hoàn cảnh khắc nghiệt, nhiều người trong số đó vẫn dám ngẩng cao đầu để giữ cho mình một tư thế không dờn dỗi. Tuy chỉ vài mươi gia đình sống hiu quạnh trong một con hẻm ở ngoại ô Bắc Kinh, nhóm người nhỏ bé đó vẫn giữ được vua ra vua, tôi ra tôi, yêu thương đùm bọc nhau khi sống cũng như khi chết, há chẳng phải là một tấm gương sáng cho chúng ta hay sao?

Chính vì sự nổi bật đó, trong ngôi từ đường thờ những thần tử tiết nghĩa cuối đời Lê xây năm Tự Đức thứ 10 (1857), linh vị của ông được đặt ngay chính giữa với hàng chữ:

(chữ Hán)

Cổ Lê tiết nghĩa, Đồng Bình Chương Sự Trường Phái Hầu, thụy Trung Nghị, Lê Quýnh chi vị.

Lê Quýnh cũng là người duy nhất được ban tên riêng với chữ Trung là thụy danh cao quý nhất.

Trong *Việt Sử Tổng Vịnh*, vua Dục Tôn [Tự Đức] khen ngợi Lê Quýnh như sau:

聞嚴將軍頭 與密侍中血

(chữ Hán)

能全忠孝歸 大邦足愧殺

Dịch âm

Văn Nghiêm tướng quân đầu,

Dữ Kê thị trung huyết.

Hựu Trương Tuy Dương tử,

Cập Nhan Thường Sơn thiệt.

Viêm phương khởi vô nhân,

Hữu Trường Phái Hào phát.

Thủy văn đại nghĩa thân,

Chung thị âm mưu thiết.
Đồ nhiên thán trung thần,
Tất cánh tư nguy nghịệt.
Bất đặc vong trung nghĩa,
Thế biện di thể khuyết.
Năng toàn trung hiếu qui,
Đại bang quý túc sát.

Dịch nghĩa
Nghe đầu Nghiêm tướng quân[5]
Cùng máu Kê thị trung[6]
Lại rằng Trương Tuy Dương[7]
Cùng lưỡi Nhan Thường Sơn[8]
Phương nam đâu phải không có người
Cũng có tóc Trường Phái Hậu
Mới đầu là để vờn đại nghĩa
Nhưng cũng bởi do âm mưu cả
Than ôi kẻ trung thân
Đều do tội của nguy
Không quên điều trung nghĩa
Chẳng cắt tóc khuyết thân thể
Về nước toàn trung hiếu
Đại bang sợ nên không giết được

Ở một nghĩa rộng hơn, chúng ta cũng có thể coi thái độ bất khuất của Lê Quýnh như một biểu trưng của chính dân tộc Việt trong giao thiệp với người láng giềng phương bắc. Nhà Thanh khi nhân danh một đại quốc nêu cao tính chính thống để can thiệp vào các nước nhỏ ở chung quanh, lại bị vướng ngay vào những điều họ hằng rao giảng. Nếu không có 4 người “*An Nam nghĩa sĩ*” đó, trang sử của nhà Thanh can thiệp vào nước ta có thể khép lại ngay sau khi nhóm vua Lê được “*an táp*” ở Bắc Kinh. Tuy nhiên, thái độ của Lê Quýnh đã nhen nhúm một tia lửa hi vọng và dù không thành công trong vận động để xin một mảnh đất dung thân, cuối cùng di hài vua Lê và 17 người khác cũng được mang về để khỏi thành những oan hồn uổng tử lang thang nơi xứ lạ. Dù sa cơ, dù thất thế, mãi mãi họ vẫn còn là người Việt Nam.

PHỤ LỤC

LÊ MẠT TIẾT NGHĨA TỪ

Dưới đây là nội dung các chi tiết về việc triều Tự Đức dựng một từ đường ở Hà Nội để thờ cúng những nghĩa sĩ nhà Lê. Theo lời tâu của hai bộ Công và bộ Lễ thì việc lập từ được tham chiếu tài liệu đời Khang Hi đã lập đền thờ những trung thần nhà Minh tuần tiết, ban tên thụy cho 8 người và thông thụy [tên thụy chung] cho 310 người.

Từ đường này theo khuôn mẫu miếu Trung Hưng Công Thần nhà Nguyễn bao gồm chính đường, tiền đường 7 gian hợp thành một toà, hai bên tả hữu tổng tự cũng 7 gian, đằng trước, đằng sau có xây nghi môn và 3 toà tiền môn, mỗi năm hai lần xuân thu cúng tế.

Lễ vật mỗi kỳ bao gồm một con bò, một con dê, một con heo và các loại rau quả cùng hương đèn, trầu rượu.

Về phần vương phi Nguyễn Thị Kim thì đời Gia Long đã có thánh chỉ cho lập bia đá ở bản quán, trên bia khắc bốn chữ “An Trinh Tuần Tiết” là chữ vua ban nên cũng đưa vào những người thân tử đã vì nhà Lê mà tuần tiết.

Mọi vật liệu và nhân công để xây đền thờ này do tỉnh Hà Nội đảm trách.

Chính đường ba gian hai chái, rường chính 5 thước 8 tấc, rường phụ ở giữa 6 thước 5 tấc 5 phân, hai bên tả hữu 6 thước 4 tấc 5 phân. Hai chái thì xà thứ nhất 5 thước 4 tấc, xà thứ hai 3 thước 1 tấc, trước sau 2 xà đều 5 thước 4 tấc, xà sau thứ ba đều 3 thước 2 tấc.

Tiền đường một gian hai chái, rường chính 5 thước 4 tấc, xà trước thứ hai 5 thước 1 tấc, thưng lưu sau 3 thước 6 tấc, chấn tâm ở giữa 6 thước 5 tấc 5 phân, tả hữu thứ nhất đều 6 thước 4 tấc 5 phân, tả hữu thứ hai đều 5 thước 4 tấc, 2 chái xà đều 3 thước 1 tấc.

Tất cả đều làm bằng gỗ cứng chắc, trên mái lợp ngói. Chính đường ba mặt tả, hữu và phía sao, tiền đường hai mặt trái phải đều xây tường bằng gạch, bốn chung quanh có tường thấp bao quanh. Phía trước xây một cổng nghi môn, bên dưới có ba cửa hình tròn, thẳng góc với bên trong tường vây. Bên trái xây một toà nhà lợp ngói, trong số bốn bức vách thì hai vách trong ở hai đầu dùng gỗ, mặt sau thì dùng tường gạch.

Còn về tịch điền của chung thì được miễn thuế má, nếu như cửa riêng thì cứ chiếu theo giá trị mà nộp trả. Lại lấy mười người tráng đinh ở vùng chung quanh trông coi thủ từ, đều được miễn thuế thân và không bị bắt lính.

Còn về khoản ban tên thụy để thờ trong đền, chiếu theo sự trạng của Lê Quýnh thì so với những người khác xuất sắc hơn nên xin được ban cho tên thụy Trung Nghị. Những người còn lại từ Nguyễn Viết Triệu, Trần Danh Ân, Nguyễn Đình Giản, Nguyễn Đình Viện, Nguyễn Quang Châu, Nguyễn Văn Quyên, Trần Danh Bính, Trần Đĩnh, Nguyễn Huy Trạc, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân, Hoàng Ích Hiểu, Lê Doãn Trị, Nguyễn Đình Cẩm, Lê Quý Thích, Đàm Thận Xương, Nguyễn Hùng Trung, Nguyễn Trọng Du, Lê Tùng, Lê Thức, Lê Trọng Vĩ, Phạm Như Tùng tất cả 22 người xin được ban cho thông thụy là Trung Mẫn.

Những người nêu trên tất cả 23 người xin được chế tạo bài vị ghi rõ, những ai có chức tước thì xin ghi tên tuổi, thụy hiệu, danh phận đời Lê. Còn như con của Nguyễn Đình Viện là Nguyễn Ngọc Liễn, Nguyễn Ngọc Triệu, Nguyễn Ngọc Chấn, con rể là Thiệu Tôn Hiệp, em trai Trần Đĩnh là Trần Lang, cháu là Trần Trường, cùng con rể của anh là Vũ Trọng Dật, con nuôi của em là Trần Dân, Trần Hạc, con trai Lê Trọng Vĩ là Lê Đình Định tất cả 10 người, xin được chế tạo bài biển hai mặt, mỗi mặt 5 hàng, mỗi hàng 1 người viết rõ tên để thờ.

Gian chính giữa để án thờ một người:

Cổ Lê tiết nghĩa, đồng bình chương sự Trường Phái Hào, thụy Trung Nghị, Lê Quýnh chi vị.

Gian bên tả để án thờ 11 người:

- Cổ Lê tiết nghĩa, tứ thành Phó Đề Lãnh, thụy Trung Mẫn, Nguyễn Viết Triệu chi vị.
- Cổ Lê tiết nghĩa, Binh Bộ Thượng Thư Bút Phong Hào, thụy Trung Mẫn, Nguyễn Đình Giản chi vị.
- Cổ Lê tiết nghĩa, trấn thủ Kinh Bắc Đĩnh Võ Hào, thụy Trung Mẫn, Trần Quang Châu chi vị.
- Cổ Lê tiết nghĩa, thụy Trung Mẫn, Trần Danh Bính chi vị.
- Cổ Lê tiết nghĩa, Hộ Bộ Tả Thị Lang, thụy Trung Mẫn, Nguyễn Huy Trạc chi vị.
- Cổ Lê tiết nghĩa, thự trấn thủ Kinh Bắc, thụy Trung Mẫn, Lê Hân chi vị.
- Cổ Lê tiết nghĩa, đô đốc chỉ huy sứ, thụy Trung Mẫn, Lê Doãn Trị chi vị.
- Cổ Lê tiết nghĩa, trông coi tứ bảo, thụy Trung Mẫn, Lê Quý Thích chi vị.
- Cổ Lê tiết nghĩa, thụy Trung Mẫn, Nguyễn Hùng Trung chi vị.
- Cổ Lê tiết nghĩa, thụy Trung Mẫn, Lê Tùng chi vị.
- Cổ Lê tiết nghĩa, trấn thủ Kinh Bắc, tả Tham Chính Sứ, thụy Trung Mẫn, Lê Trọng Vĩ chi vị.

Gian bên hữu để án thờ 11 người:

- Cổ Lê tiết nghĩa, phong Tĩnh Nạn công thần Ngự Sử kiêm phó Đô Ngự Sử, thụy Trung Mẫn, Trần Danh Ân chi vị.
- Cổ Lê tiết nghĩa, Tuyên Quang xứ Thanh Hình hiến sát ti phó sử [sứ?], thụy Trung Mẫn, Nguyễn Đình Viện chi vị.
- Cổ Lê tiết nghĩa, thị nội, thụy Trung Mẫn, Nguyễn Văn Quyên chi vị.

- Cố Lê tiết nghĩa, thụy Trung Mẫn, Trần Đình chi vị.
- Cố Lê tiết nghĩa, đồ đốc đồng tri, thụy Trung Mẫn, Nguyễn Quốc Đống chi vị.
- Cố Lê tiết nghĩa, Địch Quân Công, thụy Trung Mẫn, Hoàng Ích Hiểu chi vị.
- Cố Lê tiết nghĩa, thụy Trung Mẫn, Nguyễn Đình Cẩm chi vị.
- Cố Lê tiết nghĩa, thụy Trung Mẫn, Đàm Thận Xưởng chi vị.
- Cố Lê tiết nghĩa, võ úy, thụy Trung Mẫn, Nguyễn Trọng Du chi vị.
- Cố Lê tiết nghĩa, thụy Trung Mẫn, Lê Thức chi vị.
- Cố Lê tiết nghĩa, đề đốc tử thành quân vụ quản trấn thủ Sơn Tây, hiệp lý các trấn Tuyên Quang, Hưng Hoá, tham dự triều chính bộ Binh bộ Hộ Cận Quang Hầu, thụy Trung Mẫn, Phạm Như Tùng chi vị.

Chái bên đông để thờ 5 người:

- Cố Lê tiết nghĩa, Nguyễn Trọng Liễn chi vị.
- Cố Lê tiết nghĩa, Nguyễn Ngọc Triệu chi vị.
- Cố Lê tiết nghĩa, Nguyễn Ngọc Chấn chi vị.
- Cố Lê tiết nghĩa, Thiều Tôn Hiệp chi vị.
- Cố Lê tiết nghĩa, Trần Đình Định chi vị.

Chái bên tây để thờ 5 người:

- Cố Lê tiết nghĩa, Trần Lang chi vị.
- Cố Lê tiết nghĩa, Trần Dần chi vị.
- Cố Lê tiết nghĩa, Trần Hạc chi vị.
- Cố Lê tiết nghĩa, Trần Trùng chi vị.
- Cố Lê tiết nghĩa, Vũ Trọng Dật chi vị.[9]

SẮC DỤ CỦA VUA TỰ ĐỨC

Nguyên văn

朕聞 自昔忠臣烈女 見危致命 舍生取義 非以邀名於後世 而朝廷必旌褒之 誠所以虛曠風教而激勸將來也。

(chữ Hán)

向上應得易盜巴典，與立祠見碑等款，著交禮工部臣，會同詳悉。著義當如何垂之永久，具奏候旨，幾定施行，稱朕意焉。

Dịch âm

Trẫm văn:

Tự tích trung thần liệt nữ, kiến nguy trí mệnh, xả sinh thủ nghĩa, phi dĩ yêu danh ư hậu thế, nhi triều đình tất tinh bao chi, thành sở dĩ cổ lệ phong giáo nhi kích khuyến tương lai dã.

Niên tiên Lễ bộ thần tuân tưng Lê mặt tuần tiết chư thần, nghị thỉnh truy lục nhất triết, kinh giao đình thần tra nghị.

Tự cử tấu thượng, trẫm tái tam phê duyệt, trọng niệm quốc gia tinh điển, kỳ ư nhân tâm phong tục, sở quan phi tế, dư đoạt tồn tước, thiên tái chi công chư hệ yên, thành bất khả bất tường thận dã.

Viên mệnh sử thần trọng gia kê hạch, tái giao đình thần phúc duyệt, dĩ chiêu công tường.

Tiết cứ phúc tự, trẫm các dĩ tường lãm, nhưng chiếu chi đình thần nguyên triết, thỉnh cai nhị thập ngũ danh thị, kỳ gian cố hữu trác nhiên khả xưng, diệc hữu tầm thường vô thậm biểu kiến.

Hựu hữu tí loại khả chỉ, diệc hữu di lậu vị chu, sở ứng chân biệt quyền hành, dụng công đạ công chí chính, tự trung như Lê Quýnh, Nguyễn Viết Triệu, Trần Danh Án, Nguyễn Đình Giản, Nguyễn Đình Viện, Nguyễn Quang Châu, Nguyễn Văn Quyên, Trần Danh [Phương] Bính, Trần Đình, Nguyễn Thị Kim, Phan Thị Thuần đẳng, kỳ tinh trung tiết liệt, cố vị khả gia.

Tăng kiểm chi Nguyễn Huy Trạc, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân, Hoàng Ích Hiểu, Lê Doãn Trị, Nguyễn Đình Cẩm, Lê Quý Thích, Đàm Thận Xưởng, Nguyễn Hùng Trung, Nguyễn Trọng Du, Lê Tùng, Lê Thức, Lê Trọng Vĩ đẳng, tuy vô dị thường, nhi thủy chung tông vong, xác hữu thật trạng, diệc thuộc khả lục.

Hựu như Phạm Như Tùng, triệp nội dĩ kỳ khứ hồi vị minh, huyền chi sách hậu. Tự cứu xuất Phạm Như Tùng hiện ư Gia Long niên gian khiển hồi, tặc cai chi thủy chung hoàn tiết, khứ hồi bồn tự minh bạch, chuẩn tính dữ tiền thứ nghị tinh nhị thập tứ nhân, nhất đồng liệt tự. Tự trung Nguyễn Thị Kim ư Gia Long niên gian, dĩ phụng ân cấp mộ phu, tự điền, hựu mệnh lập bi ư kỳ hương, dĩ túc ủy tiềm sàng, tự trú vô tu tái nghị.

Phan Thị Thuần dĩ hữu nguyên từ tại Thúy Ái xã, tự trú vu giá từ thụ bi tinh biểu.

Dư tự Lê Quýnh dĩ hạ, chuẩn vu Hà Nội tỉnh thành Lê thị cố đô chi địa, lập từ các tự. Lê Quýnh gian trình tự tinh, bách chiết bất hồi, kỳ khí tiết giác dữ đồng bối trung, vưu vi xuất sắc, trú tứ chuyên thuy.

Dư Nguyễn Viết Triệu, Trần Danh Án, Nguyễn Đình Giản, Nguyễn Đình Viện, Nguyễn Quang Châu, Nguyễn Văn Quyên, Trần Danh Bình, Trần Đĩnh. Tăng kiểm chi Nguyễn Huy Trạc, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân, Hoàng Ích Hiểu, Lê Doãn Trị, Nguyễn Đình Cẩm, Lê Quý Thích, Đàm Thận Xưởng, Nguyễn Hùng Trung, Nguyễn Trọng Du, Lê Tùng, Lê Thức, Lê Trọng Vĩ, Phạm Như Tùng, cai nhị thập nhị nhân, trú tứ thông thuy, dụng diệc chân biệt.

Kỳ đình cấm trú, sĩ liệt tự nhật, chiếu tông cựu danh, vô tu cải tị.

Tha như Nguyễn Đình Viện chi tử Nguyễn Ngọc Liễn, Nguyễn Ngọc Triệu, Nguyễn Ngọc Chấn, tế Thiệu Tôn Hiệp, Trần Đĩnh chi đệ Trần Lang, đệ Trần Trường, dữ cai huynh chi tế Vũ Trọng Dật, đệ chi dưỡng tử Trần Dân, Trần Hạc, Lê Trọng Vĩ chi tử Lê Đình Định đẳng, quân do đồng thời tuấn nạn, nhất môn trung hiếu, diệc thuộc khả gia.

Kỳ Nguyễn Ngọc Liễn đẳng thập nhân, trú chuẩn kỳ phụ tự vu từ, tỉ như triều đình biểu tiết tinh trung, vô vi bất lục.

Hướng thượng ứng đặc tứ thuy tự điển, dữ lập từ kiến bi đẳng khoản, trú giao Lễ Công bộ thần, hội đồng tường tất. Trú nghị đương như hà thủy chi vĩnh cửu, cụ tấu hậu chỉ, cơ định thi hành, xưng trầm ý yên.

Dư chuẩn y nghị hành.

Khâm thủ.

Khâm tuân.^[10]

Dịch nghĩa

Trẫm nghe rằng:

Từ xưa đến nay trung thần liệt nữ, thấy nguy chí mệnh, thu điều nghĩa không màng sống chết, không những để lại tên tuổi cho hậu thế mà triều đình cũng phải khen ngợi công lao để cử lệ phong giáo, khuyến khích người đi sau vậy.

Năm trước các bầy tôi trong bộ Lễ đã tuân lệnh nghị thỉnh để truy lục chư thần tuấn tiết cuối đời Lê giao cho đình thần tra xét và bàn thảo. Cứ theo lời tâu lên, trẫm xem đi xem lại, ngẫm nghĩ về điển lệ quốc gia, cùng với phong tục lòng người, chỗ nào cũng thật kỹ càng, thêm bớt cẩn thận vì có quan hệ đến công đạo nghìn sau nên không thể không cẩn thận vậy.

Lại ra lệnh cho sử thần kê tra thật rõ ràng rồi giao lại cho đình thần duyệt thêm lần nữa để cho mọi người được biết.

Cứ như tâu lên, trẫm cũng đã coi lại kỹ, chiếu theo nguyên triệp của đình thần xin cho tên của 25 người, trong đó có người đặc sắc đáng tuyên dương nhưng cũng có người tầm thường không có gì nổi bật.

Lại cũng có những chỗ còn che khuất cần nêu ra, lại có chỗ nói đến nhưng chưa đầy đủ, hoặc xem xét cân nhắc chưa chính xác sao cho đại công chí chính.

Tự trung những người như Lê Quýnh, Nguyễn Viết Triệu, Trần Danh Án, Nguyễn Đình Giản, Nguyễn Đình Viện, Nguyễn Quang Châu, Nguyễn Văn Quyên, Trần Danh [Phương] Bình, Trần Đĩnh, Nguyễn Thị Kim, Phan Thị Thuần đều là tinh trung tiết liệt, đáng để ngợi khen.

Xem thêm những người như Nguyễn Huy Trạc, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân, Hoàng Ích Hiểu, Lê Doãn Trị, Nguyễn Đình Cẩm, Lê Quý Thích, Đàm Thận Xưởng, Nguyễn Hùng Trung, Nguyễn Trọng Du, Lê Tùng, Lê Thức, Lê Trọng Vĩ thì tuy không có gì lạ thường nhưng trước sau tổng vong, quả là điều có thực nên cũng đáng được nêu ra.

Còn những người như Phạm Như Tùng, trong triệp nêu ra đi về không rõ thì hãy để đó rồi tìm hiểu thêm. Tra cứu ra thấy đời Gia Long Phạm Như Tùng có trở về, vậy thì trước sau qua giữ được tiết, khừ hồi minh bạch nên cho được liệt vào với 24 người kia.

Tự trung thì dưới đời Gia Long Nguyễn Thị Kim đã được ân cấp phu canh mộ, tự điền lại lập bia ở nơi quê quán thì cũng đã an ủi cho việc trốn lánh, không cần phải bàn thảo thêm nữa. Phan Thị Thuần cũng đã có đền ở xã Thủy Ái, nơi đó cũng có bia biểu dương rồi. Ngoài ra từ Lê Quýnh đồ xuống, chuẩn cho lập từ cúng tế ở Hà Nội là nơi cố đô của nhà Lê.

Lê Quýnh tuy gian nan nhưng vẫn chấp nhận, trăm cay ngàn đắng không chịu khuất, khí tiết so với người khác có phần hơn, quả là xuất sắc nên ban cho tên thụy riêng. Những người còn lại như Nguyễn Viết Triệu, Trần Danh Án, Nguyễn Đình Giản, Nguyễn Đình Viện, Nguyễn Quang Châu, Nguyễn Văn Quyên, Trần Danh Bính, Trần Đĩnh và những người thêm vào như Nguyễn Huy Trạc, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân, Hoàng Ích Hiếu, Lê Doãn Trị, Nguyễn Đình Cẩm, Lê Quý Thích, Đàm Thận Xưởng, Nguyễn Hùng Trung, Nguyễn Trọng Du, Lê Tùng, Lê Thúc, Lê Trọng Vĩ, Phạm Như Tùng tất cả 22 người thì ban cho tên thụy chung như thế cho có phân biệt. Còn như những chữ cấm kỵ của triều đình, đợi khi liệt trong ngày tế, chiếu theo tên cũ không cần phải thay đổi tránh né. Những người như con của Nguyễn Đình Viện là Nguyễn Ngọc Liên, Nguyễn Ngọc Triệu, Nguyễn Ngọc Chấn, con rể là Thiệu Tôn Hiệp, em trai Trần Đĩnh là Trần Lang, cháu là Trần Trùng, cùng con rể của anh là Vũ Trọng Dật, con nuôi của em là Trần Dân, Trần Hạc, con trai Lê Trọng Vĩ là Lê Đình Định đều cùng tuấn nạn một lần, cả nhà trung hiếu, cũng đều đáng khen cả.

Bọn Nguyễn Đình Liên cả thảy 10 người cũng được chuẩn cho phụ tế ở trong đền để tỏ ra rằng triều đình chuộng việc trung tiết, không chuyện nhỏ nào không chép đến.

Những người ở trên được ban tên thụy và vào danh sách cúng tế, cùng các khoản lập từ dựng bia đều giao cho bày tôi các bộ Lễ và bộ Công, cùng chung thực hiện. Còn việc thảo luận để tính việc dài lâu thì hãy tâu lên đợi chiếu chỉ rồi sau đó theo mà thi hành để cho hợp với ý trẫm. Còn mọi việc khác trẫm chuẩn y theo nghị luận mà làm, hãy khá tuân theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

HÁN VĂN

1. Bá, Dương (柏揚). *Trung Quốc Nhân Sử Cương* (中國人史綱) (thượng và hạ, tu đính bản). Đài Bắc: Tinh Quang xuất bản xã, 1996.
2. Chiêu, Liên [昭禮]. *Khiếu Đình Tạp Lục* [嘯亭雜錄] 10 quyển. Thượng Hải: Thượng Hải Cổ Tịch xbx, 2002
1. *Đại Việt Quốc Thư* [大越國書] (6 quyển). Bản chép tay, số hiệu A.144 Paris EFEO MF II.85
2. Đình, Lệnh Uy (丁令威). *Tang Thương Lệ Sử* (桑倉淚史). Tạp Chí Nam Phong (phần Hán Văn) quyển 23 (Hà Nội, 1928)
3. Lam, Ngọc Xuân (藍玉春). *Trung Quốc Ngoại Giao Sử – Bản Chất dữ Sự Kiện, Xung Kích dữ Hồi Ứng*. Đài Bắc: Tam Dân thư cục, 2007.
4. Lê, Quýnh (黎瓘). *Bắc Hành Lược Ký* đăng trong Nam Phong Tạp Chí, phần Hán Văn từ số 125-131
5. Lê, Quýnh (黎瓘). *Bắc Hành Tùng Ký* trong *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San* [quyển VI] do Trần Khánh Hạo và Vương Tam Khánh chủ biên (Paris-Taipei: École Française d'Extrême-Orient, 1986)
6. Lê, Quýnh (黎瓘). *Bắc Hành Tùng Ký*, bản chép tay lưu trữ trong Viện Hán Nôm [Hà Nội] (VHv108) được in lại theo lối chụp ảnh trong *Việt Nam Hán Văn Yên Hành Văn Hiến Tập Thành* [tập VI] (Phục Đán đại học xbx, 2010)
7. Lưu, Ngạn (劉彥). *Trung Quốc Ngoại Giao Sử* (中國外交史). Đài Bắc: Tam Dân thư cục, 1990 (in lần thứ tư).
8. Phan, Thúc Trực (潘叔直). *Quốc Sử Di Biên* (國史遺編). Hương Cảng: Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á, 1965

9. Phó, Khải Học (傅啟學). *Trung Quốc Ngoại Giao Sử* (中國外交史) [thượng-hạ] Đài Bắc: Đài Loan thương vụ, 1972.
10. Phương Lược Quán Triều Thanh (方略館). *Khâm Định An Nam Kỳ Lược* (欽定安南紀略). Hồ Nam: Hải Nam, 2000. (chụp lại nguyên bản từ Ngự Thư Phòng vua Gia Khánh, hiện tàng trữ tại Cổ Cung Bác Vật Viện Bắc Kinh)
11. Quách, Chân Phong (郭振鋒) và Trương Tiểu Mai (張笑梅) (chủ biên). *Việt Nam Thông Sử* (越南通史). Bắc Kinh: Trung Quốc Nhân Dân đại học xb xã, 2001.
12. Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện [國立故宮博物院]. *Cung Trung Đàng Càn Long Triều Tấu Triếp* [宮中檔乾隆朝奏摺]. Quyển 68-72. Đài Bắc: Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện, 1988.
13. Thanh Thực Lục (清實錄): *Cao Tông Thuần Hoàng Đế Thực Lục* (高宗純皇帝實錄). Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1986
14. Trần, Hạ Sinh [陳夏生] (chủ biên). *Trung Hoa Ngũ Thiên Niên Văn Vật Tập San – Phục Sức Thiên* (thượng – hạ) [中華五千年文物集刊附錄]. Đài Bắc: Sĩ Lâm, 1986
15. Trần, Khánh Hạo (陳慶告) chủ biên. *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San* (越南漢文小說叢刊) [7 volumes] Paris-Taipei: École française d'Extrême-Orient & Editions Universitaires de Taipei, 1986.
16. Trần, Khánh Hạo (陳慶告) chủ biên. *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San* (越南漢文小說叢刊) [5 volumes] Paris-Taipei: École française d'Extrême-Orient & Editions Universitaires de Taipei, 1992.
17. Trang, Cát Phát (莊吉發). *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiênn Cứu* (清高宗十全武功研究). Đài Loan: Cổ Cung Tùng San, Giáp Chung số 26, tháng 6 năm 1982.
18. Trung Quốc Đệ Nhất Lịch Sử Đàng Án Quán. *Càn Long Triều Thượng Dụ Đàng* (乾隆朝上諭檔) quyển XIV, XV, XVI. Bắc Kinh: Đàng Án Xuất Bản Xã, 1991.
19. Trung Quốc Nhân Dân Đại Học. *Thanh Sử Biên Niên* (清史編年) “Càn Long Triều” (乾隆朝), quyển VI. Bắc Kinh: Trung Quốc Nhân Dân Đại Học, 1991.
20. Trương, Tú Dân (張秀民). *Trung Việt Quan Hệ Sử Luận Văn Tập* (中越關係史論文集). Đài Bắc: Văn Sử Triết, 1992.
21. *Văn Hiến Tùng Biên* (文獻叢編) [thượng-hạ]. Đài Bắc: Quốc Phong, 1964.
22. Viện Hán Nôm Hà Nội (cộng tác với Phục Đán đại học Trung Quốc). *Việt Nam Hán Văn Yên Hành Văn Hiến Tập Thành* (越南漢文燕行文獻集成) (toàn bộ 25 quyển) Bắc Kinh: Phục Đán đại học xbx, 2010.

VIỆT VĂN

1. Bùi, Dương Lịch. *Nghệ An Ký* (Nguyễn Thị Thảo dịch). Hà Nội: KHXH, 1993.
2. Hoa Bằng. *Quang Trung Nguyễn Huệ, Anh Hùng Dân Tộc 1788-1792*. California: Đại Nam (không đề năm). (in chụp lại theo bản lần thứ hai của Saigon: Thư Lãm Ấn Thư Quán, 1958).
3. Hoàng, Xuân Hãn. *La Sơn Phu Tử*. Saigon: Minh Tân, 1952.
4. Hoàng, Xuân Hãn. *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, [ba tập]. Hữu Ngọc – Nguyễn Đức Hiền (sưu tập). Hà Nội: nxb Giáo Dục, 1998.
5. Lê Quý Đôn. *Đại Việt Thông Sử* (Tủ Sách Cổ Văn, bản dịch Trúc Viên Lê Mạnh Liêu). Saigon: Bộ VHGD và TN, 1973.
6. Ngô Gia Văn Phái. *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* (bản dịch Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch) Hà Nội: Văn Học, 2002.
7. Ngô, Cao Lãng. *Lịch Triều Tựa Kỳ* (Hoa Bằng và Hoàng Văn Lâu dịch). Hà Nội: Khoa Học Xã Hội, 1995.
8. Nguyễn, Lương Bích. *Lược Sử Ngoại Giao Việt Nam Các Thời Trước*. Hà Nội: Quân Đội Nhân Dân, 1996.
9. Nguyễn, Trí Sơn. *Thư Mục về Tây Sơn – Nguyễn Huệ*. Nghĩa Bình: Thư Viện Khoa Học Tổng Hợp, 1988.

10. Phạm, Văn Thắm (dịch). *Lê Quý Dật Sử*. Hà Nội: Khoa Học Xã Hội, 1987.
11. Phan, Thúc Trực. *Quốc Sử Di Biên* (bản dịch Đỗ Mộng Khương, Viện Sử Học, Viện KHXHVN). Hà Nội: VH-TT, 2009.
12. Phan, Thúc Trực. *Quốc Sử Di Biên* (bản dịch Hồng Liên Lê Xuân Giáo). Saigon: Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hoá, 1973.
13. Phan, Trần Chúc. *Cuộc Đời Trôi Nổi Và Đau Thương Của Vua Lê Chiêu Thống*. Hà Nội: Văn Hoá Thông Tin, 2001.
14. Quang Trung Nguyễn Huệ. *Đại Việt Quốc Thư (Đình Thụ Hoàng Văn Hòe dịch)*. Saigon: Trung Tâm Học Liệu, Bộ Giáo Dục, 1973.
15. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. *Đại Nam Thực Lục, Tập Một* (bản dịch Viện Sử Học). Hà Nội: nxb Giáo Dục, 2001.
16. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục (Hai Tập)* (bản dịch Viện Sử Học). Hà Nội: nxb Giáo Dục, 1998.
17. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. *Nhà Tây Sơn (Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện: Ngụy Tây)* (bản dịch Tạ Quang Phát) Saigon: Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hoá, 1970.
18. Tập San Sử Địa (Saigon) tập 13, 14 -15, 16.
19. Trần, Văn Giáp. *Tim Hiểu Kho Sách Hán Nôm: Nguồn Tư Liệu Văn Học Sử Học Việt Nam* (tập I) in lần thứ hai. Hà Nội: Văn Hóa, 1984
20. Trần, Văn Giáp. *Tim Hiểu Kho Sách Hán Nôm: Nguồn Tư Liệu Văn Học Sử Học Việt Nam* (tập II). Hà Nội: nxbKHXH, 1990.
21. Trung Tâm Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn Quốc Gia. *Tổng Tập Văn Học Việt Nam* (trọn bộ 42 tập). Hà Nội: KHXH, 2000.

PHÁP VĂN

1. Buis, Georges và Charles Daney. *Quand les Français découvraient l'Indochine*. Paris: Herscher, 1981
2. Đặng Phương Nghi. *Les Institutions Publiques du Viet-Nam au XVIII^e Siècle*. Paris: École Française d'Extrême-Orient, 1969.
3. Maybon, Charles B. *Histoire Moderne du Pays d'Annam (1592-1820)*. Paris: Librairie Plon, 1920.
4. Maybon, Charles B. *La Relation sur le Tonkin et la Cochinchine de Mr de la Bissachère*. Paris: Librairie Ancienne Honoré Champion, 1919.

ANH VĂN

1. Chia, Ning. "The Lifanyuan and the Inner Asian Rituals in the early Qing (1644-1795)". *Late Imperial China* Vol. 14, No. 1 (June 1993): 60-92
2. Dutton, George. *The Tây Sơn Uprising – Society and Rebellion in Eighteenth-Century Vietnam*. Honolulu: University of Hawai'i Press, 2006.
3. Hummel, Arthur W. (chủ biên) *Eminent Chinese of the Ch'ing Period (1644-1912)* (清代名人傳略) Taipei: Ch'eng Wen Publishing Company, 1970. (in lại theo bản của chính phủ Mỹ, Washington 1943)
1. Kahn, Harold L. *Monarchy in the Emperor's Eyes: Image and Reality in the Chien-lung Reign*. Cambridge, Mass.: Harvard University Press, 1971.
1. Mcalvey, Henry. *The Modern History of China*. New York: Frederick A. Praeger, Inc., 1967.
2. Scidmore, Eliza Ruhamah. *China, The Long-Lived Empire*. New York: The Century Co., 1900.
3. Spence, Jonathan D. & Annping Chin. *The Chinese Century: A Photographic History of the Last Hundred Years*. New York: Random House, Inc., 1996

4. Spence, Jonathan D. *The Search for Modern China*. New York: W.W. Norton & Co., 1990.
5. Yen Mah, Adeline. *China: Land of Dragons and Emperors* (Sidney, Australia: Allen & Unwin, 2008) [reprinted by Delacorte Press, New York, 2009]

TỪ ĐIỂN

1. La Trúc Phong (罗竹风) chủ biên. *Hán Ngữ Đại Từ Điển* (漢語大詞典). Thượng Hải: Thượng Hải Từ Thư Xuất Bản Xã, 1986.
2. Nguyễn, Văn Tân. *Từ Điển Địa Danh Lịch Sử – Văn Hoá Việt Nam*. Hà Nội: Văn Hoá – Thông Tin, 1998.
3. Tang, Lê Hòa (臧勵勳) (chủ biên). *Trung Quốc Nhân Danh Đại Từ Điển* (中國人名大辭典). [bản tặng bổ lần thứ 2] Đài Bắc: Đài Loan Thương Vụ Ấn Thư Quán, 1979.
4. Trần, Văn Chánh. *Ngữ Pháp Hán Ngữ – Cổ và Hiện Đại*. Tp. HCM: Trẻ, 2003.
5. Trần, Văn Chánh. *Từ Điển Hán Việt: Hán Ngữ Cổ Đại và Hiện Đại* (in lần thứ hai). tpHCM: Trẻ, 2001.

TÀI LIỆU RIÊNG

1. An Nam Đấng II, bản dịch NDC theo nguyên bản Văn Hiến Tùng Biên (文獻叢編) [thượng và hạ]. Đài Bắc: Quốc Phong, 1964.
2. An Nam Đấng III, bản dịch NDC theo nguyên bản Cổ Cung Bác Vật Viện Đài Bắc, 2007.
3. Bắc Hành Lược Ký, bản dịch NDC theo nguyên bản Lê Quýnh (黎愷), Bắc Hành Lược Ký (北行略記). Nam Phong tạp chí (125-131)
4. Đại Việt Quốc Thư, bản dịch NDC theo nguyên bản Đại Việt Quốc Thư [大越國書 (6 quyển)]. Bản chép tay, số hiệu A.144 Paris EFEO MF II.85
5. Dụ Am Văn Tập, bản dịch NDC theo nguyên bản chép tay Viện Hán Nôm Hà Nội (A.604/1-3) Phan Huy Ích [潘輝益], Dụ Am Văn Tập [裕菴文集]
6. Khâm Định An Nam Kỳ Lược, bản dịch NDC theo nguyên bản chụp lại từ Ngự Thư Phòng vua Gia Khánh, hiện tàng trữ tại Cổ Cung Bác Vật Viện Bắc Kinh. Phương Lược Quán Triều Thanh (方略館). *Khâm Định An Nam Kỳ Lược* (欽定安南紀略). Hồ Nam: Hải Nam, 2000.

[1] Trần Khánh Hạo chủ biên, *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San*, Lịch Sử Tiểu Thuyết Loại, đệ ngũ sách: Hoàng Lê Nhất Thống Chí, (Đài Loan: Học Sinh thư cục, 1987) tr. 241

[2] Theo chính sử thì 5 ngày sau khi Thái Thượng Hoàng qua đời, Hoà Khôn mới bị hạ ngục nhưng theo những người thân cận, thì ngay lập tức vua Gia Khánh đã xuống tay mặc dầu chiếu chỉ viết chậm lại 5 ngày để tỏ lòng hiếu thảo với vua cha.

[3] Tuy nhiên, đối chiếu nhiều tài liệu khác nhau nhất là những bản gốc còn lưu trữ, người ta có thể tìm thấy nhiều chi tiết được thêm vào, bớt đi và một số tấu triệp đã bị xoá bỏ những phần bất lợi cho vua Càn Long.

[4] Về việc chỉ định người kế vị, theo truyền thống hoàng đế tại vị giữ bí mật và để di chiếu trong một hộp kín nên có nhiều giả thuyết và vua Càn Long đã thay đổi nhiều lần vì nhiều hoàng tử chết sớm. Xem thêm Ch. 12 “Secret Succession and the Control of Cliques” trong *Monarchy in the Emperor’s Eyes: Image and Reality in the Ch’ien-lung Reign* (1971) tr. 231-247

[5] Trương Phi đánh Ba Thục, bắt được Nghiêm Nhan. Nhan không chịu đầu hàng, nói rằng: ở xứ Thục có anh tướng quân đứt đầu chứ không có tướng quân đầu hàng.

[6] Vua Hoài Đế nhà Tấn bị giặc đuổi, quan thị trung Kế Thiệu đưa mình che tên cho vua, bị bắn chết, rảy máu lên áo vua.

- [7] Đòi nhà Đường, An Lộc Sơn làm phản, Trương Tuần khởi quân đánh giặc, nhưng thua trận và bị bắt. Trương Tuần mắng giặc luôn miệng, bị giặc bẻ hết hai cái răng.
- [8] Nhan Kiêu Khanh bị giặc bắt, bị giặc cắt đứt lưỡi, nhưng vẫn cứ chửi mãi không thôi
- [9] Trần Khánh Hạo (chủ biên), *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San* [VI] (1987) tr. 118-121
- [10] Trần Khánh Hạo (chủ biên), *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San* [VI] (1987) tr. 117-8
- [11] Nhiều tài liệu viết là Doãn Thuyên [允筵]. Thuyên là chữ Toàn có bộ Nhân, chúng tôi dùng Toàn cho thống nhất.

Lê Duy Kỳ (1766-1793) đáng thương hay đáng trách

Hầu hết người ta khi nhắc đến Lê Chiêu Thống thường kèm theo những lời trách cứ, nhẹ nhất cũng kết án ông là phụng bán nước. Tội danh đó tùy theo sự nhận định của mỗi người nhưng hầu hết chỉ làm công việc lập lại một định kiến có sẵn. Cũng nên thêm, việc kết án này chỉ mới xuất hiện gần đây, trong những tài liệu vào đầu thế kỷ XX, các sử gia đề cập đến vua Lê thường tỏ ra thương cảm hơn là kết án.

Trong phần này, chúng tôi thử đánh giá lại ông qua những gì chúng ta còn có được.

TỘI DANH

VỤ ÁN SÁT THÚC, DÂM MUỘI

Trong những tội danh mà nhà Tây Sơn gán cho ông, có bốn chữ “sát thúc, dâm muội”. Những tội ác này được nhắc đến nhưng không thấy đưa ra một chứng cứ rõ rệt. Về việc dâm muội thì chúng ta biết ông có một vợ [họ Nguyễn] và hai người thiếp [họ Lê, họ Nguyễn].^[1] Có lẽ vợ ông là Nguyễn Thị Kim, người làng Tì Bà, [em của Nguyễn Quốc Đống] cũng là bản quán của thái hậu (mẹ ông) nên có thể có liên hệ họ hàng xa. Hai người có một người con là Lê Duy Thuyên, cũng mất sớm. Lê Duy Kỳ khi sang Trung Hoa không lấy vợ khác, bà Nguyễn Thị Kim thủ tiết rồi tự tử khi di thể của chồng được đưa về. Ngoài vợ cả là vương phi họ Nguyễn xuất hiện khi quan tài vua Lê về nước rồi tự tử chết theo, hai người vợ lẽ họ Lê và họ Nguyễn, không biết về sau ra sao.

Còn chuyện sát thúc thì được nhắc lại trong sử triều Nguyễn cho rằng hành vi trả thù này được thi hành khi ông đang ở Thăng Long dưới sự bảo hộ của quân Thanh. *Khâm Định Việt Sử* chép như sau:

... Nhà vua có tính hẹp hòi, khắc nghiệt. Trong họ tôn thất có người phụ nữ lấy tướng giặc, đang có mang cũng bị nhà vua sai mổ bụng chết. Lại sai chặt chân ba người hoàng thúc, quăng ra chợ cung (chợ ở trong cung). Lòng người dần dần ngờ vực, không nhất trí.^[2]

Những chi tiết về tội ác đó cũng được lập lại trong Hoàng Lê Nhất Thống Chí:

...Ngoài ra, có ba người chú vua liên lạc với Tây Sơn, lại gả con gái cho họ, đều bị vua ngầm sai người bắt đem chặt chân, rồi vứt xuống cái giếng ở trong cung.^[3]

Thực ra, như trong lá thư của Lê Duy Cận gửi Tôn Sĩ Nghị từ trước khi quân Thanh tiến binh đã nhắc đến vụ án này xảy ra khi Nguyễn Hữu Chỉnh cầm quyền mà chúng ta còn biết được tên ba người này là Lê Duy Lữ, Lê Duy Lân, Lê Duy Hội. Như vậy sự việc xảy ra không biết chính xác lúc nào và cũng không rõ nguyên ủy, do tranh chấp quyền hành hay vì ở trong một âm mưu của họ Lê chống lại Cống Chính. Phía Tây Sơn cũng còn nhắc đến những việc “sát hại công thần”, chẳng hạn vụ Dương Trọng Tế [tức Khiêm] nhưng theo nhiều tài liệu cùng thời, họ Dương tuy có học [đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tuất 1754] nhưng tâm địa phản trắc, một trong những thành phần muốn đưa họ Trịnh trở lại nắm quyền nên khi thua trận bị dân bắt giải đến kinh đô.^[4]

Việc vua Lê mổ bụng đàn bà có mang vì đã có thai với tướng Tây Sơn cũng không có chứng cứ gì. Đáng để ý nhất là khi Tôn Sĩ Nghị muốn đưa Lê Duy Cận về Trung Hoa để đày biệt xứ, chính Lê Duy Kỳ đã không chịu và xin cho ông này ở lại nước cho thấy ông không phải là người tàn ác.

Tội lỗi của vua Chiêu Thống còn được kẻ thù ghét dùng ngay mẹ ông để tô điểm và nhấn mạnh:

...Kịp khi ấy, Thái hậu ở Cao Bằng^[5] về, vừa tới Kinh, thấy vua chỉ thích làm những việc báo ân báo oán trái với phép thường như vậy, bèn nổi giận nói:

- Ta phải trèo đèo lội suối khó nhọc vất vả mới xin được quân sang đây... Phòng chừng nhà nước chịu được mấy phen ơn, thù phá hoại như thế? Nếu cứ cách ấy mà làm thì trị sao được thiên hạ? Gái già này lại đến làm đũa lưu vong mất thôi!

Rồi Thái hậu gào khóc, không chịu vào cung.^[6]

Thực ra, mãi đến đêm Trừ Tịch (30 tháng Chạp) Tết năm Kỷ Dậu, thái hậu và những người tòng vong mới về đến bờ sông Nhị Hà, vào đến nơi là Tết Nguyên Đán. Hôm sau mồng Hai đã nghe tin quân Tây Sơn đánh ở phía Nam, anh em vua Lê lo việc đốc thúc quân Cần Vương lập phòng tuyến trấn thủ. Những việc kể lại trong *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* về việc quân Thanh và vua Lê ở Thăng Long phần nhiều là bịa đặt mặc dù có thể có một số bày tỏ lợi dụng thời cơ để dằn ƠN trả oán.

Chính những chi tiết lấp lửng với dụng ý cho rằng vua Lê cậy thế quân Thanh để làm những điều bất nghĩa đã khiến cho hậu nhân tin chắc Lê Duy Kỳ là một hôn quân, tàn nhẫn.

CẦU VIỆN NHÀ THANH

Việc cầu viện nhà Thanh trước đây sử nước ta vẫn đổ riết cho mẹ con vua Chiêu Thống thực ra còn nhiều uẩn khúc, bề ngoài lấy tiếng là cứu giúp một triều đại đã thần phục hơn trăm năm nhưng bề trong do Thanh triều, cả chính sách chung lẫn tham vọng riêng. Những gì có tính hình thức chỉ để hợp thức hóa tham vọng của họ.

Chính vì thế, khi thấy đối tượng không còn phù hợp với nhu cầu nữa, nhà Thanh lập tức thay đổi kế hoạch để quay sang công nhận Nguyễn Quang Bình, mặc dù dư âm cuộc chiến khốc liệt còn vang vọng. Trong thế cuộc “đuổi hươu tranh đỉnh”, dù triều đại nào của nước ta thì cũng phải thần phục Trung Hoa, tư thế còn tùy theo từng lúc, từng khi nhưng tương quan giữa hai nước không suy suyển.

Một điều ít ai nhắc đến là chính Nguyễn Quang Bình đã tự ý xin được đổi hạn kỳ triều cống từ ba năm lên hai năm một lần và việc này đã trở thành thông lệ cho tới khi người Pháp chiếm Đông Dương, nước ta không còn là thuộc quốc của Trung Hoa.

Khi chệch việc cầu viện Trung Hoa, chúng ta cũng đừng quên rằng Nguyễn Quang Toản và các em ông khi thất thế cũng cho người sang Tàu cầu cứu [nhưng bị cự tuyệt], và khi người Pháp đánh Bắc Kỳ thì vua Tự Đức cũng xin nhà Thanh trợ giúp. Tuy Thanh triều chỉ điều động một số thổ phi ở thượng du, hậu quả cũng đưa đến việc chúng ta bị mất một số đất dọc theo biên giới [cho Trung Hoa] theo thỏa ước mà người Pháp ký với Thanh triều.

CAI TRỊ VÀ NHÂN CÁCH VĂN CHƯƠNG

Theo *Khâm Định Việt Sử*, vua Chiêu Thống rất yêu chuộng văn học, sáu ngày một lần cho giảng sách ở tòa Kinh Diên, ngày một lần giảng sách ở viện Nội Hàn. Nhà vua cũng thường vời cung phụng Bùi Dương Lịch vào bàn luận văn chương.^[7]

Có lẽ ông cũng làm nhiều thơ văn nhưng hầu hết thất truyền. Trong nỗ lực của chúng tôi đến nay chỉ tìm được hai lá thư gửi Tôn Sĩ Nghị để xin cứu viện đã dẫn ở trên cùng với bài tự tiễn Trần Danh Ấn lúc lên đường. Những tờ biểu đó có thể được hợp soạn cùng với tòng thần đang ở chung với ông, cũng có thể người khác làm thay theo thói bình thường nên không lấy gì làm chắc chắn ông là tác giả. Ngoài ra, ông cũng còn để lại một vài bài thơ trong những trường hợp riêng lẻ.

Tháng Ba năm Tân Hợi (1791) khi nghe tin nhóm Lê Quỳnh vì không chịu cắt tóc nên bị bắt giải lên kinh và giam ở ngục phía bắc bộ Hình, vua Lê đã sai Nguyễn Quốc Đống mang trà và bạc tới ủy lạo họ. Cai ngục không cho nhận quà nhưng có chuyển lá thư ông gửi trong đó có ba bài thơ. Rất tiếc chúng tôi chỉ tìm thấy hai bài nguyên thi của vua Lê, thất lạc một bài và còn được

ba bài họa của từng người trong nhóm Lê Quýnh, Trịnh Hiến, Lê Trị và Lý Bình Đạo nên bài thơ thứ ba của vua Lê chỉ biết được những vần ông gieo chứ không thể đi xa hơn.^[8] Tuy văn thơ không nói được nhiều nhưng chúng ta cũng hiểu được đôi phần tâm sự của họ, trong hoàn cảnh khó khăn vẫn giữ vững tinh thần để mơ một ngày phục quốc. Lời văn tuy bi phần nhưng không có ý oán trách, chỉ nâng đỡ tinh thần nhau mà thôi.

LÊ DUY KỲ NGUYÊN TÁC

Bài 1:

故鄉迢遞信音杳，一賦淹丘百感招。
(chữ Hán)
早識翻雲多不測，可將蹤跡混魚樵。

Dịch âm

Cố hương thiêu đệ tín âm yêu,
Nhất phú Mao Khưu^[9] bách cảm chiêu.
Sương tuyết na kham phi cố quốc,
Phong ba thùy dữ cộng kim triều.
Bất tu đối khắp^[10] tăng trừ trướng,
Thả chí đặng lâu^[11] ủy tịch liêu.
Tảo thức phiên vân đa bất trắc,
Khả tương tung tích hỗn ngư tiều.

Tin tức từ quê nhà thật là mù mịt Dịch nghĩa

Một bài phú Mao Khưu dâng lên trăm nỗi buồn
Sương tuyết này đâu có phải là nước cũ
Sóng gió hôm nay liệu có ai chia xẻ cùng
Than thở với nhau chỉ càng thêm nỗi buồn
Mới hay lên lâu cũng chẳng hết vắng vẻ
Nếu biết qua đây nhiều điều không lường được
Thì đã ẩn tránh làm kẻ đi câu, hái củi rồi

Dịch thơ

Quê cũ tin đâu luống mịt mù
Day dứt Mao Khưu nỗi hận xưa
Sương tuyết ấy nào đâu nước cũ
Phong ba ai kẻ xẻ chia ư?
Than thở chỉ thêm lòng áo nảo
Lên lâu nào đã bớt ưu tư
Nếu biết một đi thêm cảm cảnh
Đi câu, hái củi sớm ngao du.

Bài 2:

一腔心事有誰知，鬱氣空窗鬩斗箕。
(chữ Hán)
此去好憑三尺劍，肯教他氏獨鞭屍。

Dịch âm

Nhất xoang tâm sự hữu thùy tri,
Uất khí không hoài hoán đầu ky.

Thân thể thán như triều đặng dạng,
Hành tàng tiểu tự liễu ly phi.
Khuyến quân thả tửu Tân Đình lệ,
Đãi ngã hoàn ngâm trung lộ thi.
Thử khứ hảo bằng tam xích kiếm,
Khẳng giao tha thị độc tiên thi.

Dịch nghĩa

Một mảnh tâm sự ai là người biết được?
Uất khí ở trong lòng bốc lên tan cả sao Đẩu, sao Cơ.
Thân thể thật lên đèn như sóng biển,
Vận mệnh thì chia lìa như cành liễu.
Khuyên các ông hãy uống chén rượu nhỏ nước mắt ở Tân Đình,^[12]
Đợi tôi ngâm xong bài thơ Trung Lộ.
Nếu như lần này có thể dùng ba thước gương,
Thì cũng mong được dùng roi đánh vào cái xác của kẻ kia.

Dịch thơ

*Một mảnh lòng con tỏ với ai,
U uất xông lên khí ngập trời.
Thân thể nhấp nhô theo sóng cả,
Hành tàng tan tác lá cây rơi.
Uống đi một chén cho vui lệ,
Ngâm một vần thơ tỏ chí thôi.
Bao giờ gương giáo thay nghiên bút,
Quạt xác quân thù một chiếc roi.*

Lần thứ hai, vào khoảng tháng Tư cùng năm, vua Lê lại gửi thư an ủi những người trong ngục, nay còn bài họa lại của Lê Quýnh.^[13]

Bài 3:

霧鎖窗遮又暑侵，居諸傳驛送秋吟。

(chữ Hán)

一成可發重興志，直到時來闢我襟。

Dịch âm

Vụ tòa trần già hựu thử xâm,
Cư chư truyền dịch tổng sàu ngâm.
Phong vân bất trắc nhưng thường phủ,^[14]
Lôi vũ đương hanh thả thế tâm.
Mưa thoát hồ quan kê xướng tảo,
Kiền trang kiếm khóa thạch ngân thâm.
Nhất thành khả phát trùng hưng tích,
Trực đảo thời lai khoát ngã khâm.

Dịch nghĩa

Tuy mây mù che phủ khắp nơi nhưng rồi cũng có lúc trời nắng
Cho nên gửi thư để cho bớt nỗi sầu
Tuy gió mây không lường được nhưng vẫn nếm mặt
Sấm sét chỉ trui rèn thêm tấm lòng son sắt
Toan tính chuyện ra khỏi hang hùm nên chờ tiếng gà gáy sớm
Giữ cho bền chặt để chém xuống đá vết sâu thêm

Một khi việc xong thì có thể khôi phục được cơ nghiệp cũ
Khi đó chúng ta lại được mặc áo rộng rồi¹⁵¹

Dịch thơ

*U ám qua rồi nắng sẽ lên,
Thư qua xưa đuổi mối sầu chen.
Gió mây khó đoán cang nung chí,
Sấm sét trui rèn vượt lúc đen.
Ra khỏi hang hùm gà sắp báo,
Cho bền vết chém để sâu thêm.
Một mai cơ nghiệp đã khôi phục,
Áo rộng ta rồi xứng xứng lên.*

LÊ QUÝNH HỌA LAI

風塵起滿空侵，解纜愁愁在良吟。
(chữ Hán)
向日顧身神對景，屢蒙過獎致披襟。

Dịch âm

Phong trần biểu khởi mãn không xâm,
Xúc ảnh liêu sầu uổng lãng ngâm.
Hận phá thi tù xung hắc địa,
Oán xuyên tiết khát dững đan tâm.
Ký trình tảo sán tình di độc,
Qui ngọc trùng xương vọng chuyển thâm.
Hương nhật cố thân tâm đối ảnh,
Lũ mông quá tướng cảm phi khâm.

Dịch nghĩa

Một cơn gió bụi nổi lên thì sẽ lan ra khắp trời
Gặp nhau ngâm thơ xuông chỉ thêm sầu
Hận rằng không thể làm thơ để thoát ra khỏi nhà tù
Oán xuyên qua tiết tháo để lòng son lộ ra
Vó ngựa chạy theo đã tỏ được tấm lòng chuyên nhất rồi
Ngọc rùa càng sáng thêm không bao giờ thay đổi
Mặt trời soi xuống quay lại thêm thẹn với bóng của mình
Mấy lần khen ngợi như vậy đâu dám mong mặc áo nữa

Dịch thơ

*Gió bụi lan ra khắp bốn phương,
Thơ xuông vui được nỗi sầu vương.
Thi tù khó nổi ra tù ngục,
Lòng son bày tỏ oán càng nương.
Vó ngựa theo qua lòng một tiết,
Ngọc rùa sáng mãi chẳng mờ gương.
Bóng dương chiếu xuống lòng thêm thẹn,
Lẽ đâu còn áo rộng xênh xang.*

ĐỐI XỬ

Về nhân cách của Lê Duy Kỳ, phần lớn các sử gia phán đoán theo những chi tiết mà *Khâm Định Việt Sử*, *Liệt Truyện* hay *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* miêu tả.

Thực ra, khi lên ngôi, vua Chiêu Thống cũng hết sức làm những gì mình có thể làm nhưng ngoài một số văn quan trói gà không chặt, một số lính hầu trong cung, các thế lực ở bên ngoài không ở trong tầm tay. Những người có binh lực, dù không đáng kể cũng bắt ép đủ điều, từ Trịnh Lệ, Trịnh Bồng đến Đinh Tích Nhưỡng, Nguyễn Cảnh Thước, Hoàng Phùng Cơ... đều nay về mai phản. Đó là chưa kể Tây Sơn ở phía nam luôn luôn đe dọa và phá tan những gì vừa mới hình thành.

Khác với miêu tả trong *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*, theo *Lê Quý Kỷ Sự*, khi thêm đồ ngự sử Nguyễn Đình Lượng dâng biểu đàn hặc những người chạy theo giặc, nhà vua nói:

Nào ai có thích theo giặc đâu, chẳng qua người vì tình nhà, kẻ vì bố mẹ nên mới không tránh khỏi mối liên quan đến giặc thôi. Vả lại, ta không giữ nổi nước nhà, thì sao nên còn nghiêm trách tôi con nữa?^[16]

Chi tiết này ngược lại hẳn với những tin đồn về việc ông đền ơn trả oán.

Tình nghĩa với người đi theo cũng đáng ghi nhận. Nhiều lần ông cho người đem quà và gửi thư cho những người bị giam trong ngục ở Bắc Kinh. Trong văn chương để lại, chúng ta thấy những tông thần vẫn trung thành và kính trọng đến khi ông qua đời, không hề thấy điều gì tỏ ra coi thường chúa cũ. Lê Quỳnh khi ra khỏi ngục luôn luôn đến viếng mộ ông và sau này tìm đủ mọi cách để thực hiện di mệnh đưa năm xương tàn của ông về quê cũ. Cũng nên nhấn mạnh rằng khi lên làm vua, ông mới 19 tuổi và khi chạy sang Trung Hoa ông cũng chỉ mới 23. Khí độ như thế, chúng ta thấy tư chất ông không tầm thường mặc dù theo sử sách thì việc học của ông cũng rất hạn hẹp, không phải vì lười biếng mà vì thời thế tạo nên.

Nhìn lại những tài liệu của nhiều phía, chúng ta thấy có sự đồng tình của cả Thanh triều lẫn Tây Sơn muốn dựng ông trên cùng một mẫu số, bất tài, nhút nhát, không có chí tiến thủ... và được lập lại dưới ngòi bút của sử thần triều Nguyễn. Nếu bỏ đi những thêm bớt mà thiên hạ thêm dặt để nhân dáng ông thích hợp hơn với mô hình ngự tạo này, ông vua cuối trào kia quả là đáng thương hơn đáng ghét.

KẾT LUẬN

Trong hầu hết sách vở Việt Nam, việc nhà Thanh bãi binh không đánh An Nam lần thứ hai vẫn được ghi nhận là do Ngô Thì Nhậm làm trung gian dứt lốt để Phúc Khang An hết sức khuyên Thanh để từ bỏ việc xâm lăng. Như đã trình bày, chính sách của triều đình Trung Hoa được thực hiện trên một qui mô lớn, mỗi quyết định đều được thảo luận và nghiên cứu kỹ càng, xét theo đủ mọi tình huống không phải là chuyện đơn giản và trẻ con như thế.

Việc công thủ của họ đều có những lý do bao gồm những tính toán lợi hại, về điều động quân đội, vận chuyển lương thực đến thời tiết, lực lượng, nói theo kiểu Trung Hoa là thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Trong chiến tranh với nước ta, nhà Thanh không thấy có hi vọng chiến thắng và duy trì ưu thế nên không tiếp tục động binh. Xét cho cùng, mục tiêu tối hậu của họ là có một nước phiên thuộc tiếp tục thần phục và triều cống thì dù Lê Duy Kỳ, Nguyễn Huệ hay Nguyễn Ánh làm chủ nước Nam cũng không khác gì. Việc cứu giúp chỉ là cái tiếng ở bên ngoài và nếu thành công thì họ có thể can thiệp sâu hơn vào nội tình nước ta mà thôi.

Điều khúc mắc trong việc công nhận triều đình Tây Sơn là làm sao thi hành một giao ước trước đây Tôn Sĩ Nghị đã đạt được: quốc vương An Nam đích thân sang triều cận trong lễ bát tuần vạn thọ của vua Cao Tông năm Canh Tuất. Khi tái lập Lê Duy Kỳ làm An Nam quốc vương, trong hoàn cảnh chết đi sống lại nên vua Lê đã sốt sắng tình nguyện làm việc này. Nay việc đưa Lê Duy Kỳ trở lại ngai vàng là một việc khó khăn và tốn kém, việc công nhận một vua mới dễ dàng hơn nhưng làm sao để tân vương cũng chấp nhận điều kiện đó lại là một việc không đơn giản.

Chính vì thế, công tác chính yếu của Phúc Khang An khi được điều sang làm tổng đốc Lương Quảng không phải là việc giảng hòa [vì chính vua Quang Trung đã gửi thư lên Thanh đình để cầu phong rất sớm và vua Càn Long cũng thuận theo]. Vua Càn Long dăm dục cho Phúc

Khang An ngay từ trước khi ông này đảo nhiệm sở là “*không cần phải làm lớn chuyện*” với hậu ý là dùng việc phong vương như một điều kiện trao đổi để Nguyễn Quang Bình phải chính thức tình nguyện sang Bắc Kinh vào năm sau.

Phúc Khang An cũng rất khôn khéo, tâu vua Càn Long rằng mình sẽ làm hết sức để “*dưỡng quân uy, tồn quốc thể*”. Chính sáu chữ này là xương sống của cả chính sách của Thanh triều bao gồm hai mục tiêu chính: 1/ dưỡng quân uy nhằm vào việc bãi binh mà không mang tiếng là khiếp nhược, 2/ tồn quốc thể là làm sao để An Nam quốc vương bằng lòng sang dự lễ ở Bắc Kinh để phô trương sự thịnh trị với chung quanh. Trong tiến trình nghị hòa, để đạt được những thỏa hiệp theo ý họ, Thanh triều đã dùng nhiều phương tiện, khi dọa nạt, khi vỗ về, lúc buông lúc nắm rất có bài bản.

Khi chép về một giai đoạn lịch sử đã trở thành “*hồng hoang*” như thời đại Tây Sơn, không những chúng ta phải xét lại nhiều vấn đề, nhiều nhân vật mà chúng ta cũng cần tìm hiểu những âm mưu đã nguy tạo tài liệu để hướng dẫn quần chúng.

Sử thần nhà Nguyễn tuy không tuyệt đối nâng cao sự chính thống của triều đại một cách lộ liễu nhưng việc hạ thấp các thế lực khác là một điều bắt buộc. Đối với kẻ thù dĩ nhiên việc bôi bác có chiều triệt để hơn nhưng ngay cả với những thế lực “*bạn*” như Xiêm La, Pháp cũng bị phủ nhận một cách khéo léo nhằm chứng minh cho quốc dân biết rằng công lao chính yếu trong việc khôi phục giang sơn vẫn là của chúa Nguyễn, sự giúp đỡ nếu có chỉ rất nhỏ nhoi.

Nhà Lê tuy không phải là một thế lực tranh bá đồ vương với họ Nguyễn nhưng vẫn còn nhiều ảnh hưởng với quần chúng Bắc Hà, người dân vẫn ghi nhớ công lao của vua Thái Tổ đuổi quân Minh và những thời kỳ thịnh trị kế tiếp. Vương triều họ Lê cũng đả một thời chúa Nguyễn ở trong Nam phải thần phục không phải một đời mà kéo dài đến hơn 200 năm. Chính vì thế, vị vua cuối cùng của nhà Lê và những người theo ông đã bị nhấn mạnh trong nỗ lực “*rước voi về đày mò*” cũng không ngoài mục đích truất đả cái thiên mệnh của họ, xoá nốt những dư hưởng của một triều đại chính thống. Cho đến những ngày cuối cùng khi chúa Nguyễn sắp sửa hoàn thành công cuộc thống nhất đất nước và tiêu diệt toàn bộ đối phương, ông vẫn khôn khéo nhân danh nhà Lê, và sử dụng chiêu bài tôn Lê như miếng mồi nhử sĩ phu Bắc Hà để họ tích cực trong việc ủng hộ ông, hay ít nhất giữ thái độ chống đối nhà Tây Sơn dù chỉ tiêu cực:

... *Cho tới bấy giờ [1802, ghi chú của người viết] chúa Nguyễn vẫn công nhận họ Lê là dòng chính thống, hề có làm việc gì cũng là nhân danh Lê triều và chỉ xưng là Tổng trấn, chiến đấu nhân danh vua Lê và cố gắng phục hưng vương tộc đả bị giặc Tây Sơn cướp hết quyền. Chỉ theo quan điểm ấy thì khắp nơi dân chúng mới sốt sắng giúp đả chúa và tất cả nhân dân Đàng Ngoài ngã (sic) về phe chúa. Tóm lại, ngay khi chắc chắn hoàn thành cuộc chinh phục giang sơn, vị chúa ấy đòi hỏi việc suy tôn vương hiệu và đối với các hậu duệ họ Lê chỉ tỏ lòng trắc ẩn và coi như không xứng đả với đấng...^[17]*

Chính vì có nhiệm vụ nêu cao sự chính thống của nhà Nguyễn và nhấn mạnh vào sự “*đánh mất thiên mệnh*” của nhà Lê nên cuộc đời của Lê Duy Kỳ bị xuyên tạc ở nhiều điểm, thêm dệt thêm cũng có mà bóp méo với ác ý cũng có. Các sử thần nhà Nguyễn cố tình miêu tả triều đại cuối cùng của nhà Lê như một nhóm người hèn yếu chủ trương nhờ cậy người ngoài, mất hết chủ quyền và hoàn toàn lệ thuộc vào quân địch. Trong khi đó, Thanh triều lại nhấn mạnh vào cái thế chính nghĩa của họ và đổ cho Lê Duy Kỳ vô tài “*bị trời ghét bỏ*” nên phải chấm dứt sự yểm trợ và chuyển sang việc công nhận một họ khác.

Một cách thẳng thắn, không phải con người của Lê Duy Kỳ không có những điểm đả ghi nhận. Tuy suốt thời kỳ thơ ấu ông bị giam trong ngục, chỉ đả được sống vài năm gọi là thoải mái khi vua Hiến Tông còn sống nhưng qua thơ văn, hành trạng, chúng ta thấy ông không phải là một hôn quân. Những nỗ lực cải cách để nắm thực quyền của ông không có cơ hội thực hiện, phần vì triều đả đơn bạc, phần vì các sứ quân cát cứ không khuông phò, những người có đả chút thực lực thì lại chỉ muốn lợi dụng thời cơ để thay quyền chúa Trịnh mà không đảai tưởng đến việc phò Lê.

Lê Duy Kỳ bị vướng mắc trong một hoàn cảnh rất khó giải quyết, những thế lực muốn lôi kéo ông đều không ngoài mục tiêu lợi dụng cái thế chính thống của một triều đại trị vì gần 400 năm. Việc quân Thanh kéo sang nước ta là một biến cố bất ngờ ông không dám nghĩ đến, cũng không phải do chủ ý ông muốn cầu ngoại bang đến giúp. Khi quân Thanh đại bại, mẹ con ông cùng một số di thần chạy được sang Trung Hoa chỉ để cho khỏi chết chứ không phải muốn làm dân “*nội đũa*”. Đến khi không có thể trở về được nữa, ông và những người đi theo đành chấp nhận đời sống lưu vong như người dân mất quê hương ở mọi thời đại, đồng cũng như tây, kim cũng như cổ.

Dầu sao chẳng nữa, nhóm người nhỏ bé đó cũng nêu cao được khí tiết, không làm điều gì gọi là nhục cho nước Nam. Một Lê Quýnh với câu nói: “*Đầu có thể đứt, tóc không thể cắt*”^[18] đáng được ghi vào thanh sử. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt, vua tôi nhà Lê tuy chỉ có thể có những phản kháng tiêu cực và lẻ tẻ, nhưng dầu sao chẳng nữa, tình cảnh của một ông vua thất thế cũng nói lên sự chua chát của cuộc đời:

Năm Giáp Tí (1804), niên hiệu Gia Long thứ 3 (Thanh năm Gia Khánh thứ 9), vua Thanh cho phép đưa linh cữu vua Lê, thái hậu và nguyên tử về nước. Tháng Hai, mở quan ván ra, thì thấy: vua Lê, da thịt đều tiêu cá, chỉ riêng có quả tim vẫn không nát, hãy còn rớm máu tươi đỏ như lúc sống. Ai trông thấy cũng phải xót xa, kinh ngạc...^[19]

Sự kiện này tuy có chỗ còn đáng ngờ, có thể do bịa đặt để làm cho hoàn cảnh vua Lê thêm bi phần nhưng cũng đáng cho chúng ta phải nhìn lại vấn đề một cách nhân bản hơn.^[20]

Lúc đầu vua Gia Long có hậu đãi con cháu nhà Lê nhưng chủ yếu là để trấn an dân tình miền Bắc. Tuy nhiên, khi có cơ hội, ông vẫn không tha dù âm mưu bội phản rất mơ hồ. Tháng Một năm Bính Tí (1816), Gia Long thứ 15, Diên Tự Công Lê Duy Hoán mưu phản nên bị bắt, toàn gia bị xử tử. *Quốc Sử Di Biên* chép rằng:

Diên tự công Lê Duy Hoán có tội, bị giết.

*Năm Quý Dậu trước, Hoán có tội bị tước bổng, thường uất ức không vui, ngầm nuôi sư Hà Liễu, làm ấn đồng giả. Việc phát giác, Hoán cùng vợ con bị giải vào Kinh, phải tội lăng trì, thầy ném xuống Bể Hồ; gia đồng 13 người đều bị xử tử. Con nhỏ là Duy Lương trốn vào núi. Chiếu rằng: “*Đã phong tước thượng công, lại hậu cấp lương bổng, xét vào lý, thì lấy oán báo đức; trách vào lòng, thì là lấy tội thờ vua. Trẫm vẫn không muốn trị tội, nhưng đình thần bàn khép vào pháp luật...*”^[21]*

Đến đời Minh Mạng, một số người Lào cũng bị nghi là hậu duệ nhà Lê nên bị bắt và bị xử tử.^[22]

Việc tìm lại chân diện mục của vua Lê trở nên khó khăn hơn khi ông là nạn nhân của cả ba thế lực nổi bật thời đó – Thanh triều là thế lực lúc đầu ủng hộ, về sau ruồng rẫy ông, Tây Sơn là kẻ thù trong những giai đoạn khó khăn nhất cố tình đuổi tận giết tuyệt, và triều Nguyễn là đao phủ sau cùng để chặt nốt những di sản mà họ e ngại rằng còn rơi rớt trong tâm tư người dân đất bắc.

Thế nhưng cá nhân ông không đến nỗi tệ hại dù rằng bất cứ một vị vua sau cùng của một triều đại đều bị qui trách tội lỗi làm mất nước. Người ta không tìm thấy chứng cứ ông đam mê tửu sắc, tin dùng nịnh thần nên cũng bịa ra một số tội trạng mơ hồ như “*sát thúc, dâm muội*”, chỉ lo trả oán như mổ bụng đàn bà chữa, chặt chân chú vút xuống giếng... mặc dù không có chứng cứ cụ thể nào, xem ra chỉ là những vu cáo có ác ý. Sử quan cũng gán cho mẹ ông chủ mưu sang Long Châu vào sân tổng đốc “*gào khóc xin cứu viện*” lại can thiệp vào triều chính, theo mẫu hình Từ Hi, Võ Hậu còn cận thân là Lê Quýnh thì “*chỉ lo đến ơn trả oán và công nhiên ăn của đứt lốt*”. Biến chuyển trong 28 năm cuộc đời Lê Duy Kỳ là những mốc quan trọng nếu chúng ta lần theo đó để nhìn lại toàn bộ tương quan chằng chịt làm nền tảng cho chính sách ngoại giao của Trung Hoa với phiên thuộc.

Vua Lê, nếu chỉ xét trong một giai đoạn ngắn như sử sách thường nhấn mạnh – từ lúc vong thân nhà Lê chạy qua Long Châu đến khi quân Thanh kéo sang để rồi bị đánh cho tan tác khiến cho vua tôi lại lếch thếch chạy sang Tàu nương nhờ đến cuối đời - là một mẫu người nếu không đáng trách thì cũng chẳng có gì đáng khen. Thế nhưng khi một số chi tiết khả tín

khác được bạch hoá, chúng ta mới thấy rằng sự thật chưa hẳn đã hoàn toàn như những gì chúng ta từng biết.

Tháng 11, 2011

[1] Trung Quốc Đệ Nhất Lịch Sử Đáng Án Quán, *Càn Long Triều Thượng Dụ Đáng*, tập XVI (Canh Tuất, 1790) [Bắc Kinh: Đáng Án, 1991] tr. 4-5

[2] *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVII, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 844

[3] *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* (2002), tr. 365

[4] *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVII, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 812

[5] Đúng ra là ở Nam Ninh về nước theo đường Lạng Sơn, qua cửa Nam Quan.

[6] *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* (2002), tr. 365

[7] *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVII, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 808

[8] Những tài liệu này đăng trong tạp chí Nam Phong và tập Nam Thiên Trung Nghĩa Thực Lục.

[9] Mao Khưu trong Kinh Thi [Bội Phong] nguyên là bài thơ của nước Lê thỉnh cầu nước Vệ đem binh cứu viện nhưng không được việc gì.

[10] Tích Vương Chương [Tây Hán] khi còn hàn vi bệnh tật phải nằm ổ rơm mà khóc bị vợ trách rằng: “Trong triều hiện nay đâu có ai hơn anh, hà tất phải chán nản”. Sau có câu thành ngữ “ngưu y đối khắp” [牛衣對泣].

[11] Đăng Lâu là bài thơ của Đỗ Phủ, đại ý nói lên lâu thường hoa nhưng không lòng dạ nào vì nghĩ đến rợ Hung Nô xâm lấn. Bài thơ có hai câu: 北極朝廷終不改, 西山寇盜莫相侵. (Bắc cực triều đình chung bất cải, Tây sơn khấu đạo mạc tương xâm) rất ý nghĩa vì vừa nói lên chỗ vô tình của triều đình nhà Thanh vừa nói lên được sự khao khát được giúp đỡ để đánh Tây Sơn. Đối khắp, đăng lâu là hai từ bình thường nhưng vua Chiêu Thống đã lồng vào hai điển cố rất hay.

[12] Khi nhà Đông Tấn sắp mất phải chạy xuống miền Nam, các cựu thần họp nhau uống rượu ở Tân Đình. Chu Khải nói: “Phong cảnh vẫn thế, non sông không còn như xưa”. Vương Đạo nói: “Chúng ta phải hết sức phò tá nhà vua lấy lại nước, việc gì phải bắt chước người tù nước Sở, nhìn nhau mà khóc phỏng có ích gì?”. Về sau có câu ngạn ngữ “Tân Đình đối khắp”. Tân đình còn có nghĩa là nơi ở mới ám chỉ nhà ngục mà nhóm Lê Quýnh mới bị giam hay nơi ở của Lê Duy Kỳ ở Yên Kinh.

[13] Trần Khánh Hạo & Vương Tam Khánh (chủ biên) *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San* (quyển VI) (Paris-Taipei: École française d'Extrême-Orient & Editions Universitaires de Taipei, 1986), tr. 79-80

[14] Chữ này theo chúng tôi phải là thường đảm [嘗膽] (nếm mật) nhưng có lẽ vua Lê muốn tránh đi để quân canh khỏi để ý và ngăn chặn. Theo nội dung hai bài thơ, có lẽ bài này gửi riêng cho Lê Quýnh để khen ngợi tiết tháo nên trong bài thơ họa lại, Lê Quýnh cũng khiêm tốn không dám nhận.

[15] Tay áo của Mãn Thanh hẹp để tiện cho việc cưỡi ngựa, bản cung khác với lối áo rộng thùng thình của quan lại nước ta. Ý nói được trở lại phong tục và y phục trong nước.

[16] *Lê Quý Kỳ Sự* (1974), tr. 119

[17] Nguyễn Ngọc Cư (dịch) “Những ngày tàn của Tây Sơn dưới mắt các giáo sĩ Tây phương” [tài liệu Hội Truyền Giáo Nước Ngoài tại Paris] *Tập San Sử Địa* 21 (1-3 1971), tr. 151-2 [thư của Giáo sĩ Ph. Sérard gửi cho Giáo sĩ Blandin]

[18] (chữ Hán) Ngô bối đầu khả đoạn, phát bất khả đoạn. Trong *Khiếu Đình Tạp Lục* (嘯亭雜錄) [Chiêu Liên] (昭連) đời Thanh có khen ngợi bốn người nhóm Lê Quýnh là “tuấn kiệt chi sĩ”.

[19] *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVII, bản dịch Viện Sử Học (1998), tr. 854

[20] Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đoán rằng có thể là “tâm miêu” (artère aorte) mà ông dịch là “cuống tim” Hoàng Xuân Hãn: “Bắc Hành Tùng Ký”, *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, Tập II (1998), tr. 928. Theo chúng tôi, tâm miêu ở đây chính là quả tim theo nghĩa rộng thời đó. Nếu

chỉ là một cuống tim chắc không mấy ai để ý. *Hán Ngữ đại từ điển* (1986), quyển VII, tr. 376
định nghĩa tâm miêu với nhiều thí dụ: 1/ tâm, nội tâm 2/ tâm ý, tâm tư.

[21] *Quốc Sử Di Biên*, bản dịch Viện Sử Học (2009), tr.145

[22] M.L. Manich Jumsai, *History of Laos* (2nd Ed.) (Bangkok: Chalermnit 1-2 Erawan Arcade, 1971), tr. 121